

**KINH
DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG GIẢI**

Tập 3



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá
Hán dịch : Ngài Cư Ma La Thập
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 3



Chùa/Pagode Kim Quang

8 B rue Fontaine

93000 Bobigny-France

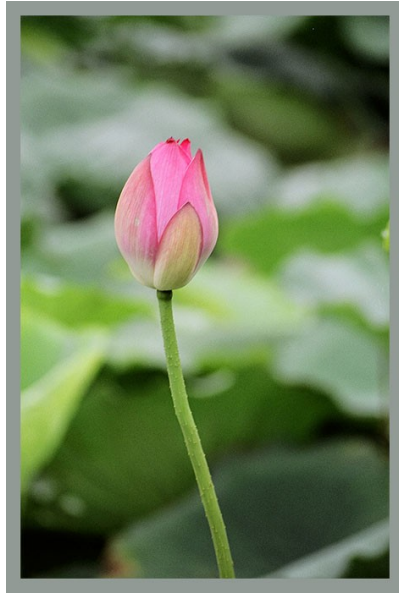
Tel./Fax : 01.48.50.98.66

e-mail : kimquangtu@hotmail.com

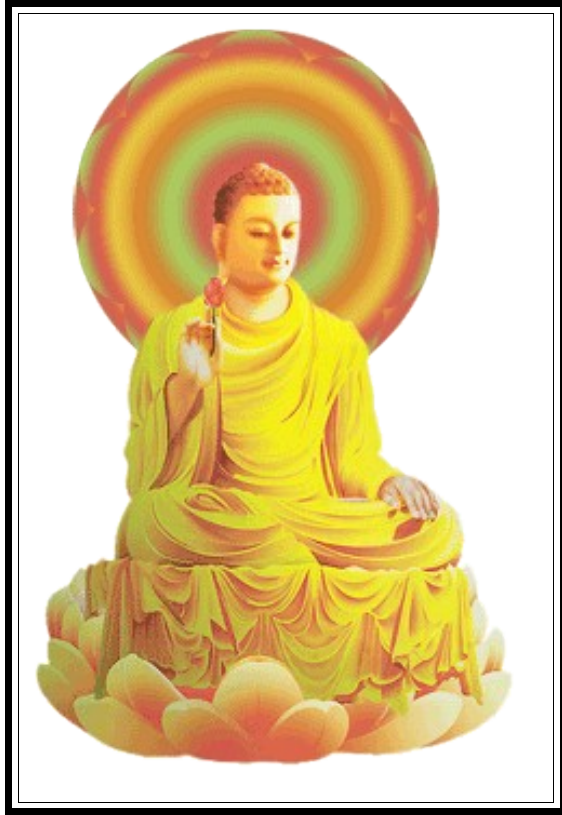
Đánh máy : Trần Xuân Tiến, pd Thanh Hỷ

Nguyễn Văn Tuyền, pd Tâm Mãn

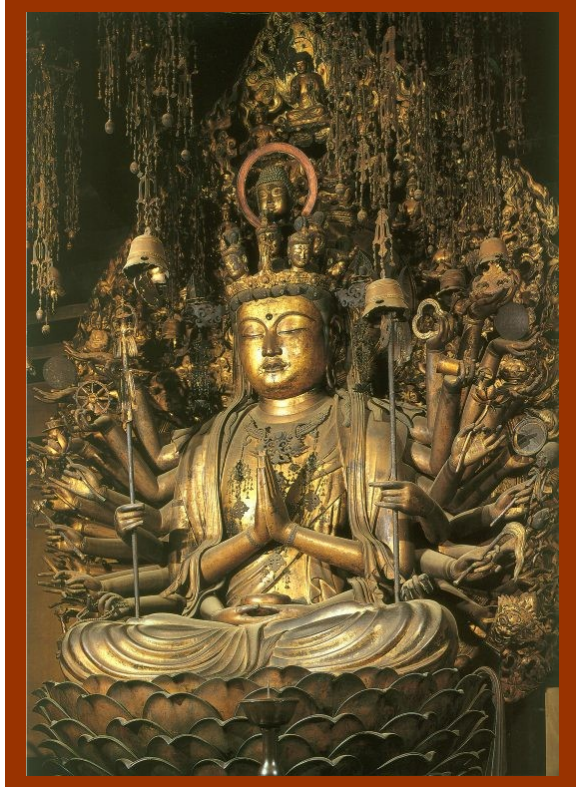
Trần Thị Minh, pd Quảng Diệu Hiền



*Hoa sen mọc từ trong bùn,
mà chẳng hôi tanh mùi bùn
Đức Như Lai sống ở trong thế gian,
mà chẳng ô nhiễm bởi thế gian.*



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



NAM MÔ THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

Quyển bốn

| | |
|---|-----|
| Phẩm thọ ký cho năm trăm vị đệ tử thứ tám..... | 8 |
| Phẩm thọ ký bậc hữu học và vô học thứ chín..... | 56 |
| Phẩm pháp sư thứ mười..... | 75 |
| Phẩm thấy bảo tháp thứ mười một..... | 112 |
| Phẩm Đề Bà Đạt Đa thứ mười hai..... | 198 |
| Phẩm khuyên trì thứ mười ba..... | 244 |

Quyển năm

| | |
|------------------------------------|-----|
| Phẩm an lạc hạnh thứ mười bốn..... | 276 |
|------------------------------------|-----|

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẨM THỌ KÝ CHO NĂM TRĂM VỊ ĐỆ TỬ THỨ TÁM

Phẩm này Đức Phật vì năm trăm vị đệ tử mà thọ ký, thật ra đã thọ ký bao quát ở trong một nghìn hai trăm năm mươi vị đệ tử. Lúc này, Phật khai quyền hiển thật, mở bày một Phật thừa, ngoài hai thừa thì chẳng chân thật. Vì A La Hán, Bích Chi Phật, hàng nhị thừa mà khai thị Bồ Tát đạo, đều thọ ký cho đời vị lai đều sẽ thành Phật. Phàm là người nào nghe được, thọ trì, đều phát tâm đại thừa, tu học theo Bồ Tát đạo, làm đệ tử dự ký trong hội Pháp Hoa ở đời vị lai.

Bấy giờ, Ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, tử đức Phật nghe trí huệ phướng tiện tùy nghi thuyết pháp, và nghe thọ ký quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

cho các vị đệ tử lớn, lại nghe việc nhân duyên đời trước, và nghe chư Phật có sức thần thông đại tự tại, được chưa từng có, tâm thanh tịnh hớn hở, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, rồi đứng qua một bên, chiêm ngưỡng dung nhan của đức Phật, mắt chẳng tạm rời mà nghĩ như vậy : Đức Thế Tôn rất kỳ đặc, làm những việc ít có, tùy thuận bao nhiêu thứ tánh thế gian, dùng phương tiện trí kiến mà vì họ thuyết pháp, cứu vớt chúng sinh ra khỏi những chỗ tham trước. Chúng con ở nơi công đức của Phật, không lời lẽ nào mà nói cho hết được, chỉ có đức Phật Thế Tôn, mới biết được nguyện xưa trong thâm tâm của chúng con.

Lúc đó, Ngài Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, tức là Mãn Từ Tử, nghe đức Phật nói, biết được hóa thành phương tiện trí huệ (phẩm thứ bảy), tùy căn cơ của chúng sinh mà vì họ nói pháp, lại nghe các vị đệ tử lớn, tức một nghìn hai trăm năm mươi người, được Phật thọ ký sẽ

thành Phật, lại nghe việc nhân duyên đời trước, tức là Phẩm Hoá Thành Dụ, nói về các vị vương tử thuở xưa, và nói về nhân duyên.

Lại nghe chư Phật có đại trí huệ, tùy duyên tự tại, thông đạt vô ngại, đây là những việc từ trước chưa từng nghe, cho nên trong tâm thanh tịnh hơn hẳn khác thường. Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến ở trước đức Phật cuối đầu cung kính lễ dưới chân đức Phật.

Lễ Phật xong, lui về đứng một bên, chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mắt chẳng nhấp nháy. Trong tâm nghĩ như vậy : "Đức Thế Tôn rất ít có kỳ đặc, những gì Phật làm càng hy hữu, hay dùng trí huệ quyền xảo phương tiện, để tùy thuận chúng sinh, mà nói đủ thứ Phật pháp phương tiện, khiến cho chúng sinh tiêu trừ tham trước, chẳng còn nhiễm ô cảnh sáu trần. Chúng con trí huệ mỏng manh, căn cơ cạn cợt, cho nên không thể nói hết và tuyên dương công đức của chư Phật, chỉ có Phật, đại giác Thế Tôn, mới biết đại nguyện ở trong thâm tâm của con và chúng sinh".

Bấy giờ, đức Phật bảo các vị Tỳ Kheo rằng ! Các ông có thấy ông Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đây chẳng, ta thường khen ông ta là người thuyết pháp giỏi bậc nhất, cũng thường khen ngợi ông ta tu đủ thứ công đức, tinh tấn siêng năng hộ trì,

trợ giúp tuyên dương pháp của ta, hay ở trong bốn chúng khai thị giáo hóa, khiến cho mọi người được lợi ích vui mừng, giải thích đầy đủ chánh pháp của Phật, khiến cho bậc đồng phạm hạnh được lợi ích rất lớn. Ngoài đức Như Lai ra, chẳng có ai biện luận bằng ông Phú Lô Na.

Lúc đó, Phật bảo các vị đại Tỳ Kheo: ‘‘Các ông bây giờ có thấy vị Thanh Văn thừa Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử đây chăng ? Ông ta ở trong đời trước, đã từng phát nguyện lớn, muốn trợ giúp Phật hoằng dương Phật pháp. Ta thường khen ngợi ông ta, vì ông ta thuyết pháp giỏi bậc nhất’’.

Ban đầu Phật chuyển bánh xe diệu pháp, ngoài đức Phật đích thân nói pháp ra, cũng nhờ đồ chúng luân phiên thuyết pháp. Vì khích lệ trí lực biện tài giảng kinh thuyết pháp của đồ chúng, nên đức Phật luôn luôn cho người thuyết pháp bình luận, khiến cho họ "đầu sào trăm trượng tiến thêm một bước". Tại Vạn Phật Thành cũng làm theo đức Phật chế, chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp khiến cho người thuyết pháp tùy ý phát huy, thâm nhập sự áo diệu của Phật pháp, song phải hợp với đạo lý ở trong kinh.

Ngài Phú Lô Na khéo nói pháp vi diệu, do đó trời người, cho đến loài quý, súc sinh, đều thích nghe, tức khiến cho loài A tu la háo chiến, cũng lập tức ngưng chiến, mà yên lặng nghe pháp, ngoài ra bậc A la hán và Bồ Tát, cũng thích nghe Ngài nói pháp. Phật thường khen ngợi Phú Lô Na trong đời quá khứ, rộng tu cúng dường Tam Bảo, và làm đủ thứ công đức, tinh tấn siêng tu, khéo hộ trì tuyên dương Phật pháp, lại khéo vì bốn chúng khai thị, khiến cho họ được pháp ích lớn.

Ngoại trừ Phật ra, ở trong đại chúng chẳng có ai có biện tài vô ngại như Ngài Phú Lô Na, ở trong hàng đệ tử của Phật, Ngài là người giỏi thuyết pháp bậc nhất.

Các ông chớ cho rằng, ông Phú Lô Na chỉ hộ trì tuyên dương pháp của ta thôi, mà trong quá khứ, nói chín mươi ức chữ Phật, cũng hộ trì tuyên dương chánh pháp của chư Phật. Trong hàng người nói pháp, ông Phú Lô Na cũng là bậc nhất, và nói pháp không của các đức Phật nói, thấu rõ thông đạt, đặc được bốn trí vô ngại, thường hay suy xét kỹ lưỡng thanh tịnh, thuyết pháp chẳng có nghi hoặc, đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát, tùy theo

thọ mạng, thưởng tu phạm hạnh. Người ở đời thuở các đức Phật kia, đều cho rằng ông thật là Thanh Văn, nhưng ông Phú Lô Na dùng phúng tiện đó, lợi ích vô lượng trăm nghìn chúng sinh, và hóa độ số người nhiều vô lượng A tăng kỳ, khiến cho họ trụ nổi quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì tinh côi Phật, mà thưởng làm Phật sự giáo hóa chúng sinh.

Đức Phật Thích Ca nói: ‘‘Các ông đừng cho rằng ông Phú Lô Na chỉ hộ trì trợ giúp tuyên dương pháp của ta nói, mà ông ta sớm ở trong quá khứ trong vô lượng kiếp, đã hộ trì pháp của vô lượng các đức Phật. Ở chỗ các đức Phật, cũng là người nói pháp giỏi bậc nhất’’.

Ngài còn thông đạt pháp không của các đức Phật nói, đắc được bốn trí vô ngại tức là :

1. Pháp vô ngại biện.

2. Nghĩa vô ngại biện: Từ một nghĩa mà diễn nói thành vô lượng nghĩa, lại từ vô lượng nghĩa mà quy nạp làm một. Một làm vô lượng, vô lượng làm một. Một tức vô lượng, vô lượng tức một, viên dung vô ngại.

3. Từ vô ngại biện : Nguyên nói Phật pháp.

4. Lạc thuyết vô ngại biện : Thích nói pháp, chưa từng giải đãi. Khéo về quán cơ thí giáo, thậm chí thấy

heo, chó .v.v., cũng vì chúng thuyết pháp. Nói với heo rằng: “Người đừng quá tham ăn tham ngủ nữa, cũng đừng quá làm biến không tinh tấn, nếu không đời sau cũng sẽ bị đọa làm heo nữa, tức vĩnh viễn khó có ngày thoát khỏi ba đường ác”. Khuyên nói với chó rằng: “Người từ nay về sau, đừng có san tham nữa, nên sớm quay đầu, bỏ mê về với giác ngộ.”

“Thường hay suy xét kỹ lưỡng thanh tịnh thuyết pháp, chẳng có nghi hoặc”: Thường hay suy xét những pháp nói ra đều thanh tịnh, chẳng có tâm nghi hoặc. Nếu người khởi hoài nghi pháp của mình nói”. Pháp của mình vừa mới nói có đúng chăng? Mình khởi nghi thì cũng khiến cho người nghe khởi nghi. “Ông này nói tầm bậy, đừng nghe ông ta nói”.

Tuy Ngài Phú Lô Na là bậc ALa Hán, song đã đầy đủ sức thần thông của Bồ Tát, đó là vì Ngài ở trong đời quá khứ, đã hành Bồ Tát đạo, tùy theo thọ mạng nơi chỗ các đức Phật tu đủ thứ tịnh hạnh. “Người đời ở thuở các Đức Phật kia, đều cho rằng ông ta thật là Thanh Văn”. Ngài Phú Lô Na vốn là Bồ Tát, song Ngài:

“Nội bí Bồ Tát hạnh,
Ngoại hiện Thanh Văn thân”.

Nghĩa là :

*Bên trong bí mật tu hạnh Bồ Tát,
Bên ngoài hiện thân Thanh Văn.*

Ẩn thật hiện quyền, thị hiện hình tướng Thanh Văn, nhờ vậy mà phá “thấy dấu vết thì mê gốc” của người thế tục.

Cho nên Ngài Phú Lô Na dùng pháp quyền xảo phương tiện, ẩn lớn hiện nhỏ, lợi ích vô lượng trăm ngàn chúng sinh. “Lại hóa độ số người nhiều vô lượng A tăng kỳ, khiến cho họ trụ nơi quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.”: Lại giáo hóa vô lượng chúng sinh, khiến cho họ lập chí tu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ngài Phú Lô Na vì trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, cho nên phạm là có việc lợi ích cho Phật giáo, Ngài chưa từng phóng dật, dùng sở đắc của mình, giáo hóa chúng sinh làm trách nhiệm của mình.

Ngài Phú Lô Na thích nói Phật pháp, Ngài có bốn trí vô ngại. Pháp sư thời nay cũng cần có bốn trí vô ngại, nên đầy đủ bốn trí này, bằng không chỉ có một trí “thích nói” Phật pháp, bị cảnh lay chuyển, ví như, vốn muốn độ người nào đó, song định lực chẳng đủ, kết quả ngược lại bị người đó lay chuyển. Lại ví như “người độ chó”, nếu thương mến tham luyến, cũng sẽ bị chó độ lại. Xưa kia, có người diễn kịch, rất tinh thông về nghề kịch, diễn rất khéo léo, song anh ta thương một con chó, song con chó đó chẳng phải là ai xa lạ, mà chính là vợ của anh ta ! Vì vợ của anh ta suốt ngày thích mắng chửi người, bộ dạng như chó sủa, suốt ngày sủa gâu ! Gâu ! Gâu ! Đối với anh diễn kịch. Chẳng có ngày nào yên ổn, không được nghỉ,

cũng không thể tu hành. Khi anh ta bực bội đến cực điểm, thì tôi nói với anh ta : ‘’Nếu anh có định lực, thì phiền não tự nhiên sẽ bỏ anh mà đi. Bây giờ anh nên tu nhẫn nhục, nhẫn thọ tất cả sự chưởi mắng. Do đó có câu:

‘’Duyên tụ thì thành, duyên tan thì lìa‘’.

Anh ta nghe rồi, quả nhiên tu pháp môn nhẫn nhục. Ba năm sau, anh ta từ từ đã nhẫn thọ được nghịch cảnh, còn vợ của anh ta trường từ với đời, cuối cùng bỏ anh ta mà ra đi.

Các Tỳ Kheo ! Ông Phú Lô Na ở nơi bảy đức Phật, cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Nay trong hàng đệ tử của ta, cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Nơi các đức Phật vị lai trong Hiền kiếp, cũng là người thuyết pháp bậc nhất, đều hộ trì tuyên dương Phật pháp. Đời vị lai, ông Phú Lô Na cũng hộ trì tuyên dương, pháp của vô lượng vô biên các đức Phật, giáo hóa lợi ích vô lượng chúng sinh, khiến cho họ trụ nơi quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vì tinh cõi Phật, nên

thường siêng năng tinh tấn giáo hóa chúng sinh.

Các Tỳ Kheo ! Vị Phú Lâu Na ẩn lớn hiện nhỏ này, ở nơi bảy đức Phật và Phật Thích Ca, cũng đều là người thuyết pháp bậc nhất trong hàng đệ tử của Phật. Bảy Đức Phật là :

1. Phật Tỳ Bà Thi.
2. Phật Thi Khí.
3. Phật Tỳ Xá Phù.
4. Phật Câu Lưu Tôn.
5. Phật Câu Na Hàm Mâu Ni.
6. Phật Ca Diếp.
7. Phật Thích Ca Mâu Ni.

Vì nhân duyên gì, mà Ngài Phú Lâu Na là người thuyết pháp bậc nhất trong bảy Đức Phật ? Ngài Phú Lâu Na ở trong quá khứ vô lượng ức kiếp, chẳng biết thuyết pháp, song đối với Phật pháp Ngài rất khao khát ngưỡng mộ, cho nên mỗi lần nghe có pháp hội giảng kinh, thì Ngài nhất định phải đến tham dự. Dù Ngài có thể không ăn không uống không ngủ, song không thể nào không đến nghe pháp, cho nên lấy pháp làm thức ăn, lấy pháp làm nước, chẳng những như thế, mà vì biểu thị lòng cung kính, chẳng màng là ai thuyết pháp, Ngài cũng đều cung kính, Ngài từng nguyện như vầy: “Tương lai sau khi xuất gia, tôi nguyện sẽ là người thuyết pháp bậc nhất, tại mỗi

vị Phật ra đời, đều phải dưới Phật tòa giảng kinh thuyết pháp vào hàng bậc nhất”.

Ngài đời đời kiếp kiếp đều phát nguyện này, quả nhiên toại tâm mãn nguyện, vì phát nguyện trồng xuống hạt giống bồ đề, thì sẽ nảy mầm lớn dần. Khi cơ duyên thành thực, thì trí huệ phát sinh biện tài vô ngại.

“Nơi các đức Phật vị lai trong Hiền kiếp, cũng là người thuyết pháp bậc nhất”. Hiền kiếp tức là thời Thánh hiền ra đời, Phật Câu Lưu Tôn là vị Phật thứ nhất của Hiền kiếp, Phật Câu Na Hàm Mâu Ni là thứ hai, Phật Ca Diếp là thứ ba, Phật Thích Ca Mâu Ni là thứ tư của Hiền kiếp.

Vị lai, Ngài Phú Lâu Na cũng là người thuyết pháp bậc nhất. Ngài nghe pháp thì dẹp trừ hết mọi vọng tưởng, dùng tâm chân thành hằng thật, chuyên chú tu hành mới có thành tựu như thế. Do đó, chúng ta khi tu đạo, thì chớ tồn tại tư hào tâm đố kỵ chướng ngại, đừng tham cầu danh văn lợi dưỡng, đừng ham đệ nhất, nên thường sinh tâm khen ngợi người khác mới tương ưng, chẳng trở ngại đối với pháp, đắc được pháp cảnh tương dung, lạc thuyết vô ngại, không đệ nhất mà tự nhiên đệ nhất.

Thuở xưa, có vị Phật sống chùa Kim Sơn, đầy đủ thần thông, lại chữa trị được bệnh, song bất cứ ai đang thuyết pháp, Ngài cũng đều cung kính chấp tay ngồi xuống. Phật sống còn trọng pháp như thế, hà huống là phàm phu chúng ta ? Ngài cũng nhiều kiếp khổ tu, mới cảm ứng và đầy đủ thần thông. Một số nhân sĩ ở Thượng

Hải, chẳng ai mà không cung kính khâm phục Ngài. Nếu gặp trong chùa chẳng còn gạo ăn, thì Ngài chỉ niệm “Gạo đến, gạo đến” ! Thì gạo quả nhiên sẽ đến. Kể thấy Ngài, chẳng ai mà không ngạc nhiên kính phục.

Ngài Phú Lô Na thuyết pháp bậc nhất, song Ngài chẳng “tranh giành” mà tự nhiên có được. Chẳng những trong Hiền kiếp, mà suốt thuở vị lai vô biên chỗ các Đức Phật, Ngài cũng hộ trì diễn nói tuyên dương chánh pháp, giáo hóa lợi lạc quần sinh, khiến cho họ kiến lập thành tựu nhân duyên, quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nếu ai tinh tấn siêng năng giáo hoá chúng sinh, thì người đó thanh tịnh cõi Phật. Cho nên hiện tại ở Vạn Phật Thành ai tuyên dương Phật pháp, khổ tu hành, tức là nhân duyên thù thắng thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Bây giờ, chúng ta trang nghiêm cõi Phật khác, thì ngày nào đó, khi mình thành Phật, thì cõi nước của mình cũng sẽ trang nghiêm. Do đó : “Lấy sự trang nghiêm của Phật, trang nghiêm cho mình”. Thanh tịnh cõi Phật khác, tức là thanh tịnh cõi Phật tự tánh. Nếu ai biết mà không thực hành, thì tự tánh của người đó ô uế hơn đời ác năm trước. Các vị chớ thấy mà bỏ qua, hiện tại tôi giảng kinh thuyết pháp được, cũng có thể nói là đã từng thọ qua sự giáo hóa của Ngài Phú Lô Na. Lúc còn trẻ, tôi ngu dốt hơn một số người, chẳng khéo ăn nói, cũng chẳng dám nói nhiều, nếu chưa từng thọ sự khai thị của Ngài Phú

Lâu Na, thì dù chính mình khổ tu, cũng không được như vậy.

Dần dần đầy đủ đạo Bồ Tát, trải qua vô lượng A tăng kỳ kiếp, sẽ ở cõi này đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hiệu là Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đúc Phật đó, dùng ba ngàn đại thiên thế giới, nhiều đồng như số các sông Hằng làm một cõi Phật. Bảy báu làm đất, mặt đất bằng phẳng như bàn tay, chẳng có núi gò khe suối rạch ngòi. Đài quán bảy báu đầy dẫy trong đó. Cung điện của chủ Thiên ở gần nơi hư không, trời người giao tiếp nhau, và thấy được nhau.

Ngài Phú Lâu Na dần dần sẽ đầy đủ đạo Bồ Tát, tu thành tựu viên mãn rồi sẽ thành Phật, giác hạnh viên mãn. Ngài tương lai sẽ thành Phật ở thế giới Ta Bà này, hiệu là Phật Pháp Minh. Đúc Phật đó, dùng ba ngàn đại

thiên thế giới, nhiều như số cát sông Hằng làm một cõi Phật, làm nơi giáo hóa của Phật. Có : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, pha lê, bảy thứ báu nghiêm sức. Mặt đất bằng phẳng như bàn tay của Phật, tâm của Phật bằng phẳng, nên mặt đất cũng bằng. Mặt đất bằng chẳng có núi, gò, khe, suối, rạch, ngòi .v.v., dụ cho đất chẳng có âm hiểm, bất bình, tham dục. Lại có đài quán dùng bảy báu tạo thành, cung điện của chư Thiên gần nơi hư không. Trời và người nhìn thấy nhau, giao tiếp với nhau.

Chẳng có các đường ác, cũng chẳng có các người nữ. Tất cả chúng sinh đều hóa sinh ra, chẳng có dâm dục, được đại thần thông, thân phóng quang minh, bay đi tự tại, chí niệm vững chắc, tinh tấn trí huệ, thấy đều màu vàng thật, ba mươi hai tướng tự trang nghiêm. Chúng sinh trong nước đó, thường dùng hai thứ ăn uống, một là dùng niềm vui của pháp, thứ hai là dùng niềm vui của thiên định.

Vì ‘chẳng có các đường ác’, cho nên cõi tịnh độ đó chẳng đối khác, chẳng có thống khổ phiền não, cũng chẳng có súc sinh. ‘Cũng chẳng có người nữ’, tại sao chẳng có người nữ ? Con người lại từ đâu đến ? Chúng

sinh đồng ở nơi thế giới Ta Bà ác trước ô uế này, có bốn đường ác và người nữ. Song trong cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, cho nên chẳng có đường ác và người nữ. Thế giới Lưu Ly ở phương đông và thế giới Cực Lạc phương tây có người nữ, song chẳng có nhân sự, cũng chẳng có tâm dâm dục, tất cả chúng sinh đều là pháp tử, từ pháp hóa sinh, đoạn dục khử ái tu thành pháp thân, cho nên thế giới Lưu Ly cũng gọi là thế giới hoan hỉ.

Chúng sinh trong cõi nước của Phật Pháp Minh, đều là hóa sinh mà chẳng có thai sinh, tự có hóa không, tự không hóa có, biến hóa vô cùng. Có chúng sinh biến hóa ra từ trong hoa sen, biến hóa ra từ trong cây, biến hóa ra từ trong biển, cảnh giới trong nước đó, đều không thể nghĩ bàn.

“Chẳng có dâm dục”, nếu người muốn tu đạo, thì đừng nên có tư hào về tham dục, hà huống là tự làm ? Ai đoạn được dâm dục thì có định lực, mới có thể chứng đại thần thông, trí huệ hiển hiện, thân phóng quang minh. Từ thế giới định huệ ba học vô lậu mà sinh ra, bay đi tự tại, tùy ý mà đến. Tâm bồ đề tu tập Phật pháp có tiến chẳng có lùi, vững chắc chẳng động lay, càng ngày càng tiến bộ, vì có chí nguyện tinh tấn này mới có đại trí huệ.

Người trong cõi nước đó, vì tu trung đạo thẳng hạnh thanh tịnh, cho nên thân thể đều hiện sắc màu vàng thật, tự trang nghiêm cõi nước mà thành tựu ba mươi hai tướng.

Cõi nước đó, có hai thứ ăn uống: Một là dùng niềm vui của pháp làm thức ăn, tâm lìa tham trước. Từ xưa phàm phu đều dùng thực vật làm thức ăn, còn tham trước mùi vị. Nếu không tham ăn mà dùng pháp làm thức ăn, thì pháp hỉ sung mãn (niềm vui tràn đầy), chẳng cảm thấy đói khát.

Hai là dùng niềm vui của thiền định làm thức ăn. Nếu ai ai cũng đều tu tập thiền định, thì hằng ngày chẳng đoạn thực, càng ngồi càng sinh hoan hỉ, chẳng muốn rời khỏi chỗ ngồi, diệu đến cực điểm.

“Ăn uống” có nhiều thứ, phàm phu là phần đoạn thực (ăn uống từng phần từng đoạn), chư thiên là tư thực, (muốn ăn gì, nghĩ đến liền có), quỷ thần là xúc thực, chúng dùng mũi ngửi, cho nên cũng gọi là khứu thực.

Có vô lượng A tăng kỳ ngàn vạn ức Na do tha các chúng Bồ Tát, được đại thần thông, bốn trí vô ngại, khéo giáo hóa chúng sinh. Chúng hàng Thanh Văn dù tính toán cũng không biết được số lượng, đều được đầy đủ sáu thần thông, ba minh và tám giải thoát. Cõi nước đức Phật đó, có vô lượng công đức trang nghiêm thành tựu như thế, kiếp tên là Bảo Minh, cõi nước đó tên là Thiện Tịnh, tuổi thọ của

Đức Phật đó, vô lượng A tăng kỳ kiếp, pháp lưu lại ở đời rất lâu. Sau khi Đức Phật diệt độ, tạo dựng tháp bằng bảy báu, đầy khắp cõi nước đó.

Có vô lượng vô số chúng Bồ Tát đại thừa, được đại thần thông và bốn trí vô ngại (bốn biện tài vô ngại), khéo quán sát căn cơ rồi nói pháp. Chúng Thanh Văn cũng chẳng cách chi tính đếm được, đều đầy đủ sáu thông, ba minh (thiên nhãn minh, túc mạng minh, lậu tận minh) và bên trong có sắc tướng quán ngoại sắc, bên trong chẳng có sắc tướng quán ngoại sắc .v.v., tám pháp giải thoát.

Phật Pháp Minh ứng hóa ra cõi nước như đã nói ở trên, dùng vô lượng công đức để trang nghiêm. Trong kiếp Bảo Minh, Đức Phật Pháp Minh nơi cõi nước Thiện Tịnh thành Phật, Đức Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp, Phật pháp trụ ở đời rất lâu. Sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử dùng bảy báu tạo tháp cúng dường, đầy khắp cõi nước đó.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

**Các Tỳ Kheo lắng nghe
Đạo của Phật tử hành**

Vì khéo học phướng tiện
Không thể nghĩ bàn được.
Biết chúng ưa pháp nhỏ
Mà sợ nói trí lớn
Cho nên các Bồ Tát
Làm Thanh Văn Duyên Giác.
Dùng vô số phướng tiện
Độ các loài chúng sinh
Tự nói là Thanh Văn
Cách Phật đạo rất xa.
Độ thoát vô lượng chúng
Thấy đều được thành tựu
Tuy tiêu thừa giải đãi
Dần sẽ khiến thành Phật.
Trong ẩn hạnh Bồ Tát
Ngoài hiện là Thanh Văn
Ít muốn nhàm sinh tử
Thật tự tịnh cõi Phật.
Thị hiện có ba độ
Lại hiện tướng tà kiến
Đệ tử ta như thế

**Phương tiện độ chúng sinh.
Nếu ta nói đầy đủ
Các thứ việc hóa hiện
Chúng sinh nghe như thế
Tâm bèn sinh nghi hoặc.**

Lúc đó, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa ở trên, bèn dùng kệ để nói: Các chúng Tỳ Kheo hãy chú ý nghe, Phật tử Phú Lô Na hành đạo, khéo học phương tiện huệ, cho nên dùng quyền xảo phương tiện, làm việc không thể nghĩ bàn. Biết chúng sinh ưa thích pháp tiểu thừa, mà sợ đại thừa, cho nên các vị Bồ Tát ẩn lớn hiện nhỏ, hiện thân Thanh Văn, Duyên Giác, dùng vô số phương tiện pháp môn, giáo hóa tất cả chúng sinh.

Tự nói là nhị thừa Thanh Văn, cách Phật đạo rất xa, nhờ phương tiện đó mà độ thoát vô lượng chúng sinh, khiến cho thành tựu đạo xuất thế. Tuy nhiên người tiểu thừa muốn giải đãi, trung đạo tự tận, cũng phải khiến cho họ từ từ hồi tiểu hướng đại, thành tựu Phật đạo.

Bên trong ẩn hạnh Bồ Tát, mà bên ngoài hiện thân Thanh Văn, làm Thanh Văn thực hành pháp thiểu dục, nhằm chán sinh tử, bên trong tâm thật tự du hí thần thông, tự trang nghiêm cõi Phật, song cố ý hiện có ba độc (tham, sân, si) và tướng tà kiến mà chẳng tham hiểm, dùng đủ thứ phương tiện nhân duyên, dẫn dắt kẻ mê hoặc thì dễ thành công. Như Ngài Ca Lưu Đà Di giả hiện tướng

cô gái đẹp, song thật thì chẳng phải như thế. Người có trí thì đều biết được đó chẳng phải là sắc đẹp thật, bất quá đó là quyền xảo phương tiện thị hiện tướng đó.

Ngoài ra, đệ tử của Phật như Ngài Xá Lợi Phất thì hiện tướng sân, hoặc tướng tham, hoặc tướng si, cũng không ngoài dùng pháp phương tiện, tùy theo loài mà giáo hoá, do đó mà hiện đủ thứ hình tướng, nay chỉ nói sơ lược, không dám nói hết, vì sợ người nghe tín tâm chưa vững chắc sinh ra nghi hoặc.

**Nay Phú Lâu Na đây
Nói ngàn ức Phật xưa
Siêng tu Bồ Tát đạo
Tuyên dương pháp chữ Phật.
Vì cầu huệ vô thượng
Nên nói chỗ chữ Phật
Hiện ở trong đệ tử
Đa văn có trí huệ.
Thuyết pháp vô sở úy
Hay khiến chúng hoan hỉ
Chưa từng có một nhọc
Để trợ giúp Phật sự.
Đã được đại thần thông**

**Đủ bốn trí vô ngại
Biết các căn lợi độn
Thường nói pháp thanh tịnh.
Diễn xướng nghĩa như thế
Độ ngàn ức chúng sinh
Khiến trụ pháp đại thừa
Mà tự tịnh cõi Phật.
Vị lai cũng cúng dường
Vô lượng vô số Phật
Trợ giúp tuyên chánh pháp
Cũng tự tịnh cõi Phật.
Thường dùng các phương tiện
Thuyết pháp vô sở úy
Độ chúng không tính được
Thành tựu Nhất thiết trí.**

Hiện tại Phú Lâu Na đây, nơi chỗ chư Phật trong quá khứ, siêng tu thanh tịnh Bồ Tát đạo, tuyên dương hộ trì pháp của chư Phật, vì cầu trí huệ vô thượng của Như Lai. Ở chỗ chư Phật bậc nhất về thuyết pháp, hiện ở trong tất cả đệ tử làm bác học đa văn, có đại trí huệ, thuyết pháp được vô sở úy, hay khiến cho người nghe sinh tâm

hoan hỉ, chưa từng có tướng mỗi một. Trợ giúp làm Phật sự, đắc được đại thần thông.

Vì đủ bốn trí vô ngại, nên biết căn tính lợi hoặc độn của các chúng sinh. Thường nói thanh tịnh vô thượng diệu pháp, lưu thông diễn xướng nghĩa như thế. Giáo hóa vô số ức chúng sinh, khiến cho được an trụ nơi pháp đại thừa, thanh tịnh tự trang nghiêm cõi Phật. Ở vị lai cúng dường chư Phật.

Bên ngoài hiện tướng Thanh Văn, ứng các căn cơ, trợ giúp tuyên dương chánh pháp, bên trong ẩn chân tâm, tự tâm thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật. Thường dùng pháp phương tiện thiện xảo, thuyết pháp vi diệu vô thượng mà tâm vô sở úy, độ vô số chúng sinh, đều khiến cho thành tựu Nhất thiết trí huệ.

**Cúng dưỡng các Như Lai
Hộ trì tạng pháp bảo
Sau đó được thành Phật
Hiệu là Phật Pháp Minh.
Nước đó tên Thiện Tịnh
Đất đai bằng bảy báu
Kiếp tên là Bảo Minh
Chúng Bồ Tát rất nhiều.
Có đến vô lượng ức
Đều có đại thần thông**

Sức oai đức đầy đủ
Đầy đầy trong nước đó.
Thanh Văn cũng vô số
Ba minh tám giải thoát
Được bốn trí vô ngại
Dùng họ để làm Tăng.
Các chúng sinh nước đó
Đều đã đoạn thâm dục
Chỉ biến hóa sinh ra
Thân đủ tướng trang nghiêm.
Ăn pháp hỉ thiên duyệt
Càng chẳng có nghĩ ăn
Chẳng có những người nữ
Cũng chẳng có đờng ác.
Tỳ Kheo Phú Lô Na
Công đức đều viên mãn
Sẽ được tịnh độ đó
Chúng hiền Thánh rất đông.
Vô lượng việc như thế
Nay ta chỉ lược nói.

Cúng dường Phật là tu phước, nói pháp là tu huệ, phước huệ song tu, đến khi đầy đủ thì thành Phật, hiệu là Pháp Minh, cõi nước đó tên là Thiện Tịnh, đất đai đều do bảy báu hợp thành, kiếp tên là Bảo Minh, trong nước đó có vô số ức Bồ Tát, đều có đại thần thông, đầy đủ sức oai đức. Lại có vô lượng Thanh Văn, đã được ba minh, tám giải thoát và bốn trí vô ngại, dùng hàng tiểu thừa như thế tu công đức vô lậu. Chúng sinh nước đó chẳng có dâm dục. Nếu ai ở thế giới Ta Bà này, tu đạo thanh tịnh, giữ gìn giới luật, tâm chẳng nghĩ về dâm dục, thì cũng như sống ở trong nước đó không khác.

Trong cõi nước Thiện Tịnh đã đoạn dâm dục, chúng sinh đều từ hoa sen hóa sinh ra, đủ tướng trang nghiêm, dùng sự nghe kinh, thiền duyệt, pháp hỉ sung mãn làm thức ăn, một khi vui mừng thì được an lạc vô hạn. Có người nói: “Không có người nữ ở trong nước đó thì làm sao có người ?” Bạn chỉ biết có người nữ mà không biết đoạn dục khử ái, tính tịnh thể sáng.

Nước đó chẳng có người nữ, chẳng có đường ác, càng chẳng nghĩ đến sự ăn uống. Ngài Phú Lô Na viên mãn tất cả công đức, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, sẽ được đồng cư tịnh độ như thế. Bồ Tát Thanh Văn, trời người rất đông không thể biết được số lượng, chỉ lược nói thôi, tránh khiến cho chúng sinh sinh ra nghi hoặc.

Bấy giờ, một nghìn hai trăm vị A la hán, tâm tự tại nghĩ như vậy : Chúng ta

vui mừng được chưa từng có. Nếu được đức Thế Tôn đều thọ ký, như các vị đệ tử lớn, thì sung sướng lắm. Đức Phật biết tâm suy nghĩ của các vị đó, bèn nói với ngài Ma Ha Ca Diếp rằng : Một nghìn hai trăm vị A la hán này, nay ta sẽ lần lượt thọ ký quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ở trong chúng đây, đệ tử lớn của ta, Tỳ Kheo Kiều Trần Như sẽ cúng dường sáu vạn hai nghìn ức đức Phật, sau đó sẽ được thành Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Lúc đó, một nghìn hai trăm vị A La Hán đều đã chứng vô học, tâm tự tại, đã sạch phiền não. Tại nhân địa tu hành thì làm Tỳ Kheo, đến quả địa là ALa Hán.

ALa Hán có ba nghĩa :

1. Ứng Cúng : Xứng đáng thọ trời người và thần cúng dường.

2. Sát tặc : Giết tặc phiền não. Bồ Tát là giết “bất tặc”, A La Hán chẳng nhận thức cho là tặc, song Bồ Tát nhận thức cho là tặc mà trừ đi.

3. Vô sinh : Nghĩa là phiền não chẳng sinh. Vì “sinh” mới phải diệt, “bất sinh” thì chẳng cần diệt. Không sinh không diệt tức vô minh pháp nhẫn.

A La Hán tự do tự tại, vô câu vô thúc, chẳng quái ngại, chẳng có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, tướng thọ mạng. Song các vị A La Hán thấy Đức Phật thọ ký cho Ngài Phú Lô Na, bèn nghĩ như vậy : “Việc Phật thọ ký, trước kia chưa từng có. Nếu được Phật thọ ký riêng cho chúng ta thì sung sướng lắm” ! Đức Phật đều biết, đều thấy tâm của mọi người, cho nên nói với Ngài Ma Ha Ca Diếp rằng : Nói với mọi người đừng hấp tấp, Phật sẽ vì các vị đó lần lượt thọ ký.

Ở trong chúng đó, người ta độ trước nhất là Kiều Trần Như, ông ta là vị đệ tử lớn tinh tấn siêng năng tu đạo và chủ trì Phật pháp, sẽ cúng dường sáu vạn hai ngàn ức Đức Phật, sau đó sẽ thành Phật hiệu là Phổ Minh Như Lai. Ngài Kiều Trần Như, tức "giải bốn tế", hiểu rõ bốn lai diện mục. Ngài là người thọ giới cụ túc đầu tiên, cũng là đệ tử ngộ trước nhất, cho nên làm trưởng lão của một nghìn hai trăm vị A La Hán.

Năm trăm vị A la hán đó, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Già Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Ca Lưu Đà Di, Ưu Đà Di, A

Nậu Lô Đà, Ly Bà Đa, Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, Châu Đà, Sa Già Đà .v.v... đều sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Năm trăm vị A La Hán đó, Ưu Lầu Tần Loa Ca Diếp, Già Gia Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, dịch ra là "giang" hoặc "hà" (sông). Đó là biểu thị tu hành bên bờ sông. Ca Lưu Đà Di, nghĩa là "hắc quang", vì tướng mạo đen thui, Ngài chẳng giữ giới luật, thích đi ban đêm. Một đêm nọ trời tối đen như mực, trong đêm tối càng thấy rõ bộ diện của Ngài phát quang. Ngài đi đến trước cửa một nhà nọ, thuận tay gõ mấy tiếng, bèn có một phụ nữ mang thai ra mở cửa, bất thành linh cô ta thấy một vật phát quang đứng ở trước cửa, cô ta ngất xỉu, sau một lúc bèn tỉnh dậy. Vì một niệm sợ hãi mà động bào thai, đưa đến đưa bé chào đời, cô ta quở trách vị Tỳ Kheo đó. Đức Phật nghe tin bèn họp đại chúng lại, chế ra luật Tỳ Kheo không được du hành ban đêm. Tuy vị Tỳ Kheo đó từng phạm lỗi lầm, nhưng rất nhân duyên, rất được đồ chúng tôn kính và tín nhiệm, và từng hóa độ rất đông người.

Ngài Ca Lưu Đà Di đó, vì giáo hóa chúng sinh mà giả hiện thái độ không giữ quy cụ, là một sự dạy đạo "phản diện".

Ưu Đà Di là học trò của Ngài ANan, nghĩa là "xuất hiện", nghiêm thủ giới luật nhất. ANậu Lôu Đà, đã từng bảy ngày không ngủ, khiến cho cặp mắt bị mù. Một lần nọ, Phật thuyết pháp, song Ngài ANậu Lôu Đà ngủ gục bị Đức Phật quở. Sau khi Ngài tỉnh dậy, bèn phát nguyện từ đây về sau không giải đãi nữa, chẳng tham ngủ nữa. Kết quả vì Ngài không ngủ, dụng công quá độ, mà cặp mắt bị mù. Phật thương xót Ngài, bèn dạy Ngài tu tam muội kim cang chiếu minh. Chẳng bao lâu, Ngài chứng được thiên nhãn thông, quán chiếu được ba ngàn thế giới, như thấy quả trái cây trong lòng bàn tay.

ANậu Lôu Đà nghĩa là "không nghèo". Thuở xưa, Ngài từng cúng dường một vị Tỳ Kheo đã chứng quả Thánh. Vị Thánh nhân này, khi tu hành tại nhân địa thì chỉ tu huệ mà chẳng tu phước, cho nên đi khát thực luôn luôn ôm bát không về. Do đó, Ngài quyết định mỗi bảy ngày mới hóa duyên một lần, mỗi lần hóa duyên bảy nhà, nếu chẳng có ai cho gì thì không ăn.

Một ngày nọ, Ngài ôm bát không trở về, đi ngang qua đồng ruộng, thì có một nông phu mới làm xong, nghỉ việc chuẩn bị để ăn cơm trưa. Từ xa thấy vị tu hành ôm bát không đi ngang qua. Ngài ANậu Lôu Đà phát tâm cúng dường phần cơm trưa của mình cho vị tu hành đó. Tuy Ngài ANậu Lôu Đà rất đói, song vì tâm thành muốn cúng dường cho vị đó. Vị tu hành đó nhận sự cúng dường rồi bèn hồi hướng:

“Sở vị bố thí giả,
Tất hoạch kỳ lợi ích
Nhược vị lạc bố thí
Hậu tất đắc an lạc.”

Nghĩa là:

*Những gì mình bố thí
Sẽ đắc được lợi ích
Nếu vui vẻ bố thí
Sau sẽ được an lạc.*

Nói xong bỏ đi. Người nông dân lúc đó bất ngờ thấy con thỏ chạy lên vai, song dính ở trên vai, người nông dân kinh dị, bèn lập tức chạy về nhà, nói lại với vợ. Người vợ lấy tay cầm xuống, thì đột nhiên thấy con thỏ đã biến thành vàng. Do đó, bèn chặt hai cái chân đi đổi thành tiền để sinh sống, thì lạ thay chỗ chặt đi lại biến lại như cũ, lại chặt đi, lại biến lại như cũ, dùng không hết, càng ngày càng trở nên giàu có. Cho nên, Ngài đời đời kiếp kiếp không nghèo, trải qua chín mươi một kiếp được quả báo giàu có.

Ly Bà Đa dịch ra nghĩa là "Tinh tú". Kiếp Tân Na dịch ra nghĩa là "Phòng tú", vì sao thứ tư ở trong Nhị Thập Bát Tú. Ngài Kiếp Tân Na và Ngài Ly Bà Đa đều thuộc về tinh tú. Tại sao lại như thế? Vì xưa kia, cha mẹ của các Ngài gần về tuổi già mà chẳng có con, cho nên bèn ở trước bàn thờ Nhị Thập Bát Tú mà cầu con, phát nguyện siêng tu làm việc lành, cúng sường Tam Bảo, kết

quả được mãn nguyện, cho nên được tên là Phòng Tú (Kiếp Tân Na).

Bạc Câu La ở trong quá khứ từng giữ giới chẳng sát sinh, cho nên được năm thứ phước báo. Ngài vừa chào đời thì cười hà hà, mẹ của Ngài thấy vậy rất sợ hãi, nghi là yêu quái, mới đem Ngài bỏ vào chảo dầu sôi, muốn dùng dầu sôi thiêu chết Ngài, song chẳng thành công. Kế tiếp, lại đem Ngài bỏ vào nước sôi, muốn nấu chết Ngài, song lại thất bại. Sau đó, đem Ngài bỏ xuống biển sâu, song bị cá nuốt vào bụng, con cá này bị người đánh cá câu được, mổ bụng ra, bỗng thấy đứa bé ở trong bụng cá còn sống. Ngài Bạc Câu La có năm điều không hại Ngài chết được, tức là :

1. Lửa đốt không chết.
2. Nước đun không chết.
3. Rớt xuống biển không chết.
4. Cá ăn không chết.
5. Dao mổ không chết.

Đó là năm thứ quả báo giữ giới không giết hại.

Châu Đà còn gọi là Châu Lợi Bàn Đà Gia là anh của Sa Già Đà, dịch là "Tiểu lộ". Cho nên anh em hai người gọi là "Đại lộ" và "Tiểu lộ". Người anh thông minh hơn người em. Thời xưa phong tục ở Ấn Độ, người nữ đều phải về nhà mẹ sinh sản. Cho nên, bà mẹ của Châu Đà cũng thế, song Châu Đà chẳng đợi bà mẹ trở về đến nhà, thì đã sinh ra giữa đường, cho nên gọi là "Đại lộ". Bà mẹ

của Ngài đã trải qua một lần kinh nghiệm, khi mang thai lần thứ hai, thì sớm trở về nhà mẹ đẻ sinh sản, song lần này vẫn sinh ra "Tiểu lộ" tại giữa đường. Do đó, hai anh em tên gọi là "Đạo sinh" và "Kế đạo".

Châu Đà căn cơ sâu dày, quán thông Phật lý, đối với kinh điển qua mắt chẳng quên. Song người em căn tánh rất ngu độn, đọc kinh sách chẳng nhớ câu nào, giải đãi chẳng tinh tấn. Do đó, mọi người đều nghị luận về tính cách rất cực đoan của hai anh em.

Nghe vậy Ngài Châu Đà quả trách người em nói: “Chú mày thật là vô dụng, năm trăm vị A La Hán dùng hết sức để dạy chú mày, mà chú mày vẫn không hiểu, tốt nhất hãy hoàn tục cho rồi”. Người em chẳng muốn hoàn tục, song người anh rất kiên quyết, chẳng muốn người em xuất gia nữa. Người em thì chẳng muốn hoàn tục, song không thể không nghe lời anh, nên bèn bỏ đi vì xấu hổ quá. Phật biết câu chuyện này, bèn đến trước cản lại, an ủi Sa Già Đà và dạy Ngài niệm :

“Chối quét đất tâm,
Tự tịnh ý mình,
Đất tâm quét sạch,
Tự nhiên sẽ ngộ”.

Song, Sa Già Đà trí nhớ rất kém, nhớ được chữ “chối” thì quên chữ “quét”. Song, Phật vẫn nhắc lại cho Ngài. Sa Già Đà đọc đi đọc lại nhiều lần, thời gian sau Ngài khai ngộ !

Tin rằng, những người đang nghe pháp ở đây, thông minh hơn Ngài nhiều, đừng nói chối quét hai chữ, dù bốn chữ một khi nghe thì nhớ liền. Niệm “A Di Đà Phật” càng dễ hơn nữa, song sao chúng ta vẫn chưa khai ngộ? Tôn giả tuy nhiên “ngu” hơn chúng ta, song “khai ngộ” mau hơn chúng ta. Đó là vì tôn giả ở trong đời quá khứ, đã từng cúng dường ba đời tất cả chư Phật, nuôi lớn căn lành, cho nên căn cơ sâu dày.

Hiện tại, vì ứng cơ giáo hóa chúng sinh, nên cố ý hiện tướng ngu độn, vì chúng sinh làm mô dạng như thế. Chúng sinh thấy Ngài ngu si như thế, mà còn có thể khai ngộ, mình còn thông minh hơn Ngài nhiều, cơ hội khai ngộ chắc chắn rất nhiều, cho nên cố gắng tinh tấn tu hành.

Sa Già Đà trong đời quá khứ, tự cho rằng thông minh, tuy hiểu pháp lý vi diệu, song chẳng muốn vì chúng sinh thuyết pháp, đó là tham lam pháp, chẳng bố thí pháp, cho nên đời này mắc quả báo ngu si. Chẳng muốn người khác thông minh, thì chính mình càng biến thành không thông minh. Do Ngài đã từng gieo trồng căn lành sâu dày, nên vẫn có một ngày khai mở trí huệ.

Chúng ta học Phật đã lâu, nhưng đã lâu mà vẫn chưa khai ngộ. Vì thuở xưa chưa từng cúng dường Tam Bảo và tất cả chư Phật ba đời. Đây cũng ví như đang vun bồi cây, nếu gốc rễ sâu dày, thì cây sẽ phát triển sum sê. Ngược lại, nếu ban đầu gốc rễ chẳng vững chắc, thì dần dần cành lá nhất định sẽ khô rụng. Do đó, làm người phải

trồng nhiều căn lành, làm nhiều việc thiện, công đức viên mãn, thì tự nhiên sẽ khai ngộ. Ai muốn phước huệ song tu thì một mặt tu hành, một mặt cũng phải làm việc thiện, nên nhớ đừng tham lam pháp, hiểu một câu thì phải nói một câu, phải cung hành thực tiễn, lấy thân làm phép tắc. Do đó, có câu :

‘Ma Ha Tát bất quản tha,
Di Đà Phật các cố các’.

Bồ Tát chẳng để ý đến lỗi làm mao bệnh của kẻ khác, bất cứ kẻ khác đúng hay sai. Chúng ta đừng cứ giặt quần áo cho kẻ khác, ngược lại quần áo của mình thì bỏ bẩn. Cho nên hiểu và thực hành mới là chân tu hành, công đức mới viên mãn.

Tham lam pháp là chướng ngại lớn trong việc tu hành, quả báo chẳng những chỉ ngu si, mà còn bị quả báo tâm ngọng, chẳng những chẳng nhớ hai chữ chổi quét, mà cho đến cơ hội nói cũng chẳng có, đó mới là nhiều khổ ! Cơ hội khai ngộ thật là mỏng manh.

Ở trên nói về các vị A La Hán, đều đại biểu cho một nghìn hai trăm vị A La Hán. Các Ngài đều được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đồng một danh hiệu là Phổ Minh. Lúc đó, sợ chúng sinh không minh bạch, nên Đức Phật từ bi dùng kệ để thuật lại.

**Tỳ Kheo Kiều Trần Như
Sẽ gặp vô lượng Phật**

**Qua A tăng kỳ kiếp
Mới thành Đẳng chánh giác.
Thường phóng đại quang minh
Đầy đủ các thần thông
Danh đồn khắp mười phương
Tất cả đều cung kính.
Thường nói đạo vô thượng
Nên hiệu là Phổ Minh
Cõi nước đó thanh tịnh
Bồ Tát đều dũng mãnh.
Đều lên lầu các đẹp
Đến các nước mười phương
Dùng đồ cúng vô thượng
Cúng dường các đức Phật.
Cúng dường như thể rời
Trong tâm rất hoan hỉ
Chốc lát về bốn quốc
Có thần thông như thế.**

Tỳ Kheo Kiều Trần Như ở đời vị lai, sẽ gặp vô lượng các Đức Phật, thừa sự cúng dường, trải qua vô lượng kiếp sau mới thành Phật đạo. Thường phóng quang

minh trí huệ, viên mãn đầy đủ các thần thông, danh hiệu Phật vang khắp cõi nước mười phương, là chỗ quy kính của tất cả chúng sinh. Thường nói diệu pháp thâm sâu vô thượng, như trí huệ quang phóng ra, nên hiệu là Phổ Minh.

Ở trong cõi nước thanh tịnh đó, chúng Bồ Tát đều dũng mãnh tinh tấn, đều thăng lên lầu các đẹp đẽ, được đạo phẩm vi diệu nhất, du hành đến cõi nước mười phương, để tu các công đức, dùng đồ cúng bằng bảy báu để cúng dường chư Phật. Làm các sự cúng dường như thế rồi, trong tâm rất vui mừng sung sướng, sinh đại hoan hỉ, trong chốc lát trở về bốn quốc, vì có đủ thứ thần thông nên được như thế.

**Phật thọ sáu vạn kiếp
Chánh pháp trụ hơn thọ
Tượng pháp lại hơn chánh
Pháp diệt trời người lo.
Năm trăm Tỳ Kheo này
Lần lượt sẽ thành Phật
Đồng hiệu là Phổ Minh
Lần lượt thọ ký nhau.
Sau khi ta diệt độ
Vị đó sẽ thành Phật**

**Thế gian Phật đó độ
Cũng như ta ngày nay.
Cõi nước đó nghiêm tịnh
Và các sức thần thông
Chúng Bồ Tát Thanh Văn
Chánh pháp và tượng pháp.
Kiếp thọ mạng bao nhiêu
Đều đã nói ở trên
Ca Diếp ông đã biết
Năm trăm vị tự tại.
Ngoài các chúng Thanh Văn
Cũng sẽ lại như thế
Ai chẳng có ở đây
Ông nên vì họ nói.**

Ứng thân của Phật thọ mạng sáu vạn kiếp. Chánh pháp trụ thế hai mươi vạn kiếp, còn tượng pháp trụ hai mươi bốn vạn kiếp. Nếu pháp diệt thì trời người đều lo âu. Năm trăm tôn giả thứ tự thọ ký, Phật diệt độ rồi, cùng nhau lần lượt sẽ thành Phật, đều hiệu là Phổ Minh Như Lai. Thế gian của vị Phật đó độ, như thế giới Ta Bà hiện tại này, song trong cõi nước đó nghiêm tịnh, và đủ thứ sức thần thông biến hóa tự tại. Các chúng Bồ Tát, Thanh

Văn, chánh pháp và tượng pháp, thọ mạng bao nhiêu kiếp, giống như Phổ Minh Như Lai không khác, đều như đã nói ở trên.

Ca Diếp ông đã biết, ta vì năm trăm vị A La Hán mà thọ ký, tức cũng vì các chúng hàng Thanh Văn khác, một nghìn hai trăm vị mà thọ ký, nếu hôm nay những người nào không có ở đây, ông nên vì họ mà nói.

Bấy giờ, năm trăm vị A La Hán ở trước đức Phật được thọ ký rồi, vui mừng hớn hỏ, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đánh lễ dưới chân đức Phật, hối lỗi tử trách rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con thường nghĩ như vậy : Tự cho rằng đã được diệt độ rất ráo, nay mới biết là người chẳng có trí huệ. Tại sao ? Vì chúng con đáng được trí huệ của đức Như Lai, mà tự cho rằng trí nhỏ là đủ.

Đức Thế Tôn ! Ví như có người nọ, đến nhà bạn thân say rượu mà nằm, lúc đó bạn thân bận việc quan phải đi, bèn lấy hạt châu vô giá, buộc vào trong áo của gã say rồi bỏ đi. Gã đó tỉnh dậy cũng

chẳng biết, đi lang thang đến nước khác, vì ăn mặc nên gắng sức tìm cầu rất là khốn khổ, được chút ít bèn cho là đủ.

Năm trăm vị tôn giả, ở trước Phật được thọ ký rất vui mừng, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Đức Phật đánh lễ dưới chân Phật, sám hối tự trách. Ai có thể biết hối lỗi tự trách, là hành vi của bậc Thánh Hiền, người chẳng biết hối lỗi là hành vi ngu si. Các vị ALa Hán tự trách, được ít cho là đủ, chưa được cứu kính Niết Bàn, mà tự cho đã được. Trên thì chẳng biết có Phật đạo có thể thành, dưới thì chẳng biết có chúng sinh có thể độ. Chỉ biết tự tại an lạc, gì cũng chẳng lo. Bây giờ mới biết xưa kia đều là sai lầm, đều là sở làm của kẻ chẳng có trí huệ.

Nay mới biết chúng con tu hành, đáng chứng được hết thấy công đức trí huệ của Như Lai. Nếu ai tự cho tứ quả tiểu thừa là cứu kính Niết Bàn, thì ví như có người đến nhà bạn thân say rượu mà nằm. ‘‘Người’’ ví cho chính mình, ‘‘nhà bạn thân’’ ví cho Đức Phật. Say rượu mà nằm, ‘‘say’’ biểu thị cho rượu năm dục mê hoặc, cho nên hôn mê ngu si, được ít cho là đủ. Lúc đó, Phật độ xong chúng sinh ở thế giới này, thì đến nước khác. Bạn ‘‘việc quan phải đi’’. Thấy già này duyên đã hết, nên đến phương khác giáo hóa chúng sinh, dùng thật tướng diệu lý giáo hóa chúng sinh, dùng đại thừa để giáo hóa. Song người đó chẳng có trí huệ, chỉ trầm mê ở trong mộng say ngu si, nằm chẳng dậy, chẳng nghe pháp đại thừa. Khi

tỉnh dậy thì biết muốn cầu pháp, do đó bèn đến nước khác, hành pháp tiểu thừa. Vì ăn mặc nên cầu học tiểu thừa, như lạnh đi tìm áo, như đói đi tìm cơm, rất là khốn khổ vô cùng, đi khắp nơi tìm cầu, không thể tự an, ở trong tiểu thừa được ít cảnh giới, thì tự cho là đủ, càng chẳng tinh tấn.

Thời gian sau, người bạn thân gặp lại gã kia bèn nói rằng : Lạ thay anh này ! Sao lại vì ăn mặc mà đến nỗi này. Trước kia, ta muốn khiến cho anh được an lạc, tha hồ thọ hưởng năm dục. Vào ngày tháng năm đó, ta lấy hạt châu vô giá buộc vào trong áo của anh, mà đến bây giờ anh vẫn không biết, để phải cực khổ lo buồn tìm cầu tự sống, rất là ngu si vậy. Nay ông có thể dùng hạt châu báu đó, đổi lấy những đồ cần dùng, thì sẽ được như ý, chẳng còn thiếu thốn. Phật cũng như thế, khi làm Bồ Tát thì giáo hóa chúng con, khiến cho phát tâm Nhất thiết trí, mà chúng con bỏ quên không hay không biết. Tức được quả A la hán, mà tự cho là đã

diệt độ. Khổ nhọc sinh sống được ít cho là đủ. Nguyên Nhất thiết trí vẫn còn chẳng mất.

Hôm nay đức Thế Tôn giác ngộ chúng con, bèn bảo rằng : Này các Tỳ Kheo ! Chỗ các ông được chẳng phải rất ráo diệt độ. Từ lâu, ta đã khiến cho các ông trông cảnh lành của Phật, dùng phướng tiện nên thị hiện tướng Niết Bàn, mà các ông cho rằng thật được diệt độ.

Thời gian sau, ‘‘Bạn thân’’ lại gặp gã kia, dụ cho nay trên núi Linh Thứu, Thầy và đệ tử gặp lại, Phật ngạc nhiên bảo : Lạ thay ông này ! Tại sao vì cầu ăn mặc mà phải chịu khổ nhọc ? Tại sao lại bần cùng như thế ? Vì các ông được ít cho là đủ, chẳng biết trên cầu quả vị Phật, dưới độ tất cả chúng sinh, chỉ biết làm tự liễu hán thôi. Xưa kia, ta muốn khiến cho các ông được an lạc, tha hồ hưởng thọ năm dục, tức sắc thanh hương vị xúc đều viên mãn, tức cũng là viên mãn năm căn lực, cho nên dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh. Chỉ vì các ông không biết ‘‘Trong áo có buộc hạt châu báu’’, chỉ biết cầu tiểu thừa, mà phải bị khổ cực lo buồn, giống như một số người, vì sinh sống mà phải bôn ba khổ sở để cầu sự sống, bèn cho là đủ, đó thật là quá ngu si. Nay ta tu pháp

đại thừa, vì các ông “trong áo có châu báu” chưa từng mất đi. Nghĩa là Phật tánh vẫn tồn tại. Nếu tu pháp đại thừa, thì sẽ đắc quả vị, luôn được như ý, chẳng còn bần cùng nữa.

Đức Phật cũng như bạn thân của chúng con, thuở xưa làm Bồ Tát Diệu Quang giáo hóa chúng con, khiến cho chúng con phát tâm nhất thiết trí huệ, song chúng con từ lâu không gần gũi Bồ Tát, chẳng biết chẳng hay, quên mất pháp đại thừa, chỉ biết dụng công phu trên năm dục, quay lưng với giác ngộ mà hợp với sáu trần, còn tự cho rằng đã được vô thượng đạo. Quả vị tiểu thừa A La Hán, như đời sống của gã cùng tử, được một chút thì mãn nguyện.

Thuở xưa, đã từng phát nguyện lớn, nhất thiết trí nguyện vẫn chẳng mất, hôm nay gặp đấng đại giác Thế Tôn, giác ngộ cho chúng con. Nếu ai trong thuở xưa đã từng phát đại nguyện, thì đời này nhân duyên được gặp cũng sẽ phát đại nguyện, trồng xuống hạt giống đại thừa. Như các vị A La Hán hiện tại, tuy thuở xưa đã từng phát đại nguyện, song vì thời gian quá lâu, tâm sinh mê hoặc, chẳng biết tiến lùi, tự khốn bên trong, lo rầu không ngủ, may gặp lương sư Đại Giác Như Lai, khiến cho họ bỏ mê muội về với giác ngộ, tự biết châu báu của chính mình.

Này các Tỳ Kheo! Hiện tại các ông chứng được quả vô học, chỉ là tiểu thừa, chẳng phải thật diệt độ. Ta từ nhiều kiếp đến nay, khiến cho các ông gieo trồng căn lành của Phật, dùng phương tiện quyền xảo thị hiện tướng

hữu dư Niết Bàn, song các ông lầm lẫn cho rằng là rốt ráo diệt độ.

Đức Thế Tôn ! Nay chúng con mới biết thật là Bồ Tát, được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhờ nhân duyên đó, nên chúng con rất vui mừng được chừa từng có.

Bấy giờ, Ngài A Nhã Kiều Trần Như muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

**Chúng con nghe vô thượng
Tiếng thọ ký an ổn
Vui mừng chừa từng có
Lẽ vô lượng trí Phật.
Nay ở trước Thế Tôn
Tự sám hối lỗi lầm
Nói vô lượng Phật bảo
Được chút phần Niết Bàn.
Như kẻ ngu vô trí
Bèn tự cho là đủ.**

Đức Thế Tôn ! Chúng con hôm nay mới biết vốn là Bồ Tát, được thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác, nhờ nhân duyên được Phật thọ ký, nên chúng con vui mừng được chưa từng có. Lúc đó, Ngài Kiều Trần Như nói với Phật: ‘‘Chúng con nghe Vô thượng bồ đề, tâm niệm an ổn, tiếng Phật thọ ký, vui mừng tin nhận, được chưa từng có. Nay ở trước Phật sinh tâm sám hối, tự hối lỗi chấp tiểu thừa, mê muội đại thừa. Được ít phần hữu dư Niết Bàn mà tự cho là đủ, giống như người ngu chẳng có trí huệ không khác’’.

**Ví như gã bần cùng
Đi đến nhà bạn thân
Nhà đó rất giàu có
Bày đủ cỗ tiệc ngon.
Lấy châu báu vô giá
Buộc chặc vào trong áo
Yên lặng mà bỏ đi
Gã nằm chẳng hay biết.
Sau gã đó thức dậy
Lang thang đến nước khác
Cầu ăn mặc tự sống
Sinh sống rất khốn khổ.
Được ít cho là đủ**

**Càng không muốn đồ tốt
Chẳng biết ở trong áo
Có châu báu vô giá.**

“Ví như gã bần cùng, đi đến nhà bạn thân” : Gã bần cùng ví như chúng sinh; bạn thân giàu có ví như Đức Phật. Chúng sinh quy y Phật, giống như gã bần cùng đến nhà bạn thân rất giàu có. Nhà đó bày cỗ tiệc rất ngon, ví như món ăn thiền duyệt và món ăn pháp hỉ. Sau đó, người bạn thân vì có việc đi ra ngoài, nên lấy pháp đại thừa vô giá cho gã bần cùng, rồi bỏ đi giáo hoá chúng sinh khác. Song “gã bần cùng” chẳng biết tự cầu tiến tới, chẳng biết đại thừa là báu vô giá, mà “nằm chẳng hay biết gì”. Sau khi tỉnh dậy, vì có tri giác bèn phát tâm tu hành nên gọi là “dậy”. Song quên mất đại thừa mà tu tiểu thừa, như lang thang đến nước khác. Tiểu thừa quả A La Hán chẳng phải Niết Bàn rốt ráo, như gã bần cùng kia, xin ăn tự sống, đòi sống rất là vất vả. Chẳng cầu Phật đạo, được ít cho là đủ, chẳng biết trong tự tánh vốn đã có hạt giống đại thừa.

**Bạn thân cho hạt châu
Sau gặp lại gã nghèo
Khổ thiết trách gã rồi
Chỉ cho chỗ buộc châu.
Gã nghèo thấy châu rồi**

**Trong tâm rất vui mừng
Giàu có các của cải
Tha hồ hưởng năm dục.
Chúng con cũng như thế
Thế Tôn tử thuở xưa
Thưởng giáo hóa chúng con
Khiến trông nguyện vô thượng.
Vì chúng con vô trí
Chẳng biết cũng chẳng hay
Được ít phần Niết Bàn
Cho đủ chẳng cầu nữa.
Nay Phật giác ngộ con
Nói chẳng thật diệt độ
Được Phật trí vô thượng
Đó mới là thật diệt.
Nay con nghe từ Phật
Thọ ký việc trang nghiêm
Và lần lược thọ ký
Khắp thân tâm vui mừng.**

Phật vì chúng sinh nói pháp môn đại thừa thâm sâu vô thượng, song chúng sinh vì căn cơ ám độn mà chẳng

hiểu. Ví như người nợ, vì khiến cho họ khai mở đại trí huệ, mà nói pháp môn thành Phật, song người đó chưa thể hoàn toàn tin, cũng chẳng thấu rõ nghĩa sâu xa, thời gian lâu từ từ quay lưng với đạo mà bỏ đi, bỏ đại thừa mà cầu pháp tiểu thừa, hoặc là đi Ấn độ, hoặc là đi Thái Lan, Miến điện, Tích Lan, tìm đến tìm lui lại càng khốn cùng. Đó là bỏ gốc tìm ngọn, bỏ gần cầu xa. May thay lại gặp thầy tốt, trách cứ gã bần cùng này. “Trách” đó là biểu hiện lòng từ bi của Phật Bồ Tát. Mục đích khiến cho họ phát tâm hồi tiểu hướng đại, vào một Phật thừa.

Sau khi Đức Phật ngộ đạo, vốn trước hết muốn nói Kinh Pháp Hoa đại thừa, chỉ vì chúng sinh ngu si ám độn, chẳng thể tiếp thọ, cho nên trước hết nói tam tạng, Kinh Phương Đẳng, tiếp theo nói Bát Nhã, dần dần vào viên đốn giáo, chê tiểu thừa khen đại thừa. Khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền, đó tức là “khổ thiết trách gã”. “Chỉ cho nơi buộc châu” : Chỉ cho vốn đã có đủ Phật tánh, khiến cho họ biết tu pháp môn đại thừa, như hàng Thanh Văn, thấy được Phật tánh, như nghèo được châu báu, vui mừng tin nhận. Nếu ai thấu rõ và thực hành tu pháp đại thừa, tức là người giàu có, có Phật pháp ở trong tâm. “Giàu có các của cải, tha hồ hưởng năm dục” : Sắc thanh hương vị xúc, đâu chẳng phải là tam muội, tùy duyên ứng dụng, rộng lớn tư tại, được thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Như người muốn sắc thì có sắc, muốn thanh thì có thanh, cho đến hương, vị, xúc, cũng lại như thế, đó chẳng phải là diệu chằng ? “Tài sắc danh

thực thùỳ’’: Thủy đều đầy đủ viên mãn, giống như sơ tổ Ma Ha Ca Diếp nhập định ở trong núi Kê Túc, đó chẳng phải là “ngủ lâu dài” chăng ? Ngủ một ngàn năm cũng chẳng kể là lâu dài, mấy vạn năm cũng chỉ trôi qua một nháy mắt. “Thực”, trong pháp giới có thực vật là ngon hơn hết. “Danh”, được danh mà người không thể được. Muốn “tài” thì chỉ cần tùy ý dũi tay một cái thì có được.

Chúng con cũng như gã bần cùng không khác, quay lưng với sự giác ngộ mà hợp với trần lao. Đức Thế Tôn thấy vậy thương xót, luôn giáo hóa khiến cho chúng con gieo trồng nguyện vô thượng bồ đề rộng lớn. Song chúng con chẳng có trí huệ, chẳng biết thuở xưa đã từng phát nguyện, cũng chẳng biết vốn có Phật tánh, được chút ít sự vui không sinh không diệt mà tự cho là đủ, chẳng cầu pháp môn đại thừa. Bây giờ nghe Đức Phật nói, mới giác ngộ đây chẳng phải là cứu kính, chỉ là “hoá thành” ở giữa đường, chẳng phải thật diệt độ. Chỉ khi nào đắc được trí huệ của Phật, mới là rốt ráo diệt độ. Phật thọ ký cho chúng con sẽ thành Phật rồi, mới biết đại thừa là vô thượng chánh biến tri giác, cõi nước đó trang nghiêm thù thắng, và lần lược thọ ký, khiến cho khắp thân tâm của chúng con vui mừng vô kể.

Người cầu Phật pháp phải đầy đủ tâm nhẫn nhục, chẳng sợ gian nan khốn khổ mới có hy vọng thành tựu.

Có người nói “tha hồ hưởng thọ năm dục” thật là quá vi diệu, vậy chúng ta vì muốn được cảnh giới này mà phát tâm. Bạn sai lầm rồi ! Nếu ai vì năm dục mà phát

tâm, thì không lâu về sau sẽ đọa vào địa ngục. Đó là dụng tâm sai lầm, ai cầu năm dục thì tâm người đó bất chánh, tất rơi vào đường ma, làm quyến thuộc của ma vương, pháp đại thừa mới là xả bỏ dục, đoạn dục, vô dục, mà phát bồ đề tâm.

Ở trên nói về ‘‘tha hồ hưởng năm dục’’, chỉ bất quá là ví dụ, hình dung biểu hiện sức thần thông tự tại của đại quyền Bồ Tát. Phàm là Bồ đề tát đỏa có căn tánh đại thừa, không thể nào ít có sự ‘‘an lạc’’, không chấp cảnh giới này, thì gọi là cảnh giới lành, nếu chấp cảnh giới này, thì tức là cảnh giới ma. Bồ Tát chẳng trụ tâm vào bất cứ chỗ nào. Nếu ai muốn thành tựu Phật đạo, thì trước phải dứt trừ lòng dâm dục, dục là gốc của khổ, bằng không thì tướng chúng sinh điên đảo.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM THỌ KÝ CHO BẠC HỮU HỌC
VÀ VÔ HỌC THỨ CHÍN

Bấy giờ, Ngài A nan, La Hầu La nghĩ như vậy : Chúng ta ai nấy đều tự nghĩ rằng : Nếu được đức Phật thọ ký cho, thì chẳng sung sướng lắm sao !

Lúc đó, Ngài A Nan và La Hầu La hai vị tôn giả sinh ra tâm niệm. Các Ngài ở trong đại chúng nói : “Chúng con luôn luôn nghĩ rằng, nếu như chúng con cũng được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thọ ký cho, thì chẳng phải sung sướng lắm sao ? Tuy hai vị tôn giả đã chứng được quả vị A La Hán, song các Ngài ở trong định, vẫn sinh ra một ý niệm của phàm phu. Phàm phu thì sinh ra nhiều vọng niệm đều chẳng chân thật, còn ý niệm của các Ngài là niệm chân thật.

Bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước đức Phật, đầu mặt lễ dưới chân đức Phật, đều bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con ở nơi đây cũng đáng có phần, chỉ có đức Như Lai là chỗ nương tựa của chúng con, và chúng con là chỗ thấy biết của hàng trời người A tu la. A Nan thường làm thị giả, hộ trì tạng pháp, La Hầu La là con của đức Phật. Nếu được thấy đức Phật thọ ký quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì nguyện cầu của chúng con đã đầy đủ, nguyện vọng của đại chúng cũng viên mãn.

Hai vị tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến trước đức Phật, năm thế sát đất cung kính lễ Phật, sau đó cùng nhau đồng thanh nói : ‘Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng đáng có phần được thọ ký ! Chỉ có Đức Như Lai là nơi chúng con trở về nương tựa. Tất cả trời người A Tu La của thế gian, đều biết chúng con là thiện tri thức của họ. A Nan là đệ tử thường gần gũi hầu hạ đức Phật, cũng là người chuyên môn hộ trì tất cả tạng pháp của Phật, còn La Hầu La là con của Phật. Nếu như Phật từ bi vì chúng

con thọ ký quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì nguyên lực của chúng con đã viên mãn, và hai ngàn vị vô học trong pháp hội cũng đầy đủ nguyện vọng của họ.

Bấy giờ, hai ngàn vị đệ tử Thanh Văn hữu học và vô học, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, hở áo bên vai phải, đến trước đức Phật, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng đức Thế Tôn, cũng như chỗ nguyện cầu của A Nan và La Hầu La, rồi đứng qua một bên.

Sau khi hai vị tôn giả nói xong, thì có hai nghìn đệ tử Thanh Văn hữu học và vô học, cũng từ chỗ ngồi đứng dậy, hở áo bên vai phải, đến trước đức Phật, một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng đức Thế Tôn. Trong tâm của các vị đó, cũng nguyện cầu và khát vọng như hai vị tôn giả A Nan và La Hầu La, tuy các vị đó đứng qua một bên, song chẳng nói gì.

**Bấy giờ, đức Phật bảo A Nan rằng :
“Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô**

Thượng Sĩ, Điều Ngự Trưởng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Lúc đó, Phật bảo Ngài A Nan: ‘‘Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai’’. Vì trí tuệ của Ngài A Nan rộng lớn, cao như núi, rộng như biển, chân chánh đắc được tự tại, cho nên thành Phật, được hiệu là Sơn Hải Tuệ Tụ Tại Thông Vương Như Lai. Lúc đó, Ngài cũng đầy đủ mười hiệu, lược giải như sau: Xứng đáng thọ trời người cúng dường. Thấu rõ chân lý vạn pháp do tâm, tâm sinh vạn pháp. Trí huệ tu hành đều đầy đủ viên mãn. Giải thoát tất cả khổ não của thế gian, được sinh nơi an lạc. Đến được quả vị cao thượng nhất. Một vị đại trưởng phu điều ngự được tất cả chúng sinh. Đạo sư của trời người. Viên mãn tự giác giác tha. Một vị tôn giả xuất thế gian.

Sẽ cúng dường sáu mươi hai ức các đức Phật, hộ trì tạng pháp, sau đó sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Giáo hóa hai mươi ngàn vạn ức các vị Bồ Tát, nhiều như số cát sông Hằng, khiến cho thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nước đó tên là Thường Lập Thắng Phan, cõi đó thanh tịnh, đất bằng

lưu ly, kiếp tên là Diệu Âm Biến Mãn. Đức Phật đó, sống lâu vô lượng nghìn vạn ức A tăng kỳ kiếp. Nếu có người ở trong nghìn vạn ức A tăng kỳ kiếp, tính toán cũng chẳng biết được. Chánh pháp lưu lại ở đời gấp bội số thọ mạng. Tượng pháp lưu lại ở đời, lại gấp bội chánh pháp.

A Nan ! Đức Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương đó, được vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật Như Lai, nhiều như số cát sông Hằng, trong mười phương đều khen ngợi, tán thán công đức.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Ngài A Nan sẽ cúng dường sáu mươi hai ức chư Phật, dùng đủ thứ thiện xảo phương tiện, để hộ trì tất cả tạng pháp, của sáu mươi hai ức chư Phật. Cuối cùng Ngài sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Sau khi Ngài thành Phật, giáo hóa nghìn vạn ức chúng Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng. Tất cả chúng Bồ Tát đó, đều phát tâm đại từ bi hành Bồ Tát đạo, đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Cõi nước của

Đức Phật đó, tên là Thường Lập Thắng Phan. Vì Ngài A Nan đa văn đệ nhất, mỗi lần biện luận chắc chắn đều thắng, cho nên nước của Ngài được tên là Thường Lập Thắng Phan. Đất đai ở trong cõi nước đó rất thanh tịnh, mặt đất bằng chất lưu ly. Kiếp tên là Diệu Âm Biến Mãn, vì âm thanh của Ngài A Nan thuyết pháp rất hay đầy khắp hư không, ai nghe cũng đều sinh tâm vui mừng, chẳng cảm thấy mệt mỏi, do đó mà kiếp có tên là Diệu Âm Biến Mãn.

Tuổi thọ của Đức Phật đó, lâu dài vô lượng ngàn vạn ức A tăng kỳ kiếp. Nếu ai ở trong nghìn vạn ức vô lượng số kiếp A tăng kỳ, để tính đếm thời gian thọ mạng của đức Phật đó, cũng không thể biết được số lượng. Chánh pháp lưu lại ở đời, tăng gấp bội so với tuổi thọ của đức Phật đó, tượng pháp lưu lại ở đời, hơn gấp bội so với chánh pháp.

A Nan ! Đức Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương, tức là danh hiệu Phật của ông sẽ thành ở vị lai. Ông sẽ được vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật Như Lai, nhiều như số cát sông Hằng trong mười phương, đều tán thán khen ngợi công đức viên mãn của ông'. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại những gì vừa nói trường hàng ở trên, bèn nói ra bài kệ rằng :

**Nay ta trong Tăng nói
A Nan người trì pháp**

**Sẽ cúng dường chư Phật
Sau sẽ thành Chánh giác.
Hiệu là Phật Sơn Hải
Tuệ Tụ Tại Thông Vương
Cõi nước đó thanh tịnh
Tên Thường Lập Thắng Phan.
Giáo hóa các Bồ Tát
Nhiều như cát sông Hằng
Phật có oai đức lớn
Danh đồn khắp mười phương.
Sống lâu vô số kiếp
Thường xót độ chúng sinh
Chánh pháp bội tuổi thọ
Tượng pháp bội chánh pháp.
Vô số các chúng sinh
Nhiều như cát sông Hằng
Ở trong Phật pháp đó
Trông nhân duyên Phật đạo.**

Hôm nay đức Phật đối trước hàng Tỳ Kheo, nói nhân duyên thọ ký của Ngài ANan. Ngài ANan nhiều đời hộ trì tất cả tạng pháp của chư Phật. Ngài thường suốt đời

cung kính cúng dường tất cả chư Phật, về sau trong tương lai cũng sẽ thành Phật, hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Phật. Cõi nước của Ngài rất thanh tịnh, tên là Thường Lập Thắng Phan. Giáo hoá các chúng Bồ Tát nhiều như cát sông Hằng. Đức Phật đó, có oai đức thần thông lớn và đức hạnh, cho nên danh đồn của Ngài đầy khắp mười phương thế giới. Tuổi thọ của Ngài nhiều vô lượng, vì thương xót giáo hóa độ thoát tất cả chúng sinh. Chánh pháp lưu lại ở đời tăng gấp bội so với tuổi thọ của đức Phật, tượng pháp lưu lại ở đời lại tăng gấp bội so với chánh pháp. Vô lượng vô số chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, đều ở trong Phật pháp của Ngài tròn xuống nhân duyên Phật đạo.

Bấy giờ, tám nghìn người mỗi phát tâm Bồ Tát ở trong chúng hội, đều nghĩ như vậy : Chúng ta còn chưa nghe các vị đại Bồ Tát được thọ ký như thế. Có nhân duyên gì, mà các hàng Thanh Văn được thọ ký như thế ?

Lúc đó, ở trong pháp hội có tám nghìn vị Bồ Tát, mới được du hí tam muội của Bồ Tát, đều sinh tâm hoài nghi mà nghĩ như vậy: “Sao chúng ta chưa từng nghe Phật thọ ký cho các vị đại Bồ Tát, đây là nhân duyên gì, mà những bậc Thanh Văn được Phật thọ ký trước?”

Bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm của các vị Bồ Tát đó, bèn nói rằng : Các thiện nam tử ! Ta và A Nan ở chỗ đức Phật Không Vương, cùng nhau phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A Nan thường thích đa văn, ta thường siêng năng tinh tấn, cho nên ta đã sớm thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, còn A Nan hộ trì pháp của ta, cũng sẽ hộ trì tạng pháp của các đức Phật ở đời vị lai, giáo hóa thành tựu các chúng Bồ Tát. Do bản nguyện xưa như thế, nên hôm nay được thọ ký.

Lúc đó, Đức Phật biết hết thấy những vị Bồ Tát này sinh tâm hoài nghi, do đó bèn nói với các vị đó rằng : “Tất cả các thiện nam tử ! Ta và tất cả hàng Thanh Văn ở trong pháp hội, đã từng ở trong quá khứ vô lượng kiếp, nơi đức Phật Không Vương cùng phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác. A Nan phát nguyện thường ưa thích thâm nhập kinh tạng, đa văn Phật pháp, còn ta thì phát nguyện luôn luôn dũng mãnh tinh tấn tu đạo. Cho nên, ta thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trước A

Nan. A Nan thì hộ trì tạng pháp của ta, cũng phát nguyện hộ trì tất cả tạng pháp của vô lượng chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu chúng Bồ Tát, cho nên bây giờ A Nan được Phật thọ ký cho”.

A Nan ở trước đức Phật được nghe đức Phật thọ ký, và cõi nước trang nghiêm, nguyện cầu đã đầy đủ, trong tâm rất vui mừng được chưa từng có, lập tức, nghĩ nhớ lại tạng pháp của vô lượng nghìn vạn ức các đức Phật trong quá khứ, thông đạt vô ngại, như hôm nay đã nghe, cũng nhớ biết nguyện xưa.

Bấy giờ, Ngài A Nan nói bài kệ rằng :

Lúc đó, Ngài A Nan ở trước đức Phật, đích thân nghe được Phật thọ ký cho Ngài, và biết được cõi nước trang nghiêm vị lai của Ngài, tâm nguyện của Ngài đã đầy đủ viên mãn, cho nên tâm sinh vui mừng hơn hờ, được chưa từng có. Lúc đó, Ngài lập tức nhớ lại tất cả tạng pháp, của vô lượng ngàn vạn ức các đức Phật trong quá khứ, và đều thông đạt vô ngại. Tất cả pháp đó và pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni đều giống nhau. Ngài cũng nhớ lại thệ nguyện xưa của Ngài đã phát ra, do đó Ngài A Nan dùng kệ nói rằng:

**Thế Tôn rất hi hữu
Khiến con nhớ quá khứ
Vô lượng các Phật pháp
Như pháp nay đã nghe.
Nay con chẳng còn nghi
An trụ nơi Phật đạo
Phủng thiện làm thị giả
Hộ trì các Phật pháp.**

Phật là bậc hi hữu nhất trong thế gian, khiến cho con nhớ lại tất cả tạng pháp, của vô lượng các Đức Phật trong quá khứ, tất cả pháp đó, giống như pháp mà đời nay con đã nghe. Cho nên, bây giờ con chẳng còn sinh tâm hoài nghi nữa, con nguyện an trụ nơi Phật đạo, dùng đủ thứ thiện xảo pháp môn, để làm thị giả cho Đức Phật, thường ủng hộ thọ trì tất cả tạng pháp của các Đức Phật.

**Bấy giờ, đức Phật bảo La Hầu La :
Ông ở đời vị lai sẽ thành Phật, hiệu là Đạo
Thất Bảo Hoa Như Lai, Ứng Cúng, Chánh
Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế
Giian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự**

Trưởng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Sau khi Ngài A Nan nói bài kệ xong, thì đức Phật bảo tôn giả La Hâu La rằng: “Ông ở đời vị lai, cũng sẽ thành Phật, hiệu là Đạo Thất Bảo Hoa Như Lai, thọ trời người cúng dường, biết rõ khắp hết thảy, có đủ trí huệ đức hạnh, giải thoát khổ não thế gian, làm đại sĩ vô thượng, điều ngự giáo hóa tất cả chúng sinh, làm đạo sư của tất cả trời người, một vị tôn giả xuất thế gian viên mãn tự giác giác tha.

Sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của mười thế giới. Thường làm trưởng tử của các đức Phật, giống như hôm nay vậy. Cõi nước của đức Phật Đạo Thất Bảo Hoa đó, rất trang nghiêm. Số kiếp tuổi thọ, giáo hóa đệ tử, chánh pháp, tượng pháp, cũng giống như Sơn Hải Tuệ Tử Tại Thông Vương Như Lai không khác, cũng làm trưởng tử cho đức Phật đó, sau đó sẽ thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Trước khi Ngài La Hầu La chưa thành Phật, sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của mười thế giới. Vì Ngài trong đời quá khứ, đã phát nguyện làm trưởng tử cho mỗi vị Phật ra đời, cũng giống như hôm nay, Ngài La Hầu La làm trưởng tử của đức Phật. Cõi nước của Phật Đạo Thất Bảo Hoa rất trang nghiêm, kiếp số thọ mạng của Ngài, giáo hóa đệ tử, chánh pháp, tượng pháp lưu lại ở đời, đều giống như Phật Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương. Ngài La Hầu La cũng sẽ làm trưởng tử cho Đức Phật đó. Sau khi Ngài làm trưởng tử cho các đức Phật rồi, sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc ấy, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa kinh trường hàng ở trên, bèn nói kệ rằng :

**Khi ta làm thái tử
La Hầu làm trưởng tử
Nay ta thành Phật đạo
Thọ pháp làm pháp tử.
Ở trong đời vị lai
Thấy vô lượng đức Phật
Làm trưởng tử chủ Phật
Một lòng cầu Phật đạo.**

**Mật hạnh của La Hầu
Chỉ ta mới biết được
Nay làm trưởng tử ta
Thị hiện các chúng sinh.
Vô lượng ức nghìn vạn
Công đức không thể lường
An trụ nơi Phật pháp
Vì cầu đạo vô thượng.**

Khi đức Phật làm thái tử, thì La Hầu La làm con của Đức Phật, hiện tại Phật đã thành Phật. Ngài La Hầu La tiếp thọ pháp của Phật, mà làm đệ tử của Phật. Ở trong đời vị lai, Ngài sẽ gặp vô lượng ức các đức Phật. Khi mỗi vị Phật ra đời, thì Ngài đều làm trưởng tử cho các đức Phật, một lòng cầu Phật đạo.

Tôn giả La Hầu La hành mật hạnh bậc nhất, tôn giả lúc nào nơi nào, cũng đều có thể nhập định, chỉ có Phật mới biết mật hạnh của Ngài tu. Ngài hiện thân làm trưởng tử cho đức Phật, là để thị hiện cho chúng sinh thấy, vì cầu vô thượng Phật đạo. Thệ nguyện công đức của Ngài vô số ức nghìn vạn, không thể lường được. Ngài nguyện an trụ trong Phật pháp, vì cầu Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn thấy bậc hữu học và vô học hai nghìn người, tâm ý nhu hòa, thanh tịnh vắng lặng, một lòng nhìn đức Phật.

Đức Phật bảo Ngài A Nan : Ông có thấy bậc hữu học, và vô học hai nghìn người đây chăng ?

Dạ con đã thấy.

Lúc đó, Phật dùng Diệu quán sát trí, để quán sát hai nghìn vị Thanh Văn hữu học và vô học ở trong pháp hội, biết được tâm ý của họ đều rất nhu hòa. Các vị đó chẳng còn vọng tưởng dục niệm, được thanh tịnh tự tại. Các Ngài đều đồng một lòng cung kính nhìn Phật.

Phật bèn nói với Ngài A Nan : “Ông có thấy tâm ý của hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học này chăng ?

“Ngài ANan đáp: “Dạ, con đã nhìn thấy tâm ý của họ”.

A Nan ! Những người đó, sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của năm mươi thế giới, cung kính tôn trọng, hộ trì tạng pháp, sau đó đồng thời sẽ được thành Phật, trong cõi nước

mười phưởng, đều đồng một danh hiệu là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học này, đều sẽ cúng dường các đức Phật Như Lai, nhiều như số hạt bụi của năm mươi thế giới. Các Ngài đều thân tâm cung kính, tôn trọng, ủng hộ giữ gìn tạng pháp bảo của chư Phật. Sau đó, các vị đó đồng thời đều sẽ thành Phật đạo ở trong cõi nước mười phương. Vì các Ngài chí đồng đạo hợp, cùng nhau thành Phật đạo, đều đồng một danh hiệu Phật là Bảo Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Mười hiệu ở trên là tên khác của Phật.

Tuổi thọ một kiếp, cõi nước trang nghiêm, hàng Thanh Văn Bồ Tát, chánh pháp tượng pháp, thảy đều đồng nhau.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng:

Tuổi thọ thành Phật của các Ngài dài một kiếp, cõi nước trang nghiêm như nhau, giáo hóa hàng Thanh Văn Bồ Tát cũng đông nhiều, chánh pháp và tượng pháp lưu lại ở đời thời gian đều đồng nhau. Lúc đó, Phật muốn thuật lại pháp vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói :

**Hai nghìn Thanh Văn này
Nay ở trước mặt ta
Thấy đều được thọ ký
Vị lai sẽ thành Phật.
Cúng dường các đức Phật
Như đã nói ở trên
Hộ trì các tạng pháp
Sau sẽ thành chánh giác.
Trong cõi nước mười phương
Đều đồng một danh hiệu
Đều cùng ngôi đạo tràng
Chúng đắc quả Vô thượng.
Đồng hiệu là Bảo Tướng
Cõi nước và đệ tử
Chánh pháp với tượng pháp
Đều đồng chẳng khác biệt.**

**Đều dùng các thần thông
Độ chúng sinh mười phương
Danh đồn khắp hết thủy
Dần dần vào Niết Bàn.**

Hai nghìn vị Thanh Văn đó, đồng tu phạm hạnh, đồng trồng căn lành, đồng phát tâm bồ đề, đồng kết quả bồ đề. Hiện tại các vị đó, đứng ở trước đức Phật, vì công đức tu hành của các vị đó đã thành tựu, cho nên được Phật thọ ký. Các vị đó, ở đời vị lai sẽ thành Phật. Các vị đó sẽ cúng dường chư Phật nhiều như số hạt bụi. Mỗi vị Phật ra đời, các vị đó đều cùng nhau đến hộ trì tạng pháp, cuối cùng, cùng nhau thành Phật đạo. Các vị đó, mỗi vị đều thành Phật trong cõi nước mười phương. Vì các vị đó đã phát nguyện đồng tu đồng chứng, cho nên sau khi thành Phật, danh hiệu cũng đều giống nhau. Các vị đó cũng cùng một lúc ngồi đạo tràng, chuyển diệu pháp luân, thành tựu trí huệ vô thượng của Như Lai. Các vị đó đều đồng danh hiệu là Bảo Tướng Như Lai, cõi nước và đệ tử số lượng nhiều như nhau. Chánh pháp và tượng pháp, lưu lại ở đời cũng lâu dài như nhau, chẳng có gì khác nhau. Các vị đó đều cùng nhau dùng thần thông, để độ tất cả chúng sinh trong mười phương, danh đồn của các vị đó khắp cõi nước mười phương, dần dần vào cảnh giới Niết Bàn thường lạc ngã tịnh.

Bấy giờ, bậc hữu học và vô học hai nghìn người, nghe đức Phật thọ ký, đều vui mừng hớn hỏ, bèn nói bài kệ rằng :

**Thế Tôn đèn huệ sáng
Chúng con nghe thọ ký
Tâm vui mừng tràn đầy
Như được rưới cam lồ.**

Lúc đó, hai nghìn vị Thanh Văn hữu học và vô học, nghe tiếng Phật thọ ký rồi, trong tâm rất vui mừng hớn hỏ mà nói ra bài kệ. Trí huệ quang minh của Phật như đèn sáng chiếu khắp. Hai nghìn vị Thanh Văn hữu học vô học, đều đã nghe Phật thọ ký rồi, tâm đều tràn đầy vui mừng, giống như được nước pháp cam lồ rưới lên đầu.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM PHÁP SƯ THỨ MƯỜI

**Bấy giờ, đức Thế Tôn vì Bồ Tát Dược Vương, mà bảo tám vạn Đại sĩ rằng :
Dược Vương ! Ông thấy đó, trong đại chúng vô lượng chư Thiên, Long vương, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, và chẳng phải người, và hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, kẻ cầu Thanh Văn, kẻ cầu Bích Chi Phật, kẻ cầu Phật đạo, các loài như thế, đều ở trước Phật, nghe một câu, một bài kệ Kinh Pháp Hoa,**

cho đến một niệm tùy hi, ta đều thọ ký cho họ, sẽ được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phẩm này gọi là Phẩm Pháp Sư. Pháp sư phân làm năm loại :

1. Thọ trì pháp sư: Tức là thọ nơi tâm, trì nơi thân, vĩnh viễn chẳng quên mất nghĩa kinh. Trong tâm hiểu rõ đạo lý Phật pháp, còn thân thể thì chiếu theo Phật lý thật hành, tu tất cả các pháp.

2. Pháp sư đọc tụng kinh văn.

3. Pháp sư tụng thuộc lòng kinh văn.

4. Pháp sư biên chép kinh văn.

5. Pháp sư vì người khác giảng giải kinh văn.

Hay thọ trì, đọc, tụng, biên chép, ấn tống, rất có ích lợi đối với chính mình. Nếu hay vì người khác giảng giải kinh văn, thì đó là lợi mình lợi người. Pháp sư diễn nói nghĩa lý, cũng có thể nói là lấy pháp làm thầy. Pháp sư thuyết pháp, tức là lấy Phật pháp bố thí cho kẻ khác.

Phẩm này, Phật thọ ký cho tất cả các pháp sư, như năm loại pháp sư đã nói ở trên, cho nên gọi là Phẩm Pháp Sư.

Lúc đó, Phật nói với Bồ Tát Dược Vương và tám vạn vị Đại sĩ : “Dược Vương ! Ông có thấy chăng ? Đại chúng ở trong pháp hội này, có vô lượng chư Thiên, Long Vương, Dạ xoa, Càn thát bà, Atu la, Ca lâu la, Khẩn na la,

Ma hầu la già, người và chẳng phải người. Còn có hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Có chúng Thanh Văn tu pháp tiểu thừa, có chúng Bích Chi Phật tu trung thừa, có bậc tu đại thừa Phật đạo. Nhiều giống loài khác nhau này, đều ở trước Đức Phật, nghe Phật nói mỗi một câu pháp, mỗi một bài kệ của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho đến trong một niệm của các vị đó, mà sinh một niệm tùy hỉ khen ngợi bộ kinh này, thì ta đều thọ ký cho họ, khiến cho họ cũng được quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật bảo Dược Vương ! Lại nữa, sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người nào, dù chỉ nghe được một câu, một bài kệ của Kinh Pháp Hoa, mà sinh một niệm tùy hỉ, thì ta cũng thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác cho người đó. Nếu lại có người : Thọ trì, đọc tụng, giải thích, diễn nói, biên chép, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dù chỉ một bài kệ, mà ở nơi kinh này, cung kính xem như Phật. Cúng dường các thứ hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục,

âm nhạc, cho đến chấp tay cung kính. Được Vương nên biết ! Những người đó, tức đã từng cúng dường mười vạn ức các đức Phật, ở chỗ các đức Phật thành tựu nguyện lớn, vì thương xót chúng sinh, nên sinh vào thế gian này.

Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương : “Sau khi ta diệt độ, nếu như có người nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, cho đến nghe được một câu, hoặc một bài kệ của bộ kinh này, mà ở trong một niệm sinh tâm vui mừng khen ngợi, ta đều thọ ký thành Phật cho người đó. Giả sử, lại có người: Thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thích nói bộ kinh này, hoặc chỉ vì người giải thích nói một bài kệ của kinh văn, mà người đó lại cung kính lễ bái, xem Kinh Pháp Hoa giống như Phật không khác. Người đó cúng dường đủ thứ, nào dùng hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường, cho đến chỉ chấp tay lại lễ bái.

Dược Vương ! Ông nên biết, họ đã từng cúng dường mười vạn ức các Đức Phật. Những người đó, ở tại cõi nước chư Phật thành tựu thế nguyện của họ đã phát, chỉ vì họ từ bi thương xót tất cả chúng sinh, cho nên sinh vào thế giới này, mục đích chỉ muốn độ tất cả chúng sinh

đồng đến bờ kia, cho nên nói, họ đều là hóa thân của đại Bồ Tát để đến giáo hóa chúng sinh.

Dược Vương ! Nếu có người hỏi : Những chúng sinh nào ở đời vị lai sẽ được thành Phật ? Thì nên chỉ những người đó ở đời vị lai, tất sẽ được thành Phật. Tại sao ? Vì nếu người thiện nam, người thiện nữ, thọ trì đọc tụng giải thích nói Kinh Pháp Hoa, dù chỉ một câu, hoặc dùng các thứ : Hưởng hoa, anh lạc, hưởng bột, hưởng xoa, hưởng đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường kính mến, chấp tay cung kính, thì người đó, là chỗ đáng chiêm ngưỡng tôn thờ của tất cả thế gian, nên đem đồ cúng dường Như Lai, mà cúng dường cho người đó.

Dược Vương ! Nếu có người hỏi ông, những chúng sinh nào ở đời vị lai sẽ được thành Phật ? Thì ông nên chỉ những người đó, chỉ có những người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói bộ kinh Pháp Hoa này, ở đời vị lai chắc chắn sẽ được thành Phật. Vì sao ? Giả sử có người thiện nam, người thiện nữ, hay thọ trì, đọc tụng, giải nói

biên chép bộ kinh Pháp Hoa này, cho đến một câu, hoặc dùng: Hoa, hương, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, âm nhạc, để cúng dường bộ kinh này. Tại sao chúng ta cần cúng dường kinh quyển ? Vì kinh quyển là pháp thân của chư Phật. Thậm chí, nếu ai chấp tay cung kính bộ kinh này, thì người đó là chỗ đáng chiêm ngưỡng và tôn thờ của tất cả người thế gian.

Chúng ta cũng nên cúng dường vị pháp sư này, như cúng dường Phật không khác.

Nên biết người đó là đại Bồ Tát, thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thương xót chúng sinh mà nguyện sinh vào thế gian này, để rộng nói phân biệt Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, hà huống là người hay thọ trì, và dùng các thứ cúng dường.

Duộc vường ! Nên biết người đó, tự xả bỏ nghiệp báo thanh tịnh, sau khi ta diệt độ, vì thương xót chúng sinh, mà sinh vào đời ác, để rộng nói kinh này.

Ông nên biết, sau khi Phật diệt độ, nếu có người hay giải thích nói bộ Kinh Pháp Hoa này, họ đều là hóa thân của đại Bồ Tát. Họ sớm đã thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, chỉ bất quá vì thương xót chúng ta chúng sinh, ở trong đời ác năm trước này, mà phát đại thệ nguyện, tái sinh vào thế gian này, để rộng diễn nói và phân biệt giải thích bộ Kinh Pháp Hoa. Hà huống là những người đó, hết lòng thọ trì và dùng đủ thứ để cúng dường bộ kinh này ?

Dược Vương ! Ông nên biết, những người đó đều đã thành tựu Vô thượng chánh đẳng chánh giác, phát nguyện trở lại độ tất cả chúng sinh, mà xả bỏ đi nghiệp báo thanh tịnh của họ. Sau khi ta diệt độ, vì thương xót tất cả chúng sinh, mà sinh vào đời ác năm trước này, vì tất cả chúng sinh rộng diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này.

Sau khi ta diệt độ, nếu người thiện nam, người thiện nữ, hay riêng vì một người nói Kinh Pháp Hoa, cho dù một câu, nên biết người đó, là sứ giả của Như Lai, được Như Lai sai khiến, làm việc của Như Lai, hà huống ở trong đại chúng rộng vì người nói.

Giả sử, có người thiện nam thiện nữ, sau khi Phật diệt độ, hay riêng vì một người diễn nói bộ Kinh Pháp

Hoa này, cho dù chỉ một câu, hoặc chút phần, phải biết rằng người đó là sứ giả của Như Lai, như được Phật phái đến, để vì người thế gian giảng giải Kinh Pháp Hoa. Hà huống người đó ở trong đại chúng, vì người khác rộng nói bộ kinh này.

Dược Vương ! Nếu có kẻ ác dùng tâm bất thiện, ở trong một kiếp hiện thân ở trước Phật, thường hủy báng mắng chửi Phật, tội của người đó còn nhẹ. Nếu có người, dùng lời ác hủy báng mắng chửi người tại gia, hoặc xuất gia, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì tội đó nặng hơn.

Dược Vương ! Nếu như có kẻ tánh ác, dùng tâm bất thiện ở trong một kiếp, hiện thân ở trước Phật, luôn luôn hủy báng mắng chửi Phật, thì tội báo của người đó còn nhẹ. Song, nếu như có người, dùng một lời ác hủy báng mắng chửi người tại gia, hoặc người xuất gia đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì người đó tội báo nặng hơn so với người hủy báng Phật. Tại sao ? Vì Phật từ bi bình đẳng. Nếu ai hủy báng hoặc khen ngợi Phật như thế nào ? Thì Phật cũng đều như như chẳng lay động. Song, nếu một người tụng Kinh Pháp Hoa, chưa chứng đắc vô sinh pháp nhẫn, mà có người hủy báng, khiến cho họ sinh tâm sân hận, hoặc tâm thối lui, làm cho họ chẳng thành tựu đạo

nghiệp, thì tội của người hủy báng đó, nặng hơn rất nhiều so với hủy báng Phật. Hơn nữa, kinh Phật là pháp thân của Phật, nếu ai hủy báng kinh Phật, tức cũng là hủy báng pháp thân Phật. Trong kinh Kim Cang có nói :

“Phàm chỗ nào có kinh điển, là chỗ đó có Phật.”

Được Vương ! Nếu có người hay trì tụng Kinh Pháp Hoa, thì nên biết người đó, dùng sự trang nghiêm của Phật, mà tự trang nghiêm cho mình, tức được mang vác trên vai của Như Lai, người đó đến đâu, đều nên hưởng về người đó làm lễ. Một lòng chấp tay, cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi, dùng hưởng hoa, anh lạc, hưởng bột, hưởng xoa, hưởng đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, cỗ tiệc, tấu các âm nhạc, đem đồ tối thượng trong thế gian, để cúng dường người đó. Nên dùng hoa báu cõi trời rải lên thân người đó, vì người đó là báu tụ trên trời, nên cúng dường như thế.

Dược Vương ! Nếu có người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì ông nên biết người đó, được sự trang nghiêm giống như tượng Phật. Người đó như được mang vác trên vai của Phật, bất cứ người đó đến đâu, thì mọi người đều nên hướng về người đó cung kính đánh lễ, một lòng chấp tay thưa hỏi cung kính, mà cúng dường tôn trọng khen ngợi người đó. Dùng hương hoa, anh lạc, hương bột, hương xoa, hương đốt, lọng lụa, tràng phan, y phục, cỗ tiệc, các thứ âm nhạc, để cúng dường người đó, lại có thể dùng đồ cúng dường tối thượng nhất trong thế gian, để cúng dường người đó.

Nên dùng hoa báu trên trời rải trên thân người đó, vì người đó là báu tụ trên trời, đáng thọ sự cúng dường như thế.

Vì sao ? Vì người đó ưa thích thuyết pháp, khiến cho người nghe trong chốc lát, liền được rất ráo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Vì sao người đó được cúng dường như thế ? Vì người đó rất ưa thích thuyết pháp, khiến cho đại chúng trong thời gian chốc lát, có thể đắc được rất ráo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Lúc đó, Đức Phật muốn

vì đại chúng trong pháp hội, thuật lại tỉ mỉ rõ ràng hơn, để cho đại chúng dễ hiểu, bèn nói ra bài kệ rằng :

**Nếu muốn trụ Phật đạo
Thành tựu trí tự nhiên
Luôn siêng năng cúng dường
Người thọ trì Pháp Hoa.
Có người muốn mau được
Nhất thiết chủng trí huệ
Nên thọ trì kinh này
Và cúng dường người trì.**

Nếu như có người muốn trụ ở trong Phật đạo. Thế nào mới gọi là trụ ở trong Phật đạo ? Tức là một lòng hướng về Phật đạo, bất luận là cảnh giới thuận hoặc nghịch đến, đều chẳng lay động, đó mới là chân chánh trụ ở trong Phật đạo.

Vậy muốn trụ ở trong Phật đạo, thì trước hết phải thành tựu trí tự nhiên. Trí tự nhiên cũng gọi là trí vô sư, tức là chẳng cần sư phụ chỉ đạo, vì đã giác ngộ tất cả các pháp.

Như Ngũ Tổ Đại Sư nói : “Hợp thời ta độ người”!
Lục Tổ Đại Sư nói :

“Khi mê thì thầy độ,
Khi ngộ thì tự độ.”

Đó là đắc được trí huệ tự nhiên, cũng như qua sông chẳng cần thuyền. Vậy chúng ta làm thế nào mới có thể đắc được trí huệ tự nhiên ? Phải luôn luôn siêng năng tinh tấn, cung kính cúng dường các vị pháp sư thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói Kinh Pháp Hoa.

Nếu như có người lại muốn mau chóng đắc được bao la vạn hữu, tất cả trí huệ viên mãn, thì hãy luôn luôn tâm niệm bộ kinh vi diệu này, thân thật hành thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa này, và còn thường xuyên cúng dường những người khác thọ trì Kinh Pháp Hoa. Người đó chắc chắn sẽ đắc được nhất thiết trí huệ viên mãn của Phật. Có trí huệ viên mãn thì chẳng còn mê nữa, đó là chân chánh trụ ở trong Phật đạo.

**Nếu có người thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Đó là sứ của Phật
Thưởng xót các chúng sinh.
Những người hay thọ trì
Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Xả bỏ cõi thanh tịnh
Thưởng chúng sinh vào đời.
Nên biết người như thế
Chỗ muốn sinh tự tại**

**Ở trong đời ác này
Rộng nói pháp vô thượng.
Nên dùng hương hoa trời
Và y báu cõi trời
Diệu báu tụ trên trời
Cúng dường người thuyết pháp.**

Nếu như có người hay thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, thì bạn nên biết những người đó, đều là sứ giả của Phật đến. Vậy tại sao họ lại nguyện sinh vào đời ác năm trước này ? Vì họ thương xót tất cả chúng sinh, cho nên phát nguyện trở lại độ thoát tất cả chúng sinh. Hết thấy những người hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, họ đều xả bỏ cõi Thật Báo Trang Nghiêm, mà nguyện sinh vào đời ác năm trước. Bạn nên biết, những người đó chẳng phải thọ nghiệp báo mà sinh vào nhân gian, mà là họ tự tại muốn vào thế gian này, và còn ở trong đời ác năm trước, rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp vô thượng này, để giáo hóa tất cả chúng sinh. Cho nên, khi chúng ta gặp người thọ trì điển nói bộ kinh này, thì nên dùng các thứ hoa trời, hương trời, và đồ báu trên trời, y phục, báu vật tốt nhất trên trời, để cúng dường người thuyết pháp này. Chúng ta người tu đạo, đừng nên nghe thọ trì Kinh Pháp Hoa, đắc được nhiều thứ cúng dường, thì mau mau học tập thọ trì giải nói Kinh Pháp Hoa. Thứ vọng niệm như thế rất sai lầm.

Chúng ta thọ trì tụng niệm kinh điển là vì tu hành, liễu sinh thoát tử, vì hoằng dương Kinh Pháp Hoa, chứ chẳng phải vì muốn tham đồ cúng dường.

Tổ Sư Đạt Ma có một vị đệ tử, cô ta chuyên môn trì tụng bộ Kinh Pháp Hoa này. Sau khi cô ta chết đi, trong miệng sinh ra một đóa hoa sen màu xanh, đó cũng là công đức của cô ta tụng niệm Kinh Pháp Hoa. Cho nên chúng ta phải mau luôn luôn dụng công tu hành, ví như ngoài việc dịch kinh điển, khóa lễ sớm tối, còn phải chuyên trì pháp môn mà mình thích tu, như thế thì trên đường tu mới kiên cố công phu tu hành của mình, đừng tùy ý để thời gian trôi qua lãng phí.

Do đó, bất luận là người tại gia hay xuất gia, đều nên quán không vô ngã, mới có thể xa lìa vọng niệm, đắc được tịch tĩnh. Muốn bớt đi tập khí mao bệnh của mình, thì hãy sửa đổi tập khí mao bệnh, được như thế thì mới có thể trụ nơi Phật đạo, mới có thể tương ưng với Phật pháp.

**Đòi ác sau ta diệt
Người hay trì kinh này
Nên chấp tay kính lễ
Như cúng dường Thế Tôn.
Bày tiệc ngon thượng hạng
Và các thứ y phục**

**Cúng dường Phật tử đó
Mong được chốc lát nghe.
Nếu người ở đời sau
Hay thọ trì kinh này
Ta phái họ trong đời
Làm việc của Như Lai.**

Sau khi Đức Phật diệt độ, người hay thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, ở trong đời ác năm trước, thì chúng ta nên hướng về người đó, chấp tay lễ bái cung kính cúng dường người thọ trì kinh Pháp Hoa này, như cúng dường Phật. Đem đồ ngon vật lạ và các thứ y phục, để cúng dường vị pháp tử này. Hy vọng ở trong thời gian rất ngắn, nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này. Nếu ở trong đời vị lai, có người hay thọ trì và giải nói bộ kinh này, thì người đó giống như ta phái họ vào nhân gian, làm việc của Phật làm, tức là chuyên thọ trì, đọc tụng, biên chép, vì người giải nói bộ Kinh Pháp Hoa này.

**Nếu ở trong một kiếp
Thưởng ôm lòng bất thiện
Nổi giận mà mắng Phật
Mắc vô lượng tội nặng.
Nếu có người trì tụng**

**Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
Chốc lát dùng lời mắng
Tội này lại hơn kia.**

Nếu như có người ở trong một kiếp, thường ôm lòng bất thiện, nổi giận mà mắng chửi Phật, người này mắc vô lượng tội nặng như núi Tu Di, nói chẳng hết được. Song, nếu có người hay trụ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, lại có người mắng chửi trong thời gian rất ngắn, thì người này tội nặng hơn người mắng chửi Phật.

**Có người cầu Phật đạo
Mà ở trong một kiếp
Chấp tay ở trước ta
Dùng vô số kệ khen.
Do vì khen ngợi Phật
Được vô lượng công đức
Khen tốt người trì kinh
Phước này lại hơn kia.**

Nếu như có người một lòng cầu Phật đạo, mà ở trong một kiếp, ở trước Phật chấp tay kính lễ, còn dùng vô số bài kệ để khen ngợi Phật, cho nên được công đức như số cát sông Hằng. Nếu như có người hay khen ngợi

người trì kinh Pháp Hoa, thì phước của người đó lớn hơn so với sự khen ngợi Phật.

**Trong tám vạn ức kiếp
Dùng sắc thanh diệu nhất
Cùng với hương vị xúc
Cúng dường người trì kinh.
Cúng dường như thế rồi
Nếu chốc lát được nghe
Thì nên tự vui mừng
Nay ta được lợi lớn.
Được Vương ! Nay bảo ông
Các kinh của ta nói
Mà ở trong các kinh
Pháp Hoa là bậc nhất.**

Có thể ở trong tám mươi ức kiếp, dùng sắc thanh diệu tốt nhất, và hương, vị, xúc, diệu tốt nhất, để cúng dường người thọ trì Kinh Pháp Hoa. Cúng dường như thế rồi, nếu ở trong chốc lát, mà được nghe bộ Kinh Pháp Hoa này, thì tự vui mừng, vì hôm nay được nghe bộ Kinh Pháp Hoa này, được lợi ích rất lớn. Lợi ích gì ? Tức là được cơ hội thành Phật. Do đó có câu :

‘Niệm câu Nam Mô Phật,

Đều cùng thành Phật đạo.’’

Hướng gì được nghe Kinh Pháp Hoa vi diệu này.

Tại sao tôi nói thọ trì Kinh Lăng Nghiêm, thì khai mở đại trí huệ ? Thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì có thể tu thành Phật đạo ? Vì bộ Kinh Pháp Hoa này, là Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na Phật, Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật, và Thiên Bách Úc Hóa Thân Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng có đủ ba thân, bốn trí, năm mắt, sáu thông của Phật, cho nên nói Kinh Pháp Hoa là vua trong các kinh. Do đó, Đức Phật lại nói với Bồ Tát Dược Vương và đại chúng trong pháp hội: ‘’Dược Vương ! Hôm nay ta nói với ông, tất cả kinh điển của ta nói, từ thời Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, đến thời Bát Nhã, mà trong các kinh điển đó, thì Kinh Pháp Hoa là bậc nhất, cho nên nói là vua trong các kinh‘’. Cho nên, chúng ta chỉ cần nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, thì đã kết nhân duyên thành Phật thù thắng với Kinh Pháp Hoa, tương lai chắc chắn ở trong khắp hội chúng hàng Thanh Văn, hữu học vô học hai nghìn năm trăm người, nếu ai dũng mãnh tinh tấn thọ trì bộ kinh Pháp Hoa này, thì chắc chắn sớm gần gũi tất cả chư Phật Bồ Tát trong mười phương, gặp nhau trong hội Long Hoa.

Bấy giờ, đức Phật lại bảo đại Bồ Tát Dược Vương rằng : Kinh điển của ta nói vô lượng ngàn vạn ức, đã nói nay nói và sẽ

nói, mà ở trong các kinh đó, thì Kinh Pháp Hoa khó tin khó hiểu nhất.

Được Vương ! Kinh này là tạng bí yếu của chư Phật, không thể phân chia vọng trao cho người, là kinh được các đức Phật giữ gìn bảo hộ. Từ xưa đến nay chưa từng bày nói, mà kinh này lúc Như Lai còn hiện tại, đã có nhiều kẻ oán ghét, hướng chỉ sau khi Như Lai diệt độ.

Sau khi Phật nói kệ ở trên rồi, vì không để cho tất cả chúng sinh, sinh tâm hoài nghi đối với bộ Kinh Pháp Hoa này, cho nên lần nữa lại nói với đại Bồ Tát Dược Vương: “Tất cả Phật pháp kinh tạng của ta nói ra, có vô lượng vô biên nhiều trăm ngàn vạn ức bất khả thuyết. Pháp đã nói trong quá khứ, pháp hiện tại đang nói, pháp sẽ nói đời vị lai, thì bộ kinh Pháp Hoa này, khó tin khó giải nói. Vì bộ Kinh Pháp Hoa này quá áo diệu, nên phải có diệu nhân, mới có thể tiếp thọ và thọ trì kinh này. Bộ Kinh Pháp Hoa này, cũng là tạng pháp quan trọng và bí mật nhất của mười phương chư Phật, chưa bao giờ hướng ngoài bày nói. Mười phương chư Phật đều cùng hộ trì bộ kinh này, cho nên không bày nói ra bộ kinh này. Do đó, từ xưa đến nay, đều chẳng tí mả nói bày ra. Tại sao ? Vì một số người chẳng tin bộ kinh này, và khi ta nói ra bộ

kinh này, thì có rất nhiều thiên ma ngoại đạo, bàng môn tả đạo đều sinh tâm oán hận và tâm đố kỵ, hướng chi sau khi ta diệt độ ?

Được Vương nên biết ! Sau khi Như Lai diệt độ, ai hay biên chép thọ trì đọc tụng cúng dường, vì người khác nói bộ kinh này, thì được đức Như Lai lấy y trùm cho, lại được các đức Phật ở phương khác hộ niệm cho, người đó có sức tin lớn và sức chí nguyện, các sức căn lành. Nên biết người đó, cùng với đức Như Lai ở chung, được đức Như Lai lấy tay sờ đầu người đó.

Tuy nhiên như vậy, Phật cũng phải nói ra bộ kinh này. Do đó, Được Vương ! Ông nên biết sau khi Phật vào Niết Bàn, nếu có ai hay biên chép, thọ trì, đọc tụng, cúng dường, và vì người khác giải nói nghĩa lý bộ kinh này, thì có thể được Phật lấy y Cà sa trùm lên thân người đó, và còn được mười phương chư Phật, luôn luôn bảo hộ gia bị cho người đó, khiến cho họ khai mở đại trí huệ. Người đó đầy đủ sức tin lớn, do đó có câu :

‘Phật pháp như biển cả,
Có niềm tin mới vào được.’

Nếu chẳng có niềm tin, thì không thể vào trong Phật pháp, phải có niềm tin mới có công đức, mới có thể tu hành.

Do đó, nếu có ai hay thọ trì Kinh Pháp Hoa, thì họ tất có niềm tin lớn, dù thế nào đi nữa, thì họ không thể nào sinh tâm hoài nghi đối với bộ kinh này, mà còn phát chí nguyện vững chắc để phụng trì bộ kinh này. Tại sao những người này có niềm tin và chí nguyện như thế ? Vì họ trong quá khứ đã trồng xuống các căn lành và hạt giống bồ đề. Ông nên biết, họ với Phật thường ở chung với nhau, được Phật rờ đầu. Rờ đầu là biểu thị từ bi chẳng bỏ tất cả chúng sinh, tức là Phật dùng oai đức của Ngài, để gia bị cho tất cả chúng sinh, khiến tiêu trừ tất cả chướng ngại được khai mở trí huệ của Phật.

Được Vương ! Bất cứ nơi chốn nào, hoặc có người nói, đọc tụng, biên chép, hoặc có quyển kinh này ở đó, thì nên xây dựng tháp bảy báu cho thật cao rộng trang nghiêm, không cần an trí xá lợi nữa. Tại sao ? Vì trong đó đã có toàn thân của Như Lai. Tháp đó nên dùng tất cả các hoa, hương, anh lạc, lọng lụa, tràng phan, âm nhạc, ca xướng, cúng dường, cung

kính, tôn trọng, khen ngợi. Nếu có ai thấy được tháp này, mà lễ bái cúng dường, thì nên biết những người đó, đều gần Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Bất cứ ở đâu, nếu có ai giải nói, đọc tụng, biên chép, và có bộ Kinh Pháp Hoa này ở đó, mà xây tháp bằng bảy báu, tháp đó cao rộng và trang nghiêm, chẳng cần an trí xá lợi vào trong tháp đó nữa. Vì sao ? Vì nếu an trí bộ Kinh Pháp Hoa vào trong tháp, thì đồng như có pháp thân của Phật ở trong đó. Chúng ta nên dùng tất cả các thứ hoa hương, anh lạc, lọng lụa, tràng phan, âm nhạc, ca xướng, để cúng dường và cung kính tôn trọng khen ngợi bảo tháp này.

Nếu có người thấy được tháp bằng bảy báu này, mà hướng về tháp báu này đánh lễ, cho đến cúng dường, thì nên biết những người đó, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Có nhiều người tại gia, hoặc xuất gia, thực hành Bồ Tát đạo, nếu không thể thấy nghe được người đọc tụng biên chép thọ trì cúng dường Kinh Pháp Hoa này, thì nên biết người đó, chưa khéo hành Bồ Tát đạo. Nếu có người nghe kinh

điền này, thì mỗi khéo thực hành Bồ Tát đạo. Nếu có chúng sinh cầu Phật đạo, nếu thấy hoặc nghe được Kinh Pháp Hoa này, người đó nghe rồi, tin hiểu thọ trì, nên biết người đó, gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Có rất nhiều người tại gia và xuất gia tu hành đạo Bồ Tát, nếu họ không thể thấy nghe được người đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường Kinh Pháp Hoa, thì ông nên biết những người đó, chưa thực hành viên mãn Bồ Tát đạo, nếu người hay thực hành Bồ Tát đạo, lại hay thấy nghe được người thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này, thì họ mới tu hành Bồ Tát đạo viên mãn. Ngoài ra, có những chúng sinh một lòng muốn cầu quả vị Phật, nếu thấy nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, nghe rồi thâm nhập hiểu rõ và tu trì bộ Kinh Pháp Hoa này, thì những người đó gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Dược Vương ! Ví như có người khát nước, ở nơi vùng cao nguyên đào khoét tìm nước, thấy đất còn khô, biết nước còn xa, cố gắng đào không ngừng, bèn thấy

đất ước, dần dần đến bùn, tâm người đó biết chắc sắp tới nước.

Dược Vương ! Ví như có người cảm thấy rất khô khát, cần nước để giải khát, do đó ở nơi vùng cao nguyên đào giếng muốn được có nước. Song vì chỗ này là nơi cao, cho nên đất rất khô. Đó cũng là ví dụ cho tập khí ma bệnh của chúng ta cao như núi Tu Di. Nếu trên đỉnh núi Tu Di mà muốn tìm chút nước, thật là việc rất khó khăn. Do đó, khi bạn nhìn thấy đất khô, thì đủ biết cách nước còn rất xa. Đó nghĩa là tu đạo tất phải từ từ, chẳng phải một ngày nóng mười ngày lạnh. Nếu như thế thì cách xa đạo tám vạn bốn nghìn dặm. Nếu dụng công tu hành không ngừng, thì giống như mỗi ngày đều đang đào giếng, thời gian lâu thì dù nơi đất cao, cuối cùng sẽ thấy đất ước, dần dần lại thấy được bùn, đó cũng như tu đạo, dần dần sẽ chứng được sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả. Nếu tâm quyết định đào giếng không ngừng, thì biết chắc sẽ được nước, tức cũng ví dụ, một khi tu đạo dụng công khổ tu, thì tất định cách Phật đạo không xa.

Bồ Tát cũng lại như thế, nếu chưa nghe chưa hiểu, chưa thể tu tập Kinh Pháp Hoa này, thì cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác còn xa. Nếu được nghe hiểu suy nghĩ tu tập, thì biết được

gần quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bồ Tát cũng như ở trên vừa nói, nếu có người chẳng nghe qua, hoặc chẳng hiểu rõ Kinh Pháp Hoa, thì cũng không thể y theo Kinh Pháp Hoa mà tu hành. Ông nên biết, người đó cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác của Phật còn xa. Nếu được nghe thấy, hiểu rõ suy gẫm, y chiếu Kinh Pháp Hoa mà tu hành, thì tất được vô lượng tam muội, chắc chắn cách quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng bao xa. Cho nên nói, bộ Kinh Pháp Hoa này, là pháp khai quyền hiển thật. Nếu ai hay nghe được Kinh Pháp Hoa, thì đều là người có căn lành lớn, có trí huệ lớn.

Tại sao ? Vì tất cả Bồ Tát chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều thuộc nơi kinh này. Kinh này khai mở môn phướng tiện, mở bày tướng chân thật. Tạng Kinh Pháp Hoa này, sâu xa vững chắc, chẳng ai đến được. Nay Phật vì giáo hóa thành tựu Bồ Tát, mà khai thị.

Tại sao ? Vì tất cả Bồ Tát chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều bao hàm ở trong bộ Kinh

Pháp Hoa này. Bộ kinh này đều đã khai mở hết thầy pháp môn phương tiện, chỉ bày ra diệu lý tướng chân thật, mà mỗi chúng ta chúng sinh, đều có đủ thật tướng lý thể này, chỉ bất quá một số người quay lưng với giác ngộ, mà hợp với trần lao, chẳng biết mình có tướng chân thật như thế. Pháp hàm tàng trong bộ Kinh Pháp Hoa này, có đủ vô lượng ức, sâu không thể dò như biển cả, thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại được, cho nên gọi là pháp vững chắc, mà pháp trong bộ kinh này ẩn mà chẳng thấy.

Dùng quả vị Phật để luận, nếu muốn đến quả vị Phật, thì phải trải qua chín bậc, từ chín pháp giới đến pháp giới của Phật, là một đoạn đường rất dài. Vì quá dài, cho nên con người không dễ gì đạt đến trình độ Kinh Pháp Hoa. Hiện tại Phật khai quyền hiển thật, mà vì bạn mở bày con đường thành tựu của Bồ Tát.

Dược Vương ! Nếu có Bồ Tát nghe Kinh Pháp Hoa này, mà kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết người đó là Bồ Tát mới phát tâm. Nếu hàng Thanh Văn nghe kinh này, mà kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết người đó là kẻ tăng thượng mạn.

Nếu như có Bồ Tát nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, mà tâm sinh kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết họ đều là bậc mới phát tâm Bồ Tát. Nếu hàng Thanh văn

nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, mà sinh tâm kinh hãi hoài nghi sợ sệt, thì nên biết họ chẳng đủ lòng cung kính và sự tín ngưỡng Phật Pháp Tăng, cho nên tăng trưởng tâm cống cao ngã mạn, như hội Pháp Hoa vừa mới bắt đầu, thì có năm nghìn đệ tử của Phật, một khi nghe Phật muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì ai nấy đều bỏ về .

Dược Vương ! Nếu có người thiện nam người nữ nào, sau khi Như Lai diệt độ, muốn vì bốn chúng nói Kinh Pháp Hoa này, thì người thiện nam, thiện nữ đó, phải vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, rồi mới nên vì bốn chúng rộng nói kinh này.

Dược Vương ! Nếu như có người thiện nam người thiện nữ tại gia hoặc xuất gia, muốn nói kinh này, sau khi Đức Như Lai diệt độ, thì nên làm thế nào ? Những người thiện nam người thiện nữ đó, phải ở trong nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi trên pháp tòa của Như Lai, rồi mới có thể vì bốn chúng rộng nói bộ kinh này.

Nhà Như Lai là có tâm đại tử bi đối với tất cả chúng sinh. Y Như Lai là tâm nhu hòa nhẫn nhục. Tòa Như Lai là tất cả

các pháp không. An trụ ở trong đó, rồi sau đó dùng tâm không giải đãi, mà vì các Bồ Tát và bốn chúng, rộng nói Kinh Pháp Hoa này.

Nhà Như Lai là có đủ tâm đại từ bi. Nếu chịu đựng được người khác đánh chưởi mắng, mà chẳng sinh một chút tâm sân hận, thì tức là có tinh thần vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, xem sự đau khổ của tất cả chúng sinh, giống như sự đau khổ của mình, đó là vào nhà Như Lai. Mặc Y Như Lai là gì ? Tức là có tâm nhu hòa và tâm nhẫn nhục, chẳng có lửa vô minh nóng giận. Nếu muốn học tâm nhẫn nhục, thì chẳng phải suốt ngày đến tối, cứ niệm hai chữ nhẫn nhục, khi nghịch cảnh đến thì chẳng chịu đựng được, vì đó chẳng qua là dụng công phu ở ngoài da, phải lão thật tu hành thì mới đạt được công phu nhẫn nhục thật sự. Nếu xem tất cả các pháp đều không, thì chẳng chấp trước người, chẳng chấp trước pháp. Đó là ngồi trên tòa Như Lai.

Nếu đầy đủ được ba điều kiện này, thì sau đó dùng tinh thần chẳng giải đãi, vì tất cả Bồ Tát và Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Lúc đó, được tất cả chư Phật Bồ Tát trong mười phương, người chẳng phải người .v.v., đều đến hộ niệm và nghe người đó giảng bộ kinh này.

Được Vương ! Ta ở nơi nước khác, sai người biến hóa đến để nghe pháp, và cũng sai Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, đến nghe người đó nói pháp. Những người biến hóa đó, nghe pháp tin nhận, tùy thuận chẳng nghịch. Nếu người nói pháp ở chỗ vắng vẻ, thì ta rộng sai trời, rồng, quỷ thần, Càn thất bà, A tu la, đến để nghe nói pháp .

Tuy ta ở nước khác, nhưng luôn luôn khiến cho người nói pháp, được thấy thân ta. Nếu ở nơi kinh này, quên mất câu kinh văn, thì ta sẽ vì người đó nói, khiến cho được đầy đủ.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Dược Vương ! Tuy ta ở tại thế giới Ta Bà vào Niết Bàn, đến nước khác giáo hóa chúng sinh, song có người ở tại nhân gian vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai, ngồi tòa Như Lai, giảng giải bộ kinh này, thì ta phái tất cả người biến hóa của ta khắp nơi, đến khuyên mọi người đến

nghe vị pháp sư đó, giảng bộ kinh này. Ta còn phái những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, biến hóa của ta đến để nghe pháp này. Họ còn y chiếu theo pháp của Kinh Pháp Hoa này mà tu hành, tùy thuận tiếp nhận nghĩa lý kinh văn. Nếu như vị pháp sư đó, nói pháp ở tại núi rừng, hoặc nơi vắng vẻ, thì ta phái tất cả trời, rồng, quỷ thần, Cán thất bà, A tu la, đến để nghe người đó nói pháp. Tuy ta ở tại nước khác, song ta vẫn luôn luôn khiến cho người nói pháp đó, thấy được thân của ta. Vì sao ? Nghĩa là hay vì diễn nói, nghe, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, thì như thấy được ba thân bốn trí của Phật. Vì chân thân của Như Lai tức là Kinh Pháp Hoa. Nếu như có người quên mất câu kinh văn của Kinh Pháp Hoa, thì ta sẽ nói cho người đó, khiến cho người đó nhớ lại kinh văn đã quên. Nghĩa là mong mọi sự gia bị của Phật, được khai mở trí huệ, khiến cho người đó, nhìn qua kinh văn liền thấu rõ.

Lúc đó, Phật lộ ra tâm đại từ bi của Ngài, nguyện vì đại chúng thuật lại pháp vừa nói ở trên, bèn cùng kẻ nói lại cho rõ ràng hơn.

**Muốn là sự giải đãi
Hãy nên nghe kinh này
Kinh rất khó được nghe
Tin nhận được cũng khó.
Như người khát tìm nước**

**Đào khoét nơi cao nguyên
Do thấy đất còn khô
Biết rằng nước còn xa
Đàn thấy đất bùn ướt
Biết chắc chắn gần nước.**

Nếu ai muốn xa lìa sự giải đãi, thì nên nghe bộ Kinh Pháp Hoa này. Bộ kinh Pháp Hoa này rất khó được gặp, tức là người có cơ hội được nghe bộ kinh này, cũng chẳng dễ gì tin diệu pháp trong bộ kinh này, cho nên cũng không thể đắc được tác dụng của diệu pháp này. Ví như có người rất khát nước, muốn uống nước, cho nên đến vùng cao nguyên đào giếng. Song, đất ở cao nguyên rất khô, phải mất thời gian rất lâu mới đào được hố sâu, song cách nước vẫn còn xa. Nếu người đó quyết tâm tiếp tục đào, thì cuối cùng chắc chắn sẽ được nước. Đạo lý này ví dụ ở tại địa vị phàm phu chúng ta, nếu muốn tu thành Phật đạo, thì phải thâm nhập nghiên cứu tạng kinh, y theo pháp tu hành. Tuy chúng ta ở trong đời ác năm trước, từ vô thủy đến nay, tự tánh đầy dẫy vô minh phiền não, cống cao ngã mạn, cho nên chẳng dễ gì tu đạo, cách quả vị Phật tám vạn bốn nghìn dặm, song nếu chí nguyện vững chắc, thì từ địa vị phàm phu, đến địa vị sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả, cách Phật không xa. Nếu có thể tiếp tục tiến về trước, thì có ngày sẽ đạt được quả vị Phật.

**Dược Vương ông nên biết !
Tất cả những người đó
Không nghe Kinh Pháp Hoa
Cách trí Phật rất xa.
Nếu nghe sâu kinh này
Chắc rõ pháp Thanh Văn
Là vua trong các kinh
Nghe rồi suy gẫm kỹ.
Nên biết những người đó
Gần kề trí huệ Phật.**

Dược Vương ! Ông nên biết, những người ta nói ở trước, nếu chẳng nghe được bộ Kinh Pháp Hoa này, thì những người đó, đều cách trí huệ của Phật rất xa. Nếu nghe được diệu pháp sâu xa của bộ Kinh Pháp Hoa này, thì họ thật sự hiểu rõ pháp của hàng Thanh Văn, là Phật quyền xảo phương tiện, biết Kinh Pháp Hoa mới là vua trong các kinh. Nếu nghe rồi, tập trung tinh thần để suy gẫm tu tập chỗ diệu, và nghĩa lý của bộ kinh này, thì ông nên biết, người đó gần kề khai ngộ trí huệ của Phật.

**Nếu người nói kinh này
Nên vào nhà Như Lai
Mặc y của Như Lai**

**Ngôi tòa của Như Lai.
Trong chúng chẳng sợ sệt
Rộng vì phân biệt nói
Đại tử bi làm nhà
Y nhu hòa nhẫn nhục.
Các pháp không làm tòa
Nói đó vì nói pháp
Nếu khi nói kinh này
Có người ác khẩu mắng.
Như đao gậy gói đá
Vì nhỏ Phật nên nhẫn.**

Nếu như sau khi ta diệt độ, có người vì đại chúng, giải thích nói bộ Kinh Pháp Hoa này, thì người đó phải vào nhà Như Lai, mặc y của Như Lai, ngồi trên tòa của Như Lai. Sau đó, ở trong đại chúng nghiêm trang, chẳng có sợ sệt rộng nói bộ kinh này. Nghĩa là, người đó phải có tâm đại tử bi của Phật, phát nguyện muốn cứu độ tất cả chúng sinh, lìa khổ được vui, đối với mọi người đều nhu hòa nhẫn nhục, nhẫn những gì mà kẻ khác không nhẫn được, nhường những gì người khác không nhường được, vẫn phải phá mọi chấp trước người và pháp, thì mới ở trên pháp tòa vì đại chúng nói kinh này.

Nếu khi giảng giải bộ kinh này, mà có người dùng ác khẩu để mắng chửi người đó, hoặc dùng dao gậy ngói đá để đánh người đó, thì người đó nên nhớ tâm từ bi của Phật, nhớ tâm nhẫn nhục tất cả các pháp, nhớ tất cả pháp đều không.

**Ta ngàn vạn ức cõi
Hiện thân tịnh kiên cố
Nói vô lượng ức kiếp
Vì chúng sinh nói pháp.
Nếu sau ta diệt độ
Người nói được kinh này
Ta sai hóa bốn chúng
Tỳ Kheo Tỳ Kheo ni.
Và cư sĩ nam nữ
Cúng dường pháp sư đó
Dẫn đạo các chúng sinh
Tập hợp khiến nghe pháp.
Nếu có kẻ ác hại
Dùng dao gậy ngói đá
Thì ta sai hóa nhân
Để bảo hộ người đó.**

Đức Phật lại nói : “Sau khi ta diệt độ, ta ở trong nghìn vạn ức cõi nước, hiện pháp thân thanh tịnh và kiên cố, ở trong vô lượng ức kiếp, vì hết thảy chúng sinh nói pháp. Nếu sau khi ta diệt độ, có vị pháp sư nào hay giải nói bộ Kinh Pháp Hoa này, thì ta phái hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, những người biến hóa của ta, đến cúng dường vị pháp sư giảng nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Ta sẽ dẫn đạo tất cả chúng sinh, tập họp lại một chỗ, khiến cho họ nghe Kinh Pháp Hoa. Nếu có người dùng đao gậy và ngói đá, để hại vị pháp sư đó, thì ta sai những người biến hóa tự tại, đến bảo hộ vị pháp sư đó.

**Nếu người đó nói pháp
Một mình nói chỗ vắng
Vắng vẻ chẳng người nghe
Độc tụng kinh điển này.
Bấy giờ ta sẽ hiện
Thân thanh tịnh quang minh
Nếu quên mất chuông câu
Vì nói khiến thông lợi.
Nếu người đủ đức hạnh
Hoặc vì bốn chúng nói
Nói vắng đọc tụng kinh
Đều được thấy thân ta.**

**Nếu người nổi chỗ vắng
Ta sai trời long vương
Dạ xoa quỷ thần thấy
Để làm chúng nghe pháp.
Người đó thích nói pháp
Phân biệt chẳng quái ngại
Vì chữ Phật hộ niệm
Hay khiến đại chúng vui.
Nếu gần gũi pháp sư
Mau được Bồ Tát đạo
Tùy thuận thầy đó học
Được thấy Hằng sa Phật.**

Nếu như sau khi ta diệt độ, có người muốn vì đại chúng nói bộ kinh Pháp Hoa này, song người đó một mình ở chỗ hoang dã không có người, nơi đó thanh tịnh, mỗi ngày chẳng nghe tiếng người. Người đó ở tại nơi này đọc tụng Kinh Pháp Hoa này, lúc bấy giờ, ta sẽ vì một người đọc tụng Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra pháp thân thanh tịnh quang minh. Đó là Kinh Pháp Hoa hay khiến cho người đọc tụng khai mở đại trí huệ, có trí huệ thanh tịnh, thì sẽ có quang minh thanh tịnh, có quang minh thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ hiện ra pháp thân thanh tịnh, cho nên gọi là pháp thân thanh tịnh quang minh. Nếu như

người tụng trì Kinh Pháp Hoa, mà quên mất một bài kệ, hoặc một câu kinh, thì ta sẽ yên lặng nói cho người đó, như ở trong thiền định hoặc ở trong mộng, khiến cho người đó ký ức nhớ lại. Nghĩa là Phật thường ở trong cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, dùng sức oai thần của Ngài để gia bị cho người thọ trì giải nói, khiến cho trí huệ của người đó tăng trưởng. Nếu có người đầy đủ đức hạnh, vì bốn chúng nói Kinh Pháp Hoa, hoặc ở tại nơi vắng vẻ đọc tụng kinh này, thì ta sẽ khiến cho họ được thấy pháp thân của ta. Kỳ thật, bộ Kinh Pháp Hoa tức là pháp thân của Phật.

Nếu người nào hay đọc tụng, tất sẽ khai mở trí huệ của Phật, và được thấy pháp thân của Phật. Nếu như có người ở tại nơi hoang dã, rừng sâu núi thẳm, giải nói bộ kinh này, thì ta sẽ sai tất cả trời rồng tám bộ chúng, dạ xoa, quỷ thần .v.v., đến làm thỉnh chúng trong pháp hội này. Người đó thích giảng Kinh Pháp Hoa, mà còn giải nói diệu lý của kinh này, được viên dung vô ngại, quang quang chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, chẳng có quái ngại, vì Phật đều đang gia bị cho người đó, khiến cho pháp của người đó nói, làm cho đại chúng sinh vui mừng.

Nếu có người thường gần gũi vị pháp sư này, tất rất mau thông đạt Bồ Tát đạo. Nếu theo vị pháp sư đó học Phật pháp, thì tương lai chắc chắn sẽ thấy được các Đức Phật, nhiều như số cát sông Hằng, rờ đầu thọ ký cho người đó.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM THẤY BẢO THÁP THỨ MƯỜI MỘT

Phẩm thứ mười một gọi là Phẩm Thấy Bảo Tháp. Thấy là nhìn thấy, thấy bảo tháp. Một số người dùng mắt để thấy. Kỳ thật, những gì chúng ta thấy, chẳng riêng gì dùng mắt để thấy, mà còn phải dùng tâm để thấy; chẳng những tâm nhìn thấy đặng, mà bốn tánh cũng nhìn thấy đặng. Vì Đa Bảo Như Lai cũng ở trong bốn tánh của chúng sinh. Hiện là hiện bốn tánh Như Lai, thấy là thấy bốn tánh Như Lai, cũng đều là thấy bảo tháp.

Đạo lý tâm thấy và tánh thấy, có người sẽ không tin. Vì một số người chỉ biết dùng mắt mà chẳng biết con mắt vốn chẳng thấy được. Nếu con mắt thấy được, tại sao người chết rồi, con mắt vẫn còn mà sao không thấy ? Do đó, có thể chứng minh chẳng phải con mắt thấy, mà là tánh thấy. Có người nói: ‘Hiện tại khoa học phát triển, có thể lấy con mắt của người này, gắn vào con mắt của người khác, vẫn có thể nhìn thấy mọi vật’. Đó chẳng

phải là mắt thấy, mà là sự thấy của tánh thấy. Vì mắt có tánh thấy, cho nên thấy được. Nếu chẳng có tánh thấy, thì sẽ không thấy được. Vậy tánh thấy là gì ? Bạn nhìn chẳng thấy được.

Trong Kinh Lăng Nghiêm nói:

“Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập”.

Nghĩa là :

Thấy do lìa thấy, không thể thấy được.

Thấy cũng phải lìa sự thấy này, tại sao bạn nhìn chẳng thấy ? Vì sự thấy là chẳng có. Nếu chiếu theo đạo lý này mà nói, thì bạn nhìn thấy mọi vật, cũng chẳng tồn tại. Có người nói: “Đạo lý này tôi không tin”, vì bạn không tin, nên chẳng hiểu đạo lý Kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa là phá tất cả mọi sự chấp trước của bạn, sự thấy mọi vật chất của bạn, là từ phần tướng của tám thức hiện ra, kỳ thật cũng là giả, cái mà nhìn không thấy mới là thật. Cái đó là gì ? Tức là tự tánh của bạn, tròn trịa, sáng suốt, viên dung vô ngại. Nếu buông xả được cái giả, thì biết được cái thật .

Tóm lại, bạn nhìn không thấy, thì đó mới là thật thấy; bạn nhìn thấy được, đó là tướng phần của tám thức, chẳng phải phần thấy. Đạo lý này càng nghiên cứu thì càng diệu, hôm nay nói về sự thấy đến đây thì ngừng. Trong Kinh Kim Cang nói :

“Phàm tất cả các tướng,
Đều là hư vọng,
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,
Tức thấy Như Lai”.

Bảo là thất bảo (bảy báu): Tức là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, trân châu, mai khôi.

1. Vàng : Tính của vàng là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, đại biểu cho trí huệ kiên cố.

2. Màu của bạc sạch trắng, đại biểu cho hạnh môn thanh tịnh.

3. Lưu ly là thể sáng suốt thấu triệt, biểu thị cho trí huệ sáng suốt.

4. Xa cừ có tướng chuyển động, biểu thị cho tâm ủy khúc, người tu đạo phải có tâm nhẫn và nhường nhịn.

5. Mã não là tạp sắc, bên trong có màu đỏ, màu vàng, màu trắng, vì có nhiều màu, biểu thị cho trí huệ vạn hạnh, do đó có câu “Vạn đức trang nghiêm”.

6. Trân châu là tròn sáng, biểu thị cho trí huệ viên dung vô ngại.

7. Mai khôi là ngọc thạch, có tính ôn nhuận, biểu thị cho trí huệ ôn nhuận. Dùng bảy báu này để tạo tháp, cho nên gọi là bảo tháp (tháp báu) .

Tháp là phương mộ, nơi cúng dường chân thân của Phật và Tổ Sư, tức cũng là nơi thờ Phật xá lợi. Tháp có hình bốn góc, hình sáu góc, hình tam giác, và hình tròn. Có tháp làm bằng gạch, bằng đá, bằng gỗ. Tháp cao nhất

có mười ba tầng, thấp nhất là hai tầng. Tám tầng trở lên là tháp Phật, bảy tầng là tháp Bồ Tát, sáu tầng là tháp Bích Chi Phật, năm tầng là tháp tứ quả A La Hán, bốn tầng là tháp tam quả A La Hán, ba tầng là tháp nhị quả A La Hán, hai tầng là tháp sơ quả A La Hán. Tóm lại, phàm là nơi đáng kỷ niệm, người sau đều xây tháp để biểu thị tôn kính không quên. Giống như Đức Phật :

1. Nơi ra đời, ở ngoài thành Ca Tì La Vệ, lập tháp tại vườn Lâm Tì Ni.

2. Nơi thành đạo, xây tháp tại nước Ma Già Đà, phía nam dòng sông Ni Liên.

3. Nơi chuyển pháp luân, tạo tháp tại vườn nai ngoài thành Ba La Nại nước Ca Thi.

4. Nơi hiện thần thông, xây tháp tại vườn Kỳ Đà phía đông nam thành Xá Vệ.

5. Nơi từ trên trời xuống, xây tháp tại thành Khúc Nữ nước Tàng Già Thi.

6. Nơi hóa độ phân biệt tăng, xây tháp tại thành Vương Xá.

7. Nơi suy niệm thọ lượng, xây tháp tại thành Tì Gia Ly.

8. Nơi vào Niết Bàn, xây tháp tại thành Câu Thi Na. Nay đều trở thành thánh địa lễ bái của Phật giáo đồ.

Phàm là phẩm loại, tụ lại nghĩa lý tương đồng làm một đoạn. Kinh Pháp Hoa có bảy quyển phân làm hai

mười tám phẩm. Mỗi phẩm thành một đề mục, phẩm này là Phẩm Thấy Bảo Tháp.

Bảo tháp này được tất cả chúng sinh xây dựng, sau khi Đa Bảo Như Lai nhập diệt. Trước khi Đa Bảo Như Lai chưa thành Phật, đã từng phát nguyện: “Ta ở đời vị lai, phàm là có Phật ra đời, khi muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì bảo tháp của ta từ dưới đất sẽ vọt lên, hiện ra ở trước, trụ trong hư không, khiến cho đại chúng đều nhìn thấy được, chứng minh nói cảnh giới của Kinh Pháp Hoa là không thể nghĩ bàn”. Cho nên, có thể biết bảo tháp hiện ra là có tác dụng chứng tín.

Do đó, khi Đức Phật muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì nguyện lực của đức Đa Bảo Như Lai xuất hiện ở trong hư không. Do đó, đủ thấy Kinh Pháp Hoa rất là quan trọng. Trong một đời của đức Phật, trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, cuối cùng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Song, khi nói Kinh Hoa Nghiêm thì hàng nhị thừa chẳng tiếp thọ được. Phật từ bi đổi nói Kinh AHàm, kế tiếp nói Kinh Phương Đẳng, rồi nói Kinh Bát Nhã. Hàng đệ tử hồi tiểu hướng đại, cơ duyên thành thực, mới khai quyền hiển thật, nói bộ Kinh Pháp Hoa này.

Mùa hè năm 1968, chúng ta thành lập ban giảng tập, trước khi khai giảng Kinh Lăng Nghiêm, năm sau ban giảng tập giảng Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, Kinh Pháp Bảo Đàn, Kinh Kim Cang .v.v. Năm nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, bây giờ giảng đến Phẩm Bảo Tháp.

Đại chúng tại Giảng Đường Phật Giáo, cùng nhau nghiên cứu Phật pháp, đây chẳng phải là nhân duyên nhỏ, có thể nói là cơ hội ngàn năm mới gặp, bất quá bạn chưa được túc mạng thông, nên chẳng thấu được nhân duyên này. Chưa chứng được thiên nhãn thông, nên nhìn chẳng thấy được cảnh giới này. Song, các bạn ở đây được nghe Phẩm Thấy Bảo Tháp, mới là cảnh giới hiện tiền không thể nghĩ bàn.

Bấy giờ, ở trước đức Phật, có tháp bảy báu cao năm trăm do tuần, bề ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không, đủ thứ các báu vật nghiêm sức rất trang nghiêm. Có năm ngàn lan can, ngàn vạn phòng ốc, vô số tràng phan, dùng để nghiêm sức, chuỗi báu rủ xuống, hàng vạn ức linh báu treo trên tháp, bốn mặt đều tỏa ra hương thơm đa ma la bát chiên đàn, xông khắp thế giới.

Khi nói xong Phẩm Pháp Sư, thì ở trước đức Phật Thích Ca có tháp bảy báu hiện ra. Tháp bảy báu này cao năm trăm do tuần, bề ngang rộng hai trăm năm mươi do

tuần (đại do tuần dài 80 dặm, trung do tuần dài 60 dặm, tiểu do tuần dài 40 dặm). Tháp bảy báu này từ dưới đất vọt lên từ từ thẳng đi lên, cuối cùng ngừng lại ở trong hư không. Trên tháp báu có các thứ báu vật nghiêm sức, bốn mặt tháp báu có năm nghìn lan can, ngàn vạn phòng ốc và vô số tràng phang trang nghiêm. Lại treo chuỗi báu rủ xuống, và linh báu tòng ten có đến hàng vạn ức. Bốn mặt tháp báu tỏa ra hương thơm đa ma la bạt (tính vô cấu) chiên đàn. Thứ hương thơm này xông khắp đại thiên thế giới.

Năm trăm do tuần, biểu thị chúng sinh thọ khổ ở trong năm đường luân hồi. Hiện tại làm cho năm đường luân hồi dừng lại, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui. Hai trăm năm mươi do tuần, biểu thị cho hai trăm năm mươi giới điều. Người tu hành phải chiếu theo giới luật mà tu hành, mới thành tựu đạo nghiệp. Đi đứng năm ngời bốn oai nghi, mỗi oai nghi có hai trăm năm mươi giới điều, hợp lại là một nghìn. Lại thêm quá khứ một nghìn, hiện tại một nghìn, vị lai một nghìn, hợp lại thành ba nghìn. Do đó, có câu: ‘Ba nghìn oai nghi, tám vạn tế hạnh’.

Dùng các thứ báu vật nghiêm sức, là biểu thị đủ thứ hạnh môn, trang nghiêm đạo nghiệp. Năm nghìn lan can, nghìn vạn phòng khám, biểu thị một thứ công đức của vạn điều lành. Vô số tràng phan, biểu thị định huệ. Tràng biểu thị cho định, phan biểu thị cho huệ. Định tức

là tĩnh, huệ tức là động. Định huệ đồng đều thì trí huệ hiện tiền, đây là một thứ biểu pháp mà thôi.

Chuỗi là dùng bảy báu tạo thành đồ trang sức, treo ở trước ngực, biểu thị trang nghiêm. Giảng đến chuỗi, tôi bèn nhớ đến một câu chuyện : Lúc Phật còn tại thế, vua thành Vương Xá là Tần Bà Sa La, là đệ tử của Phật, cũng là đại hộ Pháp. Con trai của ông ta là vua A Xà Thế, nghe lời Đề Bà Đạt Đa xúi giục, nhốt vua cha vào ngục tù bảy lớp cửa, cấm không cho ai vào thăm, chỉ có mẹ của ông ta được vào. Tại sao xảy ra sự việc này ? Vì Đề Bà Đạt Đa muốn làm Phật mới, tuyên truyền bên ngoài rằng Phật Thích Ca là Phật cũ. Đề Bà Đạt Đa muốn khởi cách mạng trong Phật giáo, nếu chẳng có ai trợ giúp, thì sẽ không thành công. Cho nên liên hợp với vua A Xà Thế, xúi vua A Xà Thế giết vua cha đoạt ngôi, khẩu hiệu là “Vua mới Phật mới, cùng trị thiên hạ”. Ý niệm xấu này, khiến cho vua A Xà Thế động tâm, muốn làm vua mới, thì phải phế trừ vua già. Do đó, bèn ra tay đoạt quyền lợi của vua cha, tự lên làm vua mới. Hai con lang bái làm bậy, đi khắp nơi tìm Phật nhiều hại.

Mẹ của vua A Xà Thế là bà Vi Đề Hi, mỗi lần gặp vua già, thì lợi dụng khâu chuỗi (trống không ở giữa) đổ đầy nước nho, để cho vua già uống giữ gìn tánh mạng. Hai người ở trong ngục than thở nói : “Vì sao lại sinh ra đứa con ngỗ nghịch này, chắc là nghiệp báo kiếp trước ? Đức Phật có thần thông, hãy đến cứu chúng con”! Bèn

hương về núi Linh Sơn cầu : “Đức Thế Tôn ! Xin ngài phát lòng đại từ bi, cứu chúng con khỏi biển khổ”! Lúc đó, tôn giả Mục Kiền Liên và tôn giả A Nan từ hư không đến. Thân của Đức Phật phóng ra quang minh màu vàng tía, ngồi trên trăm hoa sen báu vì họ nói Kinh Thập Lục Quán .

Linh báu dùng để làm cho chim sợ, cho nên nơi góc chùa tháp đều treo các linh báu. Gió thổi vang ra tiếng linh, có thể làm cho chim bay khỏi chỗ này. Nếu có người phát tâm cúng dường linh báu treo ở góc tháp, thì âm thanh đời sau chắc chắn to hay, là có sự cảm ứng thù diệu này.

Các phan lọng đều làm bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, mai khô, bảy báu, cao đến cung trời Tứ Thiên Vương. Trời Đao Lợi mưa xuống hoa trời mạn đà la, để cúng dường bảo tháp.

Hết thấy tất cả phan báu và lọng báu, đều dùng : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, mai khô, bảy báu, hợp thành, cao đến cung trời Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương là tầng trời thứ nhất của sáu cõi trời dục giới, nằm ở giữa núi Tu Di. Bốn hướng mỗi hướng đều có một Thiên Vương trấn thủ. Phương đông là Trì Quốc Thiên Vương, phương nam là Tăng Trưởng Thiên Vương,

phương tây là Quảng Mục Thiên Vương, phương bắc là Đa Văn Thiên Vương. Mỗi vị Thiên Vương có tám vị đại tướng, trấn thủ bốn phía Trời Đao Lợi, chống giữ binh A Tu La xâm lược. Bồ Tát Vi Đà là một trong ba mươi hai vị đại tướng.

Trời Đao Lợi (Trời Tam Thập Tam) mưa hoa mạn đà la (màu trắng) cúng dường tháp báu. Trời Đao Lợi ở trên đỉnh núi Tu Di, vì bốn phương mỗi phương có tám trời, thêm một trời ở giữa, cộng thành Trời Ba Mươi Ba (Trời Tam Thập Tam). Đây là địa cư thiên, tại mỗi trời có một vị Thiên chủ quản lý, chúa trời ở giữa là trời Đế Thích. Ở trong đạo giáo gọi ông ta là Ngọc Hoàng đại đế, ngoại đạo gọi ông ta là Thiên Chúa, trong Phật giáo gọi ông ta là Thích Đề Hoàn Nhân.

Hôm nay (25/9/1970) nói về lai lịch của Thiên Chúa trời Tam Thập Tam cho mọi người nghe, khiến cho mọi người minh bạch chân tướng của Thiên Chúa.

Ngoại đạo cho rằng Thiên Chúa là chủ tể tối cao vô thượng, thật tể Chúa trên trời là hộ pháp của Phật giáo. Ở trong Phật đường, Thiên Chúa chẳng có tư cách ngồi, chỉ có thể đứng, thậm chí phải đứng ở ngoài cửa. Vì sao ? Vì ông ta là hộ pháp.

Trong vô lượng kiếp về trước, có ba mươi ba người nữ, cùng nhau phát tâm tu sửa lại ngôi chùa và tượng Phật. Trong đó có một vị lãnh tụ, lãnh đạo ba mươi hai người nữ kia làm việc thiện. Vị lãnh tụ này, vốn là người

nữ rất nghèo, song có tâm từ thiện. Một ngày nọ, đi ngang qua ngôi chùa cổ, thấy tượng Phật bị gió thổi mưa rơi, vàng dán tượng Phật đã tróc ra, lại thấy nóc điện Phật đã lâu năm chẳng tu sửa lại, ngói bể rơi rớt. Cô ta mới phát tâm trùng tu, song cô ta rất nghèo, do đó có câu : “Tâm thì dư mà sức không đủ”, bèn đi các nơi hóa duyên. Trời cao không phụ lòng người, tâm kiên thành của cô ta cảm động ba mươi hai người nữ, phát tâm tùy hỷ công đức, thành tựu tâm nguyện của cô ta. Mọi người cùng nhau làm, có tiền góp tiền, có sức góp sức. Do đó, có câu : “Người có chí, việc tất thành”, chẳng lâu, điện Phật hư đột, vàng dán tượng Phật tróc ra đều làm mới lại hết. Công đức viên mãn rồi, đời người vô thường, ba mươi ba người nữ lần lượt qua đời, được sinh lên Trời Đao Lợi, làm Thiên Chúa Trời Tam Thập Tam. Vì công đức sửa chùa mà được quả báu đó.

Tôi nhớ lại, khi làm Chùa Tam Duyên tại Hợp Nhĩ Tân, thì tôi đến hoá duyên ở nhà thí chủ nọ. Khi vào cửa tôi bèn nói : “Hôm nay tôi đến nhà các vị, các vị nên sinh tâm hoan hỷ, tôi là người mang phước đức đến, các vị nên tạo cơ hội trồng phước đức. Hiện nay Chùa Tam Duyên đang xây đại hùng bảo điện, nếu bố thí vàng bạc, thì công đức không thể nghĩ bàn, các vị đừng bỏ qua cơ hội gieo trồng phước đức”. Tôi chẳng phải là người hay nói, song tôi nói như thế, thì những người đó đều phát

tâm lạc quyền. Có người nói : “Tôi để dành tiền được mười năm, đều đem ra hết để làm chùa”.

Tụ cát thành tháp, tôi vận động được rất nhiều tiền, đây là sự hóa duyên của tôi đã trải qua.

Ngoài ra các trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, cả thầy ngàn vạn ức chúng, đều đem tất cả hoa, hương, anh lạc, phan lọng, âm nhạc, cúng dường bảo tháp, cung kính tôn trọng khen ngợi.

Ngoài ra tất cả trời rồng tám bộ chúng và người chẳng phải người .v.v., có rất nhiều hàng ngàn ức chúng. Họ đều dùng tất cả hoa quý, hương quý, chuỗi, phan báu, lọng báu, và các thứ âm nhạc để cúng dường Bảo Tháp, còn cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bảo tháp.

Bây giờ giải thích về tám bộ chúng. Trời và rồng thuộc về tâm thiện, ngoài ra sáu bộ chúng kia thuộc về tâm ác. Song, vì được Phật cảm hóa, nên đều biến thành thiện thần hộ pháp. Phạm là nơi nào có giảng kinh thuyết pháp, họ đều đến hộ trì đạo tràng.

1. Trời : Tức Tứ Thiên Vương trời dục giới, họ chẳng những trấn giữ thiên cung, mà còn bảo vệ nhân

gian. Bồ Tát Vi Đà là một vị đại tướng trong ba mươi hai đại tướng. Ngài được Phật ký thác hộ trì an toàn cho người tu đạo, khiến cho ma không thể nhiễu loạn tâm người tu đạo.

2. Ròng : Ròng có thần thông, biến hóa khó dò. Khi thuở xưa tu đạo, thì do "Thừa cấp giới hoãn" nên đọa làm súc sinh, song có thần thông. Tóm lại, ròng tu pháp đại thừa, dũng mãnh tinh tấn, cho nên có thần thông. Song chẳng giữ giới luật, do đó bị đọa làm thân ròng.

3. Dạ Xoa : Dịch là "Tiệp tạt quý". Có ba loại dạ xoa.

- A. Địa hành Dạ xoa.
- B. Không hành Dạ xoa.
- C. Phi hành Dạ xoa.

Có loài Dạ xoa hút khí của người, uống máu người, hoặc ăn tinh người, tác quái khắp nơi, khiến cho người chẳng bình an.

4. Càn Thát Bà : Dịch là "Hương thần", dùng hương làm thức ăn, thân tỏa mùi thơm, là thần nhạc của thượng đế. Khi Thượng đế muốn nghe âm nhạc, đốt hương trầm thủy chiên đàn lên, thì chúng gửi hương mà đến Thiện Pháp Đường của Thượng đế, để diễn tấu âm nhạc, khiến cho Thượng đế hoan hỉ.

5. Atu La : Dịch là "Vô đoan chánh". Ngũ quan của nam Atu la chẳng đoan chánh, song tướng mạo của nữ A

tu la rất đẹp (Thượng đế cưới con gái của vua A tu la làm vợ). Lại dịch là "Vô tửu". A tu la ở trên trời có phước trời, mà chẳng có quyền lực trời, vì chẳng có rượu để uống, thường phát sinh chiến tranh, muốn đoạt địa vị Thiên Chúa.

6. Ca Lô La : Dịch là "Kim sí điều", cánh của nó triển khai ra dài ba trăm sáu mươi do tuần, có thể quạt nước biển rẽ làm hai, bắt rồng nuốt vào bụng, một ngày ăn rất nhiều rồng. Vua rồng thấy loài rồng gần như tuyệt giống, tâm nghĩ chỉ có Phật mới có biện pháp cứu rồng con rồng cháu. Do đó, bèn đến chỗ Đức Phật nhờ Phật trợ giúp. Phật ban cho một tấm y cà sa, bảo cứ lấy một sợi chỉ của tấm y này cột lên mỗi con rồng, thì tính mạng của rồng sẽ được an toàn, không còn bị kim sí điều uy hiếp nữa.

Kim sí điều ăn rồng chẳng được nữa, đói quá cũng đến chỗ Đức Phật nói : ‘Đức Thế Tôn ! Chúng tôi lấy rồng làm thức ăn, chẳng có rồng để ăn, chắc phải chết đói, bây giờ Ngài tính sao đây’? Phật nói : ‘Các người sẽ không chết đói, ta sai đệ tử của ta, khi ăn cơm thì bố thí cho các người một phần cơm’.

Từ đó về sau, chư Tăng trước khi dùng cơm, đều lấy bảy hạt cơm cúng cho Đại bàng kim sí điều.

7. Khẩn Na La : Dịch là "Nghị Thần". Vì tựa như người, song có một cái sừng, khiến cho người thấy sinh nghi. Khéo về âm nhạc, cũng là Thần nhạc của Ngọc Đế, chuyên tấu trang nghiêm pháp nhạc, khi Ngọc Đế cử

hành yến tiệc, hoặc pháp hội, thì dưới nách của chúng ra mờ hôi, bay thẳng lên trên trời biểu diễn ca khúc trang nghiêm và nhảy múa, khiến cho người thưởng thức sinh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

8. Ma Hầu La Già : Dịch là "Đại phục hành", tức là đại măng xà. Chúng có tâm sân hận, thường phun khí độc hại người. Nếu có tâm sân hận, sau khi chết sẽ đọa làm măng xà. Vợ của Vua Lương Võ Đế, lúc sinh tiền đố kỵ với các mỹ nữ, vào lúc ba mươi hai tuổi thì chết, đọa làm đại mãn xà. Vua Lương Võ Đế mới thỉnh Thiền Sư Bảo Chí, soạn một bộ Lương Hoàng Bảo Sám, để siêu độ bà vợ khỏi thân mãn xà được thăng lên trời.

Bấy giờ, trong bảo tháp vang ra âm thanh lớn khen rằng : Lành thay, lành thay ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, hay dùng pháp đại trí huệ bình đẳng, để giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà vì đại chúng nói. Như thế, như thế ! Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn, như lời của Ngài nói, đều là chân thật.

Sau khi trời rờng tám bộ chúng cúng dường rồi. Lúc đó, bảo tháp ở trong hư không phát ra âm thanh lớn, khen ngợi nói : "Tốt lắm, tốt lắm ! Thích Ca Mâu Ni Thế

Tôn, hay dùng pháp đại trí huệ bình đẳng, để giáo hoá Bồ Tát. Mười phương chư Phật đều đến hộ niệm Ngài, dùng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì đại chúng giảng nói. Tức là như thế ! Như thế ! Pháp của Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn nói, đều là diệu pháp chân thật không hư'. Khi Phật nói bộ kinh này, thì Đa Bảo Như Lai đến trước làm chứng, khiến cho đại chúng tin mà chẳng sinh tâm hoài nghi.

Thích Ca dịch là "Năng nhân", Mâu Ni dịch là "Tịch mặc". Thế Tôn là bậc tôn kính của thế và xuất thế. Năng nhân là từ bi độ chúng sinh. Tịch mặc là thanh tịnh tu thành đức. Năng nhân là động, tịch mặc là tĩnh. Trong động có tĩnh, trong tĩnh có động; động chẳng ngại tĩnh, tĩnh chẳng ngại động, gọi là pháp môn không hai.

Phật Thích Ca Mâu Ni tuy nhiên ở trong tĩnh, song vẫn giáo hóa chúng sinh. Tuy nhiên phổ hóa chúng sinh, song vẫn ở trong định, cảnh giới này diệu không thể tả. Bây giờ đưa ra ví dụ dễ hiểu để thuyết minh, tức là khi ngủ và khi tỉnh đều như nhau, khi tỉnh và khi ngủ cũng giống nhau. Tức là đạo lý này, các bạn hiểu rõ chứ !

Nếu các bạn cảm thấy tỉnh tức là ngủ, vậy tức là không ngủ, cũng không quan trọng. Vì bạn ngủ không cảm thấy là tỉnh, cho nên phải ngủ. Ví dụ về sự tỉnh tức là giác, ngủ tức là mê. Khi ngủ tuyệt đối sẽ không biết sự việc làm lúc tỉnh, cũng chẳng biết sự việc làm hôm qua, hôm nay và ngày mai. Có người nói : "Cảnh giới mà tôi thấy ở trong mộng, ngày thứ hai quả nhiên sự thật". Đây

là linh cảm, chứ chẳng phải thật biết, cũng có thể là Phật Bồ Tát giúp bạn, báo cho bạn biết trước sự việc.

Việc hôm qua làm, việc ngày mai làm, ở trong mộng đều không biết, hướng chi biết được sự việc đời trước và đời sau ? Mọi người đừng vì không thấy, mà phủ nhận nhân quả tồn tại ba đời.

Bấy giờ, bốn chúng đều thấy bảo tháp lớn trụ ở trong hư không, lại nghe trong tháp vang ra âm thanh, thấy đều được pháp hỉ, lạ chưa từng có, từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, rồi đứng về một bên.

Lúc đó, bốn chúng đệ tử đều nhìn thấy bảo tháp lớn trụ ở trong hư không. Giảng đến đây có người sinh tâm hoài nghi : ‘‘Bảo tháp chẳng có đưng đất, làm sao có thể trụ ở trong hư không được’’? Vấn đề này rất dễ giải đáp, bây giờ có chứng minh rất tốt. Mọi người đều biết có trạm thái không (MIR), trụ ở trong không gian để nối liền vệ tinh và nghỉ ngơi, sau đó lại bay đến thế giới thứ hai.

Các bạn thử nghĩ, sức người còn có thể làm được cảnh giới vi diệu như thế, huống gì Phật pháp vi diệu hơn không thể nghĩ bàn. Bảo tháp này dưng ở trong hư không, giống như trạm thái không, chẳng có gì kỳ lạ. Khoa học

càng phát đạt, thì chứng minh chân lý Phật pháp càng chánh quyết, do đó có câu :

“Sự thật thắng hùng biện”.

Bảo tháp trụ ở trong hư không, đây là biểu pháp, biểu thị vô sở trụ. Tuy bảo tháp trụ ở trong hư không, song làm sao trụ ? Đây là khiến cho người đừng chấp trước. Nếu có sự chấp ngã (cái ta), và chấp pháp, thì trở thành đá buộc chân mà tu đạo .

Bốn chúng đệ tử lại nghe âm thanh phát ra từ trong bảo tháp lớn, đều đắc được pháp hỷ sung mãn, quên hẳn phiền não, cảm thấy rất kỳ lạ. Chưa từng thấy qua cảnh giới bảo tháp trụ ở trong hư không. Do đó, bốn chúng đệ tử đều từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay lại, lui về một bên, để chờ giải thích vấn đề này.

Bốn chúng đệ tử là: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ.

A. Tỳ kheo : Dịch là "Khất sĩ, bố ma, phá ác", ba ý nghĩa.

1. Khất sĩ : Tức là trên thì xin pháp của chư Phật, để nuôi dưỡng pháp thân, dưới thì xin cơm của đàn na tín thí, để nuôi dưỡng huệ mạng. Người xin của thế gian chỉ xin cơm áo, chẳng xin pháp, chẳng phải là khất sĩ. Khất thực có gì tốt ? Khất thực là cho chúng sinh có cơ hội trồng phước. Chúng sinh cúng dường Tam Bảo, mới đắc được phước đức. Nếu chẳng cúng dường Tam Bảo, thì

phước đức sẽ cạn mỏng đi. Một số người chẳng hiểu trông phước đức, cho nên Tỳ Kheo đi khát thực, khiến cho họ trông phước đức, sinh tâm bố thí cúng dường, đây là đối với thí chủ mà nói. Đối với bốn thân Tỳ Kheo mà nói, thì có thể diệt trừ tâm tham của mình. Mỗi ngày xin được gì thì ăn cái đó, tuyệt đối chẳng có tâm phân biệt. Khát thực phải thứ lớp mà khát, không thể bỏ nghèo tìm giàu, càng không thể bỏ hèn tìm sang, đều xem như nhau, bình đẳng để cho chúng sinh đến gieo phước điền. Phật giáo chủ trương bình đẳng, ai ai cũng đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, đây là tinh thần bình đẳng.

2. Bồ ma : Có người xuất gia tu đạo, thì thiên ma chẳng vui. Tại sao ? Vì chúng bớt đi một quyển thuộc. Khi vị Tỳ Kheo thọ giới cụ túc, thì có tam sư thất chứng. Tam sư tức là Đắc Giới Hòa Thượng, Yết Ma Hòa Thượng, Giáo Thọ Hòa Thượng. Thất chứng là bảy vị luật sư đến làm chứng minh. Mười vị đại biểu cho mười phương chư Phật, truyền thọ giới pháp của Phật.

Lúc đó, Yết Ma Hòa Thượng hỏi giới tử: “Ông đã phát bồ đề tâm chưa”?

Giới tử đáp: “Đã phát bồ đề tâm”.

Lại hỏi: “Có phải là đại trọng phu không”?

Đáp: “Là đại trọng phu”.

Sau khi vấn đáp, thì Địa hành dạ xoa truyền báo cho Không hành dạ xoa, Không hành dạ xoa đem tin này về báo cáo cho Ma Vương nói : “Hiện tại ở nhân gian lại

có một chúng sinh xuất gia làm Tỳ Kheo''. Nói lời này xong, thì cung điện của ma vương chấn động, ma vương sinh tâm sợ hãi.

3. Phá ác : Tức là phá trừ tất cả phiền não. Phá được phiền não thì bồ đề mới hiện .

Vì Tỳ kheo có ba nghĩa cho nên không dịch. Thời xưa dịch kinh có năm quy định không phiên dịch :

1. Bí mật không dịch, như Chú ngữ.
2. Tôn trọng không dịch, như Bát nhã, bồ đề.
3. Thuận cổ không dịch, như A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.
4. Đa hàm không dịch, như Tỳ kheo.
5. Thử phương vô bất dịch, như quả Án Ma La.

B. Tỳ kheo ni : Tức là người nữ xuất gia tu đạo, người đã thọ giới cụ túc làm Tỳ kheo ni, chưa thọ giới cụ túc là Sa di ni. Tỳ kheo ni thọ ba trăm bốn mươi tám giới điều. Sa di ni thọ mười giới điều. Dì của Đức Phật là Ba Xà Bà Đề phu nhân, là vị Tỳ kheo ni đầu tiên. Vợ của Đức Phật là Gia Du Đà La phu nhân, cũng theo Ba Xà Bà Đề phu nhân, cùng xuất gia làm Tỳ kheo ni.

C. Cư sĩ nam : Tức là người nam gần gũi Tam Bảo. Phàm là người tại gia tu đạo thọ Tam quy ngũ giới, gọi là cư sĩ.

D. Cư sĩ nữ : Tức là người nữ gần gũi Tam bảo, hộ trì tam bảo, cúng dường Tam Bảo, đây là trách nhiệm của cư sĩ tại gia. Bốn thứ cần dùng của người xuất gia là :

Thức ăn uống, y phục, giường mền chiếu gối, thuốc thang, đều do cư sĩ cúng dường, đây là cơ sở gieo trồng phước đức.

Bấy giờ, có đại Bồ Tát tên là Đại Nhạo Thuyết, biết được chỗ nghi ngờ ở trong tâm của tất cả thế gian, trời, người, A tu la, bèn bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì, mà có bảo tháp này từ dưới đất vọt lên, và ở trong đó lại phát ra âm thanh ?

Lúc đó, có vị đại Bồ Tát, hiệu là Đại Nhạo Thuyết. Ngài có trí huệ tha tâm thông, biết được chỗ nghi vấn ở trong tâm của chư Thiên, loài người, và A tu la .v.v., mới đại biểu bốn chúng đệ tử thỉnh pháp với Đức Phật, bèn nói rằng: “Đức Thế Tôn ! Đây là nhân duyên gì, mà có bảo tháp từ dưới đất vọt lên, hiện ở trong hư không ? Lại từ ở trong bảo tháp phát ra âm thanh lớn, đây là đạo lý gì ? Nguyện cầu đức Thế Tôn từ bi, vì chúng con mà khai thị nhân duyên này”.

Bồ Tát là gì ? Nói đủ là Bồ đề tát đỏa. Bồ đề dịch là "giác", Tát đỏa dịch là "hữu tình", tức là "giác hữu tình", giác ngộ tất cả hữu tình. Lại có thể nói là hữu tình giác, trong hữu tình có kẻ giác ngộ. Tóm lại, Ngài là bậc khai

ngộ ở trong chúng sinh. Chẳng những là bậc giác ngộ, mà còn hay thực hành Bồ Tát đạo, chỉ cần có ích lợi đối với chúng sinh, thì Ngài đều đi làm, chẳng màng là mình như thế nào, chỉ một lòng một dạ độ thoát chúng sinh.

Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói :

“Chẳng vì mình cầu an lạc,
Chỉ nguyện chúng sinh được lìa khổ”.

Đây là tinh thần thật là vĩ đại. Đức Phật Thích Ca ở trong quá khứ hành Bồ Tát đạo, từng xả bỏ thân mạng một nghìn lần, đại thiên thế giới chẳng có chỗ nào, mà chẳng phải là nơi xả bỏ thân mạng của Phật trong quá khứ.

Hành Bồ Tát đạo chẳng phải là việc dễ dàng, xem ra rất là giản đơn, song thực hành rất là khó. Giống như Ngài Xá Lợi Phất, nghe Phật khen ngợi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, bèn phát tâm hành Bồ Tát đạo. Một ngày nọ, tôn giả Xá Lợi Phất ra bên ngoài, trên đường đi trong tâm nghĩ : “Bất cứ gặp việc khó thực hành đến đâu, nhất định phải làm cho thành công, không thể giữa đường phế bỏ, mình phải học tinh thần xả thân của Phật”.

Vọng tưởng đó vừa sinh ra, thì có cảnh giới đến khảo nghiệm. Tôn giả đang đi bên lề đường, gặp một người nam khóc lóc, thấy rất thương tâm nghĩ rằng : “Người này chắc chắn có vấn đề khó khăn, không giải

quyết được, mình hành Bồ Tát đạo nên giúp đỡ mới đúng’.

Bèn hỏi : ‘‘Anh bạn ! Tại sao anh khóc’’ ?

Anh ta đáp : ‘‘Chuyện của tôi khó khăn lắm, chẳng có ai có thể giúp đỡ giải quyết được đâu.’’

Tôn giả lại nói : ‘‘Tôi có thể giúp đỡ anh, xin anh hãy nói vấn đề của anh’’.

Anh ta nói : ‘‘Tôi tin rằng Ngài giúp đỡ không được đâu, nói ra cũng vô ích’’.

Tôn giả lại nói : ‘‘Bất cứ việc khó đến đâu, tôi cũng sẽ giúp đỡ anh hết mình, tuyệt đối chẳng nói đùa’’.

Anh ta chuyển khóc thành cười nói : ‘‘Thật chăng ? Vì mẹ của tôi bệnh nặng, bác sĩ bảo cần con mắt của người sống, bằng không chẳng có cách gì chữa lành. Tôi đi các nơi mua con mắt của người sống, song mua chẳng được, mà tôi xả bỏ chẳng được con mắt của mình. Do đó, bệnh của mẹ tôi không lành được, cho nên tôi rất bi thương’’.

Tôn giả Xá Lợi Phất nghe nói, bèn nói với anh ta : ‘‘Việc này quá giản đơn, chẳng có gì khó, tôi tặng con mắt của tôi, để anh đem về trị bệnh cho mẹ anh’’. Do đó, bèn dùng sức móc con mắt phải ra đưa cho anh ta, anh ta cầm lấy xem, chẳng khách sáo gì nói : ‘‘Tôi cần con mắt trái, đây là con mắt phải, chẳng dùng được’’. Nói xong, lại ngửi con mắt rồi nói : ‘‘Con mắt này hôi quá, mùi rất khó chịu’’. Bèn vứt con mắt xuống đất, lấy chân chà đạp lên. Lúc đó, tôn giả Xá Lợi Phất tâm ý thất vọng nghĩ :

“Bồ Tát đạo thật khó thực hành. Thôi, ta chẳng hành Bồ Tát đạo nữa, vẫn tu pháp tiểu thừa, làm tự liễu hán thôi”.

Tôn giả Xá Lợi Phất khởi vọng tưởng này xong, thì người hóa duyên kia lập tức đăng thân lên hư không, hiện ra thân người trời, vốn đến để khảo nghiệm tôn giả Xá Lợi Phất, thực hành Bồ Tát đạo là giả hay là thật ? Tôn giả Xá Lợi Phất chẳng chịu đựng được sự khảo nghiệm, sinh tâm thối chuyển, con mắt bên phải của Ngài Xá Lợi Phất lại sinh ra, khôi phục lại như cũ, khiến cho tôn giả lấy làm kỳ diệu, rõ ràng là con mắt đã mọc ra, sao lại ở trong con mắt của mình. Do đó, có thể biết người hành Bồ Tát đạo, tuyệt đối không thể thối chuyển .

Tôn giả Xá Lợi Phất là người trí huệ bậc nhất trong hàng Thanh Văn, song hành Bồ Tát đạo chẳng xong. Do đó, có thể thấy Bồ Tát đạo rất khó thực hành.

Bấy giờ, đức Phật bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : Trong bảo tháp này, có toàn thân của Như Lai, thuở quá khứ về phương đông, qua vô lượng ngàn vạn ức A tăng kỳ thế giới, có cõi nước tên là Bảo Tịnh. Trong cõi nước đó, có đức Phật hiệu là Đa Bảo. Đức Phật đó, khi hành Bồ Tát đạo, có phát thệ nguyện lớn rằng : Nếu ta

thành Phật, sau khi diệt độ, trong cõi nước mười phương, nơi nào có nói Kinh Pháp Hoa, thì tháp miếu của ta vì nghe kinh này, mà vọt lên hiện ra ở trước, để làm chứng minh, khen ngợi nói : Lành thay !

Lúc đó, đức Phật Thích Ca bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : ‘Đại Nhạo thuyết ! Trong bảo tháp này, có toàn thân xá lợi của Như Lai. Vị Như Lai này, ở trong đời quá khứ, cách đây về phương đông trải qua vô lượng ngàn vạn ức ATăng kỳ thế giới, có thế giới dùng bảy báu tạo thành, thanh tịnh chẳng dơ bẩn, cho nên gọi là thế giới Bảo Tịnh. Trong thế giới đó có một vị Phật, hiệu là Đa Bảo Như Lai. Khi vị Phật đó tại nhân địa hành Bồ Tát đạo, thì đã từng phát thệ nguyện lớn : ‘Nếu tôi thành Phật, sau khi diệt độ, ở trong cõi nước chư Phật mười phương, chỉ cần nơi nào có Phật diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì nghe bộ kinh này, mà tháp miếu của ta từ dưới đất vọt lên, hiện ở trước đạo tràng của chư Phật mười phương, làm chứng minh vị Phật đó nói Kinh Pháp Hoa’, lại khen ngợi nói : ‘Lành thay’.

Đức Phật đó thành đạo rồi, khi diệt độ, ở trong đại chúng trời người, bảo các

Tỳ Kheo rằng : Sau khi ta diệt độ, ai muốn cúng dường toàn thân của ta, thì nên xây một ngôi tháp lớn. Phật sẽ dùng thần thông nguyện lực, khắp nơi trong mười phương thế giới, nếu chỗ nào có nói Kinh Pháp Hoa, thì bảo tháp đó đều vọt lên ở trước. Toàn thân ở trong bảo tháp khen ngợi nói : Lành thay, lành thay !

Đức Phật Thích Ca lại bảo Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : ‘Đức Đa Bảo Như Lai đó, sau khi thành Phật, khi muốn vào Niết Bàn, thì ở trong chúng trời người, nói với tất cả hàng Tỳ Kheo rằng : ‘Sau khi ta diệt độ, nếu có đệ tử cúng dường toàn thân của ta, thì nên xây dựng một ngôi tháp lớn. Đức Đa Bảo Như Lai dùng thần thông và nguyện lực không thể nghĩ bàn của Ngài, khắp trong mười phương thế giới, nếu nơi nào có Phật ra đời nói Kinh Pháp Hoa, thì bảo tháp của Đức Đa Bảo Như Lai, sẽ từ dưới đất vọt lên, hiện ra ở trước vị Phật đó. Đức Đa Bảo Như Lai tuy đã diệt độ rất lâu, song toàn thân của Ngài vẫn còn ở trong bảo tháp, thọ trời người cúng dường. Lại ở trong tháp phát ra âm thanh lớn, khen ngợi vị Phật đang nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa rằng : ‘Tốt lắm, Tốt lắm’ !

Đại Nhạo Thuyết ! Nay tháp của đức Đa Bảo Như Lai, vì nghe nói Kinh Pháp Hoa, nên từ dưới đất vọt lên, khen ngợi nói : Lành thay, lành thay !

Đức Phật Thích Ca lại nói : “Đại Nhạo Thuyết ! Hiện tại tháp của đức Đa Bảo Như Lai, vì nghe Kinh Pháp Hoa, nên từ dưới đất vọt lên, phát ra âm thanh lớn để khen ngợi : “Hay thay, hay thay” !

Bấy giờ, Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết nhờ thần lực của Như Lai, nên bạch đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con xin muốn được thấy thân của đức Phật đó.

Lúc đó, Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết đại biểu cho đại chúng thỉnh pháp với Đức Phật. Vì nhờ thần lực của Như Lai gia trì, cho nên mới có trí huệ như thế để thưa hỏi. Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết nghe trong bảo tháp khen ngợi đức Phật Thích Ca, chỉ nghe tiếng chứ chưa thấy người, bèn sinh tâm háo kỳ, nói với Phật : “Đức Thế Tôn ! Chúng con đại chúng, đều mong muốn được chiêm ngưỡng ba mươi hai tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp của đức Đa Bảo Như Lai, cứu kính trang nghiêm như thế này” ?

Đức Phật bảo đại Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : Đức Phật Đa Bảo đó, có nguyện sâu nặng rằng : Nếu bảo tháp của ta, vì nghe Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra ở trước các đức Phật. Nếu có bốn chúng muốn thấy thân của ta, thì đức Phật đó, phân thân các đức Phật thuyết pháp trong mười phương thế giới, phải tụ hết lại một chỗ, sau đó thân của ta mới xuất hiện vậy.

Đức Phật Thích Ca bảo đại Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết : “Vị Đa Bảo Như Lai đó, thuở xưa trước khi chưa thành Phật, có phát một lời nguyện sâu nặng rằng : “Nếu như bảo tháp của ta vì nghe Kinh Pháp Hoa, xuất hiện ở trước các đức Phật. Nếu bốn chúng muốn thấy thân của ta, thì vị Phật nói Kinh Pháp Hoa đó, phải tụ hết lại một chỗ, tất cả phân thân của Phật thuyết pháp trong mười phương (đây là cảnh giới một gốc tán làm vạn thù, vạn thù lại trở về một gốc). Khi nào phân thân các vị Phật của vị Phật đó, tụ hết lại một chỗ, thì sau đó toàn thân của ta mới hiện ra trước bốn chúng”.

Đại Nhạo Thuyết ! Phân thân các đức Phật của ta, đang thuyết pháp trong mười phương thế giới, nay sẽ tụ lại hết.

Đức Phật Thích Ca lại nói : “Đại Nhạo Thuyết ! Phân thân các đức Phật của ta đang thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh trong mười phương thế giới, hiện nay sẽ tụ tập lại, để cùng chiêm ngưỡng thân của đức Đa Bảo Như Lai. Như thế thì Đa Bảo Như Lai mới hiện toàn thân”.

Đại Nhạo Thuyết bạch đức Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng muốn thấy, phân thân các đức Phật của đức Thế Tôn, để lễ lạy cúng dường.

Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết bạch với đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng : “Đức Thế Tôn ! Chúng con chẳng những muốn thấy toàn thân của đức Đa Bảo Như Lai, mà còn muốn thấy phân thân các đức Phật của đức Thế Tôn, để thừa cơ hội này lễ lạy các đức Phật, cúng dường các Đức Phật”.

Có người nói : “Lạy Phật là mê tín, tượng Phật làm bằng gỗ, đất, đá, hoặc dùng vàng, bạc, đồng, thiết, để tạo, lạy Ngài có ích gì ? Đó chẳng phải là mê tín chăng” ? Đây chẳng phải là mê tín, lạy Phật có công dụng trị liệu bằng tâm lý, hay tiêu trừ tâm cống cao ngã mạn, hay sinh

tâm nhu hòa, sinh tâm cung kính, cải biến tính cang cường thành tính hòa mục. Lạy Phật còn có công dụng trị bệnh sinh lý, lại hay khiến cho bụng nhỏ lại, khiến cho người chẳng có chứng huyết áp cao.

Trước kia, Phật chưa thành Phật, cũng lễ lạy các vị Phật khác. Cho nên, sau khi thành Phật, thì có người lạy Ngài lại. Như đức Phật trong quá khứ làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thấy người thì lễ lạy, còn nói : ‘‘Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật’’. Do đó, sau khi đức Phật thành Phật, thì có rất nhiều người lễ lạy Ngài. Trừ khi có người chẳng muốn thành Phật, đó thì chẳng cần nói đến. Nếu muốn làm Phật, thì nhất định phải lạy Phật, đo đó có câu :

"Phật tiền đánh lễ, tội diệt hà sa".

Nghĩa là :

*‘‘Đánh lễ ở trước Phật,
Diệt được vô lượng tội’’.*

Lạy Phật sẽ tiêu diệt được tội nghiệp vô lượng kiếp, công đức lễ Phật tiêu diệt được trọng tội sinh tử. Lạy Phật là lạy tự tánh Phật, tương lai sẽ thành Phật, cũng thành tự tánh Phật .

Cúng dường là gì ? Phật giáo quang trọng nhất là cúng dường, cúng dường Tam Bảo, dùng hương, hoa, quả, đèn, để cúng dường Phật; dùng sự khen ngợi, cung kính, thọ trì, tu hành, để cúng dường pháp; dùng ẩm thực, y

phục, giường nệm, thuốc men, để cúng dường Tăng. Tại sao phải cúng dường Tam Bảo ? Vì cầu cát tường, mọi sự thuận lợi. Tại sao bạn chẳng có y phục tốt mặc ? Chẳng có nhà tốt để ở ? Chẳng có vật ngon ăn ? Đều vì trong quá khứ bạn chẳng cúng dường Tam Bảo. Bạn thấy người thế gian giàu sang, vì họ đã từng cúng dường Tam Bảo, cho nên đời này được phước báu lớn. Bài văn khuyên đời nhân quả ba đời có nói rất rõ là :

‘‘Đời này giàu sang là nhân gì ?

- *Đời trước bỏ tiền làm tượng Phật vàng.*

Đời này nghèo khổ là nhân gì ?

- *Kiếp trước chẳng chịu giúp người nghèo.*

Đời này sống lâu là nhân gì ?

- *Đời trước giữ giới sát, thường phóng sinh.*

Đời này chết yểu là nhân gì ?

- *Đời trước giết hại chúng sinh linh.*

Đời này xinh đẹp là nhân gì ?

- *Kiếp trước mua hưởng hoa đèn cúng Phật.*

Đời này xấu xí là nhân gì ?

- *Kiếp trước làm nhỏ ướ thân Phật’’.*

Tam Bảo là ruộng phước tốt của thế gian, tức cũng là ruộng trồng phước, chẳng cúng dường Tam Bảo, thì chẳng có cơ hội trồng phước điền, đời sau cũng chẳng đắc được phước báu.

Bấy giờ, đức Phật phóng luồng hào quang trắng chiếu phương đông, năm trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa côi nước chư Phật, các côi nước đó, đều dùng pha lê làm đất, cây báu, y báu, dùng để trang nghiêm. Có vô số ngàn vạn ức Bồ Tát đầy khắp trong côi nước đó, mạng báu lưới báu giăng che khắp ở phía trên.

Lúc đó, ở giữa chặng mây của Đức Phật Thích Ca, phóng ra một luồng hào quang trắng (Tướng hào quang trắng biểu thị một thừa trung đạo), lập tức chiếu thấy phương đông năm trăm vạn ức Na do tha Hằng hà sa số côi nước chư Phật, các côi nước đó, đều dùng pha lê làm đất, chẳng giống như thế giới Ta Bà, dùng ngói đá làm đất. Đức Phật dùng sức thần thông ba lần biến thế giới Ta Bà dùng pha lê làm đất. Pha lê biểu thị cho trí huệ quang minh.

Ta Bà dịch là "kham nhẫn". Chúng sinh ở thế giới này, hay kham thọ nhẫn nại mọi sự khổ, lấy khổ làm vui, chẳng biết thoát khỏi biển khổ.

Lại có cây báu, và y báu, để làm trang sức. Cây báu hay khiến cho chúng sinh đắc được mát mẻ, lìa khỏi nóng bức. Y báu hay khiến cho chúng sinh tính tình ôn nhu, chẳng có lửa vô minh. Lại có vô số ngàn vạn ức Bồ Tát,

đầy đầy trong cõi nước đó, màn báu và lưới báu giăng che khắp ở trên, dùng để trang nghiêm.

Các đức Phật cõi nước đó, dùng âm thanh lớn vi diệu để nói các pháp, và thấy vô lượng ngàn vạn ức Bồ Tát, đầy khắp các cõi nước, vì chúng sinh mà nói pháp.

Phưởng nam tây bắc tứ duy thượng hạ, chỗ nào tướng hào quang trắng chiếu đến, cũng lại như thế.

Chư Phật các cõi nước phương đông, dùng âm thanh lớn vi diệu, để nói pháp thật tướng. Và còn thấy vô lượng nghìn vạn ức Bồ Tát, đầy khắp tất cả các cõi nước vì chúng sinh mà thuyết pháp. Chẳng những phương đông như thế, mà chín phương kia cũng giống như thế. Phạm là nơi nào, luồng hào quang trắng của đức Phật Thích Ca chiếu đến, đều như thế. Cảnh giới không thể nghĩ bàn đó, chẳng phải một số phạm phu tưởng tượng đến được.

Đức Phật phóng luồng hào quang trắng, tại sao trước hết chiếu phương đông ? Vì phương đông là phương bắt đầu tất cả, phương đông là Giáp ất mộc, là bắt đầu của Thiên can, phương đông thuộc về mùa xuân, là bắt đầu của bốn mùa, mặt trời mọc phương đông, là bắt đầu

của một ngày, cho nên luồng hào quang trắng trước hết chiếu phương đông, sau đó mới chiếu chín phương kia.

Bấy giờ, mười phương chư Phật đều nói với chúng Bồ Tát rằng : Thiện nam tử ! Hôm nay ta đến thế giới Ta Bà, chỗ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và cúng dường bảo tháp của đức Đa Bảo Như Lai.

Lúc đó, mười phương chư Phật (Phân thân hóa Phật của Phật Thích Ca), đều đối với Bồ Tát nước của mình rằng : ‘Thiện nam tử ! Bây giờ ta đến thế giới Ta Bà, đến đạo tràng của Phật Thích Ca, và cúng dường Bảo Tháp xá lợi của đức Đa Bảo Như Lai’.

Bấy giờ, thế giới Ta Bà lập tức biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, dây bằng vàng giăng bày tám ngã đường, chẳng có các tụ lạc thôn xóm, thành ấp biển cả sông ngòi núi rừng ao đầm. Đốt hương báu lớn, dùng hoa mạn đà la rải khắp trên mặt đất, lại dùng lưới báu và màn lụa giăng che, phía trên treo các linh báu, chỉ vang ra ở trong

chúng hội. Dòi các trời người đở ở cõi khác.

Lúc đó, Đức Phật Thích Ca dùng sức đại thần thông khiến cho đời ác năm trước (kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước), biến thành thế giới thanh tịnh. Dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm, dùng vàng ròng làm dây giảng chia tám đường, đại biểu cho bát chánh đạo. Chẳng có biển cả, sông ngòi, núi rừng ao đầm, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, thanh tịnh như tấm gương. Lại đốt hương báu lớn (hương công đức). Dùng hoa mạn đà la rải khắp trên mặt đất (làm thơm, đại biểu cho sự cung kính). Lại dùng lưới báu và màn lụa báu giảng che phía trên. Lại treo các thứ linh báu, đại biểu cho âm nhạc, gió thổi linh báu thì vang ra âm nhạc hoan nghênh, chỉ vang ra ở trong đại chúng hội Pháp Hoa. Chư Thiên và loài người đều rời đi đến nước khác.

Đây là lần đầu biến cảnh giới đất đai. Tại sao phải như thế ? Vì hoan nghênh phân thân các hóa Phật của Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo, cho nên phải trang nghiêm. Bây giờ xin đưa ra một ví dụ dễ hiểu, giống như có người thỉnh mời khách quý, thì chắc chắn đồ không sạch sẽ ở trong nhà phải dọn đi, quét dọn sạch sẽ, sau đó rưới nước hoa, khiến cho phòng ốc phảng phất hương thơm, làm cho khách quý thoải mái vui vẻ.

Bấy giờ, các đức Phật, mỗi vị đều đem theo một vị đại Bồ Tát, dùng làm thị giả, đến thế giới Ta Bà, đều đến dưới cây báu. Mỗi cây báu cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả thứ lớp trang nghiêm. Dưới các cây báu, đều có tòa sư tử cao năm do tuần, cũng dùng các thứ báu để nghiêm sức.

Lúc đó, các phân thân hóa Phật của đức Phật Thích Ca, mỗi vị Phật đều mang theo một vị đại Bồ Tát để làm thị giả, cùng nhau đến thế giới Ta Bà, ai nấy đều đến dưới cội bồ đề. Mỗi cây bồ đề cao khoảng năm trăm do tuần, cành lá và hoa quả của cây bồ đề rất sum sê, thứ lớp trang nghiêm, trông nhìn rất đẹp .

Dưới mỗi cây bồ đề đều có tòa sư tử, cao khoảng năm do tuần, dùng bảy báu để nghiêm sức, đó là biểu thị sự thành tâm hoan nghênh khách quý.

Có người hỏi : ‘‘Tạo sao gọi là tòa sư tử’’? Vì đó là tòa thuyết pháp của chư Phật. Vì chư Phật thuyết pháp có uy đức giống như sư tử hống, khiến cho thiên ma ngoại đạo kinh hãi, chẳng dám nổi gió nổi sóng, có tác dụng điều phục. Sư tử là vua các loài thú, khi nó hống thì các loài thú nghe đều sợ hãi. Ngài Vĩnh Gia từng nói :

“Sư tử hống, vô úy thuyết.
Bách thú văn chi giai não liệt,
Hương tượng bốn ba thất cước uy,
Thiên long tịch thính sinh hân duyệt”.

Nghĩa là:

*Thuyết pháp không sợ hãi như sư tử hống
Trăm thú nghe tiếng đều kinh sợ
Voi lớn bỏ chạy mất oai nghi
Trời rồng nghe được sinh vui mừng.*

Vì quan hệ như vậy cho nên gọi là tòa sư tử.

Bấy giờ, các đức Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử đó, triển chuyển như thế đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, mà phân thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong một phương, vẫn còn chưa hết.

Lúc đó, mười phương chư Phật đều ngồi kiết già trên tòa sư tử. Từng vị Phật, từng vị Phật, ngồi từng hàng từng hàng, đã đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, song phân thân hóa Phật ở phương đông, vẫn chưa ngồi lên tòa hết, hướng chỉ các đức Phật ở chín phương kia ?

Có người hỏi : “Ngồi kiết già là gì”? Bạn hãy xem tư thế ngồi của Phật, trước hết đem chân trái để lên đùi chân phải, rồi đem chân phải để lên đùi chân trái, đó gọi là ngồi kiết già. Còn có ngồi bán già, tức là tùy ý đem

chân phải để lên đùi chân trái. Ngồi kiết già gọi là kim cang tọa, đây là tư thế ngồi hàng ma. Người ngồi thiền nên ngồi kiết già, dễ nhập định. Ngồi như thế hay hàng phục được tâm, khiến cho chẳng tán loạn, tinh thần tập trung, chẳng sinh vọng tưởng.

Tại sao chúng ta không khai ngộ ? Vì vọng tưởng lẫn xăn, tâm viên ý mã chẳng buộc được, theo đuổi bên ngoài. Khi đức Phật chứng đạo dưới cội bồ đề, thì Ngài nói câu đầu tiên rằng : *“Lành thay ! Lành thay ! Lành thay ! Chúng sinh trong đại địa, ai cũng đều có đủ đức tướng của Như Lai, song vì vọng tưởng chấp trước, nên không chứng đắc”*. Tham thiền tức là khắc kỳ cầu chứng, tham thoại đầu là khống chế vọng tưởng, do đó đủ biết, vọng tưởng là đá cột chân của sự tu đạo.

Phật giáo trung Quốc có câu rằng :

“Kim Sơn thối tử, Cao Môn hương”.

Người ngồi thiền ở Trấn Giang Kim Sơn Tự chẳng được đổi chân, bất cứ chân đau như thế nào, vẫn cắn răng chịu đựng, nếu nhúc nhích thì sẽ bị đánh hương bản. Lâu dần thì chân sẽ hết đau, do đó có câu :

*“Kim Sơn thiền hòa tử,
Thối tối thủ quy cụ”*.

Nghĩa là :

*Người ngồi thiền ở chùa Kim Sơn
Giữ quy cụ bậc nhất về chân.*

Người ngồi thiền ở Chùa Cao Môn tại Dương Châu, thì giữ quy cụ bậc nhất về thời gian. Dùng cây nhang làm quy định thời gian ngồi, khi nào chỉ tĩnh thì chỉ tĩnh, khi nào khai tĩnh thì khai tĩnh, một giây cũng không sai, cho nên gọi là "Cao Môn hương". Phàm là người đã từng tham thiền, đã tọa ở hai chùa trên, thì đều đã trải qua lò đúc luyện ra kim cương. Hòa Thượng Hư Vân tham thiền ở Chùa Cao Môn mà khai ngộ.

Công đức ngồi kiết già hay sinh giới lực, định lực và huệ lực, đầy đủ ba lực. Hết thầy Thần Kim Cang hộ pháp đều đến bảo hộ bạn, tất cả thiên ma biết đều lìa xa bạn. Hết thầy ác ma hướng về bạn mà đánh lễ. Nay xin kể câu chuyện.

Xưa kia có vị hòa thượng, chuyên đi tụng kinh sám ma, để duy trì sự sống, cho nên gọi là Cảnh Kinh Sám (sống nhờ kinh sám). Một ngày nọ, sau khi độ sám xong thì vào lúc nửa đêm, vị hòa thượng trở về chùa, đi đến bờ sông thì trời đổ mưa, ông ta núp dưới cầu. Trong khi đợi tạnh mưa thì ngồi kiết già. Lúc đó, có hai con quỷ đến, thấy ông ta là tháp vàng, vì trong tháp có an trí Phật xá lợi mới đánh lễ lạy, chẳng bao lâu, vị hòa thượng cảm thấy chân đau, mới bỏ chân xuống ngồi bán già. Hai con quỷ ngược đầu nhìn, thì thấy tháp vàng biến thành tháp bạc, song hai con quỷ vẫn lạy. Chưa được bao lâu thì vị hòa thượng cảm thấy chân quá đau, chịu hết nổi, bèn đổi thành ngồi theo ý muốn (đuối chân ra). Hai con quỷ nhìn

lên thì thấy tháp bạc đã biến thành đồng bùn. Hai con quỷ nổi giận muốn đá đồng bùn. Vị Hòa Thượng thấy như vậy, lập tức ngồi lại kiết già. Hai con quỷ nhìn lên lại thấy tháp vàng, bèn lạy cho đến gà gáy rồi bỏ đi. Từ đó về sau, Hòa Thượng bỏ việc tụng kinh đấm, chuyên tâm tu thiền, chẳng bao lâu được khai ngộ, tự xưng là “Quỷ Bức Thiền Sư”.

Khi tôi ở tại Đông Bắc bên Tàu, có vị ngoại đạo tên là Quan Trung Hỉ. Lúc đó, anh ta có hơn ba ngàn đệ tử theo anh ta học đạo. Học đạo gì ? Chỉ cần dùng tiền mua bảo bối của anh ta, khi đến lúc gặp đại nạn thì có thể chuyển hung hóa cát. Mọi người đều tin anh ta chẳng hoài nghi gì cả, ngoại đạo có thứ pháp thuật gạt người như thế.

Kỳ thật, anh ta chẳng có bảo bối gì hết, chỉ là trò chơi đùa, song những kẻ ngu tin cho là thật, rất sùng bái anh ta. Anh ta nói với đệ tử : “Bây giờ thời cơ chưa đến, không thể đem bảo bối đưa cho các con, đến khi nào thế giới đại loạn, thì mới đưa bảo bối cho các con sử dụng, có thể sẽ không chết, qua khỏi tai nạn”.

Về sau, anh ta cảm thấy thời kỳ chết sắp đến, không thể gạt người được nữa, bèn dẫn người cháu bỏ đi tìm thầy học đạo. Trải qua ba năm cũng chẳng tìm được thiện tri thức, cũng chẳng học được chân đạo. Do đó, hằng ngày lo buồn rũ rượi, chẳng biết thế nào là tốt.

Một ngày nọ, tôi đến nhà của anh ta (lúc đó tôi còn là Sa di). Người cháu khi nhìn thấy tôi, thì bèn nói với anh ta rằng : Thúc thúc ! Vị Hoà thượng này, con đã gặp qua ở trong mộng, vị này lột da heo ở trên thân của con xuống, làm cho con sợ mà tỉnh dậy. Nguyên lai là một giấc mộng’. Anh ta nói với người cháu : ‘Vị đó là người có đức hạnh, hôm nay đạo đã vào cửa, chúng ta không thể bỏ qua’. Do đó, chú cháu hai người thương lượng rồi lập tức quỳ xuống trước mặt tôi cầu đạo. Lúc đó, tôi nói với họ : ‘Tôi chẳng có đạo để truyền cho các vị. Nếu các vị thật tâm cầu đạo, thì tôi giới thiệu vị thiện tri thức và tôi đưa các vị đi’.

Trải qua hai năm, đi học hỏi mấy vị thiện tri thức đều chẳng lý tưởng. Do đó, hai người trở về lạy tôi làm thầy, tôi thấy họ thành tâm mà cảm động, đáp ứng truyền thọ tư thế ngồi kiết già, song chẳng nhận làm đệ tử.

Chú cháu hai người tinh tấn tập ngồi kiết già. Người cháu trẻ tuổi tập rất mau, song người chú lớn tuổi xương cứng phải một phen khổ công phu. Bảy mươi ngày sau, tôi lại đến nhà anh ta, thấy đầu gối của anh ta sưng to lên, đi đứng bất tiện, mới khuyên anh ta bỏ ngồi kiết già đi. Anh ta kiên quyết nói : ‘Con sắp chết đến nơi, nếu không luyện, đến khi chết, tay chân loạn sạ thì làm sao ? Con nhất định quyết tâm, trừ khi chết đi thì thôi, chỉ cần không chết thì nhất định luyện ngồi kiết già’. Thành tâm cầu đạo như thế, khiến cho người bội phục.

Trăm ngày sau, tôi lại đến anh ta, thấy anh ta đi đứng như thường, tôi lấy làm lạ hỏi : “Anh không luyện ngồi kiết già chăng”? Anh ta đáp : “Mỗi ngày đều ngồi, chăng những sáng sớm ngồi, mà tối cũng ngồi, bất luận là ngồi bao lâu cũng chăng cảm thấy đau chân.” Do đó:

“Người có chí, việc sẽ thành”.

Vài ngày trước khi anh ta qua đời, bèn nói với mọi người : “Vào ngày đó, giờ đó, tôi phải đi, tất cả mọi việc trong nhà chăng quái ngại. Chỉ có một điều là không thể gặp được pháp sư An Từ (pháp danh của hoà thượng Tuyên Hoá), rất đáng tiếc”.

Đến ngày anh ta ra đi, anh ta tắm rửa sạch sẽ, ngồi kiết già, chăng bệnh tật gì mà qua đời. Ngày anh ta chết, nhiều người trong thôn nằm mộng, thấy anh ta theo hai vị đồng tử mặc y màu xanh đi về hướng tây, về sau cháu của anh ta theo tôi học đạo, là đệ tử đầu tiên của tôi.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca vì muốn dung chứa hết thầy phân thân các hóa Phật, nên tám phương kia, mỗi phương đều biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thầy đều thanh tịnh, chăng có địa ngục ngã quý súc sinh và A tu la, lại đòi các trời người để ở cõi khác.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca thấy chư Phật đã ngồi đầy trong ba ngàn đại thiên thế giới, mà phân thân hóa Phật ở phương đông chẳng còn tòa để ngồi. Vì dung chứa phân thân hóa Phật ở tám phương kia đều có tòa ngồi, nên mới vận dụng sức đại thần thông, tám phương mỗi phương biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, đều khiến cho thanh tịnh, trong các cõi nước đó, chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và A tu la. Và đời các hàng trời người để ở cõi khác .

Đây cũng giống như mời khách dự yến tiệc, sau khi trong nhà ngoài nhà thu dọn sạch sẽ rồi, lại đem chó mèo .v.v., gia súc để vào một phòng, tránh sự phá hoại phiền toái. Ý nghĩa cũng gần giống nhau.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả, thứ lớp trang nghiêm, dưới cây đều có tòa báu sư tử, cao năm do tuần, đủ các thứ báu dùng làm nghiêm sức.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, và có cây bồ đề để trang nghiêm cõi nước. Cây cao khoảng năm trăm do tuần, cành lá hoa quả đều thứ lớp trang nghiêm. Dưới cội bồ đề có tòa báu sư tử, cao năm

do tuần, đều dùng bảy báu để trang sức tòa báu, khiến cho đẹp đẽ.

Cũng không có biển cả sông ngòi, và núi Mục chân lân đà, núi Đại mục chân lân đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu di, các núi chúa .v.v... thầy đều làm một cõi nước Phật, đất báu bằng phẳng, các báu xen nhau làm màn giăng che khắp ở phía trên, lại treo các phan lọng, đốt hương báu lớn. Các hoa báu cõi trời rải khắp trên mặt đất.

Những cõi nước biến hóa ra cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, núi đá, núi đá lớn, núi thiết vi (núi chu vi bốn đại châu), núi đại thiết vi (núi chu vi đại thiên thế giới), núi tu di (núi diệu cao), các núi chúa .v.v. Những sự biến hóa trong cõi nước, đều làm thành một cõi Phật, đất báu bằng phẳng, các thứ báu xen nhau làm thành màn giăng che phủ khắp ở phía trên. Lại treo các phan báu và lọng báu. Đốt hương báu lớn, chư Thiên rải các thứ hoa báu đầy khắp mặt đất, rất trang nghiêm đẹp đẽ, đây là cảnh giới kế tiếp biến cõi nước.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì các đức Phật phân thân có chỗ ngồi, nên tám phương kia, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thấy đều khiến cho thanh tịnh, chẳng có địa ngục ngạ quỷ súc sinh và A tu la. Lại dời các trời người để ở cõi khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, vì khiến cho phân thân hóa Phật trong mười phương có chỗ ngồi, nên tám phương kia, mỗi phương lại biến ra hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, thấy đều khiến cho thanh tịnh. Chẳng có các địa ngục ngạ quỷ súc sinh, càng chẳng có A tu la. A tu la thích đấu tranh, khiến cho thế giới chẳng bình an, giống như ngựa hại bầy, nhiễu loạn khắp nơi.

Lại dời các người trên trời và người ở nhân gian đến cõi nước khác. Tại sao ? Vì biến cõi đời ác năm trược thành cõi nước thanh tịnh, do đó chuyển họ đến cõi nước khác.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm. Cây cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả thú lớp trang nghiêm. Dưới cây

đều có tòa báu sử tử, cao năm do tuần, cũng dùng các thứ báu nghiêm sức tốt đẹp.

Những cõi nước biến hóa ra, cũng dùng lưu ly làm đất, lại có cây báu trang nghiêm, cây bồ đề cao năm trăm do tuần, cành lá hoa quả rất sum sê, đều thứ lớp trang nghiêm đẹp đẽ. Dưới mỗi cây báu, đều có tòa báu sử tử, tòa cao cũng năm do tuần, đều dùng các thứ báu nghiêm sức rất đẹp đẽ.

Cũng không có biển cả sông ngòi, và núi Mục chân lân đà, núi Đại mục chân lân đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu di, các núi chúa thủy, thông làm một cõi nước Phật. Đất báu bằng phẳng, các thứ báu xen nhau làm thành màn, giăng che phủ khắp ở phía trên, lại treo các phan lọng, đốt hương báu lớn, các thứ hoa báu cõi trời rải đầy khắp mặt đất.

Những cõi nước biến hóa ra cũng chẳng có biển cả, sông ngòi, núi đá, núi đá lớn, núi thiết vi, núi thiết vi lớn, núi tu di, các núi chúa thủy. Cõi nước biến hóa ra thông

làm thành một cõi nước Phật. Đất báu rất bằng phẳng, chẳng có chỗ lồi lõm. Các thứ báu xen nhau thành màn báu, giăng che khắp ở phía trên. Lại treo các phan báu và lọng báu, đốt hương báu lớn, xa gần đều ngửi được mùi thơm đó. Các thứ hoa quý cõi trời rải khắp trên mặt đất. Cảnh giới như thế diệu không thể tả, đây là cảnh giới biến cõi nước lần thứ ba.

Phẩm này nói về ba lần biến hóa cõi nước, rất ráo là ý nghĩa gì ? Đức Phật Thích Ca dùng thần thông biến cõi ô uế thành cõi thanh tịnh. Ban đầu biến thế giới Ta Bà, thứ nhì biến tám phương kia, mỗi phương làm thành hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, lần thứ ba lại biến tám phương, mỗi phương làm hai trăm vạn ức Na do tha cõi nước, đều khiến cho thanh tịnh, thành cõi tịnh độ. Tại sao phải như thế ? Vì đón tiếp đức Đa Bảo Như Lai, và các phân thân hóa Phật của Phật Thích Ca trong mười phương, cho nên đại sự đều trang nghiêm, biểu thị sự nhiệt liệt hoan nghênh.

Ba lần biến cõi nước lại có ý nghĩa gì ? Lần đầu biến cõi nước là biểu thị đoạn trừ kiến tư (thấy, nghĩ) hai hoặc. Kiến hoặc là gì ? Tức là kiến giải mê hoặc, rất là lợi hại, hại người không ít, vì nó mà không được giải thoát, đời đời kiếp kiếp lưu chuyển ở trong luân hồi sinh tử. Học Phật pháp tức là học pháp đoạn hoặc, tóm lại tức là học trí huệ. Trí huệ hướng về đâu để cầu ? Có câu rằng:

“Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải”. Nghiên cứu kinh điển là pháp môn tu của người học Phật pháp.

Tư hoặc là gì ? Tức là tư tưởng mê hoặc. Nói tử tử thì kiến hoặc là đối cảnh khởi tham ái, thấy tiền tài thì sinh tâm tham, thấy sắc thì khởi thương yêu. Nếu đoạn được kiến hoặc, thì bất cứ gặp cảnh giới gì, cũng chẳng động tâm. Tư hoặc là mê lý khởi phân biệt, đối với đạo lý chẳng minh bạch, khởi lên tâm phân biệt.

Lần thứ hai biến cõi nước, là biểu thị đoạn trừ trần sa hoặc. Trần là vi trần (hạt bụi), sa là cát sông Hằng. Trong ruộng tám thức có nhiều trần sa hoặc. Nếu không đoạn hết, thì vẫn bị chuyển ở trong sự có và không. Trần sa hoặc tuy nhiên rất nhiều, song chính mình chẳng biết. Ví như trong phòng sạch sẽ, trước mắt nhìn thấy giống như chẳng có bụi bặm gì, song ánh sáng mặt trời chiếu vào phòng, thì phát hiện có vô số hạt bụi bay đi bay lại ở trong hư không, lúc lên lúc xuống. Có ánh sáng mặt trời mới thấy được hạt bụi, chẳng có ánh sáng mặt trời, thì chẳng thấy hạt bụi. Ánh sáng mặt trời tức là trí huệ, hạt bụi tức là vọng tưởng. Có trí huệ thì mới phát hiện mình có vọng tưởng.

A La Hán đã đoạn sạch kiến, tư hai hoặc, vẫn chưa đoạn sạch trần sa hoặc. Bồ Tát đã đoạn trần sa hoặc, nhưng vẫn chưa đoạn sạch vô minh hoặc. Kiến tư hoặc là thô hoặc, trần sa hoặc là tế hoặc. Thô hoặc dễ đoạn, tế hoặc chẳng dễ gì đoạn sạch. Do đó, có câu : “Khởi hoặc, tạo nghiệp, thọ báo”.

Lần thứ ba biến cõi nước là biểu thị đoạn trừ vô minh hoặc, do đó: “Phá vô minh thấy pháp tánh”. Vô minh tức là chẳng minh bạch. Chẳng minh bạch Phật pháp, chẳng rõ sự lý, tức là vô minh. Có vô minh thì có sinh tử, đoạn vô minh thì dứt sinh tử. Chúng đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, vẫn còn một phần sinh tướng vô minh chưa phá (biến dịch sinh tử). Nếu phá được một phần vô minh cuối cùng, thì chúng quả vị Phật.

Kiến, tư hoặc tức là trần sa hoặc, trợ giúp nó chẳng minh bạch. Trần sa hoặc là vô minh trợ giúp nó sinh ra, còn vô minh ai giúp nó sinh ra ? Tức là ngu si. Vô minh hoặc là vi tế hoặc, khó đoạn sạch nhất.

Đại ý Đức Phật Thích Ca ba lần biến cõi nước, là khiến cho chúng ta đoạn trừ ba hoặc. Có ba hoặc thì không thể chúng quả vị Phật, đoạn sạch ba hoặc liền chúng quả vị Phật. Đạo lý này rất giản đơn, ai ai cũng đều rõ, song chẳng ai thực hành, Phật cũng chẳng biết làm gì hơn ! Than thở nói : “Chúng sinh khó độ, chẳng biết hồi đầu”. Ở trong Phật giáo thường nói :

“Biển khổ mênh mông,
Quay đầu thì thấy bờ”.

Chỉ cần quay đầu lại, thì đến bờ bên kia Niết Bàn, đắc được thường lạc ngã tịnh vui sướng thật sự. Song đáng tiếc cho chúng sinh, nhận giả làm thật, tham vui

năm đục, chẳng biết đó là năm sợi dây thừng, trói buộc chẳng có ngày ra khỏi.

Ba lần biến cõi nước còn có ý nghĩa dùng tám lìa bỏ (tám giải thoát), tám thắng sứ, mười nhất thiết xứ, ba pháp, làm thiền định xa lìa tham ái ba cõi. Còn gọi là tam muội, còn gọi là ba cửa ải tham thiền.

Tám lìa bỏ là gì ? Lìa là xa lìa, bỏ là vứt bỏ. Xa lìa cảnh giới sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp). Xả bỏ hưởng thụ năm dục (tài, sắc, danh, thực, thù). Tám giải thoát là :

1. Bên trong có sắc tướng, quán sắc bên ngoài giải thoát : Bên trong có sắc tướng về ái tình, bên ngoài thấy sắc đẹp thì mê hoặc. Nếu tâm chẳng có thứ tư tưởng này, thì bên ngoài bất cứ có sắc đẹp gì, cũng không thể bị ảnh hưởng, tâm chẳng bị cảnh giới lay chuyển. Gặp con trai đẹp, hoặc con gái xinh, phải quán bất tịnh thì tự nhiên được giải thoát.

2. Bên trong không có sắc tướng, quán sắc bên ngoài giải thoát : Trong tâm chẳng có sắc tướng, quán sát sắc tướng bên ngoài, thấy đều là vật không sạch, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Thường quán tướng như thế, chẳng điên đảo, chẳng chấp trước, thì sẽ đắc được giải thoát.

3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trụ : Ở trong định quán tướng diệu sắc quang minh, được như như bất động, liễu liễu thường minh, ở trong thân đầy đủ

viên mãn mà trụ ở trong không. Đó là tịnh quán, ở trên là quán bất tịnh.

4. Không vô biên xứ giải thoát : Nhàm chán sắc thân mà tu quán không, đắc được không định, song không cũng phải giải thoát, nếu không thì vẫn có chướng ngại về không, không thể giải thoát.

5. Thức vô biên xứ giải thoát : Lúc đó, cho đến không cũng nhàm lìa, lưu lại thức A lại gia, tiêu diệt hết sáu thức trước, chẳng khởi tác dụng. Chỉ có thức thứ bảy phan duyên vi tế, song chẳng khởi đại tác dụng, cho nên thức cũng phải giải thoát .

6. Vô sở hữu xứ giải thoát : Hàng phục được thức thứ bảy rồi, chỉ còn lại thức thứ tám, chẳng khởi hiện hành. Lúc đó, không cũng chẳng có, thức cũng chẳng có, cái ta (ngã) cũng chẳng có. Song, trong tâm vẫn còn pháp tướng vô sở hữu, cho nên cũng phải giải thoát.

7. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát : Dùng định lực không chế thức thứ tám, giống như đã hết, cho nên là phi tướng. Định lực sảo di, thức thứ tám tựa như còn, cho nên là phi phi tướng. Tướng thô phải giải thoát, tướng tế cũng phải giải thoát, đó mới là thật giải thoát.

8. Diệt thọ tướng định, thân tác chứng cụ túc trụ giải thoát : Tức là khiến cho tâm sở thọ và tâm sở tướng, hai pháp đều diệt mà chẳng khởi, đây đã diệt thọ tướng định. Nếu có diệt thọ tướng thì vẫn không giải thoát, vẫn còn chướng ngại. Nếu có sự chấp trước, thì không thể giải

thoát được. Tóm lại, tri kiến đều phải giải thoát, nếu không thì chẳng được giải thoát.

Tám thẳng xứ là gì ? Thẳng là thẳng tri thẳng kiến.

- Thẳng tri : Phàm là sự biết đều chánh quyết.

- Thẳng kiến : Phàm là sự thấy đều là đúng. Thẳng tri thẳng kiến này, với tri kiến của thế gian chẳng giống nhau. Nếu minh bạch được đạo lý tám giải thoát, và tám thẳng xứ, thì chẳng bị cảnh giới bên ngoài làm mê hoặc, không làm việc điên đảo. Tám thẳng xứ này, là quán sát tử thi người chết, có các hiện tượng bất đồng, sau đó mới chứng nhập được cảnh giới thù thẳng.

Tám thẳng xứ là:

1. Bên trong có các sắc tướng, quán sắc bên ngoài ít thẳng xứ.

2. Bên trong có sắc tướng, quán sắc bên ngoài nhiều thẳng xứ.

3. Bên trong chẳng có sắc tướng, quán sắc bên ngoài ít thẳng xứ.

4. Bên trong chẳng có sắc tướng, quán sắc bên ngoài nhiều thẳng xứ. Ý nghĩa những thẳng xứ và tám giải thoát gần giống nhau. Vì chẳng có định lực mà quán nhiều, thì e rằng định lực tán, cho nên phải quán ít thẳng xứ. Khi nào có định lực thì hãy quán nhiều thẳng xứ. Quán cái gì ? Phải tu chín quán tướng.

Chín quán tướng là gì ?

A. Tướng sinh : Tử thi sinh lên.

B. Tường xanh ú : Tử thi bị nắng gió biến thành màu xanh ú.

C. Tường hoại : Tử thi tan rã.

D. Tường máu chảy : Sau khi thi thể tan rã, thì máu chảy về đất.

E. Tường mủ : Thối nát thành mủ.

F. Tường ăn : Thi thể bị chim thú ăn.

G. Tường phân tán : Sau khi chim thú ăn xong, thì toàn thể xương cốt phân tán rã rời.

H. Tường xương cốt : Còn lại đồng xương.

I. Tường thiêu đốt : Xương cốt bị lửa thiêu đốt trở thành tro đất.

Người tu thiền, phải quán chín quán tướng này, bằng không thì chấp trước có cái ta sẽ không thành công.

5. Xanh thảng xứ.

6. Vàng thảng xứ.

7. Đỏ thảng xứ.

8. Trắng thảng xứ.

Quán xong bất tịnh mới quán phóng quang. Màu xanh phóng ra quang minh màu xanh, màu vàng phóng ra quang minh màu vàng, màu trắng phóng ra quang minh màu trắng, hiện ra một thứ quang minh. Lúc đó, đừng chấp trước, giống như chẳng có việc đó, được như vậy thì mới được xứ sự thù thắng.

Mười nhất thiết xứ là gì ? Tức là mười thứ khắp nhất thiết xứ, tức cũng là bốn màu sắc và thêm sáu đại.

Nếu có thắng tri, thắng kiến, thì sẽ thành tựu công năng khắp nhất thiết xứ.

1. Xanh khắp nhất thiết xứ.
2. Vàng khắp nhất thiết xứ.
3. Đỏ nhất thiết xứ.
4. Trắng nhất thiết xứ.
5. Địa nhất thiết xứ.
6. Nước nhất thiết xứ.
7. Lửa nhất thiết xứ.
8. Gió nhất thiết xứ.
9. Không nhất thiết xứ.
10. Thức nhất thiết xứ.

Mười pháp này, người tham thiền phải minh bạch cảnh giới này, sau đó mới phá được sự tham thoại đầu, tức cũng là khai ngộ.

Hoà Thượng Hư Vân lúc khai ngộ nói :

“Năng trước thủ, đả toái bôi
Gia phá nhân vong ngữ nan khai
Xuân đảo hoa hương xứ xứ tú
Sơn hà đại địa thị Như Lai”.

Nghĩa là :

“Tay bị nóng, đập nát ly,
Nhà tan người mất khó nói nên lời.
Xuân đến hoa thơm đâu đâu cũng đẹp,
Sông núi đất đai là Như Lai.”

Tức là cảnh giới này, hết thầy đều không.

Ba lần biến cõi nước, lần thứ nhất biểu thị tám xa lìa, lần thứ hai biểu thị tám thắng xứ, lần thứ ba biểu thị mười nhất thiết xứ. Nghĩa lý của kinh văn thâm áo vô cùng, phải quán thông kinh nghĩa, mới có hữu dụng, bằng không thì nuốt trửng, ăn mà chẳng biết mùi vị. Đọc kinh văn mà không cầu hiểu rõ, không biết tông chỉ của kinh, suốt ngày ngủ với vô minh, ăn cơm với phiền não, làm bạn với ba hoặc, như thế thì làm sao có sự thành tựu ? Tóm lại, hiểu biết thì lìa khỏi chúng, chẳng hiểu biết thì bị chúng làm mê.

Người học Phật pháp, vừa học vừa thực hành mới có hiệu quả. Học mà không hành, dù học bao nhiêu cũng chẳng ích gì. Tức là học một câu mà áp dụng, thì sẽ đắc được vô lượng lợi ích. Bệnh lớn nhất của người học Phật pháp là, nói được mà làm chẳng được, đó là khẩu đầu thiên.

Bấy giờ, các đức Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở phương đông, trong trăm vạn ức Na do tha cõi nước, mỗi vị đang thuyết pháp ở cõi đó, đều tụ tập lại. Như thế lần lược các đức Phật trong mười phương, cũng đều tụ tập lại ngôi ở tại tám phương.

Lúc đó, các hóa Phật phân thân của Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong trăm ức Na do tha Hằng hà sa côi nước, đều đang ở cõi đó thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, vì đức Đa Bảo Như Lai đến pháp hội Linh Sơn làm chứng minh, cho nên các Ngài đều từ biệt đại chúng, để tụ tập về núi Linh Sơn.

Tại sao đức Đa Bảo Như Lai đến hội Pháp Hoa núi Linh Thứu thế giới Ta Bà để làm chứng ? Vì thuở xưa Ngài đã từng phát nguyện : ‘‘Phàm là có đạo tràng diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì ta nhất định đến trước làm chứng minh’’.

Lần lược như thế, từ phương đông bắt đầu; mười phương chư Phật đều đến tụ tập tại pháp hội Linh Sơn, ngồi ở tám phương của bảo tháp.

Bấy giờ, tại mỗi phương đều có bốn trăm vạn ức Na do tha côi nước, các đức Phật Như Lai đều đầy khắp trong đó.

Lúc đó, ở tại mỗi phương đều có bốn trăm vạn ức Na do tha côi nước, côi nước biến hóa ra, rất thanh tịnh trang nghiêm. Các đức Phật phân thân của Phật Thích Ca đều đầy khắp trong đó.

Bấy giờ, các đức Phật đều ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu, rồi sai thị giả đến

thừa hỏi đức Phật Thích Ca, và đều đưa cho một bó hoa báu, mà dặn dò rằng : Thiện nam tử ! Người hãy đến núi Kỳ Xà Quật, chỗ của Phật Thích Ca Mâu Ni, theo như lời của ta nói rằng : Đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ não, sức khỏe an vui chẳng ! Các chúng Bồ Tát Thanh Văn đều an ổn chẳng !

Lúc đó, phân thân chư Phật mười phương đều ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, rồi phái thị giả đến đạo tràng của đức Phật Thích Ca để thăm hỏi. Chư Phật tay cầm bó hoa báu đưa cho thị giả, dặn dò thị giả rằng : ‘Thiện nam tử ! Ông đến núi Linh Thứu đạo tràng của Phật Thích Ca, thế ta nói thế này : Đức Thế Tôn ! Ngài có khỏe chẳng ? Chẳng có bệnh tật, chẳng có khổ não chứ ! Thân tâm an lạc chứ ! Hàng Bồ Tát và Thanh Văn đều an ổn chẳng ! Thăm hỏi xong rồi, thì dâng hoa báu cúng dường đức Phật’.

Dùng hoa báu này rải lên cúng dường đức Phật, rồi bạch rằng : Đức Phật đó cùng muốn mở bảo tháp này, các đức Phật sai sứ đến cũng lại như thế.

Chư Phật lại dặn dò thị giả nói : ‘‘Đem hoa báu này rải lên cúng dường đức Phật Thích Ca, sau đó nói với đức Phật rằng : Đức Phật đó muốn mở Bảo Tháp của đức Đa Bảo Như Lai, để chiêm ngưỡng đức tướng của đức Đa Bảo Như Lai.’’ Chẳng những một vị Phật sai thị giả đến tham hỏi đức Phật, cúng dường đức Phật, mà mười phương chư Phật, đều thăm hỏi và cúng dường như thế.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy tất cả chư Phật phân thân, đều đã tụ lại, đều ngồi trên tòa sư tử, đều nghe các đức Phật cùng muốn mở bảo tháp. Bèn từ tòa đứng dậy, trụ ở trong hư không, tất cả bốn chúng đều đứng dậy, chấp tay một lòng nhìn Phật.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thấy chư Phật phân thân của mình, đã tụ tập lại hết trên núi Linh Thứu. Mỗi vị Phật đều ngồi trên tòa báu sư tử. Lại nghe mười phương chư Phật muốn mở bảo tháp, lập tức từ tòa báu đứng dậy, trụ ở trong hư không. Lúc đó, tất cả bốn chúng đệ tử cùng nhau đứng dậy cung kính chấp tay, đại chúng một lòng nhìn Phật mở cửa bảo tháp như thế nào ? Tự tinh hội thần để chờ.

Bấy giờ, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng tay phải, mở cửa tháp bảy báu vang ra âm thanh lớn, như tháo chốt mở cửa thành lớn.

Lúc ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng tay phải mở cửa tháp bảy báu, từ trong tháp vang ra âm thanh rất lớn, giống như tháo chốt mở cửa thành lớn. Phật dùng tay phải mở bảo tháp, là biểu thị khai quyền. Đức Đa Bảo Như Lai hiện thân, là biểu thị hiển thật. Có câu : ‘Khai quyền hiển thật’, thu pháp môn quyền xảo phương tiện lại, bây giờ hiển lộ ra pháp môn chân thật. Kinh điển lúc trước Phật giảng, là pháp quyền xảo phương tiện, bây giờ giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mới là pháp chân thật. Đây tức là tông chỉ của bốn kinh này.

Bấy giờ, tất cả đại chúng trong pháp hội, đều thấy đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử trong bảo tháp, toàn thân không tán hoại, như nhập thiền định.

Lúc đó, đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở cửa bảo tháp, hết thấy bốn chúng đệ tử trong pháp hội, đều nhìn thấy toàn thân của đức Đa Bảo Như Lai, đang ngồi trên tòa sư tử, an nhiên tồn tại chẳng tan hoại, giống như an

tường nhập vào thiên định, khiến cho người thấy sinh tâm cung kính. Vì sao ? Vì có uy đáng sợ, có nghi đáng kính.

**Lại nghe đức Đa Bảo Như Lai nói :
Lành thay, lành thay ! Phật Thích Ca
Mâu Ni, xin hãy mau nói Kinh Pháp Hoa,
ta vì nghe kinh này mà đến đây.**

Lúc ấy, lại nghe đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp nói : “Lành thay, lành thay ! Phật Thích Ca Mau Ni, xin Ngài hãy mau nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ta vì nghe Kinh Pháp Hoa mà đến đây”. Đức Đa Bảo Như Lai vì thưở xưa phát nguyện mà đến làm chứng minh.

**Bấy giờ, bốn chúng thấy Phật đã diệt
độ trong quá khứ, vô lượng ngàn vạn ức
kiếp nói lời như thế, khen chưa từng có.
Đại chúng đều dùng hoa báu cõi trời, tu
lại rải lên trên đức Phật Đa Bảo, và Phật
Thích Ca Mâu Ni.**

Lúc đó, hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng đệ tử nhìn thấy đức Đa Bảo Như Lai, đã diệt độ vô lượng ngàn vạn ức kiếp trong quá khứ, ở trong bảo tháp nói ra lời như thế, đại chúng khen ngợi chưa

tùng có, đại chúng đều dùng hoa báu cõi trời, tụ lại rải lên trên thân đức Phật Đa Bảo, và Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ, đức Phật Đa Bảo ở trong bảo tháp, chia nửa tòa ngòì cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà nói rằng : Phật Thích Ca Mâu Ni, hãy lên ngòì trên tòa này. Tức thời, Phật Thích Ca Mâu Ni vào trong bảo tháp đó, ngòì kiết già trên nửa tòa đó.

Lúc đó, đức Đa Bảo Như Lai ở trong bảo tháp, nhường nửa tòa báu sư tử cho Phật Thích Ca Mâu Ni ngòì, mà nói rằng : “Phật Thích Ca Mâu Ni ! Ngài hãy lên ngòì bên cạnh tôi, chúng ta hai người cùng ngòì chung một tòa”. Tức thời, Phật Thích Ca Mâu Ni bèn vào trong bảo tháp, cùng ngòì một tòa với Phật Đa Bảo, ngòì kiết già trên tòa báu sư tử.

Bấy giờ, đại chúng thấy hai đức Như Lai ngòì kiết già trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, ai nấy đều nghĩ : Đức Phật ngòì quá cao xa, xin nguyện đức Như Lai dùng

sức thần thông, khiến cho tất cả chúng con đều đến trong hư không.

Lúc đó, đại chúng trong hội Pháp Hoa, nhìn thấy hai vị Phật cùng ngồi kiết già trên tòa báu sư tử ở trong bảo tháp, rất gần gũi, giống như là bạn bè thân thiết. Đại chúng đều nghĩ như vậy : “Hai vị Phật ngồi ở trong bảo tháp vừa cao vừa xa, khiến cho chúng con nhìn chẳng rõ ràng, nghe chẳng rõ ràng. Xin nguyện Như Lai từ bi dùng sức đại thần thông, đem tất cả đại chúng chúng con ở trong pháp hội đều đến trong hư không, để chiêm ngưỡng Như Lai, lễ lạy Như Lai thì tiện hơn”.

Tức thời, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng sức thần thông, tiếp các đại chúng đều đến trong hư không, dùng âm thanh lớn bảo khắp bốn chúng : Ai có thể ở cõi Ta Bà này, mà rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì nay chính là phải thời. Như Lai chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết Bàn. Phật muốn đem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, phó chúc cho mọi người.

Lúc đó, vì đức Phật Thích Ca Mâu Ni có ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, nên biết được đại chúng

khởi vọng tưởng, bèn sinh tâm thương xót, dùng sức thần thông tiếp họ đến trong hư không, để làm mãn nguyện của đại chúng.

Đức Phật Thích Ca lại dùng âm thanh lớn, bảo khắp bốn chúng đệ tử nói rằng : ‘‘Ai có thể ở cõi Ta Bà này, rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì hôm nay chính là phải thời. Vì ta (Phật Thích Ca), sau khi nói xong Kinh Pháp Hoa, thì chẳng bao lâu sẽ vào Niết Bàn. Mỗi vị Phật đều muốn đem Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phó chúc cho mọi người, mong có người gánh vác trách nhiệm này, nối Phật huệ mạng, khiến cho chánh pháp vĩnh viễn lưu lại ở đời, chẳng khiến cho đoạn tuyệt’’ !

Các bạn chú ý ! Thọ trì Kinh Pháp Hoa, đọc tụng Kinh Pháp Hoa, giải nói Kinh PHÁP Hoa, ấn tống Kinh Pháp Hoa, truyền bá Kinh Pháp Hoa, đều có công đức không thể tưởng tượng được. Đọc tụng Kinh Pháp Hoa, có thể từ trong miệng phun ra xá lợi, biên chép Kinh Pháp Hoa, có thể từ ngòi bút nhả ra xá lợi, đây là sự thật ngàn chân vạn quyết.

**Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại
nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :**

**Thánh chúa Thế Tôn
Tuy diệt độ lâu**

**Ở trong bảo tháp
Còn vì pháp đến.
Các người thế nào
Chẳng siêng vì pháp !**

Đoạn kinh văn này, Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi Đức Đa Bảo Như Lai đã phát nguyện, phạm có đạo tràng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đức Đa Bảo Như Lai nhất định đến trước để nghe pháp, làm chứng minh. Các bạn thấy đó ! Nơi nào giảng nói Kinh Pháp Hoa, thì đức Đa Bảo Như Lai đều đến nghe kinh, hà huống là phạm phu chúng ta, càng phải đến chỗ giảng nói Kinh Pháp Hoa để nghe kinh.

“Thánh chúa Thế Tôn“, đây là chỉ đức Đa Bảo Như Lai mà nói, tôn kính Ngài là chúa trong bậc Thánh. Thế Tôn là bậc tôn kính nhất của thế và xuất thế gian. Tuy nhiên Ngài đã diệt độ vô lượng kiếp về trước, trụ ở trong bảo tháp. Ngài đã thành Phật thì không cần nghe pháp nữa, song Ngài vì nghe Kinh Pháp Hoa, mà còn đến pháp hội núi Linh Thứu thế giới Ta Bà. Các vị ! Tại sao không siêng tu Phật pháp ?

Không siêng vì pháp tức là lười biếng, giải đãi, phóng dật, không tinh tấn, tức cũng là chẳng chuyên tâm để nghe pháp. Người chân chính tin Phật, thì trừ khi chẳng có pháp hội giảng kinh, nếu có, thì bất cứ bạn như thế nào, nhất định cũng phải thu xếp thời gian đến tham

gia. Tại sao ? Vì nghe kinh còn quan trọng hơn là sinh mạng. Một ngày không ăn cơm thì có thể được, chứ một ngày không nghe kinh thì không thể được. Nghe kinh thì hiểu biết pháp môn liễu sinh thoát tử, y theo pháp tu hành thì chắc chắn sẽ được giải thoát. Hơn nữa, nghe kinh được ấn tượng càng thâm sâu hơn là xem kinh, đo đó có câu :

“Một buổi nghe giảng,
Hơn mười năm đọc sách”.

Có thể đổi là :

“Một buổi nghe giảng kinh,
Còn hơn đọc mười quyển kinh”.

**Phật đó diệt độ
Vô lượng số kiếp
Khắp nơi nghe pháp
Vì khó được gặp.
Nguyện xưa Phật đó
Sau khi ta diệt
Đến khắp mọi nơi
Thưởng vì nghe pháp.**

Từ khi đức Đa Bảo Như Lai diệt độ đến nay, trải qua thời gian vô lượng kiếp, đến khắp nơi nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Phàm có nơi nào giảng Kinh Pháp Hoa, thì nhất định đến trước tham gia làm chứng. Khi Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Kinh Pháp Hoa, thì Ngài ở trong bảo tháp từ dưới đất vọt lên, trụ ở trong hư không để làm chứng minh.

Đức Đa Bảo Như Lai tức nhiên đã thành Phật, tại sao còn đến để nghe Kinh Pháp Hoa ? Vì kinh này chẳng dễ gì gặp được. Do đó, có câu :

‘‘Pháp vi diệu thâm sâu vô thượng
Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được
Nay con thấy nghe được thọ trì
Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai’’.

Đây là bài kệ khai kinh, của nữ hoàng đế Vũ Tắc Thiên đời Đường làm ra. Trước khi đọc tụng kinh thì tụng bài kệ này trước.

Thuở xưa đức Đa Bảo Như Lai từng phát nguyện rằng : ‘‘Nếu ta thành Phật, thì sẽ ủng hộ đạo tràng giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Sau khi ta diệt độ, bất cứ nơi nào, đức Phật nào nói Kinh Pháp Hoa, thì ta thường đến nghe pháp và làm chứng minh’’.

Tại sao phát nguyện như vậy ? Vì Kinh Pháp Hoa là kinh khó gặp được, Ngài muốn làm ảnh hưởng chúng, dẫn dắt mọi người cùng đến tham gia pháp hội, khiến cho

đại chúng biết kinh này là vua trong các kinh, là kinh thành Phật, do đó có câu :

“Kinh Lăng Nghiêm là kinh khai ngộ,
Kinh Pháp Hoa là kinh thành Phật”.

**Ta lại phân thân
Vô lượng chư Phật
Như cát sông Hằng
Đến muốn nghe pháp.
Và thấy Đa Bảo
Như Lai diệt độ
Đều bỏ cõi nước
Và chúng đệ tử.
Trời người rỗng thân
Các sự cúng dường
Khiến pháp trụ lâu
Nên đến nơi này.**

Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói : “Ta phân thân vô lượng chư Phật, nhiều như số các sông Hằng, đều đến nơi này nghe Kinh Pháp Hoa. Các Ngài còn muốn thấy đức Đa Bảo Như Lai, đã diệt độ vô lượng kiếp, cho nên phân

thân hóa Phật trong mười phương, đều bỏ cõi nước của mình, và các hàng đệ tử mà đến núi Linh Thứu”.

Chư thiên loài người, các vị rồng các vị thần, đều đến cúng dường đức Đa Bảo Như Lai, vì khiến cho chánh pháp trụ lâu ở đời, cho nên đức Đa Bảo Như Lai, và mười phương chư Phật đều đến chỗ này.

**Vì chư Phật ngồi
Mà dùng thần thông
Dời vô lượng chúng
Khiến nước thanh tịnh.
Mỗi mỗi vị Phật
Đến dưới cây báu
Như đất thanh tịnh
Hoa sen trang nghiêm.**

Ta vì các đức Phật phân thân an trí tòa ngồi, mà dùng sức thần thông, đem vô lượng chúng sinh dời đến cõi nước khác, khiến cho cõi nước này thanh tịnh, biểu thị sự hoan nghênh khách quý quang lâm.

Mười phương chư Phật, đều đến dưới cội bồ đề, ngồi trên tòa báu sư tử, như đất thanh tịnh. Dùng các thứ màu sắc hoa sen để trang nghiêm.

Phật ngồi ở trên

**Tòa báu sư tử
Dưới các cây báu
Quang minh nghiêm sức.
Như trong đêm tối
Đốt đuốt lửa lớn.**

Sau ba lần biến cõi nước, làm cho thế giới biến thành thanh tịnh, phân thân chư Phật đều đến dưới cõi Bồ đề, ngồi trên tòa báu sư tử. Mỗi tòa báu đều dùng bảy báu để trang nghiêm, phóng đại quang minh chiếu khắp tất cả, giống như trong đêm tối đốt đuốt lửa lớn, phá màn đêm tối.

**Thân tỏa hương thơm
Khắp mười phương cõi.
Chúng sinh ngửi được
Thấy đều vui mừng
Ví như gió lớn
Thổi nhánh cây nhỏ.
Do phướng tiện đó
Khiến pháp trụ lâu.**

Trên thân của phân thân chư Phật, đều tỏa ra hương thơm vi diệu, xông khắp cõi nước mười phương. Hết thấy

chúng sinh được mùi hương này huân nhiễm, thì đều vui mừng mà phát tâm bồ đề. Giống như gió lớn thổi nhánh cây nhỏ, làm rung động, tức cũng thọ được lợi ích của Phật pháp. Dùng pháp thiện xảo phương tiện này, vì muốn khiến cho Phật pháp trụ lâu ở đời. Cho nên, trước hết giảng quyền pháp, sau giảng thật pháp, là ý nghĩa này.

Phàm là người chân chánh tu trì, nghiêm giữ giới luật, tuyệt đối không phạm giới, đời đời như thế, kiếp kiếp như thế, thì thân thể tự nhiên sẽ tỏa ra mùi thơm hoa sen, là hương thơm nhẹ nhẹ, chứ chẳng phải mùi thơm nồng nặc, không làm cho người có cảm giác sặc mũi. Người giữ giới, dù nhiều ngày không tắm rửa, cũng chẳng có mùi hôi, mà còn tỏa hương thơm. Người không giữ giới, thì thân hôi như chồn hôi, khiến người nhàm chán.

Bảo các đại chúng :

Ta diệt độ rồi.

Ai hay thọ trì

Độc nói kinh này

Nay ở trước Phật

Tự phát thệ nguyện.

Đức Phật Thích Ca lại bảo đại chúng nói : “Sau khi ta nói xong Kinh Pháp Hoa, thì sẽ vào Niết Bàn. Sau khi

ta diệt độ rồi, ai hay phát nguyện thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, bây giờ ở trước Phật Đa Bảo và phân thân chư Phật, tự phát thệ nguyện''. Từ nay về sau hãy thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, ấn tống bộ Kinh Pháp Hoa này. Bất cứ gặp khó khăn gì, cũng không thay đổi, nhất định quán triệt thủy chung, không cô phụ kỳ vọng của Như Lai.

**Phật Đa Bảo đó
Tuy diệt độ lâu.
Nhờ thệ nguyện lớn
Mà sử tử hống
Đa Bảo Như Lai
Cùng với thân ta.
Tụ tập hóa Phật
Sẽ biết ý đó.**

Đức Đa Bảo Như Lai đó, tuy diệt độ đã lâu, song nhờ thệ nguyện lớn của Ngài, mà ở trong bảo tháp làm sử tử hống. Đức Đa Bảo Như Lai, và thân ta cùng với phân thân hóa Phật, đều biết được ý của các vị phát nguyện. Sau đó, sẽ hộ trì các vị, khiến cho thân tâm an ổn, chuyên tâm tu đạo.

Các Phật tử thấy

**Ai hay hộ pháp.
Nên phát nguyện lớn
Khiến pháp trụ lâu
Có người hộ trì
Kinh Pháp Hoa này.
Tức là cúng dường
Ta và Đa Bảo.**

Các đệ tử của Phật ! Ai có tâm hộ pháp, thì nên phát tâm thệ nguyện lớn, khiến cho Kinh Pháp Hoa trụ lâu ở đời.

Nếu như có người hay hộ trì Kinh Pháp Hoa, thì công đức cũng như cúng dường ta và Phật Đa Bảo. Tại sao ? Vì Kinh Pháp Hoa là chân thân của Như Lai. Do đó:

“Trong các sự cúng dường
Cúng dường pháp là hơn hết”.

Cúng dường tiền tài là tu phước, cúng dường pháp là tu huệ. Phước huệ song tu, công đức mới viên mãn.

**Phật Đa Bảo đó
Trụ trong bảo tháp.
Thưởng du mười phương
Để vì kinh này**

**Cũng lại cúng dường
Các hóa Phật đến.
Trang nghiêm quang sức
Tất cả thế giới
Nếu nói kinh này
Tức là thấy ta.
Đa Bảo Như Lai
Và các hóa Phật.**

Vị Đa Bảo Như Lai này, tuy ngồi ở trong bảo tháp, song thường đến khắp mười phương thế giới, để vì chứng minh Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Nếu các vị phát tâm cúng dường Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đồng như cúng dường các hóa Phật của ta phân thân. Trang nghiêm tất cả cõi nước, quang sức tất cả thế giới.

Giả sử hay giải thích nói Kinh Pháp Hoa này, thì thấy được thân ta và thân đức Đa Bảo Như Lai, và các phân thân hóa Phật của ta.

**Các thiện nam tử !
Hãy suy nghĩ kỹ.
Đây là việc khó
Nên phát nguyện lớn**

**Các kinh điển khác
Số như Hằng sa.
Tuy nói rất nhiều
Chưa phải là khó.**

Các vị thiện nam tử ! Các vị phải suy nghĩ cho kỹ đạo lý này. Hãy phát nguyện thọ trì, đọc tụng, giảng nói, biên chép, ấn tống bộ kinh điển này, đây là việc rất khó. Các vị nên phát thệ nguyện lớn, đời đời kiếp kiếp gần gũi Tam Bảo, gần gũi thiện tri thức, ủng hộ thiện tri thức.

Ngoại trừ Kinh Pháp Hoa ra, còn có rất nhiều kinh điển, số lượng nhiều như số các sông Hằng, tuy nhiên nói nhiều kinh điển, song cũng chẳng phải là việc khó.

**Nếu cầm Tu Di
Ném qua phưởng khác.
Vô số cõi Phật
Cũng chưa phải khó
Nếu dùng chân tay
Động cõi đại thiên.
Ném xa cõi khác
Cũng chưa phải khó.**

Nếu như cầm toà núi Tu Di lên, ném qua vô lượng cõi Phật khác, cũng chưa phải là việc khó. Chỉ cần có thần thông thì làm được.

Nếu như dùng chân di động đại thiên thế giới, ném thế giới qua phương khác, đây cũng chẳng phải là việc khó.

**Nếu đứng trên trời
Vì chúng diễn nói.
Vô lượng kinh khác
Cũng chưa phải khó
Nếu Phật diệt độ
Ở trong đời khác.
Hay nói kinh này
Đó mới là khó.**

Nếu như đứng trên Trời Hữu Đảnh (Trời vô sắc giới Phi Phi Tưởng Xứ), vì chúng sinh diễn nói vô lượng các thứ kinh, cũng chẳng phải là việc khó. Chỉ cần có bản lãnh ngữ nhãn lục thông thì làm được, chẳng có gì chướng ngại. Nếu như sau khi Phật diệt độ, có người nào ở trong đời ác năm trước, giải nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đó mới là việc khó làm nhất.

Nếu như có người

**Tay cầm hư không.
Dùng để du hành
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu tự biên trì.
Hoặc khiến người biên
Đó mới là khó.**

Nếu như có người dùng phép thần thông, tay cầm hư không, du hành khắp nơi, việc này vẫn chưa kỳ lạ, có thể làm được.

Song sau khi Phật diệt độ, nếu có người biên chép kinh này, hoặc khiến người biên chép kinh này, đây là việc chẳng dễ gì làm được. Tại sao ? Vì cảnh giới này không thể nghĩ bàn, cho nên chẳng có ai tin.

**Nếu dùng đại địa
Để lên bàn chân.
Thăng lên Phạm Thiên
Cũng chưa phải khó
Sau Phật diệt độ
Ở trong đời ác.
Tạm đọc kinh này**

Đó mới là khó.

Nếu như có người, đem đại địa để trên bàn chân, bay lên đến Trời Đại Phạm, cũng chưa phải là việc khó.

Sau khi Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ rồi, mà ở trong đời ác năm trước, trong khoảng thời gian ngắn mà đọc tụng kinh này, đó mới là việc rất khó, chẳng dễ gì làm được.

Các vị chú ý ! Người chẳng có căn lành, thì chẳng thể nào nghe được tên kinh Diệu Pháp Liên Hoa, càng không thể nào đọc tụng được Kinh Pháp Hoa, và thấy được kinh văn Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện tại các vị là người may mắn, nghe được Kinh Pháp Hoa ở trong Phật giáo giảng đường, đó là trong quá khứ đã phát thệ nguyện gìn giữ kinh này, thọ trì kinh này. Đời này gặp được đạo tràng giảng Kinh Pháp Hoa, nhân duyên này khó gặp được, các vị phải trân tiết, đừng để trôi qua lãng phí.

Nếu như kiếp thiêu

Gánh vác cỏ khô.

Vào trong không cháy

Cũng chưa phải khó

Sau ta diệt độ

Nếu trì kinh này.

Vì một người nói

Thì mỗi là khó.

Nếu như lúc kiếp hỏa thiêu cháy, mà có người gánh vác củ khô, đi vào trong kiếp hỏa mà không bị kiếp hỏa thiêu đốt, đó cũng chẳng phải việc khó. Chỉ cần có thần thông thì làm được. Sau khi Phật diệt độ, nếu có ai thọ trì kinh này, hoặc vì một người giải nói, thì đó là việc khó, chẳng dễ gì làm được.

**Nếu trì tám vạn
Bốn ngàn tạng pháp.
Mười hai bộ kinh
Vì người diễn nói
Khiến các người nghe
Được sáu thần thông.
Tuy được như thế
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nghe thọ kinh này.
Hỏi nghĩa trong kinh
Đó mỗi là khó.**

Nếu như có người thọ trì tám muôn bốn ngàn tạng pháp, vì người nói mười hai bộ kinh, khiến cho tất cả

người nghe pháp đều được sáu thần thông, tuy nhiên được như thế, song cũng chẳng phải là việc khó.

Sau khi ta diệt độ, nếu có người nghe thọ trì được kinh này, và hỏi nghĩa thú trong kinh này, thì đó mới là một việc rất khó.

Mười hai bộ kinh là gì ? Tức là

“Trường hàng, trùng tụng, cập thọ ký
Cô khởi, vô vấn nhi tự thuyết
Nhân duyên, ví dụ dữ bốn sự
Bốn sanh, phương quảng, vị tầng hữu
Luận nghị cộng thành thập nhị bộ”.

Trường hàng, trùng tụng, cô khởi, là kinh văn thể tài (lựa ra từng lối).

1. Trường hàng : Tức là văn dài trong kinh.
2. Trùng tụng : Tức là nghĩa lý của kinh trường hàng ở trên, dùng kệ để thuật lại.
3. Thọ ký : Phật thọ ký cho Bồ Tát sẽ thành Phật.
4. Cô khởi : Đột nhiên ở giữa khởi lên một bài kệ, nghĩa lý của nó chẳng liên quan đến kinh văn ở trước.
5. Bất vấn nhi tự thuyết : Chẳng có người thỉnh pháp, mà Phật tự động nói ra kinh văn.
6. Nhân duyên : Tức là nhân duyên gặp Phật nghe pháp, hoặc nhân duyên Phật nói pháp giáo hóa chúng sinh.
7. Ví dụ : Trong kinh văn nói ví dụ.

8. Bỏ sự : Phật nói nhân duyên của đệ tử trong quá khứ.

9. Bỏ sanh : Tức là Phật nói nhân duyên của mình trong quá khứ.

10. Phương quảng : Tức là Phật nói kinh văn chân lý phương chánh quảng đại.

11. Vị tăng hữu : Kinh văn Phật hiện thần thông.

12. Luận nghị : Kinh văn giữa Phật và đệ tử hỗ tương vấn đáp.

Sáu thần thông là gì ? Người khai ngộ mới chứng được cảnh giới này.

1. Thiên nhãn thông : Trên các cõi trời, dưới các địa ngục, đều nhìn thấy rất rõ ràng .

2. Thiên nhĩ thông : Chẳng những nhìn thấy được chư Thiên từng cử chỉ hành động, mà còn nghe được từng lời nói tiếng cười của chư Thiên, rõ như vô tuyến điện.

3. Tha tâm thông : Biết được trong tâm của kẻ khác nghĩ việc gì và muốn nói gì.

4. Túc mạng thông : Quán sát được nhân duyên và nhân quả của mình và kẻ khác, trong quá khứ và vị lai .

5. Thần túc thông : Có thể ở trong định, đến đi tự do, chẳng bị bất cứ gì hạn chế.

6. Lưu tận thông : Chẳng có phiền não, chẳng có vọng tưởng, tất cả lậu đều tiêu sạch, chẳng khởi tác dụng. Ngoại đạo và quỷ thần chỉ có năm thần thông, mà chẳng

có lậu tận thông, chư Phật Bồ Tát A La Hán, mới có đủ sáu thần thông.

**Nếu người nói pháp
Khiến ngàn vạn ức.
Vô lượng vô số
Hàng sa chúng sinh
Được A la hán
Đủ sáu thần thông.
Tuy có lợi ích
Cũng chưa phải khó
Sau ta diệt độ
Nếu hay phụng trì.
Kinh Pháp Hoa này
Đó mới là khó.**

Nếu như có người thuyết pháp, khiến cho vô lượng chúng sinh nhiều như cát sông Hằng, đều đắc được quả vị A La Hán, đều đủ sáu thần thông. Tuy có ích lợi như thế, song vẫn chẳng phải là việc khó.

Sau khi Phật diệt độ, nếu có ai hay phụng trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì đó mới là việc rất khó.

Chúng ta phàm phu phải nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phật Đa Bảo và phân thân hóa Phật của Phật Thích

Ca, cũng đến pháp hội Linh Sơn nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Do đó, đủ biết Kinh Diệu Pháp Liên Hoa quan trọng như thế nào ! Kinh này là kinh thành Phật. Muốn thành Phật phải thọ trì kinh này, chẳng có pháp nào khác.

Trước khi chưa giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tôi không nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là kinh khó gặp khó thấy. Bây giờ giảng đến đây, trong kinh văn cũng nói rất rõ ràng. Hy vọng mọi người chú ý nghe ! Công đức nghe được Kinh Pháp Hoa, cảm ứng trí huệ đời sau không thể hạn lượng. Giống như nước biển cả lấy không hết, dùng không cạn được.

Tại sao chúng ta ngu si ? Tại sao có sự nóng giận ? Tại sao có vọng tưởng ? Tại sao có phiền não ? Đều vì chẳng từng nghe qua Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kinh này có chỗ diệu không thể nghĩ bàn. Chỗ diệu này không thể suy nghĩ, không thể luận bàn, chỉ có chính người thực hành thể hội mới biết diệu vị đó.

**Ta vì Phật đạo
Trong vô lượng cõi
Từ xưa đến nay
Rộng nói các kinh.
Mà ở trong đó
Kinh này bậc nhất
Nếu người hay trì**

Tức là thân Phật.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói : ‘‘Ta vì giáo hóa chúng sinh, đều vì thành Phật đạo, cho nên ở trong vô lượng cõi nước chư Phật, từ bắt đầu cho đến hiện tại, đã rộng giải thích nói rất nhiều kinh điển. Trước hết nói Kinh Hoa Nghiêm, tiếp theo nói Kinh A Hàm, sau đó nói Kinh Phương Đẳng và Kinh Bát Nhã, bây giờ mới nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ở trong các kinh mà Phật nói, thì Kinh Pháp Hoa này là bậc nhất.’’ Đây là bộ kinh ít có nhất.

Nếu như có người hay thọ trì kinh này, tức là trì chân thân của Chư Phật. Chân thân của Phật ở trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, do đó :

‘‘Vào nhà Như Lai,
Mặc áo Như Lai,
Ngồi tòa Như Lai’’.

Ba thứ này tức là thọ trì chân thân của Phật.

Các thiện nam tử !

Sau ta diệt độ

Ai hay thọ trì

Độc tụng kinh này.

Nay ở trước Phật

Tự nói lời thề.

Các vị thiện nam tử ! Sau khi ta diệt độ, ai hay thọ trì kinh này, đọc tụng kinh này, giải nói kinh này, biên chép kinh này, ấn tống kinh này. Hiện tại ở trước Phật, tự nói ra lời thề. Người học Phật, nhất định phải phát nguyện, nguyện lực khiến cho mình hướng về chánh đạo tiến về trước, không thể làm vào đường tà. Phát nguyện mà không thực hành, cũng giống như cây nở hoa giả, chẳng có ích gì.

**Kinh này khó trì
Nếu ai tạm trì.
Ta rất hoan hỉ
Chữ Phật cũng thế
Những người như thế
Được Phật khen ngợi.
Đó là dũng mãnh
Đó là tinh tấn
Đó gọi trì giới
Người hành đầu đà.
Thì mau đắc được
Phật đạo vô thượng.**

Bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, là kinh khó thọ trì, người chẳng có căn lành chân chánh, thì không thọ trì được. Nếu như có người đời này tạm thời thọ trì, đọc tụng kinh điển, thì ta rất hoan hỉ, chư Phật cũng hoan hỉ. Tại sao ? Vì người này căn lành sâu dày, đảm đang được trách nhiệm lớn, khiến cho Phật pháp lưu truyền thế gian, làm cho chúng sinh được nghe Tam Bảo, phát tâm Bồ đề, thành vô thượng đạo.

Người này thọ trì Kinh Pháp Hoa, được mười phương chư Phật khen ngợi, người này thọ trì dũng mãnh tinh tấn không giải đãi, nghiêm giữ giới luật không phóng dật. Tu hành mười hai hạnh đầu đà, thì mau chứng được quả vị Phật .

Mười hai hạnh đầu đà là :

1. Mặc y phẩn tảo.
2. Chỉ có ba y.
3. Thường đi khát thực.
4. Thứ lớp khát thực.
5. Ngày ăn một bữa.
6. Tiết lượng ăn uống.
7. Quá ngộ không uống nước có chất bổ.
8. Ở nơi vắng lặng.
9. Ngồi ở nghĩa địa.
10. Ngồi ở ngoài trời.
11. Ngủ dưới gốc cây.
12. Thường ngồi không nằm.

Người tu khổ hạnh, phải giữ mười hai điều quy cụ này. Tại sao phải khổ như thế ? Vì con người có tâm tham. Do đó : ‘‘Lòng tham muốn chẳng bao giờ ngừng’’, tham chẳng biết chán, càng nhiều càng tốt, kết quả vọng tưởng lẫn xăn, khắp nơi phan duyên ảnh hưởng sự tu đạo. Nếu tu mười hai thứ khổ hạnh, coi nhẹ thân của mình, thì không làm nô lệ cho nó, chỉ cần duy trì được sinh mạng thì được. Nếu chẳng có tâm tham, thì chẳng có vọng tưởng; nếu chẳng có vọng tưởng, thì sẽ khai ngộ.

**Hay ở đời sau
Đọc trì kinh này.
Đó thật Phật tử
Ở thuần đất lành
Sau Phật diệt độ
Hay giải nghĩa kinh.
Các trời người đó
Là mắt thế gian
Ở đời sợ hãi
Nói trong chốc lát.
Tất cả trời người
Đều nên cúng dường.**

Người đó khi ở đời vị lai, đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa, mới là đệ tử chân chánh của Phật, trụ ở đất lành thuần nhất, tức cũng là đất Phật.

Sau khi Phật diệt độ, thấu hiểu nghĩa lý kinh này, đó là con mắt của trời người. Bất cứ là trời người, nếu chẳng đọc tụng thọ trì kinh điển, thì cũng giống như người mù chẳng có mắt. Ở trong đời ác năm trước, trong thời gian chốc lát giải nói Kinh Pháp Hoa. Khi đó, tất cả trời người đều nên cúng dường vị pháp sư.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA THỨ MƯỜI HAI

Đề Bà Đạt Đa là anh em chú bác với Đức Phật, song ở đâu Ngài cũng làm ngược lại với Đức Phật. Có người nói Ngài có cừ hận với Đức Phật. Kỳ thật, Đức Phật thành đạo, Ngài thuộc về người nghịch tăng thượng duyên trợ đạo, mà đời đời kiếp kiếp Đề Bà Đạt Đa còn đến trợ giúp Phật thành tựu đạo nghiệp. Do đó, Ngài dùng nhân vật phản diện để giúp thành Phật đạo, đó là người “nghịch trợ giúp” vậy .

Đề Bà Đạt Đa là tiếng Phạn, dịch là “thiên nhiệt”, vì khi Ngài tại thế thì chuyên môn phản diện để trợ giúp người, khiến cho người cảm thấy rất nhiệt nảo, khí trời cũng biến thành nóng bức, do nhân duyên đó mà được tên. Tại sao Ngài phải phản diện để trợ giúp Đức Phật thành đạo ? Đó cũng có một nhân duyên.

Vào thuở xa xưa về quá khứ, có một vị trưởng giả giàu có tên là Tu Đàn. Ông ta có hai người con. Người

con lớn tên là Tu Ma Đề, người con kế tên là Tu Tỳ Gia. Sau khi ông ta qua đời, thì hai người con tính toán thừa kế di sản của cha. Ông anh cả Tu Ma Đề bèn nghĩ : ‘’Nếu mình chia một nửa tài sản cho Tu Tỳ Gia, thì chẳng phải là mình bớt đi một nửa tài sản chẳng ?’’ Do đó, anh ta hẹn với người em Tu Tỳ Gia, đến núi Linh Thứu để du ngoạn. Khi đến tới đỉnh núi, thì Tu Ma Đề xô người em xuống hang núi, người em tan thân nát xương qua đời, sau đó người anh còn lấy đá đập thi thể, vì sợ người em bị thương tích không chết. Một người anh dùng phương pháp tàn ác để giết em mình, chỉ vì đoạt lấy tài sản của cha để lại. Tu Ma Đề thử đó, tức là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn Tu Tỳ Gia tức là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa, người cha Tu Đàn tức là Vua A Xà Kỳ. Mà phẩm này Phật nói nhân duyên Đề Bà Đạt Đa, trợ giúp Phật thành tựu đạo nghiệp.

Bấy giờ, Phật bảo các vị Bồ Tát và trời người bốn chúng : Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, cầu Kinh Pháp Hoa chẳng khi nào lười mỏi. Ở trong nhiều kiếp thường làm vua, phát nguyện cầu vô thượng bồ đề, tâm chẳng thối chuyển, vì muốn đầy đủ sáu Ba la mật, tâm chẳng xan tham, nên siêng thực hành bố thí : Voi

ngựa bảy báu, đất nước vợ con, nô tì tôi tớ, đầu mắt tủy não, thân thịt tay chân, chẳng tiếc thân mạng.

Đoạn văn này nói về Đức Phật trong đời quá khứ, vì cầu vô thượng bồ đề. Bồ thí ngoại tài, nội tài, hết thảy tất cả đều vì cầu pháp mà bồ thí. Sau khi nói xong phẩm Hiện Bảo Tháp, thì Phật lại không hỏi mà nói, bảo các vị Bồ Tát và trời, người, Tỳ Kheo, Tỳ kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ : Ta ở trong vô lượng kiếp quá khứ, vì cầu diệu lý Kinh Pháp Hoa, mà luôn luôn chưa từng sinh một niệm lười mỏi giải đãi. Ở trong nhiều kiếp ta thường làm vua, ta phát nguyện cầu vô thượng bồ đề, tâm chẳng thối chuyển, muốn đầy đủ pháp môn sáu Ba la mật :

1. Bồ thí : Siêng tu pháp môn bồ thí, thì tâm chẳng tham lam. Phật đem hết thảy châu báu như : Ngựa báu, vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, xích châu, trân châu, mã não, đất nước, thành ấp, thê thiếp, con cái, nô tì, tôi tớ, những gì kẻ khác cần, Phật đều bồ thí hết. Ở trên là thuộc về ngoại tài. Còn có nội tài bồ thí tức là : Đầu, mắt, tủy, não, xương thịt, tay chân, chẳng có tư hào thương tiếc thân thể và tính mạng của mình, vì cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi biển khổ mà hành bồ thí .

Đức Phật vì viên mãn sáu Ba la mật, cho nên y báo, chánh báo đều cùng xả bỏ, không ngoài mục đích

cầu sớm chứng quả vị Phật, đó là hành vi thực hành Bồ Tát đạo chân chánh.

2. Trì giới : Tức là không làm ác ngừa điều quấy, tức cũng là ba điều ác nơi thân : Sát hại, trộm cắp, tà dâm. Bốn điều ác nơi miệng : Nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, chưởi mắng.

3. Nhẫn nhục : Khó nhẫn mà nhẫn được, dù bị người đánh đập, mắng chưởi cũng nhẫn được.

4. Tinh tấn : Bất cứ làm gì cũng đều có trước có sau, thân tâm chẳng lười mới là tinh tấn.

5. Thiên định : Tứ thiên bát định, tức là : Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên. Đến cảnh giới sơ thiên, thì hơi thở chẳng còn. Cảnh giới nhị thiên, thì các mạch máu ngưng lại. Cảnh giới tam thiên, thì niệm cũng ngừng. Cảnh giới tứ thiên, thì niệm đã dứt. Sơ thiên còn gọi là Ly sinh hỷ lạc địa, cảnh giới lìa khỏi phiền não mà sinh ra khoái lạc. Nhị thiên là Định sinh hỷ lạc địa. Tam thiên là Ly hỷ diệu lạc địa. Tứ thiên là Xả niệm thanh tịnh địa. Bát định là ngoài tứ thiên ra, còn có: Không vô biên định .v.v.

6. Bát nhã : Phát ra trí huệ chân chánh của tự tánh, đoạn trừ tham sân si ba độc, thì trí huệ sẽ hiện tiền.

Nghĩa lý sáu Ba la mật rất nhiều. Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, tức là một thứ bố thí Ba la mật. Không nói hai lưỡi, là trì giới Ba la mật, không chưởi mắng là nhẫn nhục Ba la mật, không nói thêu dệt là tinh tấn Ba la mật, không tham sân là thiên định Ba la mật, không tà kiến là Bát Nhã Ba la mật.

Sáu ba la mật còn có ba lối nói : A. Đối trị. B. Tương sinh. C. Quả báo.

A. Đối trị :

1. Bồ thí đối trị với xan tham.
2. Trì giới đối trị hủy phạm.
3. Nhẫn nhục đối trị sân hận.
4. Tinh tấn đối trị giải đãi.
5. Thiền định đối trị tán loạn.
6. Bát nhã đối trị ngu si.

B. Tương sinh : Trì giới thì gặp chuyện nhục nhã, sẽ nhẫn được, nhẫn được sẽ tinh tấn được, tinh tấn sẽ điều phục được năm căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, năm căn điều phục rồi, thì nhiếp được vào nơi pháp giới, nhiếp được vào pháp giới, tức là Bát nhã.

C. Quả báo : Bồ thí sẽ được quả báo giàu sang, trì giới sẽ được quả báo các căn đầy đủ, nhẫn nhục sẽ được quả báo tướng mạo đoan chánh, tinh tấn sẽ được quả báo thế lực lớn, thiền định sẽ được quả báo sống lâu, Bát nhã sẽ được quả báo biện tài vô ngại.

Mỗi thứ Ba La Mật lại có mười điều lợi ích : Bồ thí Ba la mật :

1. Hàng phục được phiền não xan tham.
2. Xả niệm tương tục, chân chánh hành bồ thí.
3. Bình đẳng với tất cả chúng sinh, chẳng khởi tâm phân biệt.
4. Sinh vào nhà giàu sang.

5. Đòi đòi kiếp kiếp khởi tâm bố thí.
6. Bốn chúng kính mến.
7. Vào trong chúng không khiếp sợ, người thiện ác chẳng sinh tâm sợ hãi.
8. Danh tốt đồn khắp.
9. Tay chân mềm mại.
10. Gặp được thiện tri thức chân chánh.

“Trì giới là không làm ác ngừa việc quấy”. Không làm ác là không làm điều ác nào, “ngừa việc quấy” là làm các điều lành. Đừng cho rằng việc lành nhỏ mà không làm, đừng cho rằng điều ác nhỏ mà làm. Phải biết việc lành to lớn, là do việc lành nhỏ tích lũy mà thành. Do đó, trì giới thanh tịnh thì được mười điều lợi ích :

1. Viên mãn nhất thiết trí.
2. Vào sở học của Phật lấy giới làm thầy, vì kim cương quang minh bảo giới là bản thể của chư Phật.
3. Chẳng hủy báng bậc trí, chẳng những chẳng huỷ báng người có trí huệ, mà còn khen ngợi, trước hết đừng tranh đệ nhất, phải lão lão thật thật cung hành thực tiễn, tâm chân thì việc thật, thì tự nhiên bạn sẽ đệ nhất.
4. Thệ nguyện chẳng thối lui, phát tâm cầu Phật đạo. Đầu mắt tủy não, thân thịt tay chân, cho đến tính mạng vĩnh viễn không thối chuyển nơi bờ đề tâm.
5. An trụ chánh hạnh, chẳng sinh tâm phan duyên, thường lợi ích kẻ khác.

6. Xả bỏ sanh tử : Xả bỏ tất cả để nhận chân tu hành.

7. Mộ niệm Niết Bàn bốn đức.

8. Tâm chẳng hà tiện, tâm chẳng bị tham sân si mạn nghi làm hại.

9. Được tam muội thù thắng.

10. Chẳng thiếu tín tài, có tín tâm là một thứ tài báu, mới sinh ra tâm bồ đề.

Nhẫn nhục chẳng dễ gì làm được, cho nên trên chữ nhẫn có cái đao cắm ở trên chữ tâm (), mà đao lại nhọn, đao nhọn dè trên tim (tâm), “nhẫn” giống như đao đâm ở trong tim, đủ thấy chẳng dễ gì nhẫn được. Nếu không dễ gì nhẫn mà nhẫn được, thì phá được quan ải nhẫn. Lúc đó, sẽ đắc được nhẫn nhục Ba la mật. Từ bờ sinh tử qua dòng phiền não, đến được bờ Niết Bàn bên kia. “Nhẫn là báu vô giá, mọi người xử không tốt, nếu hay nhẫn nhục được, thì mọi việc đều tốt đẹp”. Bồ Tát Di Lặc lại có một bài kệ rằng :

“Lão quê mặc áo vá
Cơm hẩm no đầy bụng
Áo vá che rét lạnh
Vạn sự hãy tùy duyên.
Có ai mắng lão quê
Lão quê chỉ nói tốt
Có ai đánh lão quê
Lão quê nằm lãn ra.

Khắc nhỏ vào mặt lão
Để nó tự khô lấy
Ta cũng chẳng nhọc sức
Họ cũng chẳng phiền não.
Đây là Ba la mật
Tức là báu trong diệu
Nếu làm được như thế
Lo gì đạo chẳng thành’.

Nhẫn nhục Ba la mật có mười điều lợi ích :

1. Lửa chẳng thiêu được, vì trong tâm chẳng có lửa sân, lửa bên ngoài chẳng cách gì làm hại được.
2. Dao chẳng hại được, vì bên trong chẳng có đao thương vũ khí, và tâm thương hại, nên đao thương bên ngoài cũng không làm hại được.
3. Độc không hại được, do đó có câu :

“Dù gặp đao nhọn vẫn ung dung,
Hoặc uống thuốc độc cũng an nhàn”.

Cho nên Tổ Bồ Đề Đạt Ma bị ngoại đạo hạ độc sáu lần, mà Ngài chẳng trúng độc, cũng không chết. Vì trong vô lượng kiếp về trước, Ngài tu hạnh nhẫn nhục viên mãn. Bên trong chẳng có tâm độc, bên ngoài chẳng hại được.

4. Nước ngập chẳng chết.

5. Tất cả Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều ủng hộ. Thân tướng thanh tịnh trang nghiêm, mọi người thấy, tâm đều sinh kính mến.

7. Vĩnh viễn chẳng đọa vào ba đường ác.

8. Được sinh cõi Trời Phạm Thiên.

9. Ngày đêm an lạc.

10. Thân tâm thường sinh vui mừng.

Tinh tấn tức chẳng lười biếng giải đãi, ví như khi nghe kinh thì ngủ, khởi vọng tưởng, hoặc nói chuyện với người khác, đó đều là chẳng tinh tấn. Vậy thế nào mới là tinh tấn ? Tức là chẳng tham ngủ, chẳng khởi vọng tưởng, chẳng nói chuyện với kẻ khác, tất cung tất kính, chú ý nghe kinh, mới là tinh tấn. Hơn nữa ngày đêm sáu thời chẳng có mệt mỏi, luôn luôn niệm Phật, niệm pháp, niệm tạng, đó là thân tâm tinh tấn. Tinh tấn có mười điều lợi ích :

1. Họ không triết phục được, vì định lực kiên cố, biện luận với bất cứ ai, chắc chắn sẽ trăm chiến trăm thắng.

2. Được Phật nhiếp hộ.

3. Được phi nhân (chẳng phải người) hộ trì, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều đến hộ trì.

4. Nghe pháp không quên, một khi lọt qua tai chẳng bao giờ quên.

5. Chưa nghe được nghe, chẳng có cơ hội được nghe pháp thì có thể sẽ được nghe.

6. Tăng trưởng biện tài, đắc được biện tài vô ngại, hay khiến cho người nghe pháp hỷ sung mãn.

7. Được tánh tam muội.

8. Ít bệnh ít não.

9. Tâm được khinh an.

10. Hoa Lộ Ưu Ba và Hoa Ưu Đàm Bát (những thứ hoa này ba ngàn năm mới nở một lần), ngày ngày tăng dần. Cho nên người tu phải dũng mãnh tinh tấn, tinh tấn hóa trùng biến thành rồng.

Thiền na Ba la mật. Thiền na là tiếng Phạn, dịch là "Tư duy tu", tiếng tàu gọi tắt là thiền. Thông thường tham câu "Niệm Phật là ai?" Gọi là tham thiền, như dùng máy khoan để khoan lỗ, lại như mèo rình chuột. Chuột đại biểu cho vô minh của chúng ta. Tham thiền là kéo chân tâm lại, lại như là rồng giữ hạt châu, thời khắc luôn luôn tự tại tức là quán tự tại, nếu không thể quán tự tại, tức là đang khởi vọng tưởng. Do đó :

“Niệm dấy lên, trăm việc đều có,
Ý niệm ngừng, vạn sự đều không
Tâm ngừng niệm bạc, giàu sang thật
Lòng dục đoạn sạch, là ruộng phước”.

Tại sao con người bần cùng ? Vì trong tâm có tham sân si, như hố không đáy, nếu buông bỏ đặng, không phan duyên bên ngoài, không chấp trước sắc trần, đó mới là một người giàu sang thật sự.

Nếu đoạn sạch lòng tư dục, thì mới là phước báo thật sự, tham thiền cũng có mười điều lợi ích :

1. An trụ oai nghi : Tham thiền đến cảnh giới :

"Trên chẳng biết có trời
Dưới chẳng biết có đất".

‘‘Không người, không ta, quán tự tại,
Chẳng không, chẳng sắc, thấy Như Lai’’.

2. Hành từ cảnh giới : Hay từ bi nhiếp thọ giáo hoá tất cả chúng sinh.

3. Chẳng có phiền não.

4. Giữ gìn sáu căn, mắt chẳng chạy theo sắc trần, tai chẳng chạy theo thanh trần, mũi chẳng chạy theo hương trần, lưỡi chẳng chạy theo vị trần, thân chẳng chạy theo xúc trần, ý chẳng chạy theo pháp trần. Sáu căn phóng quang chấn động trời đất, trí huệ quang minh chiếu khắp ba nghìn đại thiên thế giới.

5. Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Nghĩa là lấy niềm vui của thiền làm thức ăn, niềm vui của pháp hỷ tràn trề.

6. Lìa khỏi ái dục, tại sao con người có sinh tử ? Vì ái dục chưa đoạn, cho nên luân hồi ở trong sáu nẻo. Nếu đoạn dục khử ái, thì cửa địa ngục cũng đóng bít, chẳng đọa vào đường ác nữa. Do đó, có câu:

‘‘Nghiệp không nặng không sinh Ta Bà

Ái không dứt không sinh tịnh độ’.

7. Tu thiền bất không : Thời khắc luôn luôn tham thiền, thì nhất định sẽ tăng trưởng huệ mạng, khai mở đại trí huệ.

8. Giải thoát ma nghiệp : Ma chẳng cách gì chướng ngại đạo nghiệp của bạn.

9. An trụ cảnh Phật, an trụ ở cảnh giới của Phật.

10. Giải thoát thành thực, chẳng quái chẳng ngại, được pháp thân thanh tịnh.

Bát Nhã Ba La Mật, ‘Bát Nhã’ là tiếng Phạn, dịch là "Trí huệ". Tại sao hai chữ không đọc là ‘Trí huệ’? Vì hai chữ ‘Bát Nhã’ này, hay hình dung trí huệ siêu nhiên của Phật, khác với trí huệ mà phàm phu nói, cho nên không dịch. ‘Bát Nhã’ còn bao hàm ba ý nghĩa:

A. Văn tự Bát nhã : Tất cả kinh điển của Phật nói, đều thuộc về văn tự Bát nhã.

B. Quán chiếu Bát nhã : Do văn tự Bát nhã, mà khởi quán chiếu Bát nhã, thâm nhập kinh điển Phật giáo, sau đó sinh ra quán chiếu trí huệ.

C. Do quán chiếu Bát nhã, mà đạt được thật tướng Bát nhã. Thật tướng vốn là vô tướng, song vô tướng bất tướng, nên gọi là thật tướng, tức cũng là phi không phi hữu (chẳng không chẳng có).

Văn tự bát nhã tức là có, quán chiếu bát nhã tức là không, nếu từ có mà đạt đến không, thì từ không đạt đến

phi không phi hữu, được như thế thì ngộ được cảnh giới chân không diệu hữu, cho nên gọi là thật tướng Bát nhã.

Ai có trí huệ tức là Bát nhã, ai không có trí huệ thì ngu si. Nếu ai biết mình ngu si, thì bắt đầu có trí huệ. Vì tự biết mình ngu si, thì trí huệ quang minh tất nhiên hiện tiền. Nếu mình tự cho rằng mình đúng, chẳng chịu sửa đổi, thì đó chẳng có Bát nhã trí huệ.

Bát nhã tức cũng chẳng chấp trước, do đó “Trí quang thường sáng”, nếu chúng ta tu trì Bát nhã, thì chắc chắn cũng đắc được mười điều lợi ích của Bát nhã:

1. Bồ thí chẳng giữ tướng bồ thí, chẳng giữ lấy tướng thọ bồ thí, chẳng chấp trước, tức cũng là tam luân thể không. Nghĩa là: Người thí, kẻ nhận, vật bồ thí, đều không. Nếu chẳng chấp trước về người thí và kẻ nhận, thì gọi là chẳng thủ lấy tướng bồ thí. Chúng ta đừng học theo Vua Lương Võ Đế, ông ta từng hỏi Tổ Bồ Đề Đạt Ma : “Tôi tạo dựng nhiều chùa, làm nhiều cầu, bồ thí cho nhiều tăng chúng, vậy Ngài nói tôi có công đức nhiều bao nhiêu ?” Tổ Bồ Đề Đạt Ma vì chẳng thuận nhân tình, nói thật với ông ta rằng : “Chẳng có công đức”. Kỳ thật, chẳng có công đức, tức là chẳng có chấp trước, chẳng chấp trước tức là công đức. Công đức như hư không, không thể dò lường được.

2. Chẳng y vào giới : Nếu có người cho rằng mình giữ gìn giới luật là giỏi nhất, mà còn chấp trước thì đó là sai. Vì còn chấp trước vào ngã tướng (tướng ta). Nếu

không chấp trước vào trì giới, có thể không trì mà trì, trì mà vô tâm, đó mới là chân chánh trì giới.

3. Không trụ vào sức nhẫn : Chẳng chấp trước mình có sức nhẫn nhục, mới là thật nhẫn. Thật nhẫn thì thì chẳng có tâm hay nhẫn, hay nhẫn mà chẳng nhẫn, căn bản chẳng cho rằng như thế. Nếu nói ta đang nhẫn nhục, thì giống như đầu lại thêm đầu. Cho nên chân chánh tu đạo nhẫn nhục, thì phải minh bạch tướng không của các pháp, đó mới là chân chánh tu đạo.

4. Chẳng lìa thân tâm mà tinh tấn : Thân tâm đều tinh tấn, song cũng đừng chấp trước mình suốt ngày tinh tấn. Nếu có sự chấp trước, thì chẳng phải là Bát Nhã tinh tấn. Bát nhã tinh tấn là tinh tấn, mà chẳng chấp vào sự tinh tấn, chẳng vì tinh tấn mà tinh tấn, quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng, hàng phục được tâm, vẫn phải lìa tướng hàng phục.

5. Thiên vô sở trụ : Tham thiên đến cảnh giới chẳng chấp trước vào đâu, thì phá được ngã (cái ta), pháp hai chấp, được đại giải thoát, cho nên gọi là Bát nhã thiên.

6. Ma không thể nhiễu loạn : Ma đến nhiễu loạn, song tâm chẳng giao động, chẳng mất chánh tri chánh kiến.

7. Lời bàn luận của kẻ khác chẳng động tâm : Ví như người chẳng có trí huệ, niệm ba ngày danh hiệu A Di Đà Phật, nghe người khác nói tu mật tông là tốt nhất, y bèn chạy theo. Nếu tâm không định, thì rất dễ chạy theo

lời lẽ của kẻ khác. Tôi xin kể một câu chuyện : Xưa kia, Ngài Nguỡng Sơn ở tại một túp lều tranh dột nát, túp lều tranh dột nát không thể che gió che mưa được. Lúc bấy giờ, tướng quốc Bùi Hưu nhìn thấy vị tu hành này, ở trong một túp lều tranh dột nát chẳng đành lòng. Do đó, bèn phát tâm đại bồ đề, cúng dường ba trăm lạng bạc, để tạo dựng một ngôi chùa mới. Tướng quốc Bùi Hưu đem ba trăm lạng bạc để ở trên đồng cỏ ở trước cửa lều tranh rồi bỏ đi. Ba năm sau, ông ta lại trở lại xem Ngài Nguỡng Sơn, thì phát giác Ngài Nguỡng Sơn vẫn ở túp lều tranh dột nát đó, ông ta nghĩ : “Đáo để vị Hòa Thượng này dùng ba trăm lạng bạc để làm gì ? Sao chẳng thấy chùa đâu cả?” Do đó, bèn hỏi Ngài : “Lão Hoà Thượng ! Trước kia tôi cúng cho Ngài ba trăm lạng bạc, Ngài làm việc gì mà chẳng thấy đem ra làm chùa : “Ngài Nguỡng Sơn nói : “Trước kia ông để ba trăm lạng bạc ở đâu, thì đến đó tìm ! “Do đó, tướng quốc Bùi Hưu bèn đến đồng cỏ xem lại, thì quả nhiên ba trăm lạng bạc vẫn còn nằm đó, mới biết lão hòa thượng này là một vị chân tu, kính ngưỡng vô cùng, đích thân thể Ngài làm chùa. Sau đó, đem con (Hàn Lâm) cho vào chùa xuất gia, có pháp hiệu là Pháp Hải thiền sư.

Còn có câu chuyện nữa : Thuở xưa, có hai vị sư huynh đệ phát tâm cùng tu hành với nhau, ngày ăn một bữa, chịu khổ chịu cực. Một ngày nọ, hai người đến núi Ngũ Đài, lúc đó trời đổ tuyết lớn, nên hai vị tá túc trong

một túp lều dột nát. Vì chẳng có lương thực, cho nên phải chịu đói ba ngày. Lúc đó, vị sư đệ khởi vọng tưởng : "Sư huynh là người xuất thân từ gia đình giàu có, chưa bao giờ chịu nhịn đói, lần này chịu đói với mình ở đây đã ba ngày, thật đáng thương ! Phải chi có ai đến cúng dường một tô mì nóng, thì tốt biết bao". Vị đó khởi vọng tưởng như thế, thì thần thổ địa biết được cũng lo lắng. Vì thấy huynh đệ hai vị chân chánh tu hành nhịn đói đã ba ngày, nếu không phát tâm đến trợ giúp, thì hai vị có thể sẽ chết đói. Do đó, thần thổ địa báo mộng cho một cặp vợ chồng ở sau núi, kêu họ đến cúng dường hai vị tu hành. Sáng sớm ngày thứ hai, thì cặp vợ chồng đó đem hai tô mì lớn đến cúng cho hai vị. Vị sư đệ gặp cặp vợ chồng đó đến, vui mừng cười lớn tiếng. Lúc đó, vị sư huynh biết chắc là vị sư đệ khởi vọng tưởng ăn mì, nên bèn mỗi giận nói : "Bây giờ đường ai nấy đi". Tu đạo, nếu đầy đủ công phu, thì chẳng hướng tâm bên ngoài phan duyên, mọi lời lẽ cũng chẳng làm cho tâm giao động định lực, mà vị sư huynh đó không chế được vọng tâm hướng cầu bên ngoài.

8. Vượt qua dòng sinh tử : Đạt đến cảnh giới Niết Bàn, lia bờ sinh tử bên này, mà chúng được thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn bời bên kia.

9. Tăng trưởng tâm từ bi.

10. Không ưa trụ ở bậc nhị thừa : Chẳng ưa thích trụ ở quả vị hàng nhị thừa, nguyện đi trên đường đại thừa, hồi tiểu hướng đại, tu pháp đại thừa Bát nhã.

Thuở đó, nhân dân sống lâu vô lượng. Vì cầu pháp mà xả bỏ ngôi vua, giao phó lại cho thái tử, đánh trống tuyên cáo, cầu pháp khắp bốn phương rằng : Ai có thể vì ta nói pháp đại thừa, thì ta sẽ suốt đời hầu hạ cung phụng người đó.

Trong vô lượng kiếp về trước, Đức Phật làm vua, lúc ấy Ngài hay xả bỏ sinh mạng tu sáu độ vạn hạnh. Thuở đó nhân dân sống rất lâu. Vì vị vua đó muốn cầu pháp, cho nên xả bỏ ngôi vua, giao phó ngôi vua lại cho thái tử. Sau đó đánh trống tuyên bố với nhân dân : “Ta muốn đi khắp bốn phương cầu pháp, vị nào có đạo đức vì ta nói pháp đại thừa, thì ta suốt đời đem thân này hầu hạ, phụng dưỡng làm tôi tớ cho người đó”.

Bấy giờ, có vị tiên nhân đến bạch với vua rằng : Ta có pháp đại thừa tên là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu không làm trái ý của ta, thì ta sẽ vì nhà người mà nói. Vua nghe vị tiên nhân nói rất vui mừng hớn hỏ, bèn đi theo vị tiên nhân, cung phụng hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu cơm cho

đến dùng thân mà làm giường tòa, thân tâm chẳng biết mệt mỏi, phụng sự như thể trải qua một ngàn năm, vì cầu pháp nên siêng năng cung cấp hầu hạ, khiến cho vị thiên nhân chẳng thiếu thốn gì cả.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Lúc đó, có vị tiên nhân đến bạch với vua rằng : “Ta có bộ kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, nếu nhà vua không trái lời ta dạy, thì ta sẽ vì nhà vua mà nói.” Nhà vua nghe vị tiên Trường Thọ nói rồi, tâm rất vui mừng hơn hở, lập tức đi theo vị tiên nhân, cung phụng những gì ông ta cần, lại đến núi hái quả, gánh nước, nhặt củi, nấu cơm, cho đến dùng thân thể của Ngài để làm giường tòa cho vị tiên, làm như thế mà thân tâm chẳng sinh chút mệt mỏi nào, cứ làm như vậy trải qua suốt một ngàn năm. Vì kiên thành cầu pháp, nên chẳng khi nào giải đãi, khiến cho vị tiên nhân chẳng thiếu thốn gì ! Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý ở trên, nên dùng kệ để nói.

**Ta nhỏ kiếp quá khứ
Vì cầu pháp đại thừa
Tuy làm vua trong đời**

**Chẳng tham vui năm dục.
Đánh trống khắp bốn phương
Ai có pháp đại thừa
Nếu vì ta giải nói
Ta sẽ làm tôi tớ.
Bèn có tiên A Tư
Đến bạch với đại vương:
Ta có pháp vi diệu
Hiếm có ở trong đời.
Nếu mà tu hành được
Ta sẽ vì người nói.**

Ta nhớ lại vô lượng kiếp trong quá khứ, vì cầu pháp đại thừa, tuy làm vua của một nước lớn trong thế gian, song chẳng tham luyến sự vui của năm dục. Do đó, ta bèn đánh trống khắp bốn phương tuyên bố rằng : “Ai hiểu pháp đại thừa, nếu vì ta giải thích nói, tuy ta là ông vua, song ta nguyện làm tôi tớ cho người đó. “Vì Ngài cầu pháp vô thượng, lúc đó có vị thiên A Tư (tiên trường thọ) đến bạch với vua rằng : “Ta có pháp vi diệu cao thượng nhất, pháp này rất hiếm có trong đời, nếu như Ngài muốn y pháp tu hành, chẳng trái lời dạy của ta, thì ta sẽ vì người nói diệu pháp đó.”

**Khi vua nghe tiên nói
Trong tâm rất vui mừng.
Lập tức theo tiên nhân
Cung cấp thứ cần dùng
Nhặt củi và hái quả
Theo lời cung kính dâng.
Vì muốn cầu diệu pháp
Thân tâm chẳng mệt mỏi
Khấp vì các chúng sinh
Siêng cầu pháp đại thừa.
Cũng chẳng vì thân mình
Và cầu vui năm dục
Nên làm đại quốc vương
Siêng cầu được pháp này.
Cuối cùng được thành Phật
Nên nay vì ông nói.**

Lúc đó, ông vua nghe vị tiên nói, trong tâm rất vui vẻ mừng rỡ, lập tức theo vị tiên nhân, cung cấp những thứ cần dùng của vị tiên, lên núi hái củi, hái trái cây, theo thời mà cung kính hầu hạ vị tiên, tại sao phải làm như thế ? Vì ông vua muốn cầu vô thượng diệu pháp, cho nên thân tâm chẳng giải đãi để hầu hạ vị tiên. Đó chẳng phải

vì lợi ích cho chính mình, mà là vì muốn mình bạch tất cả các pháp, sau đó phổ độ tất cả chúng sinh. Cho nên ông vua rất tinh tấn để cầu pháp đại thừa. Ông vua chẳng vì lợi ích thân tâm của chính mình, hoặc cầu sự vui của năm dục. Tuy là một ông vua lớn, song vì siêng cầu pháp mà cuối cùng được diệu pháp vô thượng, cho đến viên mãn vô thượng bồ đề. Hiện tại ta đem nhân duyên hành Bồ Tát đạo của ta trong quá khứ, nói ra cho các ông nghe.

Phật bảo các Tỳ Kheo ! Ông vua thuở đó, chính là thân ta, còn vị tiên đó, nay là Đề Bà Đạt Đa vậy.

Sau khi Phật nói xong bài kệ, bảo đại chúng Tỳ Kheo Tỳ kheo Ni, cư sĩ nam cư sĩ nữ rằng: Ông vua xả bỏ ngôi vua trong vô lượng kiếp quá khứ, để hầu hạ cung phụng vị tiên A Tư, tức là tiền thân của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vị tiên A Tư thuở đó, tức là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa là tiếng Phạn. “Đề Bà” dịch là “Thiên”, “Đạt Đa” dịch là “Nhiệt”, tức là “Thiện nhiệt”. Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức của Đức Phật trong đời quá khứ, cũng từng làm thầy của Đức Phật. Đức Phật từng làm tôi tớ cho Đề Bà Đạt Đa, cuối cùng đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đề Bà Đạt Đa chuyên môn phản đối Đức Phật, phá hoại tăng đoàn, lập riêng ra năm pháp :

1. Suốt đời đi khát thực.

2. Suốt đời mặc y phấn tảo.
3. Suốt đời ngồi ngoài trời.
4. Suốt đời không ăn muối.
5. Suốt đời không ăn cá thịt.

Chuyên môn làm ngược lại với Đức Phật, muốn cao hơn Đức Phật một bậc. Có những Tỳ Kheo tham danh háo lợi theo Đề Bà Đạt Đa học tập. Đề Bà Đạt Đa cũng từng làm thân Phật chảy máu. Một ngày nọ, Phật đi ngang qua núi Linh Thứu, Đề Bà Đạt Đa ở trên đỉnh núi dùng một tảng đá lớn lăn xuống núi. Lúc đó, thần hộ pháp cấp tốc đứng dậy dùng bảo chùy đập nát tảng đá, song có một mảnh đá nhỏ rớt trúng chân Đức Phật. Đề Bà Đạt Đa đã giết Tỳ Kheo ni Liên Hoa Sắc, một vị đã chứng quả A La Hán, ông ta dùng bàn tay chưởng một cái làm cho Tỳ kheo ni Liên Hoa Sắc phải qua đời. Ông ta còn phá hòa hợp tăng, khiến cho chúng Tỳ Kheo bất hòa. Lại xúi vua A Xà Thế giết cha giết mẹ, cho nên ông ta phạm đủ năm tội nặng. Tuy ông ta là một vị ác tri thức, chuyên môn phá hoại Đức Phật, song tương lai ông ta cũng sẽ thành Phật. Trên thật tế thì, ông ta đã thành Phật trong vô lượng kiếp.

Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa, mà khiến cho ta đầy đủ sáu Ba la mật, tử bi hi xả, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp,

được thân màu vàng tía, mười lức, bốn vô sở úy, bốn pháp nhiếp, mười tám pháp bất cộng, thần thông, thành Đẳng chánh giác, rộng độ chúng sinh, đều do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa vậy.

Đức Phật nói : “Do thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa đến dạy tôi, cho nên khiến cho tôi viên mãn sáu Ba la mật (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ). Bây giờ giải thích về sáu Ba la mật :

Bố thí Ba la mật :

1. Tu bố thí Ba la mật thì giải trừ san tham của mình.
2. Trang nghiêm tự tính Bồ đề.
3. Tự lợi lợi tha.
4. Đồi sau được quả lớn, tôn quý giàu có.

Trì giới Ba la mật :

1. Tu các việc thiện, diệt các nghiệp ác.
2. Trang nghiêm Bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.
3. Thân tâm an lạc.
4. Đồi sau hưởng sự vui Niết Bàn.

Nhẫn nhục Ba la mật :

1. Trang nghiêm Bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.
2. Đó đây lìa sợ hãi.

3. Đòi sau chẳng có tâm sân hận, được quyền thuộc hòa thuận, chẳng thọ phiền não, được vui Niết Bàn.

Tinh tấn Ba la mật :

1. Phá được tâm giải đãi.
2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.
3. Tăng trưởng pháp lành nên lợi mình, chẳng nào hại người nên lợi người.
4. Dùng đại lực, được bồ đề.

Thiền định Ba la mật :

1. Trừ tâm tán loạn.
2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.
3. Thân tâm tịch tĩnh nên lợi mình, chẳng nào hại chúng sinh nên lợi người.
4. An ổn đắc được rốt ráo Niết bàn.

Bát nhã Ba la mật :

1. Phá vô minh.
2. Trang nghiêm bồ đề nhiếp thọ chúng sinh.
3. Có trí huệ, nên lợi mình. Lại hay giáo hóa chúng sinh nên lợi người.
4. Được chân chánh đại trí huệ, trừ trí huệ chướng ngại.

Đức Phật viên mãn sáu Ba la mật, lại được từ bi hỷ xả, bốn tâm vô lượng. Từ hay ban vui cho chúng sinh, bi hay cứu khổ chúng sinh, hỷ khiến cho chúng sinh sinh vui mừng. Xả, khó xả bỏ mà xả bỏ đặng. Phật dùng bốn

tâm vô lượng viên mãn bồ đề. Thành Phật rồi lại dùng bốn tâm vô lượng để giáo hóa chúng sinh. Phật lại được ba mươi hai tướng đại trượng phu. Tạng giáo nói rằng do tu giữ giới mà được ba mươi hai tướng, thông giáo nói rằng do tu bố thí nhẫn nhục mà được ba mươi hai tướng, biệt giáo nói rằng do tu các pháp không mà thành tựu ba mươi hai tướng, viên giáo nói rằng do thọ ký mà thành tựu ba mươi hai tướng.

Ở trên là do tạng, thông, biệt, viên giáo, nói về ba mươi hai tướng. Phật lại được tám mươi vẻ đẹp. Viên mãn báo thân của Phật hiện ra một thứ màu sắc vàng tía rất thù thắng. Phật có mười lực, bốn vô sở úy. Khi Phật thuyết pháp thì như tiếng hống của sư tử, chẳng sợ hãi. Lại có bốn vô sở úy của Bồ Tát :

1. Tổng trì chẳng quên : Nhớ rất rõ ràng hết thấy các pháp, cho nên được khéo thuyết pháp yếu vô sở úy.
2. Biết hết các pháp : Biết thuốc nào chữa bệnh gì của chúng sinh.
3. Hỏi đáp về pháp vô sở úy.
4. Giải được sự nghi ngờ của chúng sinh, thuyết pháp vô sở úy.

Phật lại dùng bốn nhiếp pháp để nhiếp thọ chúng sinh :

1. Bố thí. 2. Ái ngữ. 3. Lợi hành: Thân khẩu ý làm việc lành. 4. Đồng sự : Cùng với chúng sinh làm cùng một việc.

Phật lại đắc được mười tám pháp bất cộng :

1. Thân chẳng lỗi : Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp Phật đều giữ gìn pháp thân huệ mạng, chẳng có lỗi lầm, thân chẳng phạm giới giết hại, trộm cắp, tà dâm.

2. Miệng chẳng lỗi : Những gì miệng nói ra đều là diệu pháp thâm sâu vô thượng.

3. Không quên : Gọi là niệm không lỗi.

4. Chẳng có nghĩ tưởng khác : Chỉ có Phật đời đời kiếp kiếp cầu vô thượng giác đạo, chẳng có vọng tưởng và dục niệm khác.

5. Vô bất định tâm : Phật chẳng những chẳng có vọng tưởng khác, mà đời đời kiếp kiếp còn tu thiền định, cho nên có diệu định thâm sâu, tâm chẳng tán loạn.

6. Vô bất tri kỷ xả tâm : Phật biết hết thấy tất cả các pháp, song chẳng chấp trước đối với tất cả các pháp, xả bỏ tất cả các pháp, cho nên bất khả đắc.

7. Ý chẳng giảm : Phật đời đời kiếp kiếp nguyện giáo hóa chúng sinh, tiếp dẫn hữu tình, tâm chẳng thối chuyển.

8. Tinh tấn chẳng giảm : Chỉ có tinh tấn, chẳng khi nào thối lùi.

9. Niệm chẳng giảm : Nhớ pháp của tất cả chư Phật tu ba đời mà chẳng gián đoạn, luôn luôn chẳng giảm thiểu.

10. Huệ chẳng giảm : Trí huệ càng ngày càng tăng thêm.

11. Giải thoát chằng giảm : Dần dần đắc được giải thoát, càng ngày càng tự tại.

12. Giải thoát tri kiến chằng giảm.

13. Tất cả thân nghiệp tùy trí huệ hành.

14. Tất cả khẩu nghiệp tùy trí huệ hành.

15. Tất cả ý nghiệp tùy trí huệ hành.

16. Trí huệ quá khứ vô chướng.

17. Trí huệ vị lai vô chướng.

18. Trí huệ hiện tại vô chướng.

Mười tám pháp này chỉ có Phật mới có. Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn ba thừa, chẳng có cùng mười tám pháp này, nên gọi là mười tám pháp bất cộng.

Đức Phật lại bảo bốn chúng : Đề Bà Đạt Đa qua vô lượng kiếp sau này, sẽ được thành Phật, hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới tên là Thiên Đạo. Phật Thiên Vương đó sống lâu ở đời hai mươi trung kiếp. Rộng vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, đều đắc được quả A

la hán. Vô lượng chúng sinh phát tâm Duyên Giác, nhiều chúng sinh như số cát sông Hằng, phát tâm vô thượng đạo, được vô sinh nhẫn, cho đến bất thối chuyển.

Đức Phật lại bảo bốn chúng rằng : Đè Bà Đạt Đa từ nay cho đến vô lượng kiếp vị lai, sẽ được thành Phật, danh hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Thế giới Ngài thành Phật tên là Thiên Đạo. Phật Thiên Vương đó, trụ ở đời hai mươi trung kiếp. Thế giới của chúng ta một lần tăng một lần giảm là một kiếp. Tuổi thọ của con người cứ một trăm năm giảm xuống một tấc. Từ tuổi thọ con người tám vạn bốn ngàn tuổi, dần dần giảm xuống còn mười tuổi. Từ mười tuổi lại dần dần tăng lên đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Một tăng một giảm là một kiếp. Hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp.

Trong hai mươi trung kiếp, Phật Thiên Vương vì hết thấy chúng sinh rộng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. Lúc đó, có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng chúng được quả vị A la Hán, vô lượng vô biên chúng sinh phát tâm Duyên Giác thừa, có chúng sinh nhiều như số cát sông Hằng, phát đạo tâm vô thượng

chánh đẳng chánh giác. Họ đều đắc được vô sinh nhẫn, đến cảnh giới bất thối chuyển.

Sau khi Phật Thiên Vương đó vào Niết Bàn, chánh pháp lưu lại ở đời hai mươi trung kiếp. Toàn thân xá lợi được tạo dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần, bề ngang rộng bốn mươi do tuần. Chư thiên nhân dân đều dùng các thứ hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, ca xướng, lễ bái cúng dường tháp báu. Vô lượng chúng sinh được quả A la hán, vô lượng chúng sinh ngộ Bích Chi Phật, có nhiều chúng sinh không thể nghĩ bàn phát bồ đề tâm, đến quả vị bất thối chuyển.

Lúc đó, vị Phật Thiên Vương giáo hóa xong chúng sinh đáng được giáo hóa, cũng độ xong chúng sinh đáng được độ, viên mãn thệ nguyện của Phật đã phát, cho nên vào Niết Bàn. Khi Phật tại thế, thì chánh pháp trụ thế hai mươi trung kiếp. Sau khi Phật diệt độ, thì đem toàn thân xá lợi của Phật an trí vào trong tháp bảy báu. Tháp cao

sáu mươi do tuần (biểu thị cho sáu độ), bề ngang rộng bốn mươi do tuần (biểu thị cho bốn niệm xứ). Tất cả chư Thiên, nhân dân, đều dùng các thứ hoa, hương bột, hương đốt, hương xoa, y phục, anh lạc, tràng phan, lọng báu, âm nhạc, ca xướng, cung kính lễ bái, cung kính cúng dường tháp bảy báu.

Sau khi Phật Thiên Vương vào Niết Bàn, vẫn có vô lượng chúng sinh chứng được quả A La Hán. Vô lượng chúng sinh được quả Bích Chi Phật. Có nhiều chúng sinh không thể nghĩ bàn, phát bồ đề tâm đến quả vị bất thối chuyển.

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo ! Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào, nghe Kinh Pháp Hoa Phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà tâm tin kính thanh tịnh, chẳng sinh tâm nghi hoặc, thì chẳng đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, được sinh ở trước mười phương chư Phật, chỗ được sinh về thường nghe Kinh này. Nếu sinh trong loài người, trên trời, thì được hưởng sự vui thù thắng vi diệu. Nếu sinh ở trước chư Phật, thì được hoa sen hóa sinh.

Đức Phật lại bảo các Tỳ Kheo rằng : Trong đời vị lai, nếu có người thiện nam người thiện nữ, tu năm giới làm mười điều lành, nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Đề Bà Đạt Đa, mà trong tâm chẳng có pháp ô nhiễm, tâm tin kinh thanh tịnh chẳng hoài nghi. Nếu có ai phê bình Đề Bà Đạt Đa là người ác, đó là sai lầm. Kỳ thật, Ngài thật là một vị đại Bồ Tát, chỉ bất quá Ngài hiện tướng tôn giả phản diện để giúp Phật độ người. Phải tin rằng người mà đời đời kiếp kiếp đến phản đối bạn, hoặc là người nhiều loạn bạn, đều là đang trợ giúp bạn thành Phật. Đó cũng giống như ở trong lò đúc rèn luyện, rèn luyện đến lúc, một chút tạp khí mao bệnh đều chẳng còn, tâm tính nhu hòa. Nếu được như thế thì mới là “Thật tin”. Nên coi những oán hận sân khúe phiền não, sẽ thành chân chánh thiện tri thức của mình, chân chánh hay sinh tâm cung kính thiện tri thức. Ví như chuông cần phải dùng dùi bằng gỗ để đánh nó, thì mới phát ra âm thanh. Vàng thật phải dùng lửa để nung mới thành vàng ròng. Hoa mai phải trải qua một phen rét lạnh mới tỏa hương thơm ngào ngạt, do đó có câu :

‘‘Không trải qua một phen lạnh thấu xương
Sao được hoa mai thơm ngát mũi.’’

Tuy nhiên Đề Bà Đạt Đa làm những điều ác, song nếu chúng ta đối với phẩm này, mà chẳng sinh tâm phân biệt, chẳng sinh hoài nghi, tức là chứng minh chúng ta có : Văn, tư, tu, huệ chân chánh, vĩnh viễn chẳng đọa vào ba

đường ác. Luôn luôn hay cúng dường chư Phật, lại hay gàn gũi Tam Bảo, được nghe diệu pháp vô thượng, và còn được sinh về cõi Phật trong mười phương, được nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tức là hoa sen hóa sinh ra, chín phẩm hoa sen là cha mẹ. Nếu sinh về cõi trời thì cũng được hưởng sự vui thù thắng vi diệu.

Lúc đó, phượng dưới đức Đa Bảo Thế Tôn, có vị Bồ Tát đi theo tên là Trí Tích, bạch đức Phật Đa Bảo để trở về bốn quốc, thì đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Trí Tích rằng : Thiên nam tử ! Hãy đợi chốc lát, sẽ có Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, có thể gặp nhau luận bàn về diệu pháp, rồi hãy trở về bốn quốc.

Lúc đó, phượng dưới Phật Đa Bảo có vị thị giả đi theo Ngài, là một vị Bồ Tát tên là Trí Tích. Ngài nói với Phật Đa Bảo : “Bây giờ con có thể về được chăng ?” Lúc ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni bảo Bồ Tát Trí Tích rằng : “Thiên nam tử ! Ông nên đợi một chút nữa, trong pháp hội này, sẽ có một vị Bồ Tát tên là Văn Thù Sư Lợi, sẽ gặp ông cùng nhau đàm luận về đạo lý Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sau đó hãy trở về !

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh, lớn như bánh xe, những Bồ Tát cùng đến, cũng ngồi trên hoa sen báu, từ biển Long cung Ta Kiệt La, tự nhiên vọt ra trụ ở trong hư không, đi thẳng đến núi Linh Thứu. Từ hoa sen bước xuống, đến ở trước Phật, đầu mặt kính lễ dưới chân hai vị Thế Tôn, làm lễ xong rồi, đến chỗ Bồ Tát Trí Tích cùng nhau thăm hỏi, bèn ngồi qua một bên. Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi rằng : Ngài đến Long cung giáo hóa chúng sinh, số được bao nhiêu ? Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói : Số nhiều vô lượng, không thể tính kể, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm đo lường được, hãy đợi chốc lát tự nhiên sẽ biết.

Lúc đó, Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ngồi trên hoa sen báu ngàn cánh, hoa sen lớn như bánh xe. Những vị Bồ Tát theo Ngài cùng đến pháp hội, cũng đều ngồi trên hoa sen báu, từ biển Long cung Ta Kiệt La tự nhiên vọt ra, trụ

ở trong hư không đến thẳng núi Linh Thứu, nơi Phật đang nói pháp, rồi từ hoa sen bước xuống đến ở trước Phật, năm thể sát đất, cung kính lễ lạy Phật Thích Ca và Phật Đa Bảo. Lễ lạy xong, lại đến chỗ của Bồ Tát Trí Tích ngồi cùng nhau hỏi thăm, rồi ngồi qua một bên. Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát Văn Thù : “Thưa Ngài ! Ngài đến cung rông giáo hóa được bao nhiêu rông?” Bồ Tát Văn Thù đáp : “Rông được độ, không thể nào tính kể được, chẳng phải miệng nói ra được, cũng chẳng phải tâm có thể dò lường được, Ngài hãy đợi một chút thì sẽ biết rõ.”

Nói chưa dứt lời, thì có vô số Bồ Tát ngồi trên hoa sen báu, tử dưới biển vọt lên, đến núi Linh Thứu, trụ ở trong hư không. Các vị Bồ Tát đó, đều do Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi hóa độ, đủ hạnh Bồ Tát, đều cùng đàm luận nói sáu Ba la mật. Họ vốn là hàng Thanh Văn, ở trong hư không nói hạnh Thanh Văn, nay đều tu hành nghĩa không của đại thừa. Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói với Bồ Tát Trí Tích rằng : Việc giáo hóa ở trong biển là như thế.

**Bấy giờ, Bồ Tát Trí Tích nói bài kệ,
để khen ngợi rằng :**

**Đại trí đức dũng mãnh
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong đại hội này
Ta đều đã thấy hết.
Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày pháp một thừa
Rộng độ các chúng sinh
Khiến mau thành bồ đề.**

Khi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi chưa nói chưa dứt lời, thì đột nhiên có vô số Bồ Tát đại thừa, ngồi trên hoa sen báu từ dưới biển vọt lên, đến núi Linh Thứu chỗ của Phật Thích Ca đang nói pháp, hiện ra đủ thứ thần thông diệu dụng, trụ ở trong hư không. Những vị Bồ Tát đó, đều do Bồ Tát Văn Thù giáo hóa ở trong biển, ai cũng đầy đủ hạnh Bồ Tát, cùng nhau thảo luận sáu pháp Ba la mật. Các Ngài vốn chứng quả vị Thanh Văn, song các Ngài đã hồi tiểu hướng đại, hành Bồ Tát đạo. Cho nên, các Ngài ở trong hư không trước hết nói pháp Thanh Văn thừa, vì các Ngài chưa vào sâu pháp đại thừa. Như nay tất cả hàng Thanh Văn thừa và Bồ Tát thừa, đều cùng nhau phát tâm tu hành nghĩa không của đại thừa, tức là tu hành pháp

môn thật tướng của đại thừa. Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Trí Tích : “Ngài hỏi tôi việc giáo hóa bao nhiêu chúng sinh ở trong biển, thì việc đó như thế .”

Bấy giờ Bồ Tát Trí Tích nhìn thấy chúng sinh của Bồ Tát Văn Thù hóa độ, hiện nay đều tu nghĩa không đại thừa của đại Bồ Tát. Cho nên dùng một bài kệ để khen ngợi Bồ Tát Văn Thù.

“Ngài là một vị tôn giả đầy đủ đại trí huệ, đại công đức, đại dũng mãnh, đại thù thắng, cho nên giáo hóa được vô lượng vô biên chúng sinh hành Bồ Tát đạo. Hiện tại tất cả chúng sinh ở trong pháp hội này, đều đã nhìn thấy hết. Ngài hay diễn nói tất cả diệu pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh minh bạch nghĩa lý thật tướng của đại thừa. Ngài lại hay mở bày diệu pháp một thừa, rộng giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ mau thành tựu diệu quả Vô thượng bồ đề, là bậc chúng ta đáng kính tin phụng.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói : Tôi ở trong biển chỉ thường nói Kinh Pháp Hoa. Bồ Tát Trí Tích hỏi Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi : Kinh này thâm sâu vi diệu, là báu trong các kinh, ít có ở trong đời. Nếu có chúng sinh siêng năng tinh tấn tu hành kinh này, thì mau được thành Phật chăng ? Bồ Tát Văn Thù đáp : Có con gái

của Long Vương Ta Kiệt La, mỗi tám tuổi mà trí huệ lanh lợi, khéo biết các căn hành nghiệp của chúng sinh, được Đà la ni, hay thọ trì pháp bí tàng thâm sâu của các đức Phật nói, vào sâu thiên định, thấu hiểu thông đạt các pháp, trong khoảng sát na phát tâm bồ đề, được chẳng thối chuyển, biện tài vô ngại, thưởng nhỏ chúng sinh như con đò, công đức đầy đủ, trong tâm nhỏ pháp, miệng diễn nói pháp vi diệu rộng lớn, tử bi đối với tất cả chúng sinh, ý chí nhu hòa, đến được bồ đề.

Bồ Tát Văn Thù nói : “Tôi ở trong biển, luôn một lòng diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa”. Bồ Tát Trí Tích nghe rồi tâm sinh hoài nghi bèn hỏi : “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là một bộ kinh thâm sâu vi diệu không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là bảo bối trong các kinh, rất ít có ở trong thế gian. Nếu có chúng sinh nghe được kinh này, và siêng năng tinh tấn tu hành kinh này, thì người đó chẳng phải sớm có thể thành Phật chăng” ? Bồ Tát Văn Thù đáp : “Ở trong biển có một Long cung, Long Vương của long cung có một người con gái mới tám tuổi, tuy tuổi nhỏ mà trí huệ rất lanh lợi. Cô ta biết tiền nhân hậu quả của

chúng sinh, cô ta đắc được mười pháp Đà la ni. (Đà la ni dịch là "tổng trì". "Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa." Tức cũng là tổng trì thân khẩu ý thanh tịnh, thân khẩu ý chẳng phạm nghiệp ác. Pháp của Phật nói cô ta đều minh bạch). Do đó, tạng bí mật là bí pháp vì đây nói mà kia chẳng biết, vì kia nói mà đây chẳng biết, đồng nói một pháp nhưng đắc được nghĩa lý chẳng giống nhau, cho nên gọi là bí tàng. Song Long Nữ tám tuổi hay thọ trì đọc tụng và đều hiểu rõ tạng bí mật thâm sâu của chư Phật nói. Cô ta lại vào được thiền định thâm sâu, mà còn thấu rõ thông đạt các pháp, trong khoảng một sát na phát đại bồ đề tâm, được vĩnh viễn chẳng thối chuyển, được biện tài vô ngại. Song cô ta thương nhớ tất cả chúng sinh, xem tất cả chúng sinh như con đỏ, cô ta công đức viên mãn, trong tâm nhớ pháp, miệng diễn nói pháp vi diệu xa xa. Cô ta có tâm từ hay ban vui, tâm bi hay cứu khổ, mà còn khiêm nhường ái hộ tất cả chúng sinh. Chí khí và ý niệm của cô ta đều rất nhu hòa, sớm thành tựu bồ đề."

Bồ Tát Trí Tích nói : Tôi thấy đức Thích Ca Như Lai trong vô lượng kiếp, làm những việc khó làm, tích lũy công đức, cầu đạo bồ đề chưa từng nghỉ ngơi. Tôi quán ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến chẳng có nơi nào nhỏ như hạt cải, mà

chẳng phải là nổi Bồ Tát vì chúng sinh xả bỏ thân mạng của, rồi sau đó mới thành tựu đạo bồ đề, tôi không tin cô Long Nữ này, trong chốc lát mà được thành Chánh giác.

Bồ Tát Văn Thù nói ra việc Long Nữ sớm thành bồ đề, thì Bồ Tát Trí Tích bèn sinh nghi hoặc, liền hỏi : “Tôi thấy Phật Thích Ca thành Phật, chẳng phải là việc dễ dàng. Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài làm những việc khó làm, tích lũy công đức nhỏ như hạt cát, như hạt bụi, như sợi lông. Vì cầu bồ đề mà chưa từng nghỉ ngơi. Hiện tại tôi quán khắp ba ngàn thế giới, chẳng có nơi nào nhỏ như hạt cải, như hạt bụi, mà chẳng phải là chỗ xả bỏ thân mạng của Bồ Tát, vì cứu độ tất cả chúng sinh. Sau đó, độ chúng hết rồi mới thành Phật đạo. Tôi không tin cô Long Nữ này trong khoảng chốc lát, mà lập tức thành Phật.

Nói chưa xong thì Long Nữ đột nhiên hiện ra ở trước, đầu mặt lễ kính đức Phật, rồi đứng qua một bên, bèn nói bài kệ khen ngợi rằng :

**Thông đạt tướng tội phước
Chiếu khắp mười phương cõi**

**Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba mươi hai tướng.
Và tám mươi vẻ đẹp
Dùng trang nghiêm pháp thân
Chỗ trời người kính ngưỡng
Rộng thần đều cung kính.
Hết thấy loài chúng sinh
Chẳng ai không sùng bái
Lại nghe thành bồ đề
Chỉ Phật chúng biết được.
Con nói pháp đại thừa
Độ thoát chúng sinh khổ.**

Tong lúc Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Trí Tích đàm luận chưa xong, thì Long Nữ đột nhiên hiện thân ở trong pháp hội, cung kính đánh lễ chư Phật Bồ Tát, rồi lui ngồi về một bên. Sau đó, dùng bài kệ khen ngợi đức Đa Bảo Như Lai : “Phật thông đạt minh bạch được quả báu tội nghiệp và tướng phước thiện ác, cho nên tu phước tu huệ, mới đắc được tướng siêu nhiên thành Phật. Vì thân tâm thanh tịnh, nên trí huệ quang minh chiếu khắp mười phương thế giới vô cùng vô tận. Pháp thân thanh tịnh vi diệu không thể nghĩ bàn đó, tức được ba mươi hai tướng đại nhân, đó là vì Phật đã đầy đủ viên mãn sáu độ Ba la

mật. Đức Phật lại dùng tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm pháp thân. Là chỗ kính ngưỡng của trời người, hết thấy rồng thần đều cung kính, hết thấy chúng sinh chẳng có ai mà chẳng sùng bái kính ngưỡng Phật. Tôi lại nghe cảnh giới thành Phật, chỉ có Phật mới chứng minh được, cho nên hiện tại con xiển dương giáo lý đại thừa, muốn độ thoát tất cả chúng sinh lìa khỏi biển khổ sinh tử.

Bấy giờ, Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng : Cô nói chẳng bao lâu cô đắc được vô thượng đạo, đó là việc khó tin. Vì sao ? Vì thân người nữ dơ bẩn, chẳng phải pháp khí, sao lại có thể đắc được Vô thượng bồ đề ? Phật đạo lâu xa, phải trải qua vô lượng kiếp tinh tấn siêng tu khổ hạnh, tu đủ các Ba la mật, sau đó mới thành. Hòn nữa, thân người nữ có năm điều chướng ngại : Thứ nhất chẳng được làm Phạm Thiên Vương, thứ hai chẳng được làm Đế Thích, thứ ba chẳng được làm ma vương, thứ tư chẳng được làm Chuyển luân thánh vương, thứ năm không thể thành Phật. Sao thân nữ lại mau được thành Phật ?

Khi Long Nữ nói xong bài kệ rồi, thì Ngài Xá Lợi Phất bèn nói với Long nữ rằng : “Cô nói việc sớm được thành Phật, thật là khiến cho người khó tin được. Tại sao chúng tôi không tin ? Vì cô là thân người nữ, mà thân người nữ chẳng thanh tịnh, có sự nhơ uest, chẳng phải pháp khí thành Phật. Tại sao có thể nói cô sớm đắc được bồ đề ? Con đường thành Phật rất là xa vời, do đó đức Phật Thích Ca ba đại A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp gieo trồng tướng tốt, chẳng biết trải qua bao nhiêu vô lượng đại kiếp, tinh tấn siêng tu khổ hạnh, mới được thành tựu Phật đạo. Hà hướng thân người nữ có năm điều chướng ngại.

1. Không thể làm vua Đại Phạm Thiên, vì thân người nữ chẳng thanh tịnh.
2. Không thể làm Đế Thích.
3. Không thể làm ma vương.
4. Không thể làm Chuyển Luân Thánh Vương.
5. Không thể thành Phật.

Thân người nữ có năm điều chướng ngại như thế, sao lại có thể thành Phật ? Sao lại có thể nói thân người nữ cũng có thể thành Phật ?

Bấy giờ, Long Nữ có một hạt bảo châu, giá trị ba ngàn đại thiên thế giới, cầm dâng lên đức Phật, đức Phật bèn thọ

nhận. Long Nữ bảo Bồ Tát Trí Tích và tôn giả Xá Lợi Phất rằng : Tôi cúng hạt bảo châu, đức Thế Tôn thọ nhận, việc đó có mau chăng ?

Đáp rằng : Rất mau.

Long nữ nói : Dùng thần lực của các Ngài để quán sát tôi thành Phật, còn mau hơn việc đó.

Lúc đó, trong chúng hội đều thấy Long nữ đột nhiên biến thành thân nam, đầy đủ hạnh Bồ Tát, bèn đi qua phương nam thế giới Vô Cấu, ngồi trên hoa sen báu thành Đẳng chánh giác, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, khắp vì hết thảy chúng sinh trong mười phương, mà diễn nói diệu pháp.

Kỳ thật, tôn giả Xá Lợi Phất ở trong Kinh Duy Ma Cật, đã biết chẳng có tướng nam nữ khả đắc. Song, tại sao Ngài lại ở trong pháp hội Diệu Pháp Liên Hoa hoài nghi việc Long nữ thành Phật ? Đó là vì Ngài muốn vì tất cả chúng sinh mà thưa hỏi pháp đó, sợ rằng chúng sinh sinh tâm hoài nghi đối với việc đó, chẳng tin đây là bộ Kinh

Pháp Hoa, cho nên Ngài đại biểu chúng sinh thỉnh pháp. Thật ra, tôn giả Xá Lợi Phất và Bồ Tát Trí Tích, đều biết rõ chẳng có tướng nam nữ khả đặc, song một số phàm phu thấy thì có tướng nam nữ phân biệt. Cho nên, tôn giả Xá Lợi Phất cố ý biện luận với Long nữ, vì tất cả chúng sinh khai quyền hiển thật.

Lúc đó, Long nữ có một hạt bảo châu, giá trị quý hơn ba ngàn đại thiên thế giới, cô ta tay cầm hạt châu báu cúng dường đức Phật, Phật liền thọ nhận. Long nữ nói với Bồ Tát Trí Tích và tôn giả Xá Lợi Phất rằng : ‘‘Tôi dâng cúng hạt bảo châu lên đức Phật, Phật đã thọ nhận, các Ngài nói việc đó phát sinh có mau chăng?’’ Các Ngài nói : ‘‘Rất mau!’’ Long nữ nói : ‘‘Dùng oai thần lực hai Ngài để quán sát tôi thành Phật, còn mau hơn so với việc tôi mới cúng dường đức Thế Tôn’’. Lập tức, ở trong pháp hội đều thấy Long nữ trong khoảng sát na hiện thân người nam, viên mãn hạnh môn Bồ Tát, lập tức đi về phương nam thế giới Vô Cấu, ngồi trên tòa hoa sen báu hóa thân thành Phật.

Nếu ai muốn được hoa sen hóa thân, thì chẳng phải là việc dễ dàng, phải đầy đủ tám nhân duyên :

1. Thậm chí xả bỏ thân mạng cũng đừng nói lỗi lầm và thị phi của kẻ khác.
2. Người biến hóa quy y Tam Bảo, mà còn hóa ra tất cả súc sinh đến quy y Tam Bảo, hành Bồ Tát đạo.
3. Tất cả việc lành đều để ở trong bồ đề tâm.

4. Tu phạm hạnh thanh tịnh, không tham, không sân, không si để tinh tấn tu phạm hạnh.
5. Tạo hình tượng Phật để trên tòa sen.
6. Hay trừ ái não của chúng sinh.
7. Đối với kẻ cống cao nên khiêm nhường.
8. Không làm cho kẻ khác sinh phiền não.

Chánh giác tức là chẳng có vọng tưởng. Lúc đó, Long nữ lập tức thành Phật, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, khắp vì tất cả chúng sinh trong mười phương, diễn nói diệu pháp vô thượng.

Bấy giờ, ở thế giới Ta Bà, hàng Bồ Tát Thanh Văn, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều thấy Long Nữ thành Phật, khắp vì chúng hội trời người ở cõi đó nói pháp, tâm đều hoan hỉ, đều kính lễ Long Nữ. Vô lượng chúng sinh nghe pháp hiểu rõ tỏ ngộ, được không thoái chuyển, vô lượng chúng sinh được thọ ký thành Phật. Thế giới Vô Cấu có sáu thứ chấn động. Thế giới Ta Bà có ba ngàn chúng sinh được bất thoái chuyển, ba ngàn chúng sinh phát tâm bồ đề, mà được thọ

ký. Bồ Tát Trí Tích và Xá Lợi Phất, tất cả chúng hội đều yên lặng tin nhận.

Long Nữ đến thế giới Vô Cấu diễn nói diệu pháp, thì ở thế giới Ta Bà rất nhiều vị Bồ Tát, Thanh Văn, Thiên Long bát bộ, người, chẳng phải người, đều nhìn thấy Long Nữ thành Phật. Khắp vì trời người của pháp hội đó nói pháp. Hết thấy tất cả chúng sinh đều sinh tâm hoan hỉ, pháp hỉ sung mãn, mọi người đều kính lễ Long Nữ. Vô lượng vô biên chúng sinh nghe Phật pháp, thấu triệt hiểu rõ tất cả các pháp, được quả vị bất thối chuyển, còn có vô lượng chúng sinh được thọ ký thành Phật. Ở thế giới Vô Cấu có sáu thứ chấn động : Chấn, hống, kích, dũng, động, khởi. Chấn hống kích thuộc về tiếng; động dũng khởi thuộc về hình. Người tu đạo, tu đến trình độ nào đó, thì sẽ cảm thấy sáu căn có sáu thứ chấn động này. Mỗi sáu thứ chấn động phân ra làm ba, cho nên có mười tám giới. Tức là phân làm sáu trần, sáu căn, sáu thức. Lúc đó, ở thế giới Ta Bà có ba ngàn chúng sinh được quả vị bất thối chuyển, đều phát tâm đại bồ đề, còn được Phật thọ ký. Bồ Tát Trí Tích và Xá Lợi Phất, tất cả pháp hội đại chúng yên lặng tin nhận thánh nghĩa.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN BỐN

PHẨM KHUYÊN TRÌ THỨ MƯỜI BA

Khuyên trì là gì ? Khuyên là khuyên nói, trì là phụng trì. Tức là bạn có thể dùng đủ thứ lời lẽ khuyên nói người khác, hoan hỉ đọc tụng bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, hoặc là hoan hỉ phụng trì bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, thì chắc chắn sẽ có công đức không thể nghĩ bàn. Nếu không tin thì đừng ngại hãy thử xem ! Một khi đọc kinh này, thì cảm thấy diệu không thể tả. Muốn không đọc tụng cũng không thể ngưng được. Do đó, hằng ngày đọc tụng kinh này, hằng ngày phụng trì kinh này, thì có vô lượng công đức.

Các vị hằng ngày nghe Kinh Pháp Hoa càng có vô lượng công đức. Kinh Pháp Hoa là vua trong các kinh, là kinh thành Phật. Cho nên, chư Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều khuyên nói mọi người đọc tụng thọ trì bộ Kinh Pháp Hoa này.

Đây là một phẩm trong hai mươi tám phẩm Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ mười ba, cho nên gọi là Phẩm Khuyên Trì Thứ Mười Ba.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết, cùng hai vạn vị Bồ Tát quyền thuộc, cùng nhau đồng đến trước đức Phật phát thệ nguyện rằng : Xin nguyện đức Thế Tôn, đừng lấy làm lo lắng, sau khi đức Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì đọc tụng diễn nói kinh này.

Sau khi Đức Phật nói xong phẩm Đề Bà Đạt Đa, tiếp theo là Phẩm Khuyên Trì. Lúc đó, đại Bồ Tát Dược Vương và Đại Bồ Tát Dược Thượng, cùng với hai vạn vị Bồ Tát quyền thuộc, cùng nhau đồng đến trước Đức Phật phát thệ nguyện rằng : “Chúng con đại chúng xin nguyện đức Thế Tôn yên tâm, đừng vì việc này mà lo lắng. Sau khi Thế Tôn vào Niết Bàn, chúng con đại chúng sẽ phụng trì đọc tụng bộ Kinh Pháp Hoa này, sẽ cung kính cúng dường bộ Kinh Pháp Hoa này”.

Trong quá khứ Bồ Tát Dược Vương tên là Tinh Tú Quang. Lúc ấy, có Tỳ Kheo Nhật Tạng tuyên dương truyền bá chánh pháp. Ông ta đem các thứ thuốc A lê lạc dâng lên Tỳ Kheo Nhật Tạng, và đại chúng phát nguyện đời sau, hay trị lành hai bệnh thân, tâm của chúng sinh,

đòi đòi làm lương y, khéo trị bệnh, có thuốc đến thì bệnh tiêu trừ. Ông ta biết rành tính thuốc thảo, mộc, kim, thạch, bốn thứ. Như cam thảo thì ngọt, hoàng liên thì đắng. Tính lạnh trị được bệnh nhiệt, tính nóng trị được bệnh lạnh.

Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát có đủ bốn vô ngại biện :

1. Pháp vô ngại biện : Nói được pháp thế gian và xuất thế gian, đối với tất cả các danh tướng, chẳng có gì mà không biết. Tuy biết tất cả các pháp, song chẳng chấp trước các pháp.

2. Nghĩa vô ngại biện : Nói phân biệt được nghĩa của các pháp, thông đạt vô ngại. Tuy biết nghĩa lý của các pháp, song chẳng chấp trước.

3. Từ vô ngại biện : Trong một lời bao hàm vô lượng nghĩa. Đối với từng lời lẽ thông đạt tự tại, viên dung vô ngại.

4. Lạc thuyết vô ngại biện : Tùy thuận sự vui thích của chúng sinh, mà thiện xảo phương tiện nói Phật pháp, cho nên gọi là Bồ Tát Đại Nhạo Thuyết.

Chúng sinh đời ác sau này, căn lành dần dần bớt đi, tăng nhiều thượng mạn, tham lợi cúng dường, tăng trưởng căn chẳng lành, xa lìa giải thoát. Tuy khó có thể giáo hóa, nhưng chúng con sẽ khởi sức

nhẫn nhục lớn, đọc tụng kinh này, biên chép giải nói, đủ thứ cúng dường, chẳng tiếc thân mạng.

Chúng sinh trong đời ác năm trước chẳng tin Phật, nói Phật pháp cũng chẳng ai nghe. Tại sao ? Vì căn lành của chúng sinh dần dần giảm bớt đi, cho nên phước mỏng manh. Tuy nhiên người tăng trưởng căn lành giảm bớt, song người tăng thượng mạn thì nhiều. Như có người nói : “Các vị có biết tôi là ai ? Tôi là Phật, chẳng những tôi đã thành Phật, mà mọi người cũng đều là Phật.” Đó là biểu hiện tăng thượng mạn.

Thứ người đó chẳng biết hổ thẹn, đối với kinh điển của Phật nói, y chẳng hiểu một bộ kinh nào hết, vậy mà chẳng biết hổ thẹn nói mình là Phật. Thứ người đó tương lai chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục vô gián. Tại sao tự nói mình là Phật ? Đó là vì tham đồ lợi ích, tham đồ cúng dường. Như thế thì tăng thêm căn chẳng lành, vĩnh viễn xa lìa đạo giải thoát. Giải thoát là gì ? Nói đơn giản là chẳng chấp trước những thứ gì, đắc được cảnh giới vô cầu vô thức, thân tâm tự tại.

Người tăng thượng mạn tuy khó giáo hóa, song chúng con đại chúng dùng sức đại nhẫn nhục để giáo hóa, độ thoát họ. Dùng phương pháp gì để độ ? Hoặc là đọc tụng Kinh Pháp Hoa, hoặc là thuyết giảng Kinh Pháp

Hoa, hoặc là biên chép ấn tống Kinh Pháp Hoa, thậm chí chẳng tiếc thân mạng để cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Thuở xưa, có vị Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến (tiền thân của Bồ Tát Dược Vương), Ngài phát tâm đốt thân cúng dường Phật và Kinh Pháp Hoa. Chư Phật cùng khen ngợi rằng : ‘Lành thay ! Lành thay ! Thiện nam tử ! Là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai’. Trí Giả đại sư đọc kinh đến chỗ này, đột nhiên nhập định. Ở trong định thấy pháp hội trên núi Linh Thứu chưa tan. Đức Phật Thích Ca vẫn vì các đại Bồ Tát và hàng Thanh Văn diễn nói Kinh Pháp Hoa. Cảnh giới đó thật là không thể nghĩ bàn.

Nhân tạo ra đời ác trước là do tâm trước mà ra. Nếu ai ai cũng thanh tâm quả dục, chẳng tranh, chẳng tham, chẳng cầu, chẳng ích kỷ, chẳng lợi mình, chẳng nói dối, thì tâm tự nhiên thanh tịnh, trở thành cõi tịnh độ nhân gian. Năm trước là gì ? Tức là :

1. Kiếp trước : Tuổi thọ con người vốn là tám vạn bốn ngàn tuổi, song vì phước cạn mỏng, dần dần giảm bớt mà đi vào kiếp trước. Kiếp trước vốn chẳng có thể, lấy bốn trước làm thể.

2. Kiến trước : Vì kiến giải của chúng sinh chẳng chân chánh, mê hoặc chánh kiến, trở thành kiến hoặc, tức cũng là năm lợi sử : Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến).

3. Phiền não trước : Sáu căn đối với sáu trần, bèn sinh năm độn sử (tham, sân, si, mạn, nghi) mà có đủ thứ phiền não sinh ra.

4. Chúng sinh trước : Vì ảnh hưởng thọ kiến trước và phiền mao trước, nên phước báo của chúng sinh càng tổn giảm, còn khổ báo thì dần dần tăng lên, cho nên gặp nhiều tai họa.

5. Mạng trước : Chúng sinh vì phiền não sinh, nên thân tâm ốm gầy, cho nên mạng sống ngắn ngủi.

Bấy giờ, năm trăm vị A la hán ở trong chúng, được thọ ký bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Chúng con cũng tự thệ nguyện, ở cõi nước khác rộng nói kinh này.

Lúc đó, ở trong chúng có năm trăm vị A La Hán đều được Đức Phật thọ ký, các Ngài đại chúng cùng hướng Phật nói : “Đức Thế Tôn ! Chúng con năm trăm A La Hán cũng tự phát thệ nguyện, đến cõi nước khác hoàng dương Kinh Pháp Hoa, chẳng khi nào lười mỏi”.

Lại có bậc hữu học, và vô học hai ngàn người được thọ ký, từ tòa ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về đức Phật phát thệ nguyện nói : Đức Thế Tôn ! Chúng con

cũng sẽ ở cõi nước khác, rộng nói kinh này.

Lại có Tỳ Kheo hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả ALa Hán) và các Tỳ kheo vô học (tứ quả ALa Hán), cùng với tám ngàn người đều được Đức Phật thọ ký. Đại chúng cùng nhau từ tòa ngồi đứng dậy, cùng chấp tay hướng về Đức Phật, mà phát thệ nguyện rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Chúng con tám ngàn người, cũng đến mười phương cõi nước khác, để rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này chẳng ngừng nghỉ’.

Sơ quả ALa Hán là kiến đạo vị (bậc thấy đạo). Nhị quả và tam quả ALa Hán là tu đạo vị (bậc tu đạo), cho nên gọi là hữu học vị (bậc hữu học). Tứ quả ALa Hán là chứng đạo vị (bậc chứng đạo), cho nên gọi là vô học vị (bậc vô học).

Tại sao ? Vì nhiều người ở thế giới Ta Bà tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, tâm sân hận ô trược siểm khúc chẳng thật.

Tại sao ? Vì người ở thế giới Ta Bà tính tình đa số rất tệ ác. Trong tâm ôm lòng cống cao ngã mạn, khinh khi mọi người. Công đức của họ vừa cạn vừa mỏng, tâm

của họ sân hận nhất, ô trược nặng nhất, siểm cuống nhất, chẳng chân thật.

Chúng sinh ở thế giới Ta Bà hay kham nhẫn mọi sự khổ, lấy khổ làm vui, chẳng biết tu pháp lìa khổ được vui, suốt ngày dụng công trên sự danh lợi, bạn tranh thì tôi giành, chẳng ngừng nghỉ. Vì khởi hoặc, tạo nghiệp, cho nên thọ quả báo. Nếu hồi quang phản chiếu, vạn duyên buông bỏ, thì tự nhiên thoát khỏi luân hồi, do đó :

“Biển khổ mênh mông, quay đầu là bờ .”

Bấy giờ, dì của đức Phật là Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, với các Tỳ Kheo Ni hữu học và vô học sáu ngàn người, đều từ chỗ ngồi đứng dậy, một lòng chấp tay chiêm ngưỡng tôn nhan đức Thế Tôn, mắt chẳng tạm rời.

Lúc đó, dì của Đức Phật, cũng là mẹ kế của Đức Phật, Tỳ Kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Đại Ái Đạo), với các vị Tỳ Kheo ni hữu học và vô học, cả thấy là sáu ngàn người cùng nhau đứng dậy, chuyên tâm chấp tay lại chiêm ngưỡng tôn nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời, tựa như nhập định.

Tỳ Kheo ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, là em gái của Ma Gia phu nhân. Sau theo Phật xuất gia trở thành Tỳ Kheo

ni bặc nhất, tức là người lãnh đạo các Tỳ Kheo ni. Đương thời họ muốn xuất gia tu đạo, Phật vốn chẳng cho phép, sau tôn giả A Nan ba lần thỉnh cầu Đức Phật, cuối cùng Phật miễn cưỡng đáp ứng.

Lúc đó, đức Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di rằng : Sao lại buồn rầu mà nhìn Như Lai ! Có phải trong tâm người cho rằng, ta không nói đến tên người, thọ ký quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác chẳng !

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di (Tỳ Kheo ni thượng thủ) : “Vì sao người buồn rầu nhìn ta như thế ? Ở trong tâm người có phải vì ta không nói đến tên người, thọ ký quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác” ? Phật hòa nhan duyệt sắc hỏi, khiến cho hàng đệ tử hòa mục khả thân, tự nhiên khởi kính.

Kiều Đàm Di ! Trước ta đã nói tổng quát, tất cả hàng Thanh Văn đều đã thọ ký. Nay người muốn biết thọ ký chẳng ? Đòi vị lai người sẽ làm đại pháp sư, ở trong sáu vạn tám ngàn các Phật pháp, và sáu ngàn vị Tỳ Kheo ni hữu học vô học, cũng đều làm pháp sư.

Đức Phật bảo Kiều Đàm Di ! Ta ở trước vừa nói tổng quát tất cả hàng Thanh Văn (nghe tiếng của Phật mà ngộ đạo), đều đã được thọ ký. Bây giờ người muốn biết thì hãy chú ý nghe. Ở đời vị lai trải qua sáu vạn tám ngàn ở trong các Phật pháp, người sẽ làm đại pháp sư và sáu nghìn vị Tỳ Kheo ni hữu học và vô học kia, cũng đều làm pháp sư.

Đại pháp sư có mười đức :

1. Khéo biết nghĩa của pháp.
2. Hay rộng tuyên nói.
3. Ở trong đại chúng chẳng sợ.
4. Khéo nói phương tiện.
5. Vô đoan biện tài.
6. Pháp tùy đức hành.
7. Đầy đủ oai nghi.
8. Dũng mãnh tinh tấn.
9. Thân tâm chẳng mệt.
10. Thành tựu sức nhẫn nhục.

Đầy đủ mười đức hạnh này, mới đủ tư cách xưng là đại pháp sư.

Như thế, người dần dần đầy đủ Bồ Tát đạo, sẽ được thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỉ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

**Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,
Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,
Phật, Thế Tôn.**

Như thế người trải qua sáu vạn tám ngàn ức chư Phật, gần gũi chư Phật, cúng dường chư Phật, dần dần đầy đủ Bồ Tát đạo. Đến khi ba giác tròn vẹn đức đầy, thì sẽ thành Phật, hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai. Đầy đủ mười hiệu, tức là:

Như Lai : Thừa đạo như thật, lai thành chánh giác.

Ứng Cúng : Xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của chín pháp giới.

Chánh Biến Tri : Trí của Phật chiếu soi tất cả các pháp, vừa chánh lại vừa biến.

Minh Hạnh Túc : Ba minh thuộc về huệ, Năm hạnh thuộc về phước, phước huệ đều đầy đủ.

Thiện Thệ : Tu chánh đạo, vào Niết Bàn.

Thế Gian Giải : Thế và xuất thế tất cả các tướng đều thấu rõ.

Vô Thượng Sĩ : Tu đến địa vị vô tu vô chứng.

Điều Ngự Trượng Phu : Hóa đạo chúng sinh, điều phục chúng sinh.

Thiên Nhân Sư : Làm đại đạo sư của trời người.

Phật: Bạc giác ngộ.

Thế Tôn : Người tôn quý nhất của thế và xuất thế. Đầy đủ mười danh hiệu mới xưng là Thế Tôn.

Pháp môn của Bồ Tát tu là lục độ vạn hạnh. Lục độ là gì ? Tức là sáu pháp Ba la mật đến bờ kia :

1. Bố thí : Gồm có ba thứ. Thứ nhất là tài thí : Dùng của cải tiền bạc cứu tế người nghèo. Bồ Tát xả bỏ được nội tài (Đầu mắt tủy não), và ngoại tài (Đất nước vợ con), chẳng có gì mà xả bỏ chẳng đặng. Thứ hai là pháp thí : Tức là giảng kinh thuyết pháp, đem pháp lành mà mình biết, khiến cho mọi người cũng biết, do đó có câu :

“Trong các sự bố thí,
Bố thí pháp là hơn hết.”

Thứ ba là vô úy thí : Có người gặp nguy hiểm, phải có tinh thần dũng mãnh cứu người gặp nạn, thoát khỏi cảnh khổ dầu sôi lửa bỏng .

2. Trì giới : Giới là điều răn cấm, ngưng làm ác ngừa việc quấy. Cho nên người tại gia phải giữ năm giới hoặc tám giới. Sa di phải giữ mười giới, Tỳ Kheo giữ hai trăm năm mươi giới, Tỳ Kheo ni giữ ba trăm bốn tám giới. Dù tại gia hoặc xuất gia, sau khi thọ giới Bồ Tát, phải hành Bồ Tát đạo, vì người chẳng vì mình.

3. Nhẫn nhục : Người tu đạo nhất định phải tu nhẫn nhục, nhẫn những gì người khác không nhẫn được, chịu đựng những điều người khác chịu không được, như thế mới có thể chứng được vô sinh pháp nhẫn.

4. Tinh tấn : Tức là dũng mãnh hướng về trước, chẳng giải đãi, chẳng phóng dật, tuyệt đối không lùi bước. Không thể một ngày nóng mười ngày lạnh, không

thể có trước chẳng có sau. Tóm lại, phải có ý chí khiến nhẫn không lùi bước, mới có sở thành tựu.

5. Thiên định : Tức là tĩn lự. Nghĩa là ngưng bặc hết mọi tạp niệm lãn xăn, một niệm không sinh thì trí huệ hiện tiền.

6. Bát nhã : Dịch là "trí huệ". Có trí huệ thì rõ thiện ác, thị phi, trắng đen, chánh tà, chẳng làm nghiệp ác. Trí huệ từ đâu mà có ? Có hai phương pháp : Một là tham thiên, phải tham đến khi sơn cùng thủy tận (Núi mòn nước cạn), thì sẽ có cảnh giới "liễu ám hoa minh". Thứ hai là tụng kinh, do đó có câu : "Thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải". (Vào sâu tạng kinh, trí huệ như biển).

Kiều Đàm Di ! Phật Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến đó, và sáu ngàn vị Bồ Tát, lần lượt thọ ký Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phật lại bảo Kiều Đàm Di ! Người sẽ thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Phật, và sáu ngàn vị Bồ Tát lần lượt thọ ký cho nhau. Nghĩa là vị Bồ Tát thứ nhất thọ ký cho vị Bồ Tát thứ hai, cứ như thế thọ ký cho đến sáu ngàn vị Bồ Tát, đều chứng quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

ALa Hán chứng được Chánh giác, còn Bồ Tát chưa chứng được Chánh đẳng và vô thượng. Bồ Tát chỉ chứng

được Chánh đẳng, chứ chưa chứng được Vô thượng. Phật đã chứng được Vô thượng, chẳng còn gì cao hơn Phật.

Bấy giờ, mẹ của La Hầu La là Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, nghĩ như vậy : Đức Thế Tôn thọ ký, mà riêng chẳng nói đến tên tôi.

Lúc đó, mẹ của tôn giả La Hầu La (Phú chương) Tỳ Kheo ni Gia Du Đà La (Hoa sắc), trong tâm nghĩ rằng : “Ta với Đức Phật có danh là vợ chồng, tại sao thọ ký cho hàng Tỳ Kheo và Tỳ Kheo ni, mà riêng tên tôi chẳng đề cập đến?” Trong tâm bà ta nghĩ như vậy, song Phật có trí huệ tha tâm thông, cho nên biết tư tưởng của bà ta, do đó có câu :

“ Bao nhiêu tâm tánh của chúng sinh
Như Lai đều biết đều thấy.”

Tôn giả La Hầu La là con của đức Phật Thích Ca. Xuất gia lúc bảy tuổi, là một trong mười vị đại đệ tử của Đức Phật, được xưng là mật hạnh đệ nhất. Trong quá khứ tôn giả là người tu đạo. Một ngày nọ, đang lúc tọa thiền nghe tiếng chuột kêu, bèn khởi tâm sân hận đến bít lỗ hang chuột. Sáu ngày sau mới nghĩ đến chuyện này, bèn khởi tâm đại bi thương xót, tâm nghĩ chuột ở trong hang chẳng phải sẽ chết đói chăng ? Do đó, mới lấy đá ra. Do

quả báu đó, mà sáu năm ở trong bụng mẹ, cho nên gọi là ‘Phú chướng’.

Gia Du Đà La em gái bà con với Đức Phật, dung mạo đoan chánh rất xinh đẹp, xa gần đều nghe danh, cho nên gọi là Hoa sắc. Khi Đức Phật mười bảy tuổi, thì kết hôn với cô ta. Một ngày nọ, cô ta cầu con với Đức Phật. Phật dùng ngón tay chỉ vào bụng cô ta, thì cô ta thọt thai. Phật xuất gia sáu năm sau mới sinh La Hầu La. Lúc đó, dòng họ Thích bàn tán xôn xao, cả thành đều cho rằng Gia Du Đà La chẳng giữ đạo vợ chồng. Gia Du Đà La biểu thị sự thanh bạch ở trước công chúng tuyên bố : ‘Nếu La Hầu La chẳng phải là con của thái tử Tất Đạt Đa, thì nguyện lửa lớn sẽ thiêu hủy mẹ con chúng tôi, bằng ngược lại thì lửa lớn không thể thiêu đốt mẹ con chúng tôi.’ Nói xong lập tức bồng La Hầu La nhảy vào hầm lửa. Hầm lửa lập tức biến thành ao sen, mẹ con an nhiên ngồi trên hoa sen. Lúc đó, dòng họ Thích biết Gia Du Đà La thân thanh bạch như ngọc. Sau khi trải qua sóng gió, về sau mới được mọi người cung kính. Sau đó, theo Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng nhau xuất gia tu đạo làm Tỳ Kheo ni.

Phật bảo Gia Du Đà La rằng : Người ở đời vị lai, trong trăm ngàn vạn ức các Phật pháp tu hạnh Bồ Tát, làm đại pháp

sử, dần dần đủ Phật đạo, sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp.

Đức Phật bảo Gia Du Đà La : Người ở đời vị lai, trong trăm ngàn vạn ức các Phật pháp, tu lục độ vạn hạnh tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, tự độ độ tha, làm đại pháp sư, dần dần thành tựu Phật đạo. Ở trong nước Thiện Lương sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Phật đó sống lâu vô lượng A tăng kỳ kiếp.

Bấy giờ, Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề và Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, cùng với quyến thuộc đều rất hoan hỉ, được chưa từng có, bèn ở trước đức Phật nói bài kệ rằng :

**Đấng Đạo sư Thế Tôn
An ổn các trời người**

Chúng con nghe thọ ký Tâm an đã đầy đủ.

Lúc đó, Tỳ Kheo ni Đại Ái Đạo và Tỳ kheo ni Hoa Sắc, cùng với quyến thuộc được Phật thọ ký, đều rất hoan hỉ, được chưa từng có, lập tức ở trước Phật nói ra bài kệ :

Đức Thế Tôn ! Ngài là đại Đạo sư của trời người, Ngài hay khiến cho trời người được an ổn, được an lạc. Chúng con hàng Tỳ Kheo ni, nghe đức Thế Tôn thọ ký cho chúng con, ai nấy trong tâm đều an ủi chẳng cách gì hình dung được.

Các Tỳ Kheo ni nói kệ xong, bèn bạch đức Phật nói : Đức Thế tôn ! Chúng con cũng ở nơi cõi nước phương khác, rộng nói kinh này.

Các vị Tỳ Kheo ni nói xong rồi, mới bạch với Phật rằng : ‘Đức Thế Tôn ! Chúng con hàng Tỳ Kheo ni, cũng ở nơi nước khác hoàng dương bộ Kinh Pháp Hoa này, rộng nói bộ Kinh Pháp Hoa này’.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi vạn ức Na do tha các vị đại Bồ Tát. Các vị Bồ Tát đó, đều là chuyển bất thối pháp

**luân, đắc được các Đà la ni, bèn từ tòa
ngôi đứng dậy, đến trước đức Phật, một
lòng chấp tay mà nghĩ như vậy : Nếu đức
Thế Tôn dạy bảo chúng con thọ trì điển
nói kinh này, thì chúng con sẽ y theo lời
Phật dạy, mà rộng tuyên nói pháp này.
Lại nghĩ như vậy : Nay đức Phật yên lặng,
chẳng thấy dạy bảo, chúng ta phải làm thế
nào ?**

Lúc đó, đức Phật chăm chú nhìn tám vạn ức Na do tha (một trong số mục lớn nhất của Ấn Độ) các vị đại Bồ Tát. Các Ngài đều là: Vị bất thối, niệm bất thối, hạnh bất thối, chuyển bất thối đại pháp luân, chúng được Đà la ni (dịch là "tổng trì", tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa). Các vị Bồ Tát này; cùng nhau từ tòa ngồi đứng dậy, đều đi đến trước Đức Phật, cung kính một lòng chấp tay. Đó là biểu thị thân cung kính và tâm cung kính. Các vị đại Bồ Tát đó, cùng nghĩ như vậy : ‘‘Nếu như Đức Thế Tôn dạy bảo chúng ta thọ trì điển nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì chúng ta đại chúng nhất định tuân theo lời Phật dạy, rộng vì chúng sinh diễn nói diệu pháp này.’’

Các vị Bồ Tát đó lại nghĩ như vậy : ‘‘Tuy chúng ta cùng nhau phát tâm nguyện như vậy, song Phật nay lại

yên lặng chẳng nói, chẳng thấy Phật dạy bảo chúng ta. Bây giờ chúng ta phải làm thế nào ? Phát nguyện hoàng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ? Hay là chờ đợi Phật dạy bảo''?

Bấy giờ, các vị đại Bồ Tát đó, cung kính thuận theo ý của đức Phật, và muốn đầy đủ nguyện của mình đã phát ra, bèn ở trước đức Phật làm sư tử hống, mà phát thệ nguyện rằng : Đức Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con sẽ đi khắp mười phương thế giới, để khiến cho chúng sinh, thọ trì đọc tụng biên chép ấn tống giải nói kinh này, theo như pháp mà tu hành, nghĩ nhớ chân chánh, đó đều là oai lực của đức Phật. Xin nguyện đức Thế Tôn ở nơi phương khác, trông thấy mà bảo hộ.

Lúc đó, Đức Phật chẳng nói gì cả, tám mươi vạn ức Na do tha các vị đại Bồ Tát, vì muốn cung kính tùy thuận tâm ý của Phật, và còn muốn đầy đủ đại nguyện của mình đã phát ra. Mới cùng nhau ở trước Đức Phật làm sư tử hống (tiếng đại vô úy) mà phát thệ nguyện rằng : ''Đức

Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đại chúng, sẽ đi đến khắp mười phương thế giới, khiến cho chúng sinh thọ trì, biên chép, ấn tống, diễn nói, bộ kinh này. Chúng con giảng giải nghĩa lý bộ kinh này, khiến cho chúng sinh minh bạch y chiếu theo nghĩa kinh mà tu hành, luôn thường nghĩ nhớ. Chúng con khiến cho chúng sinh chẳng quên bộ kinh này, đó đều là nhờ đại oai thần lực của Phật mà thành tựu. Xin nguyện đức Thế Tôn từ bi ở phương khác, trông thấy Bồ Tát chúng con và chúng sinh, bảo hộ Bồ Tát chúng con và chúng sinh.

Tức thời, các vị Bồ Tát cùng nhau phát ra tiếng, mà nói kệ rằng :

**Xin nguyện Phật đừng lo
Sau khi Phật diệt độ
Trong đời ác sợ hãi
Chúng con sẽ rộng nói.
Có những kẻ vô trí
Miệng ác chưởi mắng thảy
Dùng đao gậy đánh đập
Chúng con đều nhẫn nhịn.**

Lúc đó, hết thảy các vị đại Bồ Tát cùng nhau phát ra tiếng, khác miệng cùng lời nói ra bài kệ dưới đây.

Chúng con đại chúng, xin nguyện Đức Thế Tôn phóng tâm, đừng lo lắng chẳng có ai hoằng dương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện tại chúng con phát nguyện hoằng dương bộ kinh này. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, ở trong đời ác sợ hãi, chúng con sẽ rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Nếu như có người chẳng có trí huệ, làm những hành vi thô bạo, mắng chửi hoặc dùng đao gậy đánh người, chúng con sẽ tiếp nhận sự ngược đãi của họ, chúng con tu pháp môn nhẫn nhục sẽ nhẫn nhịn.

Nếu có người mắng bạn, mà bạn chẳng tiếp nhận (chẳng đếm xỉa gì đến họ), thì sự mắng chửi đó sẽ trở về người đó. Giống như có người mang quà tặng đến cho người nọ, song người nọ chẳng tiếp nhận, thì quà tặng đó trở về người tặng quà, cũng đồng lý ấy. Lại như có người, ngửa mặt lên trời phun nước miếng, muốn làm đơ trời, cuối cùng nước miếng rơi vào mặt người đó, tự thọ lấy hậu quả.

Công phu nhẫn nhục của Bồ Tát Di Lạc tu đã đến nhà, có người nhổ nước miếng lên mặt của Ngài, song Ngài chẳng phản ứng, cũng chẳng dùng tay lau chùi, để cho nó khô tự nhiên. Nếu ai ai cũng có công phu hàm dưỡng như vậy, thì trên thế gian chẳng có sự việc tranh giành phát sinh.

Người thông minh đều có sự tu dưỡng, bị người chửi mắng thì xem như là họ ca hát, được như thế thì mọi sự đều thành công, do đó có câu :

“Nhẫn phiền khắc phong bình lãg tịnh
Thối nhất bộ hải khoát thiên không”.

Nghĩa là :

*“Nhịn một chút gió yên sóng lặng
Lùi một bước biển êm trời xanh”.*

Như thế thì tiêu dao tự tại biết bao !

Chẳng những bị chưởi mắng phải nhẫn nhịn, mà dù bị giết bằng đao, bị đánh bằng gậy, cũng phải nhẫn chịu, đó là tác phong của Bồ Tát. Có người nói : “Tôi là Bồ đề tát đỏa”. Song, bị người mắng chưởi thì lửa vô minh nổi dậy cao đến ba trượng, liền mạng sống chết, đó là Bồ Tát gì ?

**Tỳ Kheo trong đời ác
Tà trí tâm siểm khúc
Chứa chủng nói đã chủng
Tâm ngã mạn đầy dẫy.
Hoặc có vị Tỳ kheo
Mặc nạp y chỗ vắng
Tự cho hành chân đạo
Khinh khi người nhân gian.**

Tỳ kheo và Tỳ kheo ni ở trong đời ác năm trước, trong tâm của họ có tư tưởng tà tri tà kiến, xem mọi người chẳng bằng mình, cảm thấy mình giỏi hơn người, trong mắt chẳng xem ai ra gì. Loại người có tà trí huệ chẳng có chánh trí huệ này, dạy họ giảng kinh thuyết pháp, thì họ giảng chẳng thông nói chẳng rõ, song đối với việc rượu chè cờ bạc, thì họ chẳng học mà tự thông.

Tâm tánh của họ siểm khúc. Siểm là siểm nịnh, thấy người có tiền có thế, thì sinh tâm phan duyên, nói những lời ngọt ngào, khiến cho họ sinh tâm hoan hỉ. Tại sao ? Đó là vì tham đồ danh văn lợi dưỡng. Khúc là quanh co, chẳng nói lời ngay thẳng với người, nói lời giả dối. Đó là hành vi của kẻ tiểu nhân, chẳng phải là tác phong của quân tử.

Có những người tu đạo, chẳng đắc đạo mà nói với mọi người rằng mình đã chứng đạo, chẳng chứng quả mà nói đã chứng quả, đó là chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng. Phạm đại vọng ngữ thì tương lai chắc chắn phải đọa vào địa ngục cắt lưỡi.

Người phạm mao bệnh cống cao ngã mạn, chẳng xem ai ra gì cả, ngã mạn đầy dẫy trong tâm, nói mình là Phật, nói mình khai ngộ, tự mình tuyên truyền quảng cáo khắp nơi. Tại sao ? Vì tâm phan duyên đang tác quái, hy vọng có người đến cúng dường.

Hoặc có Tỳ Kheo ở nơi A lan nhã (nơi vắng lặng), mặc y phẩn tảo mà tu ở nơi vắng lặng. Tự nói mình đang

tu chân đạo : ‘‘Ta là Tăng tu khổ hạnh, ta là cao Tăng hành đạo’’, càng khinh khi người giảng Kinh Pháp Hoa.

A lan nhĩ là nơi chẳng có tiếng ồn ào, là nơi người tu khổ hạnh ở, tức cũng là nơi cách xa thành thị huyên náo, nơi tĩnh tâm tu hành. Ban đêm họ ngồi thiền dưới gốc cây chẳng ngủ. Y phấn tảo là y vá, cũng là y phục của người xuất gia mặc. Người xuất gia phải trừ tâm tham, cho nên chẳng mặc y phục tốt, thứ y phục này dùng vải cũ may thành, rất dễ rách nát. Do đó, chỗ nào rách thì vá chỗ đó, do đó có câu : ‘‘Thiên châm vạn tuyến bổ nạp y’’. Nghĩa là ‘‘Ngàn đường kim vạn sợi tơ vá y rách’’. Nạp y còn biểu thị năm tuổi tu đạo. Còn gọi là y phấn tảo, là y lượm ở trong đồng rác, dùng nước giặt sạch rồi may thành y.

**Vì tham trước lợi dưỡng
Nói pháp với cử sĩ
Để người đời cung kính
Như lục thông La Hán.
Người đó ôm lòng ác
Thường nhỏ việc thế tục
Giả danh A lan nhĩ
Chuyên nói lỗi của người.**

Những Tỳ Kheo ác có tâm tham đồ lợi dưỡng, vì người tại gia nói pháp. Nói pháp chẳng phải là chân đạo, song làm giả dạng để được người đời cung kính, giống như cung kính bậc A La Hán đã chứng lục thông.

Tỳ Kheo ác tính thường ôm lòng ác độc, ác ý hủy báng pháp sư giảng nói Kinh Pháp Hoa, song ông ta luôn luôn nghĩ nhớ đến việc thế tục, làm thế nào mới có thể thành tựu danh lợi ? Làm thế nào mới có người cúng dường ? Cho nên phan duyên khắp nơi, hóa duyên các nơi. Họ mượn danh nghĩa giả, ở chỗ vắng vẻ. Kỳ thật, họ tham đồ danh văn lợi dưỡng mà thôi. Họ tự cho rằng họ là thanh cao, mà chuyên môn nói dối của người thuyết pháp, đó là hành vi của vi trùng ở trong thân của sư tử.

Tông chỉ của tôi (Hòa Thượng Tuyên Hóa) là :

‘‘Dù chết lạnh chẳng van xin
Dù chết đói chẳng cầu xin
Dù nghèo chết chẳng cầu cạnh.
Tùy duyên mà không đổi,
Không thay đổi mà tùy duyên.
Ôm chặt ba tông chỉ của chúng ta
Xả bỏ thân mạng làm Phật sự
Tạo mạng là việc gốc
Nuôi mạng chân chánh là việc Tăng
Gặp việc thì rõ lý
Rõ lý tức là việc
Giữ gìn tổ sư một mạch tâm truyền.’’

**Mà nói như thế này
Các vị Tỳ Kheo đó
Vì tham cầu lợi dưỡng
Nói luận nghị ngoại đạo.
Tự làm kinh điển này
Dối gạt người thế gian
Vì cầu danh cầu lợi
Phân biệt nói kinh này.**

Người đó nói kinh này : ‘ ‘Những vị Tỳ kheo đó, họ vì tham đồ lợi dưỡng, cho nên vì chúng sinh nói lý luận của ngoại đạo. Họ tự làm bộ kinh Pháp Hoa này, mục đích là lường gạt người thế gian, vì cầu danh lợi, cho nên phân biệt để diễn nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Ngoại đạo : Tức là người tu hành, cầu pháp bên ngoài tâm. Lúc Đức Phật còn tại thế, ở Ấn Độ có sáu thứ ngoại đạo, học thuyết của họ không ngoài nói về đoạn về thường, bác vô nhân quả, tự nhiên thành tựu. Cho nên hình thành hai chủ nghĩa lớn : Một là phái hưởng thụ, hai là phái khổ hạnh, song đều chẳng cứu kính.

**Thường ở trong đại chúng
Muốn hủy báng chúng ta
Hưởng quốc vương đại thần**

**Bà la môn cư sĩ.
Và chúng Tỳ Kheo khác
Phỉ báng nói ta ác
Người đó kẻ tà kiến
Nói luận nghị ngoại đạo.**

Người đó, thường ở trong đại chúng, vì muốn hủy báng chúng con, nên thường nói với quốc vương và đại thần, thường nói với hàng Bà la môn, cư sĩ và chúng Tỳ Kheo khác. Nói cái gì ? Nói vị pháp sư giảng nói Kinh Pháp Hoa là người tà tri tà kiến, chuyên môn giảng nói luận nghị của ngoại đạo, chẳng phải là Phật pháp chân chánh.

Chúng sinh vào thời mạt pháp, chẳng có mắt lựa chọn pháp, bạn nói với họ pháp thật, thì họ cho là giả. Nếu bạn nói pháp giả, thì họ cho là pháp thật, đó tức là điên đảo. Chẳng phân biệt được rõ ràng thật giả, thiện ác, chánh tà, trắng đen.

Bà la môn là một trong bốn dòng dõi của Ấn Độ, thờ phụng trời Phạm Thiên, tu hạnh thanh tịnh. Khi nhi đồng đến bảy tuổi, thì ở nhà học tập kinh điển, đến mười lăm tuổi, thì có thể ra ngoài học giáo lý Bà la môn, đi cầu học các nơi. Bốn mươi tuổi thì trở về nhà kết hôn, sinh con nối dòng, ‘‘Truyền tông tiếp đại’’, năm mươi tuổi thì vào núi tu đạo.

**Vì chúng con kính Phật
Phải nhẫn các việc ác
Họ nói lời khinh khi
Các ông đều là Phật.
Lời khinh mạn như thế
Chúng con đều nhẫn nhịn
Trong đời ác kiếp trước
Có nhiều việc kinh hãi.**

Chúng con đại chúng vì cung kính Đức Phật, dù những người ác gây ra đủ thứ chuyện ác, song chúng con đều phải nhẫn nhịn, chẳng biện luận với họ, cũng chẳng để ý đến lời nói phá hoại của họ. Những người đó ít xít cho nhiều, dùng lời nói tăng bực nói chúng con : “Các ông đều là Phật”. Những lời nói khinh mạn như thế, chúng ta đều phải nhẫn nhịn. Ở trong đời ác năm trước có nhiều việc đáng sợ hãi, để nhiều loạn thân tâm người tu đạo, khiến cho chẳng thanh tịnh, rất dễ mất đạo tâm.

**Ác quý nhập thân họ
Mắng chửi hủy nhục con
Chúng con kính tin Phật
Phải mặc giáp nhẫn nhục.
Do vì nói kinh này**

Nhẫn các việc khó đó Con chẳng tiếc thân mạng Chỉ tiếc đạo vô thượng.

Vào thời đại mạt pháp, ma mạnh pháp yếu. Ma quỷ nhập vào thân người tác quái. Có người hỏi : “Ác ma sao có thể nhập vào thân người được?” Vì tâm con người bất chánh, thường sinh tà niệm, cho nên dễ làm cho ma quỷ nhập vào. Quảng đông có câu rằng : “Quỷ trong thân”. Quỷ mà đã nhập vào thân người rồi, thì người đó chẳng còn làm chủ được nữa, chẳng còn tri giác, bị ma quỷ chi phối. Ác quỷ lợi dụng miệng của họ nói những lời tiên đoán tựa như đúng, nhưng là sai, người chẳng có trí huệ rất dễ bị lừa.

Trước kia, tôi có gặp một cô gái bị quỷ nhập. Cô ta nói cô ta là Bồ Tát, tôi nói với cô ta : “Bồ Tát cái gì cũng biết, sao cô chẳng biết gì hết”? Cô ta chẳng có lời nào để nói bèn bỏ đi. Bây giờ rất dễ mạo xưng là thánh nhân, đi khắp nơi tuyên truyền mình là Phật, là Bồ Tát. Kỳ thật, đó là quỷ trong thân mình, mà mình chẳng biết mà thôi. Những người tà đó, đi khắp nơi vì chúng sinh nói pháp giảng đạo, giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh lầm vào đường tà.

Quỷ ở trong thân ác Tỳ Kheo, chuyên môn mắng chửi hủy nhục chúng con, nói pháp sư giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là ngoại đạo. Chúng con đại chúng vì

cung kính Phật, tín ngưỡng Phật, cho nên thường mặc áo giáp nhẫn nhục, để bảo hộ huệ mạng của chúng con. Vì hồng dương Kinh Pháp Hoa, lưu truyền ở đời, cho nên vui lòng nhẫn nhịn đủ thứ những việc khó nhẫn. Vì tuyên nói bộ kinh này, mà chúng con chẳng thương tiếc thân mạng của mình, chỉ muốn bảo hộ bộ kinh này, thương tiếc đạo vô thượng.

**Chúng con đời vị lai
Hộ trì Phật phó chúc
Thế Tôn sẽ tự biết
Tỳ Kheo đời ác trước.
Chẳng biết Phật phương tiện
Tùy nghi mà nói pháp
Miệng ác còn nhẫn nhỏ
Thường thấy đuổi họ ra.
Xa lìa nơi chùa tháp
Những việc ác như thế
Vì nhỏ lời Phật dạy
Nên đều phải nhẫn nhịn.**

Chúng con đại chúng ở đời vị lai, giữ gìn lời phó chúc của Phật, hộ trì bộ Kinh Pháp Hoa này. Đức Thế Tôn ! Ngài chắc chắn sẽ biết, Tỳ Kheo ác ở trong đời ác năm

trước chẳng biết pháp môn phương tiện của Phật nói, mới thuận theo căn cơ của chúng sinh mà nói tất cả các pháp. Họ dùng miệng ác hủy báng, biểu tình nhạo cười, câu mài. Nhiều lần đuổi Tỳ Kheo lánh xa lìa chùa tháp. Những việc ác như thế, thật làm cho con người khó nhẫn nại. Song chúng con thường nhớ lời Phật dạy, cho nên mọi việc ác, chúng con đều phải nhẫn nại, tuyệt đối chẳng nổi sân với Tỳ Kheo ác.

**Các xóm làng thành ấp
Nếu có người cầu pháp
Con đều đến chỗ họ
Nói pháp của Phật nói.
Con là sứ của Phật
Trong chúng đều chẳng sợ
Con sẽ khéo nói pháp
Xin Phật hãy yên lòng.
Con ở trước Thế Tôn
Và chửi Phật mười phương
Phát thệ nguyện như thế
Phật tự biết tâm con.**

Ở trong các xóm làng thành ấp, nếu có người thỉnh cầu Phật pháp, thì con đều đến chỗ của họ, để vì họ diễn nói pháp của Phật nói, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Con là sứ giả của Phật, phạm là việc của Phật, con đều đi làm. Ở trong đại chúng đạo tràng, vì nói Kinh Pháp Hoa nên con chẳng có sợ hãi. Con sẽ khéo nói pháp, phân biệt tất cả nghĩa lý thật tướng của các pháp. Xin nguyện Phật hãy yên lòng, đừng lo lắng việc hoằng dương Kinh Pháp Hoa.

Chúng con ở trước đức Thế Tôn, ở trước mười phương chư Phật phát thệ nguyện như thế, chắc chắn Phật sẽ biết tâm nguyện của con. Tâm nguyện của con là bảo hộ thọ trì Kinh Pháp Hoa, hoằng dương Kinh Pháp Hoa, biên chép ấn tống Kinh Pháp Hoa, cúng dường Kinh Pháp Hoa, đó là đại tâm nguyện của chúng con đại chúng.

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

QUYỂN NĂM

PHẨM AN LẠC HẠNH THỨ MƯỜI BỐN

An lạc hạnh tức cũng là Bồ Tát hạnh, thân tâm của Bồ Tát đều ở nơi đạo bồ đề và thích hành Bồ Tát đạo. Ở trước, Phẩm Pháp Sư, Phẩm Đề Bà Đạt Đa và Phẩm Khuyên Trì đều rất quan trọng, song phẩm này còn quan trọng hơn, làm sao để được an lạc ? Phải ngồi tòa Như Lai, mặc y Như Lai, vào nhà Như Lai. Tu an lạc hạnh là con đường Bồ Tát phải đi qua.

Bấy giờ, đại Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương tử bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Các vị Bồ Tát đó rất khó có được, vì kính thuận lời Phật dạy, mà phát thệ nguyện lớn, ở trong đời ác hộ trì đọc tụng diễn nói Kinh Pháp Hoa này.

Lúc đó, Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch là “Diệu đức” hoặc là “Diệu cát”, vì Bồ Tát này ra đời, thì có mười điều cát tường. Ngài tu hạnh Bồ Tát thì : Chẳng nói dối, chẳng giết hại, chẳng trộm cắp, giữ giới rất cẩn thận. Lấy gì để chứng mình Ngài giữ giới chẳng trộm cắp ? Một lần nọ, Ngài nói với các vị Bồ Tát khác rằng : “Từ khi tôi phát tâm tu hành đến nay, tôi đều giữ giới trộm cắp, cho nên bây giờ chẳng có ai ăn cắp của tôi bất cứ những gì. Chẳng những chẳng có ai lấy đồ của tôi, mà dù tôi để vật quý giá ở giữa đường, cũng chẳng ai đến lấy”. Người nghe thì không tin, phải đưa ra bằng chứng thật tế, chứng minh Ngài Văn Thù nói có thật chẳng ? Ngài Văn Thù đem một hạt châu quý giá, để ở giữa ngã tư đường kỳ hạn ba ngày, để xem thử có ai đến lấy chẳng ? Nơi đó kẻ qua người lại tấp nập. Quả nhiên, ba ngày sau hạt châu vẫn còn nguyên chỗ cũ. Các vị Bồ Tát mới tin Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, thuở xưa giữ giới trộm cắp thanh tịnh, cho nên đời nay chẳng có ai ăn cắp đồ của Ngài.

Bồ Tát Văn Thù có đại trí huệ, từ khi Ngài bắt đầu hành Bồ Tát đạo đến nay, chuyên tu về Bát Nhã, văn tự Bát nhã, quán chiếu Bát nhã, thật tướng Bát nhã ba thứ Bát nhã, cho nên được đại trí huệ. Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca chưa thành Phật, cũng từng theo pháp sư Diệu Quang học Phật. Pháp sư Diệu Quang tức cũng là Bồ Tát Văn Thù. Do đó, người tu hành thọ giới rồi phải giữ gìn giới luật, nếu không giữ giới luật, thì tương lai thành đạo quả cũng chẳng chân thật.

“Pháp Vương tử”, Phật là đấng Pháp Vương, là vua của các pháp. Bồ Tát là con của đấng Pháp Vương, tức là “Pháp Vương tử”. Đại Bồ Tát Văn Thù nói với Phật rằng : “Đức Thế Tôn ! Hiện tại các vị Bồ Tát đại thế nguyện ở trước mặt Ngài, rất khó có được. Các vị đó đều kính trọng thuận theo lời của Phật dạy, mà phát thế nguyện lớn, ở trong đời ác thực hành điều mà người khác làm không được, nhẫn những gì người khác nhẫn không được, ở đời sau hộ trì đọc tụng diễn nói bộ Kinh Pháp Hoa này.”

Hiện tại chúng ta đang giảng Kinh Pháp Hoa, chắc chắn có vô số Bồ Tát đến hộ trì đạo tràng, vì thuở xưa các Ngài từng phát thế nguyện, muốn hộ trì bộ kinh này. Như Đức Đa Bảo Như Lai từng phát nguyện, phàm nơi nào có giảng nói Kinh Pháp Hoa, thì Ngài sẽ đến làm chứng minh.

Đức Thế Tôn ! Đại Bồ Tát làm thế nào để diễn nói được kinh này ? Đức Phật bảo Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi : Nếu đại Bồ Tát ở trong đời ác trước, muốn nói kinh này, thì phải an trụ vào bốn pháp. Một là an trụ vào nơi thực hành, và nơi gần gũi của Bồ Tát, thì có thể vì chúng sinh diễn nói kinh này.

Đức Thế Tôn ! Hết thầy đại Bồ Tát muốn hoằng dương kinh này, trong đời vị lai đầy dẫy những chuyện ác, ai ai cũng tranh giành, người tranh với người, nhà này tranh với nhà kia, nước này tranh với nước nọ, thế giới này tranh với thế giới kia, thậm chí tinh cầu tranh với tinh cầu. Cho nên, loài người muốn di cư lên mặt trăng, người ở mặt trăng lại muốn xuống trái đất. Như ở trong đời ác này, làm sao có thể nói được Kinh Pháp Hoa ? Phật bảo Bồ Tát Văn Thù rằng : ‘‘Nếu có đại Bồ Tát phát tâm hoằng dương kinh này, ở trong đời ác muốn nói Kinh Pháp Hoa này, thì phải an trụ vào bốn pháp : Một là an trụ vào nơi Bồ Tát thực hành, an trụ vào sáu Ba la mật, hoặc mười Ba la mật (Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, phương tiện, nguyện, lực, trí, và thân cận cảnh giới của Bồ Tát, thì mới điển nói được kinh này.

Văn Thù Sư Lợi ! Thế nào gọi là nơi đại Bồ Tát thực hành ? Nếu đại Bồ Tát trụ ở sức nhẫn nhục, nhu hòa, khéo thuận chẳng thô bạo, tâm cũng chẳng kinh sợ. Hơn nữa, nơi các pháp vô sở hành, mà quán các pháp như thật tướng, cũng chẳng hành, chẳng phân biệt. Đó gọi là nơi Bồ Tát thực hành. Thế nào gọi là nơi

đại Bồ Tát gần gũi ? Đại Bồ Tát chẳng gần gũi nhà vua, thái tử, đại thần, quan lớn.

Văn Thù Sư Lợi ! Thế nào là nơi đại Bồ Tát thực hành ? Nếu Bồ Tát tu hành pháp môn nhẫn nhục, trụ ở sức nhẫn nhục, hay nhu hòa khéo thuận, chẳng thô bạo.

Thuở xưa, khi Đức Phật Thích Ca làm Tiên Nhân nhẫn nhục, thì bị vua Ca Lợi chặt đứt chân tay, song Ngài chưa từng sinh một niệm sân hận, tức là thật sự trụ ở sức nhẫn nhục.

Thực hành hạnh nhẫn nhục phải làm đến cảnh giới ‘‘Vô nhẫn’’, nhẫn mà chẳng chấp trước, làm đến có cũng như không, thật cũng như hư, mới gọi là thật nhẫn. Có người mắng bạn, nếu bạn chấp trước nhẫn nhịn họ mắng bạn, nếu bạn chấp trước nhẫn nhịn họ mắng chưởi, thì đó là có sự chấp trước. Nếu không chấp trước, thì vốn chẳng có tâm niệm bị người mắng chưởi, hoàn toàn chẳng có việc gì hết, mới gọi là thật nhẫn. Có người hỏi : Tức là nhẫn mà không nhẫn, sao Phật Thích Ca lại nhớ, Ngài thuở xưa làm tiên nhân tu hạnh nhẫn nhục, thì bị vua Ca Lợi chặt tứ chi ? Kỳ thật, Phật là nhớ mà không nhớ.

Người bị người mắng chưởi thì nổi lửa vô minh, lửa vô minh hay thiêu hủy sạch rừng công đức. Đại Bồ Tát tu hạnh nhẫn nhục, phải nhu hòa khéo thuận chẳng thô bạo, đầy đủ định lực chẳng có sự kinh hãi. Đại Bồ Tát nơi tất

cả các pháp đều chẳng chấp trước, hành mà chẳng hành, hành sở vô sự, vì Ngài quán các pháp đều không. Một số người nghe tất cả các pháp không, thì chẳng tu hành. Bồ Tát biết tất cả pháp không mà vào thật tướng, không hành không phân biệt, ở trên là nơi thực hành của đại Bồ Tát.

Thế nào là nơi gần gũi của đại Bồ Tát ? Đại Bồ Tát chẳng cầu xin nơi nhà vua, thậm chí chẳng qua lại với thái tử, đại thần, quan lớn.

Người tu hành chẳng chủ động phan duyên họ, song nếu họ tự động đến chùa lễ Phật, thì bạn theo như pháp mà nói pháp. Song không thể bày cách dẫn dụ kẻ quyền quý đến chùa, nếu không thì cũng là phan duyên. Lục Tổ Huệ Năng nhiều lần được Võ Tắc Thiên thỉnh vào cung cúng dường, song Ngài đều từ chối. Tứ Tổ Đạo Tín cũng nhiều lần được vua Đường Thái Tông thỉnh vào cung, nhưng Ngài đều cự tuyệt, đủ thấy các Ngài giữ lời dạy bảo trong Kinh Pháp Hoa, chẳng phan duyên với kẻ quyền quý.

Chẳng gần gũi với các ngoại đạo, phạm chí, ni kiên tử, và viết sách vở thể tục, đọc ngâm nga sách ngoại đạo, cùng lộ già gia đà, nghịch lộ già gia đà, cũng chẳng gần gũi những kẻ hung ác, giễu cợt, đánh đập lẫn nhau, và na la thủy, các thứ

**kịch biến hiện. Lại chẳng gần gũi hạng
chiên đà la, và kẻ nuôi heo dê gà chó, săn
bắn chài lưới, các luật nghi ác. Những
người như thế, hoặc khi họ đến, thì vì họ
nói pháp, đừng mong cầu gì cả.**

**Lại nữa, đừng gần gũi với những Tỳ
Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cầu
quả vị Thanh Văn, cũng chẳng thăm hỏi.
Nếu ở trong phòng, hoặc đi kinh hành,
hoặc ở trong giảng đường, thì không nên ở
chung với họ. Nếu họ đến, thì tùy nghi nói
pháp, đừng mong cầu gì cả.**

Đại Bồ Tát tuyệt đối chẳng gần gũi với kẻ ngoại
đạo phàm chí (người xuất gia ngoại đạo), ni kiên tử (là
một trong chín mươi sáu phái ngoại đạo, dịch là "ly hệ",
nghĩa là sẽ được giải thoát, mà chưa được giải thoát), viết
sách vở thế tục (biên tiểu thuyết, hoặc kịch hài thế tục,
khiến cho người sinh tâm dâm dục), ngâm nga sách ngoại
đạo và lộ già gia đà, dịch là "ác luận", luận dạy người
làm ác (như luận thầy phá trò, thường biểu hiện mình có
kiến giải đặc biệt, cao minh hơn học trò), nghịch lộ già
gia đà (luận trái nghịch thường lý, lý luận đê tử phản
thầy). Cũng chẳng gần gũi các kẻ hung ác, giễu cợt

(chẳng xem phim, hoặc kịch đầy dẫy chuyện chém giết), đánh đập nhau, và na la (đại lực sĩ) .v.v... các thứ kịch biến hiện (biểu diễn ma thuật), lại chẳng gần gũi hạng chiên đà la (một trong bốn giai cấp củ Ấn Độ :

1. Bà la môn.
2. Sát đế lợi.
3. Phệ xá.
4. Chiên đà la.

Quan niệm giai cấp ở Ấn Độ rất nặng, chiên đà la là người địa vị thấp hèn. Cũng chẳng gần gũi kẻ nuôi heo dê gà, và kẻ săn bắn chài lưới, các luật nghi ác (mặc trang phục kì dị khiến cho người chú ý). Những người như thế, hoặc họ đến thì vì họ nói pháp, đừng có ý mong cầu, hoặc tâm phan duyên. Lại chẳng gần gũi bốn chúng tiểu thừa, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ .v.v., chẳng thăm hỏi họ vì hạnh môn và chí hướng khác nhau, hoặc ở trong phòng, hoặc đi kinh hành, hoặc ở trong giảng đường, thì đừng ở chung với họ. Nếu có người đến, thì vì họ nói pháp, chẳng mong cầu gì cả.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đối với người nữ, chẳng sinh ý niệm dâm dục, mà vì họ nói pháp, cũng đừng thích thấy. Nếu vào nhà người, thì chẳng nên nói chuyện cùng với gái nhỏ, gái trinh, gái

góa, cũng đừng gần gũi với năm hạng người bất nam để kết thân giao. Không nên một mình vào nhà người. Nếu có nhân duyên phải một mình vào, thì phải một lòng niệm Phật. Nếu vì người nữ nói pháp, thì không được hở răng cười, chẳng để ngực hở hang, cho đến vì pháp còn chẳng gần gũi, hà huống là việc khác.

Đức Phật nói với Bồ Tát Văn Thù : Đại Bồ Tát đối với người nữ, không nên sinh ý niệm dâm dục, cũng đừng ưa thích thấy người nữ, vì thân người nữ bất tịnh. Nếu :

“Mắt thấy sắc đẹp tâm chẳng động,
Tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay”

Có được định lực như thế thì miễn bàn. Nếu có nhân duyên đặc biệt đi vào nhà người, thì cũng đừng nói chuyện với gái nhỏ gái trinh gái hóa ở một nơi. Cũng chẳng gần gũi với năm hạng người bất nam :

1. Sinh : Tức là sinh ra chẳng có nam căn, đó là quả báo thuở xưa đồng tính luyến ái, có người tình mà chẳng có nam căn.

2. Kiện : Tức là có nam căn mà bị cắt đi, hoặc bệnh lở loét cho đến thối nát chẳng còn nam căn.

3. Đố : Tức là thấy người nam sinh tâm đố kị, không thể nhân đạo, thấy người nữ sinh tâm đố kị, biến thành người nữ cũng không thể nhân đạo.

4. Biến : Tức là nam chẳng ra nam, mà nữ chẳng ra nữ. Nam với nam phát sinh đồng tính luyến ái, nữ với nữ phát sinh đồng tính luyến ái, hoặc hành dâm dục với người nam, hoặc hành dâm dục với người nữ, cho nên bị quả báo không thể nhân đạo.

5. Bán : Tức là nửa nguyệt nửa nam (nửa nguyệt là nữ). Năm hạng người này vì tư tưởng chẳng chánh đáng, cho nên sáu căn chẳng đủ. Tuy muốn xuất gia cũng không được thu nhận. Người hành Bồ Tát đạo không nên kết thân với năm hạng người nói ở trên. Vì tránh sự hiềm nghi người ta thấy, nên người xuất gia không thể vô cớ một mình đến nhà cư sĩ. Nếu có nhân duyên đặc biệt đến nhà người ta, thì phải một lòng niệm Phật, như niệm Nam Mô A Di Đà Phật, (tốt nhất là hai người cùng đi).

Nếu nói pháp cho người nữ nghe, thì đừng hờ hững cười để tránh cho đối phương sinh tâm dâm dục, hoặc khiến cho mình khởi ý niệm chẳng trong sạch. Không hờ ngược, cho đến vì người thuyết pháp cũng không nên gần gũi, hà hướng là làm việc khác ? Do đó, người tu Bồ Tát đạo phải tự mình kiểm điểm. Muốn được giới đức tròn sáng, thì thân tâm tư hào đừng ô nhiễm.

**Không nên thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi,
Sa di nhỏ bé, cũng không nên cùng thầy.
Thường nên ngồi thiền, ở nơi chỗ vắng
nên tu nhiếp tâm mình lại.**

**Văn Thù Sư Lợi ! Đó gọi là chỗ gần
gũi ban đầu.**

“Không nên thích nuôi đệ tử nhỏ tuổi”. Không thể thích thu nhận đệ tử nhỏ tuổi. Người tu Bồ Tát đạo, không nên tham cầu đệ tử nhỏ tuổi để sai khiến. Nếu gặp nhân duyên đặc thù, thì mới có thể thu nhận đệ tử nhỏ tuổi. Vì sao chẳng thu nhận đệ tử nhỏ tuổi ? Vì sợ chúng còn thơ bé chẳng chịu nghe lời. Song nếu gặp đệ tử nhỏ tuổi biết nghe lời, thì mới có thể nhận làm đệ tử.

Trong số đệ tử của tôi, có mấy đứa cũng rất còn nhỏ, đã mười hai, mười ba tuổi, song chúng đều nghe lời dạy dỗ.

Lúc tôi ở tại Đông Bắc bên Trung Quốc, thì tôi nghe nói có một cậu bé tên là Trịnh Đức, mới năm tuổi mà hằng ngày lạy cha mẹ. Tôi nghe rồi sinh tâm hổ thẹn, tôi mười hai tuổi mới hằng ngày lạy cha lạy mẹ. Cậu bé đó, mới năm tuổi mà hiểu được lý lẽ, hằng ngày đánh lễ cung kính cha mẹ. Do đó, tôi muốn tìm cơ hội để gặp cho được cậu bé đó. Ngày nọ, cơ duyên thành thực, cậu bé ở tại huyện Ngũ Thường, cách nhà tôi khoảng hơn một

trăm dặm đường. Lúc đó, Trịnh Đức đã mười hai tuổi, do cậu ta chí hiếu với cha mẹ mà danh đồn xa gần, rất nhiều kẻ ngoại đạo muốn độ làm đệ tử, song Trịnh Đức thường nói với ngoại đạo rằng : Cậu ta trước hết phải phụng dưỡng cha mẹ, cha mẹ là Phật sống trong nhà, cậu ta không thể bỏ gần cầu xa, muốn làm xong bốn phận mới tu đạo. Ngoại đạo biện luận chẳng qua được cậu ta, nên không thể được như nguyện.

Ngày nọ, tôi đến nhà cậu ta, cậu ta ở trong cửa sổ nhìn thấy tôi, bèn nói với mẹ của cậu ta rằng : “ Sư phụ của con đến rồi ! ” Mẹ của cậu ta kinh ngạc hỏi : “ Sư phụ nào của con đến ? ” Cậu ta đáp : “ Bây giờ con có sư phụ rồi. ” Lúc đó, tôi mang trên lưng một túi vải đi vào cửa trước, cậu ta lập tức mời tôi vào nhà. Vào trong nhà, tôi và Trịnh Đức trò chuyện, tôi hỏi cậu ta vì sao lạy cha mẹ ? Cậu ta nói chẳng biết lấy gì báo đáp ân dưỡng dục của cha mẹ, chỉ biết lạy cha mẹ, hy vọng cha mẹ vui lòng, để báo đáp phần nào công ơn của cha mẹ. Tôi hỏi cậu ta sao mới năm tuổi, mà đã hiểu việc hiếu thuận cha mẹ như thế ? Trịnh Đức đáp : “ Lấy sự hiếu thuận cha mẹ làm việc vui. ” Tôi hỏi cha mẹ của cậu ta rằng, đứa con này có từng làm cho ông bà buồn chăng ? Ông bà đáp : “ Vợ chồng chúng tôi cũng chẳng có đức hạnh gì, có thể tổ tiên có đạo đức, cho nên có được con hiếu cháu hiền ! Từ lời nói đó, có thể thấy họ cũng là người tu dưỡng, và

chẳng tự kheo khoang có đức hạnh, mà được người con hiếu thuận này.

Lát sau, tôi đang chuẩn bị đi về, thì Trịnh Đức đem giày của tôi đi dấu, chẳng để tôi đi, muốn giữ tôi lại dùng bữa cơm. Lúc đó, tôi chẳng có giày mang, đành yên lặng nhận lời. Ăn cơm xong, tôi hỏi Trịnh Đức : ‘Đáo để sư phụ phải thuận theo đệ tử, hay là đệ tử thuận theo sư phụ’ ? Trịnh Đức đáp : ‘Đương nhiên đệ tử phải nghe theo lời của sư phụ’ ! Tôi bèn dạy cậu ta : ‘Sao con chưa được sự đồng ý của thầy, thì đem đôi giày của thầy đi giấu ? Mà ép giữ thầy lại ăn cơm ? Nếu con có ý giữ thầy lại dùng cơm, thì nên cung kính thỉnh mời chứ đừng dùng thủ đoạn cưỡng ép để giữ thầy lại.’ Trịnh Đức nghe rồi lập tức quỳ xuống sám hối.

Đệ tử nhỏ tuổi mà hiểu biết sự lý như Trịnh Đức, thì có thể thu nhận làm đệ tử.

‘Sa di nhỏ bé’, gọi là khu ô Sa di. Thời xưa trong chùa làm lúa, có chim quạ đến ăn lúa thóc, thì sai chú tiểu Sa di trách nhiệm đuổi quạ, cho nên gọi là khu ô Sa di (chú tiểu Sa di đuổi quạ), tuổi khoảng từ 8 đến 13 tuổi. Sa di là tiếng Phạn, dịch là "Tức từ", tức là ngưng làm ác, từ là từ bi. Do đó, có câu :

‘Đừng làm các điều ác,
Hãy làm các điều lành.’

Người có tâm tham thì toàn làm chuyện ác; người có tâm sân thì thường nóng giận; người có tâm si thì cứ khởi vọng tưởng. Cho nên, chẳng diệt trừ được tham sân si, thì giới định huệ không thể hiện tiền.

Thọ giới cụ túc rồi, thì gọi là Sa môn, dịch là "Cần túc", tức là siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si. "Giới" đối trị lòng tham, không thể tham mà mà không biết chán. "Định" đối trị tâm sân hận. "Huệ" đối trị tâm ngu si. Nếu phan duyên tức là ngu si, không phan duyên tức là có trí huệ. Tâm người nào thanh tịnh, thì thân giống như ở tại đạo tràng thuyết pháp của Đức Phật, tức là pháp hội Linh Sơn, cho nên nói :

“Một thời thanh tịnh, một thời Linh Sơn.

Thời thời thanh tịnh, thời thời Linh Sơn.”

“Cũng đừng ưa thích cùng thầy” : Cũng đừng ưa thích với trẻ con cùng lạ một thầy. Nếu đồng môn với trẻ con, thì bạn phải chịu trách nhiệm chiếu cứ như tình huynh đệ, cho nên đừng ưa thích cùng một thầy. Song, sư phụ thu nhận trẻ con làm đệ tử thì miễn bàn tới.

“Thường thích ngồi thiền”? Ngồi thiền sẽ sinh định, cho nên phải thường thích ngồi thiền. Tuy nhiên nói “ngồi thiền”, đến khi công phu tương ưng, thì đi đứng nằm ngồi chẳng lìa khỏi “thiền”, như hình với bóng, tức có định lực. Song, phải đừng chấp trước thì sẽ sinh định lực. “Thiền” tức là thiền na, dịch là "tư duy tu", cũng gọi

là tĩnh lự. Ngồi thiền hay sinh định, có định lực thì trừ được vọng tưởng.

“Ở nơi chỗ vắng” : Nếu công phu đến nhà, thì dù ở đâu cũng có thể ngồi thiền, và đi đứng nằm ngồi cũng chẳng lìa thiền. Như Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia có nói rằng :

“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,
Nói năng động tĩnh thể an nhiên.
Trong mộng thấy rõ có sáu nẻo,
Giác rồi thấy đều không chẳng có gì”.

Nếu chưa có định lực thì nên “ở nơi chỗ vắng” ngồi thiền, ở nơi Alan nhã tức là nơi yên tĩnh.

“Tu nhiếp tâm” : Chúng ta suốt ngày vọng tưởng lãn xãn, hôm nay nghĩ muốn đến Châu Âu, ngày mai nghĩ muốn đi Châu Á, ngày mốt nghĩ muốn đi đến Châu Mỹ, cho rằng chẳng cần mua vé máy bay, mà tâm đi du lịch thế giới, là việc hết sức tiện nghi. Kỳ thật, tốn hao xăng dầu trong tự tánh chẳng ít, tiêu hao trí huệ Bát nhã không ít. Muốn tu nhiếp tâm mình, thì trước hết phải khắc chế năm dục : Sắc đẹp, âm thanh, hương thơm, vị ngon, ngủ nhiều. Trừ khử năm cái : Tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo hối, hoài nghi.

Năm cái là gì ? Giải thích sơ lược như sau :

1. Tham dục : Nếu tham sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tham : Tài, sắc, danh, thực, thù, thì không nên. Nếu

tham: Giới, định, huệ, tham ngồi thiền, tham thành Phật, thì tốt. Tôi thường tham đệ tử hiếu thuận, nếu ai tham cầu một vị thầy tốt để theo học Phật pháp, thì đó cũng là tham, song tham học thì được.

2. Sân hận : Tức là nổi giận, ngàn ngày nhức củi, một đốm lửa thiêu sạch, do đó có câu :

“Một đốm lửa nhỏ,
Đốt sạch rừng công đức”.

3. Hôn trầm : Nếu mệt mỏi thì ngủ, song đừng có tham ngủ, ngủ quá nhiều thì đầu não hôn trầm, sẽ biến thành ngu si.

4. Trạo hối : Sinh hoài nghi, đối với việc gì cũng sinh hoài nghi, chẳng tin.

Điều năm việc : Ăn, ngủ, thân, hơi thở, tâm.

a. Điều ăn : Đối với việc ăn uống phải hợp với trung đạo.

b. Điều ngủ : Thời gian ngủ phải có hạn, chẳng quá nhiều cũng chẳng quá ít.

c. Điều thân : Đừng khiến cho thân thể quá nhọc, song phải siêng năng làm việc phục vụ xã hội.

d. Điều hơi thở : Hơi thở chẳng nhanh chẳng chậm.

e. Điều tâm : Tâm phải đừng thâm trầm đừng cất lên.

Lại nữa, đại Bồ Tát quán tất cả các pháp không, như thật tướng, không điên đảo, không lay động, không thối lui, không chuyển, như hư không, chẳng có tự tánh. Tất cả ngôn ngữ đạo đoạn, không sanh, không xuất ly, không khởi, không tên, không tướng, thấy đều không, không lượng, không bờ, không ngại, không chướng, chỉ nhờ nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sinh ra, cho nên nói. Thường thích quán pháp tướng như thế, đó gọi là chỗ gần gũi thứ hai của đại Bồ Tát.

Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, quán tất cả cảnh giới của mười pháp giới đều không, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm, một tâm niệm sinh mười pháp giới. Mười pháp giới bao quát bốn pháp giới của bậc Thánh và sáu pháp giới của phàm phu :

1. Pháp giới của Phật : Con người tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn thì thành Phật. Minh khai ngộ minh bạch tất cả các pháp là tự giác, lại độ kẻ khác giác ngộ là giác tha. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn thì thành Phật, do đó “Ba giác tròn, vạn đức đầy”, Phật là bậc đại giác ngộ, biết những gì mà người không biết, ngộ những

gì mà người không ngộ. Tất cả người thế gian và xuất thế gian đều tôn sùng Phật.

2. Pháp giới của Bồ Tát : Bồ Tát phát nguyện tự lợi lợi tha, tự giác giác tha, song giác hạnh chưa viên mãn, tu hành sáu độ vạn hạnh.

3. Pháp giới của Duyên Giác : Bạc Duyên Giác tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo. Mười hai nhân duyên là:

- ☐ Vô minh duyên hành,
- ☐ Hành duyên thức,
- ☐ Thức duyên danh sắc,
- ☐ Danh sắc duyên lục nhập,
- ☐ Lục nhập duyên xúc,
- ☐ Xúc duyên thọ,
- ☐ Thọ duyên ái,
- ☐ Ái duyên thủ,
- ☐ Thủ duyên hữu,
- ☐ Hữu duyên sinh,
- ☐ Sinh duyên lão tử.

Duyên Giác có hai : Khi có Phật ra đời, tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo gọi là Duyên Giác, khi không có Phật ra đời, tu trong rừng sâu núi thẳm, mùa xuân quán trăm hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, cảm ngộ vạn vật vô thường mà chứng đạo quả, gọi là Độc Giác.

Vô minh tức là phiền não, cũng là ái tình giữa nam nữ. Có ái tình thì phát sinh hạnh bất tịnh, có hành thì sinh

hạt giống, tức là thức. Có hạt giống thì thành thai, gọi là danh sắc. Có thai rồi sau sinh ra mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tức là lục nhập. Có lục nhập rồi thì sinh cảm giác, tức là xúc. Có cảm giác tức có thọ dụng, tức là thọ. Có thọ dụng thì sinh tâm thương, tức là ái. Vì ái dục mà giữ làm của mình có, tức là hữu. Hữu rồi sau đó có sinh ra đời sau, có sinh thì có tử, đây là cửa lưu chuyển. Bạc Duyên Giác quán mười hai nhân duyên đạo lý đến chỗ cứu kính, giác ngộ :

- ✧ Vô minh diệt thì hành diệt
- ✧ Hành diệt thì thức diệt
- ✧ Thức diệt thì danh sắc diệt
- ✧ Danh sắc diệt thì lục nhập diệt
- ✧ Lục nhập diệt thì xúc diệt
- ✧ Xúc diệt thì thọ diệt
- ✧ Thọ diệt thì ái diệt
- ✧ Ái diệt thì thủ diệt
- ✧ Thủ diệt thì hữu diệt
- ✧ Hữu diệt thì sinh diệt
- ✧ Sinh diệt thì lão tử diệt.

Đây là cửa hoàn diệt. Duyên Giác Bồ Tát là ban đầu phát tâm Bồ Tát.

4. Pháp giới của Thanh Văn : Thanh Văn tu : Khổ, tập, diệt, đạo, bốn đế mà ngộ đạo. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ, vô lượng thứ khổ. Ba thứ khổ là: Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Khổ khổ là khổ trong sự khổ, tức là nghèo

lại thêm khốn khổ, đã nghèo sơ nghèo xát lại gặp đủ thứ hoạn nạn, khổ lại thêm khổ. Người giàu sang chẳng có khổ khổ, song tránh không khỏi hoại khổ, bị kẻ ác đốt nhà, hoặc tán gia bại sản, đó là hoại khổ. Từ kẻ nghèo cho đến kẻ giàu, cũng không tránh khỏi hành khổ. Hành khổ là từ nhỏ lớn lên rồi già nua, niệm niệm thay đổi, thân thể từ mạnh khoẻ đến lúc suy tàn.

Tám thứ khổ là : Sinh, già, bệnh, chết, khổ về ái biệt ly, khổ về oán tắng hội, khổ về cầu bất đắc, khổ về năm ấm xí thạnh. Đời người ở đời đã là việc khổ, đến già, bệnh, chết lại càng khổ. Ngoài ra còn có vô lượng thứ khổ.

Bậc Thanh Văn tu pháp bốn đế : Thứ nhất là biết khổ, thứ hai là đoạn tập, tập tức là các thứ phiền não. Thứ ba là mộ diệt, diệt tức là tịch diệt, chứng được Niết Bàn. Thứ tư là tu đạo. Đạo thì phải tu. Lần đầu tiên Đức Phật chuyển bánh xe pháp nói về pháp Tứ diệu đế, độ năm vị Tỳ Kheo khiến cho họ khai ngộ như vừa nói ở trên.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, là bốn pháp giới của bậc Thánh. Sáu pháp giới của phàm phu là trời, người, Atu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục.

5. Pháp giới của trời : Trong sáu pháp giới của phàm phu, thì trời là cao nhất, người không hiểu Phật pháp thì lầm rằng, sinh về trời là cảnh giới khoái lạc nhất, kỳ thật trời cũng thuộc về pháp giới phàm phu mà thôi, chưa thể vượt ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Tuổi thọ của cõi trời Phi Phi Tướng Xứ là tám vạn đại kiếp, hết tuổi thọ

vấn đọa vào nhân gian, nghiệp thiện thành thực thì sinh vào đường lành, nghiệp ác thành thực thì sinh vào đường ác.

6. Pháp giới A Tu La : A tu la là tiếng Phạn, dịch là "vô đoan chánh", còn gọi là "vô tửu", nam A tu la thì xấu xí, còn nữ A tu la thì xinh đẹp. Phạm là A tu la đều thích đấu tranh. Trời, người, súc sinh, ngựa quý, địa ngục, đều có A tu la, cho nên trời, người, A tu la gọi là ba đường lành. Súc sinh, ngựa quý, địa ngục, là ba đường ác.

7. Pháp giới của loài người : Trong loài người có những tầng lớp khác nhau, trên hoàng đế công hầu, dưới đến dân nghèo ăn mày, phân ra sự giàu sang, nghèo cùng, tốt xấu, đều là nhân quả luân hồi chiêu cảm. Do đó, nhân thế nào thì quả thế ấy, nhân quả báo ứng tơ hào chẳng sai.

8. Pháp giới súc sinh : Vì ngu si, cho nên bị người chi phối.

9. Pháp giới ngựa quý : Tâm sân quá nặng, thích nóng giận.

10. Pháp giới địa ngục : Vì tâm tham, tham mà chẳng biết chán.

‘Mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm’. Nếu thường sinh tham, sân, si, thì sẽ đọa vào ba đường ác. Nếu tu bốn diệu đế thì chuyển sinh Thanh Văn. Tu mười hai pháp nhân duyên thì chuyển sinh Duyên Giác. Phát bồ đề tâm tu sáu độ vạn hạnh, thì tương lai sẽ thành Phật. Trong Kinh Hoa Nghiêm có câu rằng :

“Nếu ai muốn biết rõ
Tất cả Phật ba đời
Hãy quán tánh pháp giới
Hết tẩy do tâm tạo”.

Tất cả đều do tâm sinh ra, chữ tâm () còn có bài kệ rằng :

“Ba chấm bày như sao
Uống cong tợ trăng non
Đội lông từ đây ra
Làm Phật cũng do nó”.

Do đó, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm hiện tiền. Tâm ở tại Phật quả, thì tương lai sẽ thành Phật, tâm hướng về địa ngục thì sẽ đọa địa ngục, có thể thấy quả báo ứng nghiệm chẳng sai.

Tất cả tướng vốn là vô tướng. Bồ Tát quán mười pháp giới đều không, từ trong chân không mà sinh diệu hữu. Diệu hữu phi hữu, chẳng ngại chân không. Chân không bất không, chẳng ngại diệu hữu. Chân không là tên khác của thật tướng, thật tướng là ngoài chẳng tham, trong vô sở cầu; trong ngoài đều không, trong chẳng có sáu căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngoài chẳng có sáu trần : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ở giữa chẳng có sáu thức : Nhãn thức, nhĩ thức, thiệt thức, tỉ thức, thân thức, ý thức. Quán sáu căn, sáu trần và sáu thức đều không, mười hai xứ và mười tám giới đều không. Vậy thì

tất cả pháp không, phải chăng một cũng chẳng có ? Chẳng phải, mà là không vào thật tướng, cho nên diệu không thể tả. Ai thường tham thiền đả tọa, thì sẽ vào thật tướng, đến lúc bên trong chẳng có sáu căn, bên ngoài chẳng có sáu trần, ở giữa chẳng có sáu thức, mười tám giới đều không.

Chúng sinh luân hồi ở trong sáu nẻo, một khi không cẩn thận mà sai nhân quả thì dễ đọa lạc, thậm chí đọa thành dòi trong phân, đừng cười chê dòi sống ở trong phân là dơ dáy. Kỳ thật, ở trong bụng người cũng đầy dẫy phân cứt, trong túi da bao bọc vô lượng (tế bào) vi khuẩn mà không biết. Cho nên nói : “Chúng sinh vô biên thế nguyện độ”, trong thân thể chẳng biết bao nhiêu là vi khuẩn vi sinh vật. Nếu bạn độ chẳng được chúng thì chúng sẽ độ bạn.

Đừng tự làm thông minh, cho rằng giết những vi khuẩn đó là phạm giới. Tôi có một đệ tử, trước khi thọ giới Bồ Tát bèn hỏi tôi : Mỗi ngày anh ta lái xe đi đường cán chết trùng kiến, có phạm giới không ? Khi lái xe có thể niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, vì trong sự vô ý hời hững cho trùng kiến bị cán chết, vô ý sát sinh thì chẳng phạm giới.

Trước kia, có một anh quân nhân, ban đầu gặp Phật pháp bèn quy y Tam Bảo, về sau xuất gia hiệu là Hoàng Khuê, thọ giới tại Chùa Nam Hoa, anh ta rất lanh lợi. Về sau anh ta đến Hương Cảng, vì sống quen ở trong quân

đội, cho nên không chịu được đời sống thanh khổ. Ở tại Hương Cảng Tân Giới núi Đạo Phong, có một tổ chức của Cơ Đốc Giáo, chuyên môn xúi người xuất gia hoàn tục, và còn cho người xuất gia ăn ở và tiền xài. Nếu người xuất gia muốn kết hôn thì họ sẽ lo hết. Hoàng Khuê ở núi Đạo Phong làm nấu bếp, một tháng lãnh ba trăm đồng. Khi làm bếp thì giết gà giết vịt, ông ta tự mình an ủi, vừa giết vừa niệm ‘Nam Mô A Di Đà Phật’, lâu dần anh ta loạn thần kinh. Về sau dọn về ở tại Đông Phổ Đà, nhiều lần muốn gặp tôi mà chẳng được, nửa năm sau ông ta tự tử mà chết. Bạn nói, anh ta cứu kính là đại Bồ Tát hóa thân, dùng thân phạm giới hiển bày quả báo, để cảnh tỉnh người xuất gia đừng sát sinh chẳng? Hay là tâm đạo xuất gia chẳng kiên cố, mà sinh tâm thối chuyển hoàn tục? Ngoài tâm học Phật pháp kiên cố ra, còn phải giữ cho lâu bền, lâu năm nhiều tháng siêng học Phật pháp. Người không học Phật pháp, đến khi lâm chung thì chẳng tự chủ được, còn người tinh tấn học Phật pháp, thì tự biết giờ đi, chẳng bệnh mà qua đời.

Tôi có một đệ tử tên là Lý Dụ Siêu, sau khi quy y tôi rồi, phát nguyện hy vọng sẽ phát tài, phát tài rồi xây dựng bệnh viện Phật giáo. Lại thường nhờ tôi xem bói tướng mạng cho anh ta. Tôi nhiều lần từ chối, anh ta vẫn không chừa. Một ngày nọ, anh ta chuẩn bị đi Nữ Ước (New York), trước khi đi lại đến nhờ tôi coi vận mạng, tôi ân cần nói với anh ta : ‘Lần này anh đi Nữ Ước không

thể nhờ người xuất gia coi vận mạng. Coi tướng bói quẻ là thuộc về một trong năm thứ tà mạng, người tu đạo chân chánh không thể làm chuyện đoán xăm bói quẻ, cho nên nếu anh nhờ người xuất gia coi bói, tức là làm bản phẩm hạnh của người xuất gia.” Từ đó về sau anh ta không dám nhờ xem nữa. Anh ta lại hỏi sao phát nguyện cầu tài, mà không được mãn nguyện ? Tôi nói : “Đi học cũng phải từ tiểu học lên trung học, rồi lên đại học, trải qua thời gian dài dụng công mới được tốt nghiệp đại học. Vậy có lẽ nào không nhọc sức mà được chăng ? Phát nguyện phải có tâm lâu dài, tài bồi phước huệ, đời đời kiếp kiếp tiếp tục nguyện lực của mình, không thể hữu thủy vô chung.”

Học tập Phật pháp còn phải có tâm thành, bất cứ ai phá hoại, khêu chọc ly gián cũng phải bèn chí không đổi, dù xả thân mạng cũng phải hộ trì. Thuở xưa, Đức Phật bố thí xả bỏ một nghìn thân mạng, vì thương xót chúng sinh, chẳng tiếc xả thân cứu cạp đói, lóc thịt cho chim ung.

“Nhu thật tướng”, “Không điên đảo” tức là giữ trung đạo. “Nhu” tức là chẳng rơi vào không, chẳng rơi vào có, “Không”, “Giả”, “Trung” ba đế như một. Không tức giả, giả tức trung; một giả thì tất cả đều giả, một không thì tất cả đều không, một trung thì tất cả đều trung. Ba đế như một là “Nhu”. “Thật” tức chẳng phải bảy phương tiện. Bảy phương tiện tức bảy hiện vị của tiểu thừa, vượt qua quả vị của bảy phương tiện, tức là như thật tướng.

‘‘Không điên đảo’’ : Phạm phu có bốn thứ đảo :

- Chẳng phải thường mà cho là thường.
- Chẳng phải vui mà cho là vui.
- Chẳng phải ngã mà cho là ngã.
- Chẳng phải tịnh mà cho là tịnh.

‘‘Điên đảo’’ của hàng nhị thừa : Thường cho là vô thường, vui cho là khổ, ngã cho là chẳng phải ngã, tịnh cho là chẳng phải tịnh; ở trên là điên đảo của hàng nhị thừa. Bồ Tát cũng có điên đảo, chỉ có Phật là bậc đại giác. Cho nên, chín pháp giới chúng sinh đều sinh tồn ở trong điên đảo, niệm niệm thay đổi, có lúc cảm thấy tốt, có khi cảm thấy chẳng tốt. Kỳ thật chẳng có phân chia tốt và không tốt, tất cả đều từ nghĩ điên đảo mà ra. Nếu hay giữ trung đạo thì chẳng điên đảo. Học tập Phật pháp tức là muốn không điên đảo, chẳng học tập Phật pháp thì điên đảo. Giữ quy cụ thì chẳng điên đảo, không giữ quy cụ là điên đảo. Chúng ta nên tự phản tỉnh, nếu làm những chuyện điên đảo thì hãy mau sửa đổi !

‘‘Bất động’’ là định, chẳng sợ gì; ngồi thiền mà được như như bất động, thì chẳng bị cảnh giới chuyển. Ngồi thiền thì dù gặp cạp cũng chẳng sinh tâm sợ sệt, gát việc sinh tử ra ngoài, xem sinh tử nhất như. Có người nói : ‘‘Tôi chẳng sợ chết, cho nên chẳng cần học Phật pháp để dứt sinh tử, mà tôi thì chẳng sợ sinh tử, cho nên chẳng cần học Phật pháp.’’ Bạn không sợ sinh tử, chẳng học Phật pháp, sinh tử chẳng dứt, cho nên chẳng bao giờ

chấm dứt được. Khi ngòi thiền chẳng vì sinh tử làm lay động, tức là định lực. Sinh tử có hai thứ : Phần đoạn sinh tử và biến dịch sinh tử. Phần đoạn sinh tử là chỉ cho phàm phu mà nói. Phàm phu mỗi người đều có phần thân và một đoạn mạng sống, cho nên gọi là phần đoạn. Hàng nhị thừa chứng quả A la hán rồi, thì chấm dứt phần đoạn sinh tử, song vẫn còn biến dịch sinh tử, tức là vọng tưởng niệm niệm vi tế khởi lên chưa đoạn sạch. Phần đoạn là sinh tử trong ba cõi, biến dịch là sinh tử ngoài ba cõi. A la Hán đã dứt phần đoạn sinh tử, Bồ Tát đã dứt biến dịch sinh tử.

‘‘Không thối’’, trí bi chẳng thối chuyển, thân tâm tịch diệt chẳng có vọng tưởng, cho nên có đại trí đại huệ. Tức cũng là liễu tính bình đẳng, chẳng sinh thối lùi.

‘‘Không chuyển’’, chẳng thọ luân hồi sở chuyển, chẳng lưu chuyển ở trong sinh tử của phàm phu, cũng chẳng ở trong nhị thừa chuyển phàm làm Thánh.

‘‘Như hư không’’, giống như hư không, Kinh Hoa Nghiêm có nói :

‘‘Nếu ai muốn biết cảnh giới của Phật,
Hãy tịnh ý mình như hư không’’.

Chẳng có một vật gì tức là ‘‘hư không’’, hết thấy mọi vật đều bị hư không bao hàm. ‘‘Như hư không’’ là đại biểu cho danh từ, tuy có danh từ, song chẳng có tự

tánh, đừng có đầu lại thêm đầu, đi khắp nơi tìm hư không.

“Chẳng có tự tánh”, chẳng có tha tánh, chẳng có cộng tánh, chẳng có nhân tánh cũng chẳng có quả tánh, tất cả đều không, ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Do đó, có câu :

“Miệng muốn nói mà lời đã hết
Tâm muốn duyên mà suy nghĩ chẳng còn nữa”.

Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Do đó :

“Tất cả pháp hữu vi
Như mộng huyễn bọt bóng
Như sương cũng như điện
Hãy quán chiếu như thế.”

Nếu hay ly ngôn tứ cú, tuyệt bách phi, thì vào được cảnh không thể nghĩ bàn, diệu không thể tả. Minh bạch chỗ diệu bên trong, tức là minh bạch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu chẳng minh bạch chỗ diệu bên trong, thì đối với chỗ diệu của kinh này, tâm không thể lãnh hội được.

Trong số các vị có những người dụng công, có những người cứ khởi vọng tưởng. Người khởi vọng tưởng thì hãy thu nhiếp thân tâm, chế tâm lại một chỗ. Mùa đông năm nay sẽ mở khóa thiền một trăm ngày, mỗi ngày

phải ngồi 21 tiếng, chày hương, ngời hương, chẳng nghỉ ngơi, ai không sợ khổ thì hãy đăng ký ghi tên cho sớm.

‘‘Không sinh’’, chẳng sinh vô minh, chẳng sinh trí huệ, tức chẳng sinh vô minh, cũng chẳng sinh trí huệ, tức là vào cảnh giới : ‘‘Không nghĩ thiện, không nghĩ ác.’’ Chẳng có vô minh, chẳng có trí huệ, là bỏn lai tự tánh đại quang minh tạng, cho nên chẳng có chỗ phá, cũng chẳng có chỗ năng phá, đó là lý thể ‘‘Không sinh’’. Trong cảnh giới này : Hành, vị, nhân, quả, thủy đều chẳng sinh.

‘‘Không xuất’’, tức là không nhập, chẳng xuất chẳng nhập, chẳng ra chẳng vào. Bốn thể của Như Lai tu là, đạt đến chỗ cứu kính, cho nên chẳng xuất chẳng nhập, chẳng có vô minh cũng chẳng có trí huệ đáng nói.

‘‘Không khởi’’, chứng được lý thể như thế, thì khiến cho tất cả phương tiện quyền pháp đều vắng lặng.

‘‘Không tên’’, chẳng có một tên gọi để đại biểu đạo lý này. Từ không điên đảo, đến không khởi, chẳng có một cái tên nào để gọi, đó là tánh không.

‘‘Không tướng’’, chẳng có bất cứ tướng nào, có thể làm cho nó biểu hiện ra. Từ điên đảo đến chẳng khởi, chẳng có bất cứ hình tướng nào có thể hình dung, đó là tướng không.

‘‘Thấy đều chẳng có’’, quán thể khen ngợi trung đạo, chẳng rơi vào không, chẳng rơi vào có, chẳng có một vật.

‘‘Vô lượng’’, tức là pháp vô số lượng. Pháp có số lượng như là năm ấm : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức; sáu

căn, sáu trần, hợp lại gọi là mười hai nhập (còn gọi là mười hai xứ), thêm vào sáu thức là mười tám giới. Ở trên đây đều là pháp có số mục. Quán trung đạo là vô số lượng, tức là toàn số mục, là không thiếu không thừa.

“Vô biên”, không bờ không bến. Tất cả các pháp trong tiểu thừa đều có nhất định, cho nên có biên tế. Chẳng có pháp nhất định mới là vô bờ vô bến.

“Vô ngại”, trung đạo quán trí vào khắp tất cả các pháp, mà chẳng có chướng ngại.

“Không chướng”, chẳng có một pháp nào, có thể che đậy chướng ngại trung đạo quán trí.

“Quán tất cả pháp” đến “không chướng”, đoạn văn gồm mười chín câu, “quán tất cả pháp” là nêu lên tổng quát, mười tám câu sau, là phân biệt giải thích thêm. Đạo lý bên trong là vô cùng vô tận, giảng kinh chỉ là lược thuật đại khái mà thôi. “Quán tất cả pháp không”, mười tám câu kinh văn sau, có thể y chiếu mười tám (cái) không của Kinh Đại Bát Nhã để giải thích; lại có thể dùng tất cả pháp để giải thích. Tất cả pháp như thật tướng, tất cả pháp không điên đảo, tất cả pháp bất động, tất cả pháp không thối lùi, tất cả pháp không chuyển, tất cả pháp như hư không, tất cả pháp vô sở hữu, tất cả pháp ngữ ngôn đạo đoạn, tất cả pháp không sinh, tất cả pháp không xuất, tất cả pháp không khởi, tất cả pháp không tên, tất cả pháp không tướng, tất cả pháp thật vô sở hữu, tất cả pháp vô lượng, tất cả pháp vô biên, tất cả pháp không ngại, tất cả pháp không chướng.

Dùng mười tám (cái) không để giải thích : Như thật tướng là không thứ nhất, không điên đảo là nội không. Nội không (bên trong) không có sáu nhập : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đều không, cho đến vô ngã. Không có ngã chấp là bất động. Bất động là ngoại không; ngoại không (bên ngoài) chẳng có sáu trần, không bị sáu trần làm giao động. Không thối lùi là nội ngoại không. Chẳng thối chuyển làm phàm phu, chẳng thối chuyển làm hàng nhị thừa.

“Không chuyển” là không không, không hay phá tất cả pháp, tức chẳng có ngã chấp (chấp cái ta), chẳng có pháp chấp, tức là pháp không, quét tất cả pháp, lia tất cả tướng, cho nên không chuyển.

“Như hư không”, trong Kinh Bát Nhã chuyên nói về lý không. Ngài Tu Bồ Đề khéo nói về không, trong hàng đệ tử của Đức Phật, Ngài là bậc nhất về giải không, cho nên Ngài tên là “Không sinh”. Tuy tên là không sinh, song cũng chẳng không sinh, sao lại nói là chẳng không sinh ? Có Tu Bồ Đề rồi, cho nên nói không sinh lại chẳng không sinh. Tu Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch là "Không sinh", vì sao được tên như vậy ? Đó là vì, khi Ngài sinh ra, thì kho của báu trong nhà vô duyên vô cố, đột nhiên biến thành không (biến mất hết), cho nên cha mẹ của Ngài đặt tên cho Ngài là Không Sinh. Cha mẹ của Ngài thấy kho tàng châu báu trong nhà vô cố mất đi, bèn đi bói quẻ, thì nói rằng là điếm cát tường, nhà sinh được quý tử, cho nên Ngài Tu Bồ Đề còn có tên là Thiện Cát.

Bảy ngày sau, kho báu trong nhà lại hiện ra như cũ, lại được tên là Thiện Hiện. Tại sao ngày Ngài Tu Bồ Đề ra đời thì của báu trong nhà đều không (biến mất hết) ? Vì Ngài đời đời kiếp kiếp nghiên cứu về lý không, cho nên khi Ngài ra đời, là biểu hiện Bát Nhã không. “N hư hư không” là thái không. “Vô sở hữu tánh” tức là tất kính không, có bài kệ rằng :

‘N hư Lai thanh lương nguyệt
Thường du tất kính không
Chúng sinh tâm thủy tịnh
Bồ đề ảnh hiện trung’.

Nghĩa là:

*N hư Lai như mặt trăng mát mẻ
Thường lơ lửng trên bầu trời
Tâm nước chúng sinh tịnh
Ảnh bồ đề hiện ra.*

Các pháp bốn thể chẳng thiếu chẳng dư, cho nên gọi là tất kính không. Nhờ tất kính không cho nên “chẳng có tự tánh” vậy.

“Tất cả ngữ ngôn đạo đoạn”, tất cả đều không, chẳng có ngôn ngữ để luận bàn.

“Không sinh” là hữu vi không, pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp mà sinh, không hòa hợp thì không sinh, cho nên gọi là hữu vi không.

‘‘Không xuất’’ là vô vi không, ‘‘vô vi vô khởi diệt, chẳng thật như không hoa’’, vô vi tức là xuất ly, xuất ly tất cả pháp, xuất ly đã không, cho nên ‘‘không xuất’’.

‘‘Không khởi’’ là vô thủy không, trong Kinh Đại Bát Nhã có đề cập đến vô thủy không, vì ‘‘khai thủy’’ bất khả đắc, cho nên gọi là vô thủy không.

‘‘Không tên’’ là tánh không. ‘‘Không tướng’’ là tướng không. Không tên không tướng, cũng có thể giải thích là thật vô sở hữu (chẳng có gì cả).

‘‘Thật vô sở hữu’’ là chẳng thể được không.

‘‘Vô lượng’’ là có pháp không, có lượng tức có pháp, có lượng không tức có pháp không.

‘‘Vô biên’’ là chẳng có pháp không, pháp là biên, chẳng có pháp tức vô biên.

‘‘Không ngại’’ là hữu pháp vô pháp không, hữu pháp không không, đều rõ bất khả đắc, cho nên là vô ngại.

‘‘Không chướng’’, tức giáo không, phương ngại giá chướng đều bất khả đắc, cho nên không chướng.

Ở trên là mười tám (cái) không, Phật thường tu mười tám (cái) không này. Trong Kinh Pháp Hoa có đề cập đến mười tám câu, mới y chiếu mười tám câu này mà nói. Ở trên nói về ‘‘Tất cả pháp không’’ là tổng tướng, ‘‘Như thật tướng’’ đến ‘‘không chướng’’ mười tám câu là biệt tướng, tất cả tướng nhờ nhân duyên có, từ điền đảo sinh, cho nên thường thích quán các thứ pháp tướng ở

trên, xem tất cả đều không. Đây là nơi gần gũi thứ hai của đại Bồ Tát.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

**Nếu có Bồ Tát
Ở đời ác sau
Tâm chẳng sợ hãi
Muốn nói kinh này.
Nên vào hành xứ
Và thân cận xứ.**

Lúc đó, Phật muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói ra bài kệ : Nếu có Bồ Tát phát tâm đại bồ đề, ở trong đời ác tương lai chẳng có tâm sợ hãi, muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì nên vào nơi an lạc sở hành của thân, và nơi thân cận.

**Thường lìa quốc vương
Và các vương tử.
Đại thần quan lớn
Kẻ ác chế giễu
Và chiêm đà la
Ngoại đạo phạm chí.
Cũng chẳng gần gũi**

**Kẻ tăng thượng mạn
Tham trước tiểu thừa
Người học tam tạng.
Tỳ Kheo phá giới
Xưng là La Hán
Và Tỳ Kheo ni
Kẻ thích giỡn cười.
Chấp sâu năm dục
Cầu được diệt độ
Các cư sĩ nữ
Đều chớ gần gũi.**

Người tu hành tu Bồ Tát đạo, nên xa lìa quốc vương, vương tử, đại thần, quan lớn, kẻ hung ác chế giễu, kẻ đồ tể heo bò và tất cả người tu ngoại đạo và Bà la môn. Cũng đừng gần gũi với kẻ tăng thượng mạn, tham trước tiểu thừa chẳng phát tâm đại thừa, và học giả tu tam tạng, Tỳ Kheo chẳng giữ giới luật, hoặc mạo xưng là A la hán. Cũng đừng gần gũi Tỳ Kheo phá giới, kẻ thích đùa giỡn nói cười, vì họ đều chấp sâu vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, hoặc tài, sắc, danh, thực, thù, năm dục. Cầu hiện đời được diệt độ, hàng cư sĩ nữ cũng chớ gần gũi.

Nếu những người đó

**Dùng tâm cầu đạo
Đến chỗ Bồ Tát
Vì nghe Phật đạo.
Bồ Tát bèn dùng
Tâm không sợ hãi
Chẳng mong cầu gì
Vì họ nói pháp.**

Nếu những người đó, dùng tâm cầu đạo đến chỗ Bồ Tát tu đạo, muốn cầu Phật pháp. Bồ Tát này bèn dùng tâm không sợ hãi, chẳng ôm lòng mong cầu gì hết, chẳng tham xí đồ cúng dường mà vì họ nói pháp.

**Gái góa gái trinh
Và người bất nam
Đều chỗ gần gũi
Để kết thân giao.
Cũng dùng gần gũi
Đồ tế hàng thịt
Thọ sẵn chài lưới
Vì lợi giết hại
Bán thịt tự sống
Hoặc buôn gái đẹp**

Những người như thế Chớ nên gần gũi.

“Gái góa”, tức là đàn bà đã mất chồng, “gái trinh”, là gái chưa lấy chồng. “Bất nam” là sinh, kiện, kị, biến, bán, năm loại bất nam. Những người như thế, đều chớ nên gần gũi kết thân với họ. Cũng đừng gần gũi người đồ tể giết heo bò và kẻ bán thịt, thợ săn, chài lưới, vì kiếm lợi mà giết hại chúng sinh, người mua bán các loại thịt để sống, hoặc người mưu sinh buôn gái đẹp. Những người như thế đều chớ nên gần gũi.

**Hung ác đánh nhau
Đủ thủ lừa giỡn
Các dâm nữ thả
Đều chớ gần gũi.
Đừng ở chỗ vắng
Vì nữ nói pháp
Nếu khi nói pháp
Không được giỡn cười.
Vào xóm khất thực
Đắt một Tỳ Kheo
Nếu không Tỳ Kheo
Một lòng niệm Phật.**

**Đó tức gọi là
Hành xử cận xử
Dùng hai nơi này
An vui nói pháp.**

“Hung ác đánh đập”, tức là người học tập võ thuật. Đủ thứ sự đùa giỡn và người mua bán sắc đẹp, đều chớ gần gũi. Chớ ở nơi đơn độc vắng vẻ vì người nữ nói pháp. Nếu muốn nói pháp, thì không được cười giỡn. Vào trong xóm khát thực, phải dắt theo một thầy Tỳ Kheo cùng đi. Nếu không có Tỳ Kheo cùng đi, thì hãy đon nhiên cung kính một lòng niệm Phật, như “Nam Mô A Di Đà Phật” hoặc “Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”. Ở trên là nơi thực hành và nơi gần gũi của người tu hành Bồ Tát đạo, nhờ hai nơi này mà an vui, vì đại chúng nói pháp.

**Lại nữa chẳng tu
Pháp thượng trung hạ
Hữu vi vô vi
Pháp thật chẳng thật.
Cũng chẳng phân biệt
Người nam người nữ
Chẳng đắc các pháp**

Chẳng biết chẳng thấy.
Đó tức gọi là
Chỗ Bồ Tát tu
Tất cả các pháp
Hết thấy đều không.
Chẳng có thường trụ
Cũng chẳng khởi diệt
Đó gọi bậc trí
Chỗ nên gần gũi.
Điên đảo phân biệt
Các pháp có không
Là thật chẳng thật
Là sinh chẳng sinh.
Ở nơi chỗ vắng
Tu nhiếp tâm mình
An trụ chẳng động
Như núi Tu Di.
Quán tất cả pháp
Hết thấy đều không
Giống như hư không
Nên chẳng kiên cố.

**Không sinh không xuất
Không động không lùi
Thường trụ một tướng
Đó gọi cận xứ.**

Người tu hành Bồ Tát đạo, chẳng tu hành pháp thượng trung hạ (pháp thượng là Bồ Tát thừa, trung pháp là Duyên Giác thừa, hạ pháp là Thanh Văn thừa), pháp hữu vi và pháp vô vi, pháp thật, pháp chẳng thật, đều không thể tu hành, cũng chẳng phân biệt là nam hay nữ. Nam tức huệ, nữ tức là định. “Định” “huệ” như một, cho nên đừng có phân biệt. Vì vô trí cũng vô đắc, cho nên “chẳng đắc các pháp”, càng “không biết không thấy” tất cả các pháp, đó gọi là chỗ thực hành của Bồ Tát. Tất cả các pháp, hết thảy đều không, chẳng có thường trụ, tức không thường trụ, tức chẳng chấp trước, không chấp trước thì được giải thoát. Quán tất cả các pháp không sinh không diệt, “Đó gọi bậc trí”, chỗ nên gần gũi.

Đừng điên đảo, thêm vào sự phân biệt có không của các pháp, đây là pháp thật, kia là pháp giả, đây là có sinh, kia là chẳng sinh. Nên ở chỗ vắng vẻ tu nhiếp tâm mình, an trụ bất động, đứng vững bất động như núi Tu Di. Yên lặng quán tất cả các pháp đều chẳng có, giống như hư không, chẳng có tự thể, cho nên chẳng kiên cố. “Không sinh không xuất”, “không động không lùi”,

‘‘thường trụ một tướng’’, thường trụ ở tướng chẳng có chẳng không, đó gọi là chỗ tu hành của Bồ Tát.

**Nếu có Tỳ Kheo
Sau ta diệt độ
Vào hành xứ này
Khi nói kinh này.
Chẳng có sợ hãi
Bồ Tát có khi
Vào nơi yên tĩnh
Nhỏ nghĩ chân chánh.
Theo nghĩa quán pháp
Tử thiên định dật
Vì các quốc vương
Vương tử thần dân.
Bà la môn thầy
Khai thị diễn nói
Kinh Pháp Hoa này
Trong tâm an ổn.
Chẳng có sợ hãi
Văn Thù Sư Lợi !
Đó gọi Bồ Tát**

**An trụ sở pháp.
Hay ở đời sau
Nói Kinh Pháp Hoa.**

Nếu có Tỳ kheo, sau khi ta diệt độ, vào chỗ tu hành của Bồ Tát như thế, và chỗ gần gũi của Bồ Tát, khi đến nói Kinh Pháp Hoa thì chẳng sợ hãi, cũng chẳng mong cầu gì cả, ‘Đến chỗ vô cầu thì chẳng lo’. Có khi Bồ Tát vào chỗ vắng vẻ, nghĩ nhớ đạo lý Phật pháp chân chánh. Trước khi giảng kinh, ngồi yên một tiếng đồng hồ, để cho lắng đọng vọng tưởng tạp loạn, ở trong sự tĩnh lặng ngộ ra đạo lý để giảng kinh thuyết pháp. Sau khi xuất định thì vì các quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, hoặc Bà la môn thầy, khai thị diễn nói diệu lý vô thượng trong Kinh Pháp Hoa, trong tâm bình ổn an lạc, chẳng có sợ hãi.

Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết, Bồ Tát này an trụ vào pháp môn sơ bộ, tu hành như thế thì tương lai vào thời mạt pháp, sẽ có thể diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, ở trong đời mạt pháp, muốn nói kinh này, thì nên trụ vào an lạc hạnh. Nếu miệng diễn nói, hoặc đọc tụng kinh này, thì đừng nên nói lỗi của người,

và lỗi của kinh điển, cũng đừng khinh mạn các pháp sư khác, đừng nói tốt xấu thị phi của kẻ khác, đối với hàng Thanh Văn cũng đừng gọi tên của họ, nói lỗi lầm của họ, cũng đừng gọi tên khen ngợi tốt, cũng đừng sinh tâm oán hận, vì khéo tu tâm an lạc như thế. Các người đến nghe pháp chẳng nghịch ý của họ. Nếu họ có vấn nạn, thì đừng dùng pháp tiểu thừa mà đáp, chỉ dùng pháp đại thừa để giải thích, khiến cho họ đắc được Nhất thiết chủng trí.

Đức Phật lại gọi : Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi Như Lai diệt độ, ở đời mạt pháp muốn nói kinh này, thì nên trụ vào an lạc hạnh, nếu miệng tuyên nói, hoặc đọc tụng kinh này, thì đừng nói lỗi lầm của kẻ khác, hoặc lỗi lầm của kinh điển, cũng đừng khinh mạn kinh điển, hoặc pháp sư khác, như đối với pháp của pháp sư nói khởi tâm phân biệt, đây như thế này, kia như thế nọ, cũng đừng nói thị phi về kẻ khác. Đối với hàng Thanh Văn cũng đừng gọi thẳng tên của họ. Người Mỹ chẳng có phân biệt lớn nhỏ tôn ti, con mà cứ gọi thẳng tên của cha, đó là cử chỉ chẳng cung kính. Người tại gia không nên gọi thẳng pháp

đanh của người xuất gia, gọi pháp hiệu thì được. Như trong Vạn Phật Thành, pháp danh của người xuất gia là Quả, pháp hiệu là Hằng, người tại gia có thể gọi pháp hiệu, như thầy Hằng..... Đòi với người xuất gia còn chưa có thể gọi thẳng tên, hà huống đối với sư phụ càng không nên gọi thẳng tên của thầy. Nếu đệ tử gọi thẳng tôi là Độ Luân pháp sư, hoặc Tuyên Hóa pháp sư, thì đó là cử chỉ bất kính. Nếu như gọi thẳng là Độ Luân, hoặc Tuyên Hóa, thì là hành vi khi thầy diệt tổ. Giữa người xuất gia với người xuất gia, cũng không thể gọi thẳng pháp danh họ, có thể gọi pháp hiệu với nhau, chỉ có sư phụ được gọi pháp danh của đệ tử.

Đối với pháp sư tiểu thừa, đừng gọi tên nói lỗi của họ, cũng đừng khen ngợi họ. Nếu pháp sư chân chánh có đức hạnh, thì khen ngợi cũng chẳng sao, chỉ đừng gọi tên của họ. Lại đừng sinh tâm oán hận hiềm khích, nếu như bạn chẳng có các thứ ma bệnh ở trên, thì trong tâm chẳng có tham sân si, thì tự nhiên sẽ được an lạc. Đối với tất cả người đến nghe pháp, chẳng nghịch ý của họ mà quán căn cơ thí giáo. Nếu họ có vấn nạn thì chớ dùng pháp tiểu thừa để giải nói, khiến cho họ đắc được Nhất thiết chủng trí.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

Bồ Tát thưởng thích

An ổn nói pháp
Ở chỗ thanh tịnh
Mà thí giường tòa.
Dùng dầu thoa thân
Tắm rửa bụi bặm
Mặc y mới sạch
Trong ngoài đều sạch.
Ngồi yên pháp tòa
Tùy hỏi mà nói
Nếu có Tỳ Kheo
Và Tỳ Kheo ni.
Các cư sĩ nam
Và cư sĩ nữ
Quốc vương vương tử
Quần thần sĩ dân.
Dùng nghĩa vi diệu
Vui vẻ mà nói
Nếu có vấn nạn
Theo nghĩa mà đáp.
Nhân duyên ví dụ
Phân biệt diễn nói

**Nhỏ phưởng tiện đó
Khiến họ phát tâm.
Dần dần tăng ích
Vào trong Phật đạo
Trừ tâm lưới biếng
Và tưởng giải đãi.
Lìa các ưu não
Tủ tâm nói pháp.**

Lúc đó, Đức Phật muốn thuật lại nghĩa ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói. Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, thường muốn khiến cho chúng sinh an ổn đạo và an ổn quả, mà vì họ nói pháp, tức là vào nhà Như Lai. Ở nơi thanh tịnh thì giường tòa tức là tòa Như Lai. Dùng đầu thơm thoa thân, tức là mặc y Như Lai. Rửa sạch tất cả bụi bặm, “mặc y mới sạch”, tức là mặc y Như Lai, trong ngoài đều thanh tịnh, bên trong chẳng có vọng tưởng, bên ngoài chẳng có bụi bặm. Ngồi yên trên tòa Như Lai, tùy theo sự vấn nạn mà nói pháp. Nếu gặp Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần và nhân dân, nên dùng nghĩa lý không thể nghĩ bàn, vui vẻ mà vì họ nói pháp. Nếu có sự vấn nạn thì tùy nghĩa lý đại thừa để trả lời, dùng các thứ nhân duyên và ví dụ để phân biệt diễn nói. Dùng pháp phương tiện khiến cho họ phát tâm bồ đề và ngày càng tăng ích, thành tựu Phật đạo. Trừ khử

đi tâm lười biếng, và mọi tư tưởng giải đãi, là tất cả ưu sầu phiền não, tâm từ bi vì chúng sinh nói pháp.

**Ngày đêm thường nói
Đạo lý vô thượng.
Dùng các nhân duyên
Vô lượng ví dụ
Khai thị chúng sinh
Khiến cho hoan hỉ.
Y phục ngọa cụ
Ấm thực thuốc thang
Hết thảy các thứ
Chẳng mong cầu gì.
Chỉ một lòng nhỏ
Nhân duyên nói pháp
Nguyện thành Phật đạo
Khiến họ cũng thế.
Đó là lợi lớn
An vui cúng dường.**

Ngày đêm sáu thời vì chúng sinh nói pháp, dùng tâm từ bi giáo hóa chúng sinh, diễn nói đạo lý vô thượng trong Phật giáo, chỉ sợ chúng sinh chẳng hiểu diệu lý,

cho nên dùng đủ thứ nhân duyên, vô lượng ví dụ để khai thị, khiến cho đại chúng đều hoan hỉ. Đối với y phục, ngọa cụ, ẩm thực, thuốc men, các thứ vật chất, chẳng mong cầu gì hết, chỉ một lòng nhớ vì chúng sinh tùy căn cơ nói pháp, nguyện thành Phật đạo, cũng khiến cho chúng sinh thành tựu Phật đạo. Nghĩ như thế mới là lợi lớn cho tất cả chúng sinh, cúng dường an lạc cho chúng sinh.

**Sau ta diệt độ
Nếu có Tỳ Kheo.
Thưởng hay diễn nói
Kinh Pháp Hoa này
Tâm chẳng sân hận
Các não chướng ngại.
Cũng chẳng sầu lo
Và người chưởi mắng
Lại chẳng sợ hãi
Thêm đao gậy thảy.
Cũng chẳng đuổi ra
Vì nhờ nhẫn nhục
Bậc trí như thế
Khéo tu tâm mình.**

**Thường trụ an lạc
Như ta nói trên
Công đức người đó
Ngàn vạn ức kiếp.
Toán số ví dụ
Nói chẳng hết được.**

Sau khi Đức Phật diệt độ, nếu có Tỳ kheo tức là người xuất gia hành Bồ Tát đạo, thường hay diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diễn nói pháp của Kinh Pháp Hoa, ‘‘Tâm chẳng sân hận đố kỵ’’, học Phật pháp tức là vì tìm kiếm chân tâm. Tâm chẳng có đố kỵ sân hận, tức là lìa các phiền não, cũng chẳng chướng ngại. Chẳng những mình chẳng có chướng ngại, mà đối với người khác cũng chẳng có chướng ngại. Nếu bạn trong ngoài đều chẳng có chướng ngại, thì dù người khác chướng ngại bạn, thì chướng ngại đó cũng chẳng làm gì được. Cũng chẳng có ‘‘kẻ mắng chửi’’, vì sao có người mắng chửi bạn ? Vì bạn thường trách mắng kẻ khác, cho nên kẻ khác cũng mắng chửi bạn. Bạn không trách mắng kẻ khác, thì chẳng có ai trách mắng bạn. ‘‘Lại chẳng sợ hãi, thường ung dung, dù ép độc được vẫn an nhàn’’. Nhị tổ Thần Quang, Ngài bị người ta chém đầu, song Ngài vẫn an nhiên bất động, lúc đó nước (máu) trắng chảy ra, hoàng

để mới biết là giết làm bực Thánh nhân, bèn xây dựng tháp thờ Ngài để kỷ niệm, để tỏ lòng ăn năn hối cải.

‘‘Cũng chẳng đuổi ra’’: Mọi người cùng tụ lại một chỗ để tu hành, nên dung hợp lại cùng một chỗ, bằng không thì phân tán, cuối cùng sẽ đuổi đi. Nếu cùng nhau nhẫn nhục hòa hợp vui vẻ, thì chẳng chướng ngại kẻ khác, dù người khác nổi giận gây sự, bạn cũng chẳng chấp trước, nhẫn được nhường nhịn được, ‘‘cũng chẳng đuổi ra, vì nhờ nhẫn nhục’’.

‘‘Bực trí như thế’’ : Bực có trí huệ sẽ không chấp trước việc nhỏ mà nóng giận. Họ ‘‘khéo tu tâm mình’’ : Trụ vào hạnh an lạc, như đạo lý ở trên đã nói tu hành Bồ Tát đạo, công đức của người đó, trải qua ‘‘ngàn vạn ức kiếp, toán số ví dụ, nói không kết được.’’

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát, ỏ đời mặc pháp sau này, khi pháp muốn diệt, thì người thọ trì đọc tụng kinh này, đừng ôm lòng đố kỵ siểm nịnh, cũng đừng khinh khi mắng chửi người học Phật đạo, đừng nói thị phi. Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Bồ Tát đạo, đừng làm cho họ

sinh phiền não, khiến cho họ nghi ngờ, nói với họ rằng : Các người cách đạo rất xa, không khi nào đắc được Nhất thiết chủng trí. Vì sao ? Vì các người là những người phóng dật, tu đạo thì giải đãi, lại cũng không nên hí luận các pháp, có sự tranh luận. Nên khởi tâm đại bi đối với tất cả chúng sinh, với các đức Như Lai khởi nghĩ như Đại sư, với các vị đại Bồ Tát trong mười phương, luôn thành tâm cung kính lễ lạy.

Lại nữa, Bồ Tát Văn Thù và hết thầy đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, vào thời mặc pháp khi pháp muốn đoạn diệt, thọ mạng của con người đến lúc hai mươi tuổi, hoặc ba mươi tuổi, thì người hay thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, tâm đừng đố kỵ siểm nịnh, đừng hiềm nghèo trọng giàu, cũng đừng tùy ý trách mắng người tu Phật đạo, đừng nói thị phi kẻ khác. Nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, người cầu Thanh Văn, người cầu Bích Chi Phật, người cầu Bồ Tát, không thể đắc tội với họ, khiến cho họ sinh phiền não, cho đến sinh tâm nghi ngờ và thối chuyển. Ví như nói với họ rằng : “Các người cách đạo rất xa, chẳng khi nào đắc được Nhất thiết chủng trí (Nhất

thiết chủng trí là tục đế, chủng trí là chân đế, chẳng tục chẳng chân là trung đế). Vì sao ? Vì người là người phóng dật, tu đạo thì giải đãi. Không thể khinh mạn đối với người mà nói ra lời như thế, lại không thể ở trong Phật pháp sinh hí luận, có sự tranh luận. Nên khởi tâm thương xót đối với chúng sinh, với tất cả chư Phật khởi nghĩ như cha lành, với các vị Bồ Tát khởi nghĩ như thầy tốt, với mười phương các vị Bồ Tát thường thành tâm cung kính lễ lạy.

Đối với tất cả chúng sinh, nên bình đẳng mà nói pháp, bởi do thuận pháp, không nên nói nhiều, không nên nói ít, cho đến người ái mến pháp thâm sâu, cũng không vì họ mà nói nhiều.

Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đó, ở đời mặc pháp sau này, lúc pháp muốn diệt, người thành tựu an lạc hạnh thứ ba, khi nói kinh này, thì không ai có thể nào loạn, được người đồng học tốt, cùng nhau đọc tụng kinh này, cũng được đại chúng đến nghe nhận, nghe rồi hay trì, trì rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi thì sẽ

**biên chép, hoặc khiến cho người biên chép
cúng dường kinh quyển, cung kính tôn
trọng khen ngợi.**

Đối với tất cả chúng sinh, nên từ bi bình đẳng nói pháp, bởi do tùy thuận pháp, không nên vì chúng sinh nào đó cung kính, thì nói pháp nhiều đối với chúng sinh đó, còn chúng sinh nào đó chưa thể cung kính, thì nói pháp ít đối với chúng sinh đó. Cho đến người ưa mến pháp thâm sâu, thì chẳng vì họ nói pháp nhiều.

Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, ở đời sau khi chánh pháp diệt, có thể thành tựu an lạc hạnh thứ ba, khi nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tất cả Thiên Long bát bộ đều đến hộ pháp. Hơn nữa, vì trong đời quá khứ, bạn chẳng gieo trồng nhân nào loạn, cho nên hiện tại chẳng có chúng sinh đến làm nhiễu loạn. Được bạn đồng học tốt, cùng nhau đọc tụng kinh này, còn được đại chúng đồng đến nghe nhận, nghe kinh rồi lại hay thọ trì, rồi có thể học thuộc lòng, rồi diễn nói biên chép kinh này.

Nếu thỉnh người khác biên chép ấn tống kinh này, cúng dường lễ bái kinh này, phải cung kính tôn trọng khen ngợi chư Phật Như Lai, đều đến chứng minh Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu sinh một phần tâm cung kính thì có một phần cảm ứng; nếu sinh mười phần tâm cung kính thì có mười phần cảm ứng. Nên biết, kinh này trải

qua trăm ngàn vạn kiếp mới gặp được, nếu chẳng có căn lành lớn, thì khó gặp nhân duyên thù thắng này, để học tập Phật pháp.

Tín chúng đến Phật Giáo Giảng Đường nghe kinh ngày càng đông, bây giờ e rằng Phật Giáo Giảng Đường này chẳng đủ để xử dụng, chúng ta hy vọng sớm có một giảng đường khác có thể dung chứa bốn, năm trăm người, mọi người đều thành tâm đến tụng trì Chú Đại Bi, tin rằng sẽ có cảm ứng không thể nghĩ bàn. Giống như Chùa Phổ Tế ở Núi Phổ Đà, đại hùng bảo điện xem có vẻ chẳng lớn mấy, song có khoảng một ngàn người vào trong đại điện cũng dung nạp được, thậm chí có một vạn người, thì đại điện này cũng dung nạp được, dù mười vạn người, điện này cũng có thể dung nạp, có thể nói là một ‘‘Bảo điện’’ không thể nghĩ bàn. Lần này chúng ta thành tâm niệm Chú, thì sẽ thành tựu một ‘‘Bảo đường’’, bảo đường này, có thể nhỏ cũng có thể lớn.

**Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại
nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :**

Nếu muốn nói kinh này

Nên bỏ đổ sân mạn

Tâm siểm nịnh tà nguy

Thường tu hạnh chất trực.

**Chẳng khinh khi kẻ khác
Cũng chẳng hí luận pháp
Chẳng khiến họ nghi ngờ
Rằng ông không thành Phật.
Bồ Tát đó nói pháp
Thường nhu hòa nhẫn nhục
Tử bi với tất cả
Chẳng sinh tâm giải đãi.
Mười phương đại Bồ Tát
Thường chúng nên hành đạo
Nên sinh tâm cung kính
Đó là thầy của ta.
Vói chư Phật Thế Tôn
Nghĩ là cha vô thượng
Phá được tâm kiêu mạn
Nói pháp chẳng chướng ngại.
Pháp thứ ba như thế
Bậc trí nên một lòng
Thủ hộ an lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.**

Lúc bấy giờ, Phật Thích Ca muốn thuật lại nghĩa này mà nói kệ rằng : Đại Bồ tát tu hành Bồ Tát đạo, nếu muốn diễn nói Kinh Pháp Hoa, thì nên xả bỏ tâm đố kỵ, sân hận, kiêu mạn, siểm nịnh, khi dối, tà ngụy. Thường tu hạnh chất trực, do đó có câu : ‘Trực tâm thị đạo tràng’. Không khinh khi kẻ khác, cũng chẳng hí luận pháp. Đừng khiến cho kẻ khác sinh tâm nghi ngờ đối với Phật đạo, không khi nào có thể được thành Phật.’ Đại Bồ Tát nói pháp thường nhu hòa nhẫn nhục, tức là mặc y Như Lai; từ bi đối với tất cả chúng sinh, tức là vào nhà Như Lai, siêng năng nói pháp, chẳng sinh tâm khinh mạn giải đãi. Mười phương đại Bồ Tát, vì thương xót chúng sinh nên hành Bồ Tát đạo. Chúng ta nên sinh tâm cung kính đối với đại Bồ Tát trong mười phương, xem các Ngài như là thầy tốt của mình. Đối với chư Phật Thế Tôn nên sinh ý nghĩ là cha từ bi vô thượng. Phá trừ được tâm kiêu ngạo ngã mạn, thì nói pháp chẳng có chướng ngại, đây là an lạc hạnh thứ ba.

Bậc có trí huệ, thì nên y theo pháp này mà tu hành, một lòng thủ hộ an lạc hạnh này. Vô lượng chúng sinh đều cung kính như đại Bồ Tát tu hành này.

Lại nữa, Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát vào đời sau này, khi pháp sắp diệt, có người nào trì Kinh Pháp Hoa này, đối với

người tại gia, hoặc xuất gia, đều nên sinh tâm đại bi, đối với những người chẳng phải Bồ Tát, cũng nên sinh tâm đại bi, nên nghĩ như vậy : Người như thế tổn thất rất lớn, đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói pháp, mà chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát hạnh, trong tương lai vào thời mạt pháp, khi pháp muốn diệt, có Bồ Tát thọ trì đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đối với những người tại gia, hoặc xuất gia, nên sinh tâm đại từ bi, muốn khiến cho tất cả chúng sinh vui vẻ. Đối với những người không tin Phật pháp, thậm chí người hủy báng Phật pháp, đều nên sinh tâm đại bi. Bi hay cứu khổ, cứu những chúng sinh tạo tội, nên nghĩ như vậy : Người như thế, tổn thất đi rất lớn, đức Như Lai phương tiện tùy nghi, quán căn cơ thí giáo vì họ nói pháp, gặp người đại thừa thì nói pháp đại thừa, gặp người tiểu thừa thì nói pháp tiểu thừa, do đó có câu :

“Phật dùng một âm diễn nói pháp
Chúng sinh theo loài đều hiểu rõ.”

Những người đó tạo tội chẳng tin Phật pháp, chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu Phật pháp, cũng

chẳng hỏi, chẳng sinh niềm tin, lại chẳng cầu cứu kính giải thoát, cho nên hạng người này tổn thất rất lớn.

Người đó tuy chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu kinh này, khi ta được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ ở đâu, ta cũng dùng thần thông và trí huệ dẫn dắt họ, khiến cho họ được trụ ở trong pháp này.

Văn Thù Sư Lợi ! Đại Bồ Tát đó, sau khi Như Lai diệt độ, có ai thành tựu pháp thú tử này, khi nói pháp này, thì chẳng có lỗi lầm, thường được Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà la môn, cư sĩ thầy, cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi. Chư thiên vì nghe pháp, nên cũng thưởng theo hầu vị Bồ Tát đó. Nếu ở trong xóm làng, thành ấp, rừng vắng, có người đến muốn vấn nạn, thì chư Thiên ngày đêm thưởng vì pháp mà hộ vệ, khiến cho người nghe đều được hoan hỉ. Vì sao ?

Vì kinh này nhờ thần lực của tất cả chư Phật, quá khứ hiện tại vị lai ủng hộ vậy.

Người đó, tuy chẳng hỏi, lại chẳng tin, cũng chẳng hiểu, diệu lý của Kinh Pháp Hoa. Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo nói : Ta phát nguyện, khi ta chứng được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ ở đâu, ta đều dùng thần thông và trí huệ, để tiếp dẫn người chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu, khiến cho họ trụ ở trong diệu pháp.

Văn Thù Sư Lợi ! Vị Đại Bồ Tát đó, sau khi Phật diệt độ, thành tựu an lạc hạnh thứ tư, thì khi nói pháp chẳng có lỗi lầm, thường được Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà la môn, và cư sĩ thủy, cúng dường cung kính và tôn trọng khen ngợi. Chư thiên đều vì nghe pháp, cho nên thường theo hầu vị Bồ Tát đó. Nếu ở trong xóm làng thành ấp, rừng vắng, có ai đến muốn thưa hỏi, thì chư thiên hộ pháp thiện thần, vì bảo hộ Bồ Tát. Bồ Tát đó dùng diệu nghĩa đại thừa trả lời người hỏi, khiến cho tất cả người nghe đều được hoan hỉ. Vì sao ? Vì kinh này nhờ thần lực của tất cả chư Phật, quá khứ hiện tại vị lai ủng hộ, cho nên tất cả khó khăn đều tiêu trừ.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, ở trong vô lượng cõi nước, cho đến

tên kinh còn không thể nghe được, hà huống là được thấy thọ trì đọc tụng.

Văn Thù Sư Lợi ! Ví như Chuyển luân thánh vương có sức mạnh, muốn dùng uy thế để hàng phục các nước, song các ông vua nhỏ chẳng thuận theo mệnh lệnh. Vua chuyển luân bèn đem các thứ binh đi chinh phục. Vua thấy binh chúng ai chiến đấu có công thì rất hoan hỉ, tùy theo công lao mà ban thưởng, hoặc ban cho ruộng đất, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho quần áo, đồ nghiêm thân, hoặc ban cho các thứ châu báu, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi ngựa, xe cộ, nô tì, nhân dân.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Có rất nhiều người trong vô lượng kiếp, chẳng bao giờ được nghe tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Hiện nay có phái Nhật Liên (Nhật Bản) chỉ tụng ‘‘Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh’’, song họ chẳng biết kinh văn, hà huống người được thấy thọ trì đọc tụng kinh này càng ít có.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Ví như vua Chuyển Luân Thánh Vương, sức mạnh muốn dùng oai đức thế lực hàng phục các nước, mà các ông vua nhỏ chẳng thuận theo mệnh lệnh, bấy giờ vua Chuyển Luân Thánh Vương bèn đem các thứ binh để đi chinh phục. Vua Chuyển Luân Thánh Vương thấy binh chúng ai chiến đấu có công, thì sinh đại hoan hỉ, tùy theo công lao mà ban thưởng, hoặc dùng đất đai, nhà cửa, xóm làng, thành ấp, hoặc ban cho y phục, đồ nghiêm thân, hoặc ban cho các thứ châu báu, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, xan hô, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tì, và nhân dân, để ban thưởng.

Vua Chuyển Luân Thánh Vương ban thưởng cho binh chúng ai có công, hoặc ban cho đất đai nhà cửa. “Đất đai” dụ cho tam muội, tức là định. “Nhà cửa” dụ cho trí huệ. “Xóm làng” dụ cho quả vị sơ quả và nhị quả. “Thành” dụ cho quả vị tam quả. “Ấp” dụ cho quả vị tứ quả. “Y phục” dụ cho nhẫn nhục. Bảy báu : Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, xan hô, hổ phách, dụ cho bảy giác chi, còn gọi là bảy cảnh giới phần. “Voi, ngựa, xe cộ” đều là biểu thị cho nhị thừa. “Nô tì” biểu thị cho công dụng của thần thông. “Nhân dân” dụ cho thiện pháp.

Chỉ có hạt minh châu trong búi tóc là không cho thôi. Vì sao ? Chỉ có trên đỉnh của vua mới có hạt minh châu này. Nếu

lấy đem cho, thì các quyền thuộc của vua rất kinh ngạc.

Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai cũng lại như thế, nhờ sức thiên định trí huệ, mà được cõi nước pháp, là vua trong ba cõi, mà các ma vương chẳng chịu thuận phục.

Các hiền Thánh của Như Lai cùng chiến đấu với ma, ai có công thì tâm cũng hoan hỉ. Phật cũng hoan hỉ vì bốn chúng mà nói các kinh, khiến cho họ được vui mừng, ban cho thiên định giải thoát, căn lực vô lậu các pháp tài, còn ban cho thành Niết Bàn, nói được diệt độ, dẫn đạo tâm ý, khiến cho chúng sinh đều hoan hỉ, mà chẳng vì họ nói Kinh Pháp Hoa này.

Trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương có hạt minh châu quý giá, song không thể đem hạt minh châu ban thưởng cho tướng quân có công. Vì sao ? Vì chỉ có trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương mới có bảo châu này. Nếu đem bảo châu thưởng cho tướng quân, thì quyền thuộc của vua sẽ kinh ngạc.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi ! Nói :
“Như Lai cũng lại như thế, nhờ thiên định tam muội trí huệ không thể nghĩ bàn, được cõi nước vô thượng pháp, làm Pháp vương trong ba cõi, cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc. Chỉ có các ma vương chẳng chịu thuận phục, Như Lai bèn sai các tướng hiền Thánh chiến đấu với ma, ai chiến đấu thắng lợi có công, thì tâm bèn sinh hoan hỉ. Phật cũng hoan hỉ vì bốn chúng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, nói tất cả kinh điển, hoặc nói tam tạng giáo lý Bát nhã, tức cũng là : Tạng, thông, biệt, viên, đốn, tiệm, mật, bất định, tám thứ giáo. Vì đại chúng nói tất cả các kinh, khiến cho chúng sinh hoan hỉ, hoặc ban cho thiên định giải thoát căn lực vô lậu, “căn” tức là năm căn : Tín, tấn, niệm, định, huệ, khiến cho năm căn tăng trưởng gọi là năm lực.

“Còn ban cho thành Niết Bàn” : “Thành” dùng để bảo vệ kẻ địch, “thành Niết Bàn” hay kháng cự ma vương phá hoại Niết Bàn. Nói được diệt độ, dẫn đạo tâm ý, khiến cho tất cả chúng sinh đều hoan hỉ. Giữ gìn Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh này chính như hạt bảo châu quý giá trong búi tóc của vua Chuyển Luân Thánh Vương, không thể tùy tiện vì người khác nói.

Văn Thù Sư Lợi ! Như vua chuyển luân thấy các binh chúng, ai có công lớn thì tâm rất hoan hỉ, bèn đem hạt châu khó

tin này, từ lâu để trong búi tóc chẳng tùy tiện cho người, mà nay đem cho. Như lai cũng lại như thế, là đại Pháp Vương ở trong ba cõi, đem pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, thấy quân hiền Thánh với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau. Có công lao lớn diệt trừ ba độc, ra khỏi ba cõi, phá tan lưới ma.

Bấy giờ, Như Lai cũng rất hoan hỉ. Kinh Pháp Hoa này, hay khiến cho chúng sinh đến Nhất thiết trí. Tất cả thế gian nhiều oán khó tin kinh này, trước kia chưa từng nói mà nay nói ra.

Đức Phật lại gọi một tiếng Văn Thù Sư Lợi ! Như vua Chuyển Luân Thánh Vương, thấy binh chúng trong quân đội ai lập công lớn, thì tâm rất hoan hỉ, bèn đem hạt bảo châu khó tin này, từ lâu cất giấu ở trong búi tóc lấy đem cho. Đức Như Lai cũng lại như thế, làm đại Pháp vương ở trong ba cõi, đem diệu pháp vô thượng giáo hóa tất cả chúng sinh.

“Thấy quân Hiền Thánh” : Thấy sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán, hoặc nhị thừa Duyên Giác

quân hiền Thánh đánh với ‘ma năm ấm’ : Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mỗi người cùng đánh với ma năm ấm, ma phiền não, ma chết; đánh thắng những thứ ma này, trừ được tham sân si ba độc, thì vượt ra khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới, phá được lưới ma. Lúc đó, Như Lai thấy người tu nhị thừa hoặc đại thừa có sở thành tựu, thì rất hoan hỉ. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, hay khiến cho chúng sinh đạt đến bậc Nhất thiết chủng trí. Tất cả người thế gian nhiều oán khó tin kinh này. Hơn bốn mươi năm trước kia, Như Lai chưa từng nói diệu pháp này, nay vì đại chúng nói diệu pháp thâm sâu vô thượng này.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, là lời nói bậc nhất của các đức Như Lai. Ở trong các kinh, thì kinh này là thâm sâu nhất, chưa từng ban cho. Như vua chuyển luân sức mạnh kia, từ lâu giữ hạt minh châu, nay mới đem ra cho.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, là tạng bí mật của chư Phật Như Lai. Ở trong các kinh, thì kinh này là trên hết, giữ gìn từ lâu chưa hề tuyên nói, cho đến hôm nay, mới nói ra cho các ông nghe.

Đức Phật lại nói với Bồ Tát Văn Thù : ‘‘Kinh Pháp Hoa này, là lời nói bậc nhắc của chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, là diệu pháp thâm sâu vô thượng ở trong tất cả các kinh điển. Cuối cùng ban cho tất cả chúng sinh, như vua Chuyển Luân Thánh Vương sức mạnh giữ gìn minh châu ở trong búi tóc, do người này lập được công lớn nên mới đem ra cho.

Văn Thù Sư Lợi ! Kinh Pháp Hoa này, mới là pháp bất truyền của tất cả chư Phật mười phương ba đời, đứng đầu ở trong các kinh, từ lâu bảo hộ giữ gìn không thể tùy tiện nói với mọi người. Do đó, hôm nay mới vì đại chúng diễn nói kinh này, cho nên phải trân tiếc Kinh Pháp Hoa này, đừng bao giờ xem thường’.

Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói bài kệ rằng :

**Thưởng thật hành nhẫn nhục
Thưởng xót hết tất cả
Mỗi nên nói kinh này
Kinh này được Phật khen.
Ai trì tụng kinh này
Đối với tại, xuất gia
Và chẳng phải Bồ Tát
Nên sinh lòng tử bi.**

**Những người nào chẳng nghe
Cũng chẳng tin kinh này
Tức tổn thất rất lớn
Khi ta được Phật đạo.
Sẽ dùng các phương tiện
Vì họ nói pháp này
Khiến họ trụ pháp này.**

Sau khi Đức Phật nói xong kinh trường hàng, bèn dùng kệ để nói rõ nghĩa lý bên trong. Bồ Tát tu hành lục độ vạn hạnh, thì nên luôn luôn thực hành hạnh nhẫn nhục, nhẫn nhịn những việc mà người khác không nhịn được, thương xót tất cả chúng sinh mới có thể diễn nói kinh này. Kinh này là kinh được tất cả mười phương chư Phật ba đời khen ngợi. Vào thời mạt pháp sau này, ai trì tụng kinh này, thì bất luận đối với người tại gia, xuất gia và chẳng phải Bồ Tát, đều nên sinh tâm từ bi, khiến cho họ lìa khổ được vui. Những ai chẳng nghe, chẳng tin Kinh Pháp Hoa này, thật là tổn thất rất lớn, vì chẳng tin kinh này thì không thể thành Phật. Tương lai khi ta được thành Phật đạo, thì sẽ dùng sức thiên định, sức trí huệ và các thứ phương tiện, để vì họ nói kinh này, khiến cho tất cả chúng sinh được đượm nhuần pháp vũ, trụ ở trong pháp này.

**Ví như vua chuyển luân
Có sức lực mạnh mẽ
Thấy lính đánh có công
Ban thưởng các báu vật.
Voi ngựa các xe cộ
Và đồ dùng nghiêm thân
Cùng đất đai nhà cửa
Xóm làng và thành ấp.
Hoặc ban cho y phục
Đủ thứ đồ quý báu
Nô tì và của cải
Đều hoan hỉ ban cho.
Như có tướng tài giỏi
Làm được các việc khó
Vua lấy hạt minh châu
Trong búi tóc đem tặng.**

Ví như có vua Chuyển Luân Thánh Vương có uy đức lớn. Trên thế gian có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, và Thiết Luân Vương. Kim Luân Vương cai trị bốn đại bộ châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Câu Lư Châu). Ngân Luân Vương cai trị ba đại bộ châu

(Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Tây Ngưu Hóa châu). Đờng Luân Vương cai trị hai châu (Đông Thắng Thần Châu, Nam Thiệm Bộ Châu). Thiết Luân Vương chỉ cai trị một châu. Vua Chuyển Luân Thánh Vương có bảy báu hiem có ở trong thế gian. Binh lính chiến đấu có công được ban thưởng.

“Voi ngựa xe cộ” : Dụ cho nhị thừa. “Đờ nghiêm thân” : Dụ cho pháp môn tu thân. “Đất đai nhà cửa” : “Đất đai” : Dụ cho sức tam muội, “nhà cửa” dụ cho sức trí huệ. “Xóm làng” : Dụ cho tam quả và tứ quả A La Hán. “Y phục” : Dụ cho pháp môn nhẫn nhục. “Các thứ đồ quý báu” : Tức là vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách. “Nô tì” : Dụ cho thần thông, trong Phật pháp ai vận dụng thần thông, thì như là nô tì. Những vật ở trên đều hoan hỉ ban cho. “Như có tướng tài giỏi, làm được việc khó làm” : Nếu như có vị tướng tài giỏi, anh dũng đối địch, đánh đâu thắng đó, làm được việc khó mà người khác không làm được, thì lúc đó vua Chuyển Luân Thánh Vương mới lấy hạt bảo châu ở trong búi tóc, đem ra tặng cho tướng quân tài giỏi.

Phật vốn chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, bây giờ thời cơ chín mùi, cho nên mới nói bộ kinh này.

**Như Lai cũng như thế
Là vua của các pháp
Có sức nhẫn nhục lớn**

Và bảo tàng trí huệ.
Dùng sức đại tử bi
Theo pháp giáo hóa đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các sự khổ não.
Muốn cầu được giải thoát
Chiến đấu với lũ ma
Vì những chúng sinh đó
Nói ra đủ thủ pháp.
Dùng sức đại phước thiện
Diễn nói các kinh này
Khi đã biết chúng sinh
Đắc được các lực rồi.
Cuối cùng mới vì nói
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Như vua mở búi tóc
Ban tặng hạt minh châu.
Kinh này rất tôn quý
Trên hết trong các kinh
Ta thường luôn giữ gìn
Chẳng tùy tiện nói ra.

Nay đúng là phải thời Vì các ông mà nói.

Đức Phật cũng như vua Chuyển Luân Thánh Vương. Phật là vua của các pháp, là đấng Pháp Vương, đắc được pháp diệu dụng tự tại vô ngại. “Có sức nhẫn nhục lớn” : Có uy đức lớn, có bảo tạng đại trí huệ. “Dùng sức đại từ bi” : Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ. “Theo pháp giáo hóa đời” : Y theo pháp giáo hóa tất cả chúng sinh, quán căn cơ mà thí giáo, đáng dùng thân Phật độ được, thì hiện thân Phật mà vì họ nói pháp, đáng dùng thân Bồ Tát được độ, thì hiện thân Bồ Tát mà vì họ thuyết pháp. Phật là vì người nói pháp, theo bệnh cho thuốc. Ví như người thích ăn ngon thì nói về ăn, song những gì nói ra là thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn. Người xuất gia ngày ăn một bữa, đều lấy pháp làm món ăn. “Thấy tất cả mọi người” : Đối với tài, sắc, danh, thực, thù, năm dục có sự chấp trước, thì lo được lo mất. “Chịu các sự khổ não, muốn cầu được giải thoát.”: Chịu tất cả sự khổ não muốn cầu giải thoát, thì phải chiến đấu với lũ ma, nào là ma phiền não, ma ngũ ấm, ma nghiệp chướng, ma ngu si, ma tâm tham, ma tâm sân, ma tâm si, ma tâm kiêu mạn, ma tâm nghi ngờ tác chiến, điều phục các ma chướng. Phật vì chúng sinh chấp trước ma, mà nói các thứ pháp, dùng đại phương tiện. Như Bồ Tát Địa Tạng, vì độ chúng sinh mà vào địa ngục, để vì chúng sinh nói pháp. Ngài nói : “Ta chẳng vào địa ngục thì ai vào địa ngục.”

Tinh thần như vậy thật là vĩ đại. “Nói ra các kinh này.” Nói Kinh Phương Đẳng, Kinh Bát Nhã .v.v. “Khi đã biết chúng sinh, đấng được các lực rồi.” Cuối cùng mới vì nói Kinh Pháp Hoa. Đây cũng giống như vua Chuyển Luân Thánh Vương, mở búi tóc lấy hạt minh châu ra, ban tặng cho tướng quân có công lớn. “Kinh này rất tôn quý” : Kinh này là kinh chí tôn chí quý, đứng đầu trong các kinh, là “Vua trong các kinh”. “Ta thường giữ gìn luôn” : Phật luôn luôn giữ gìn kinh này. “Chẳng tùy tiện nói ra, nay đúng là phải thời, vì các ông mà nói” : Bây giờ nên vì đại chúng mà nói ra kinh này.

Hiện tại cũng có người nói Kinh Lăng Nghiêm là kinh giả tạo, chẳng phải Phật nói ra. Nếu ai nhận lầm mất cá là hạt châu, thì chẳng biết thật giả, lấy thật làm giả, cuối cùng chẳng thể được chỗ diệu ở trong kinh. Hội Phật Giáo chúng ta trước hết giảng về Kinh Lăng Nghiêm, sau đó giảng Kinh Pháp Hoa, kế tiếp sẽ giảng Kinh Hoa Nghiêm, ba bộ kinh này ai ai cũng phải đọc tụng. Tất cả do tâm tạo, nghe kinh nghe pháp, mà có sự bổ ích tức là chân kinh. Kinh điển mà chúng ta giảng, đều là kinh điển thượng thừa chân thật.

**Sau khi ta diệt độ
Ai mong cầu Phật đạo.
Muốn được sự an ổn**

**Nên diễn nói kinh này
Và phải nên gần gũi
Bốn pháp như đã nói.
Ai đọc tụng kinh này
Thường chẳng có ưu não
Nhan sắc rất tươi thắm
Chẳng sinh nhà bần cùng.
Chẳng làm kẻ nô tì
Chúng sinh đều ưa thấy
Như kính mộ hiền Thánh
Chữ thiên các đồng tử.
Cũng nghe sự sai khiến
Đao gậy chẳng hại được
Độc cũng không thể hại
Nếu người ác mắng chưởi.
Thì miệng chẳng mở đặng
Du hành chẳng sợ sệt
Như loài sư tử chúa
Trí huệ quang chiếu sáng
Như mặt trời chiếu khắp.**

Sau khi Phật vào Niết Bàn, Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, muốn được an ổn thì giải nói kinh này, nên thực hành thân an lạc hạnh, khẩu an lạc hạnh, ý an lạc hạnh, nguyện an lạc hạnh, bốn pháp. Người đọc tụng kinh này, thì thường chẳng có ưu não, chẳng có các bệnh khổ, cho nên người đó sắc mặt tươi sáng. Thấy người đó hồng quang đầy mặt, thì sẽ biết họ trí huệ sung mãn, cho nên hiện khí cát tường. Chẳng sinh nhà bần cùng, chẳng làm nô tì ti tiện, bị người sai khiến, còn tướng mạo thì tròn trịa, chúng sinh ưa thấy, như kính mộ hiền Thánh, cho đến các đồng tử trên trời cũng nghe bạn sai khiến. Đao gậy cũng chẳng hại được thân họ, độc dược cũng chẳng hại đặng. Nếu ai muốn mắng chưởi bạn, thì miệng người đó chẳng mở ra được. Du hành thì chẳng sợ hãi gì cả, như chúa loài sư tử. Trí huệ quang chiếu khắp pháp giới, như mặt trời chiếu soi.

**Nếu như ở trong mộng
Chỉ thấy những việc tốt
Thấy các đức Như Lai
Ngồi trên tòa sư tử.
Các đại chúng Tỳ Kheo
Vây quanh diễn nói pháp
Lại thấy các rồng thần
Và A tu la thấy.**

Nhiều như cát sông Hằng
Đều cung kính chấp tay
Tự thấy chính thân mình
Vì chúng sinh nói pháp.
Lại thấy các đức Phật
Thân tướng sắc vàng tía
Phóng vô lượng quang minh
Chiếu khắp hết tất cả.
Dùng phạm âm thanh tịnh
Diễn nói thầy các pháp
Phật lại vì bốn chúng
Nói diệu pháp vô lượng.
Thầy đều thấy thân mình
Chấp tay khen ngợi Phật
Nghe pháp đều hoan hỉ
Mà dùng để cúng dường.
Đắc được Đà la ni
Chúng được trí bất thối
Phật biết tâm người ấy
Vào sâu nói Phật đạo.
Tức là được thọ ký

**Thành Chánh đẳng chánh giác
Các ông thiện nam tử !
Sẽ ở đời vị lai.
Được vô lượng trí huệ
Được thành tựu Phật đạo
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn chẳng sánh được.
Cũng có đủ bốn chúng
Đều chấp tay nghe pháp
Lại thấy chính thân mình
Ở trong núi núi rừng.
Tu tập các pháp lành
Chúng được các thật tướng
Vào sâu nơi thiền định
Thấy chư Phật mười phương.**

Nếu ở trong giấc mộng, cũng thấy cảnh giới cát tường, thấy chư Phật ngồi trên tòa sư tử nói pháp. Lại thấy trời, rồng, Atu la, thủy tám bộ, nhiều như số cát sông Hằng đều cung kính chấp tay. Tự thấy thân mình vì tất cả chúng sinh nói pháp. Lại thấy chư Phật thân hiện màu vàng tía, phóng ra vô lượng quang minh chiếu khắp tất cả, dùng phạm âm thanh tịnh diễn nói các pháp. Âm

thanh của người nói pháp cũng rất quan trọng, phải thanh tịnh rõ ràng, đó là do quả báo thuở xưa tu vô thượng căn mà đắc được quả báo. Phật vì bốn chúng mà nói các pháp vô thượng. Người đều thấy thân mình chấp tay khen ngợi Phật nói pháp. Người nhiều căn lành thì đều nằm mộng như thế. Nghe pháp hoan hỉ để cúng dường Phật. Đắc được pháp môn tổng trì, tổng tất cả các pháp, trì vô lượng nghĩa, chúng được trí huệ bất thối. Phật biết tâm của người ấy vào sâu trong Phật đạo, tức là thọ ký thành Chánh đẳng chánh giác. Các ông thiện nam tử, ở trong đời vị lai sau này, sẽ được vô lượng trí huệ, được thành Phật đạo, cõi nước nghiêm tịnh, rộng lớn chẳng gì sánh bằng. Cũng có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng chấp tay để nghe pháp. Lại thấy thân mình ở trong núi rừng thanh vắng, tu tập thiền định chúng được cảnh giới thật tướng diệu hữu, tức là cảnh giới “Hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời”. Ở trong thiền định thấy mười phương chư Phật, nghe kinh nghe pháp.

**Chữ Phật thân sắc vàng
Tưởng trăm phước trang nghiêm
Nghe pháp vì người nói
Thưởng có mộng tốt đó.
Lại mộng làm Pháp vương
Bỏ cung điện quyền thuộc**

Và năm dục thượng diệu
Đi thẳng đến Đạo tràng.
Ở dưới cội bồ đề
Ngồi trên tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Đắc được trí chử Phật.
Thành vô thượng đạo rồi
Bèn chuyển bánh xe pháp
Vì bốn chúng nói pháp
Qua ngàn vạn ức kiếp.
Nói diệu pháp vô lậu
Độ vô lượng chúng sinh
Sau sẽ vào Niết Bàn
Như củi hết lửa tắt.
Nếu đời ác sau này
Nói pháp bậc nhất này
Người đó được lợi lớn
Như công đức ở trên.

Người đó ở trong mộng thấy Phật phóng kim quang, ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp vi diệu thanh tịnh trang nghiêm. Ở trước chử Phật nghe pháp và

vì người nói pháp, thường được những giấc mộng tốt như thế. Lại mộng thấy mình làm vua, xả bỏ tam cung lục viện thê thiếp; tài, sắc, danh, thực, thù, và sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đi đến Đạo tràng ngồi trên tòa sư tử dưới cội bồ đề, cầu đạo quá bảy ngày, thì được trí của chư Phật, thành vô thượng đạo. Tám tướng thành đạo, chuyển đại pháp luân, vì Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, bốn chúng mà nói pháp. Trong mộng qua ngàn vạn ức kiếp, nói diệu pháp vô lậu, độ vô lượng chúng sinh, sau sẽ vào Niết Bàn, như củi hết lửa tắt. Nếu trong đời ác tương lai, ai nói Kinh Pháp Hoa này, thì người đó sẽ được lợi ích rất lớn.

Hồi hưởng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống kinh điển bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, từ lợi lợi tha, từ độ độ tha, từ giác giác ta, tích tụ căn lành công đức, hồi hưởng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Lین hồi hưởng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thầy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Kệ hồi hướng công đức

*Nguyên đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đên bốn tìn nặng
Dưới cầu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Lạc Lạc.*

Những kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- *Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.*
- *Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.*
- *Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.*
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5.(trọn bộ)

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới đây sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp.



Phật bình đẳng nói pháp
Nhu nước mưa một vị
Tùy căn tánh chúng sinh
Tiếp thọ đều khác nhau.
Nhu các cỏ cây kia
Được đượm nhuần khác nhau
Phật dùng ví dụ này
Phương tiện mà khai thị.